



TƯ SÁCH TÁC GIẢ, TÁC PHẨM TRONG NHÀ TRƯỜNG

PHAN BỘI CHÂU

TÁC PHẨM CHỌN LỌC



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÙ SÁCH TÁC GIẢ, TÁC PHẨM TRONG NHÀ TRƯỜNG

PHAN BỘI CHÂU
TÁC PHẨM CHỌN LỌC

TRẦN HẢI YẾN

Giới thiệu và tuyển chọn

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội –
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

90 – 2009/CXB/87 – 82/GD

Mã số: 8V710H9 - CPH

LỜI GIỚI THIỆU

Trong những năm vừa qua, Viện Văn học và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã phối hợp tổ chức biên soạn và cho ra mắt bạn đọc bộ sách Về tác gia và tác phẩm giới thiệu 40 nhà văn tiêu biểu của văn học Việt Nam đồng thời cũng là những tác gia quan trọng được dạy học trong trường phổ thông : Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Nam Cao, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, v.v. Qua bài Tổng quan và phần tuyển chọn những công trình nghiên cứu, những tư liệu được sưu tầm công phu,... bộ sách tạo điều kiện thuận lợi cho việc khái quát vị trí lịch sử, xác định đóng góp của mỗi tác giả trong tiến trình văn học dân tộc, gợi mở những khả năng, những cách thức tiếp cận đối với sáng tác của họ.

Từ khi bộ sách Về tác gia và tác phẩm được xuất bản, dư luận bạn đọc, đặc biệt là những người trực tiếp học tập, nghiên cứu ở trong nhà trường, các viện nghiên cứu hết sức hoan nghênh và đánh giá cao. Nhận thấy nhu cầu của độc giả, từ năm 2008, Viện Văn học và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tiếp tục phối hợp biên soạn – xuất bản Tủ sách tác giả, tác phẩm trong nhà trường nhằm tuyển chọn tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ để không chỉ đáp ứng nhu cầu tra cứu, tham khảo văn bản mà còn đáp ứng nhu cầu tiếp xúc trực tiếp với tác phẩm nghệ thuật trong quá trình giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh.

Trong một thời gian không xa, khi việc biên soạn – xuất bản bộ sách hoàn tất, bạn đọc sẽ có dịp ghi nhận thành quả trọn vẹn và nhiều ý nghĩa của kế hoạch hợp tác giữa Viện Văn học và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Phan Bội Châu – Tác phẩm chọn lọc thuộc Tủ sách tác giả, tác phẩm trong nhà trường do Trần Hải Yến giới thiệu và tuyển chọn. Sách giới thiệu các sáng tác tiêu biểu của Phan Bội Châu thuộc các thể loại : thơ, văn xuôi và kịch từ lúc ông bắt đầu sự nghiệp văn học cho đến khi trở thành "Ông già Bến Ngự" ở Huế vào lúc cuối đời.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2008

Viện trưởng Viện Văn học

PGS. TS. PHAN TRỌNG THƯỜNG

PHAN BỘI CHÂU

(1867 - 1940)

Phan Bội Châu có tên khai sinh là Phan Văn San. Ông ra đời ngày 26 - 12 - 1867 tại làng Đan Nhiệm, nay thuộc thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Theo truyền tụng, Phan Bội Châu được vỡ lòng sách vở thánh hiền khá sớm, nhờ người mẹ biết chữ. Lên 6 tuổi, Phan theo cha – một thầy đồ dạy chữ Hán trong vùng – học chữ và kinh sách. 8 tuổi đã thông thạo các loại văn chương cử tử. Từ tuổi thập tam (13 tuổi) Phan nhiều lần dự khảo hạch trong xứ và đều đứng đầu, nhưng đến tuần thập tam (30 tuổi) vẫn lận đận chuyện khoa danh, bởi một án oan. Mãi ba năm sau, năm 1900, Phan mới được đi thi và đậu Giải nguyên xứ Nghệ.

Năm 1883, kinh đô Huế thất thủ, Phan Bội Châu vừa 17 tuổi đã cùng thân hữu lập đội Cần vương, hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi. Song những "trò ái quốc trẻ con" này sớm tự phải giải tán. Trong khoảng 10 năm trời tiếp đó, Phan đọc binh thư, tìm hiểu phong trào văn thân chống thực dân Pháp khắp vùng Bắc Kỳ, Trung Kỳ, tìm kiếm bạn đồng tâm và con đường mới cứu nước cứu nhà. Năm 1904, Phan cùng Nguyễn Hàm tôn Cường Để làm minh chủ, thành lập tân đảng với tên gọi Duy tân hội. Năm 1905, theo chương trình hành động của đảng cách mạng, Phan Bội Châu tìm đường sang Nhật cầu viện, phát động phong trào Đông du, kêu gọi

và tổ chức đưa thanh niên sang Nhật học hỏi. Năm 1908, khi chính quyền quân phiệt Nhật Bản chịu sức ép của thực dân Pháp, giải tán phong trào Đông du, Phan Bội Châu đành về Trung Quốc. Năm 1912, cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) của Trung Quốc thành công đã khiến Phan Bội Châu quyết định lập Việt Nam quang phục hội (sau được cải tổ thành Việt Nam Quốc dân đảng). Khoảng thời gian 1914 - 1917, Phan Bội Châu bị chính quyền quân phiệt Trung Quốc bắt giam. Ra tù, ông về sống tại Hàng Châu, viết báo cho các tờ *Đông Á tân văn*, *Bình sự tạp chí*,... kiếm sống, chờ thời cơ vực lại tổ chức và phong trào cách mạng. Nhưng việc chưa thành thì ngày 3 - 6 - 1925, Phan Bội Châu lại bị mật thám Pháp bắt tại Thượng Hải, đưa về xử tại tòa để hình Hà Nội. Mưu khếp ông vào án tử hình của nhà cầm quyền Pháp gặp phải sự phản đối mãnh liệt của các tầng lớp dân chúng cả nước, thay vì tội chết, Phan Bội Châu được tuyên bố tha bổng, nhưng phải về an trí tại Huế. Ngày 29 - 10 - 1940, "Ông già Bến Ngự" trút hơi thở cuối cùng bên dòng sông Hương, khép lại một sự nghiệp vĩ đại nhưng bị thương của nhà yêu nước, nhà cách mạng, nhà văn tiêu biểu nhất cho Việt Nam đầu thế kỷ XX.

ĐƯỜNG VĂN CỦA NHÀ CÁCH MẠNG PHAN BỘI CHÂU

1. Sinh ra tại một vùng quê nghèo, nhưng "Hóa công" đường như muốn bù đắp đã phú cho Phan Văn San bẩm tính thông minh, lại nhờ cha làm nghề dạy học, mẹ cũng có chữ nghĩa nên từ nhỏ cậu bé San đã được làm quen với kinh sách, 6 tuổi bắt đầu học chữ Hán, đến 13 tuổi đã thành thạo các thể văn cử tử, là loại văn trường ốc, đồng thời cũng sớm bộc lộ một trí óc tự tín, độc lập, và mạnh mẽ. Học xong *Luận ngữ* – sách của bậc thánh hiền – ông phóng tác ngay *Phan tiên sinh luận ngữ* (Luận ngữ của tiên sinh họ Phan). Tài năng như vậy, nhưng Phan Bội Châu lại lận đận nơi trường ốc : năm 30 tuổi (khoa thi Đinh Dậu, 1897), gặp phải án "hoài hiệp văn tự" (mang theo sách vở vào trường thi), tuy là một án oan, nhưng theo đúng lệ luật bấy giờ, Phan vẫn phải "chung thân bất đắc ứng thí" (suốt đời không được đi thi). Mãi đến năm 1900, nhờ bạn bè vận động, ông được xóa án, mới đi thi và đậu Giải nguyên trường Nghệ. Đây cũng là lúc ông đổi tên từ Phan Văn San thành Phan Bội Châu.

Quê hương Phan – làng Đan Nhiệm – là một vùng quê có truyền thống yêu nước, chống giặc. Những năm tháng chào đời và trẻ thơ, sống trong không khí sôi sục của phong trào chống thực dân Pháp, Phan cũng học làm "trò yêu nước trẻ con" : cùng bạn bè chơi trò "bình Tây" (đẹp giặc Tây), rồi viết hịch *Bình Tây thu Bắc*.

(đẹp giấc Tây thu lại đất Bắc). Năm 1883, khi phong trào Cần vương nổ ra, chàng thanh niên 19 tuổi lại cùng thân hữu lập đội Cần vương. Tuy tràn trề nhiệt khí chống xâm lăng, nhưng phải đợi đến khi thân phụ qua đời, làm tròn bốn phận của người con hiếu, Phan Bội Châu mới toàn tâm huyết cho sự nghiệp ái quốc.

Tính từ hoạt động cách mạng đầu tiên của Phan Bội Châu là vận động thành lập hội Duy tân (năm 1904) đến khi bị bắt (năm 1925), hơn 20 năm đi về không mệt mỏi : Việt Nam, Nhật Bản, Thái Lan, Trung Quốc ; phát động phong trào Đông du : đưa thanh niên sang Nhật Bản học ; lập Việt Nam Quang phục hội, rồi cải tổ tổ chức này thành Việt Nam Quốc dân đảng – những hoạt động và tổ chức yêu nước mang linh hồn khát vọng của cả dân tộc lúc bấy giờ : đoàn kết mọi lực lượng, đánh đuổi ngoại xâm, xây dựng một nước Việt Nam mới,... Và chỉ đến khi nhà cầm quyền Pháp buộc ông phải an trí tại Huế, Bến Ngự, sông Hương mới thành nơi kiềm giữ vĩnh viễn bước chân nhà cách mạng hùng tâm tráng trí một thời.

2. Những biến động của lịch sử thế giới, đặc biệt là vùng Đông Á, với sự nổi lên của đế quốc Nhật Bản, đã tác động rất mạnh đến tư tưởng và phương thức hoạt động cách mạng của Phan Bội Châu. Suốt quá trình cách mạng, chủ trương đường lối của Phan Bội Châu đã nhiều lần thay đổi, song về căn bản tư tưởng yêu nước của ông vẫn theo kiểu nhà nho và đậm chất dân tộc chủ nghĩa. Sẵn tinh thần yêu nước nhiệt thành của những hoạt động dấy nghĩa đuổi giặc thời trẻ, Phan Bội Châu trở thành nhà ái quốc với việc cổ động tinh thần yêu nước, tập hợp quần chúng, tổ chức hội, đoàn, vận động ngoại giao,... theo phương thức của các chính trị gia phương Tây. Đây là một bước chuyển mới, do thời đại mang lại. Nhưng khi "cánh chim bằng... bị tể mất", tháng ngày trôi đi trong

"ba gian trăng gió trên bờ sông Hương" (chữ dùng của Trần Văn Giàu) nhà chính trị Phan Bội Châu lại trở về đúng căn rễ của mình là một nhà nho và vẫn tràn đầy ngọn lửa ái quốc.

Song song với quá trình hoạt động cách mạng ấy là chặng đường cầm bút viết văn. Nói cho đúng, bản thân Phan Bội Châu không nuôi giấc mộng làm thi nhân, tiểu thuyết gia..., trái lại từ thời trai trẻ ông đã lấy câu nói người xưa làm điều tâm đắc : "Lập thân tối hạ thị văn chương". Nhưng chính sở học Nho giáo, thiên bẩm chữ nghĩa và công cuộc vận động cách mạng đã đưa đẩy Phan cầm ngọn bút và trở thành cây bút tuyên truyền cổ động lớn nhất những năm đầu thế kỷ XX, như nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định. Giáo sư Trần Văn Giàu cho rằng : "Thơ văn Phan Bội Châu trước hết là thơ văn yêu nước, nhằm xây dựng tư tưởng yêu nước, xây dựng tinh thần chiến đấu chống xâm lăng". Dưới tiêu đề "Nhà nho yêu nước thành nhà chính trị, nhà văn"⁽¹⁾, tác giả Trần Đình Hượu, một trong những chuyên gia hàng đầu về tư tưởng Nho giáo ở Việt Nam, đã phân tích cặn kẽ sự nghiệp văn chương này.

Nhìn từ nội dung, văn chương của Phan Bội Châu áp sát và phản chiếu trọn vẹn cuộc đời chính trị cũng như những diễn biến tư tưởng của ông và tư tưởng của thời đại bấy giờ. Ba chặng đường đời của Phan Bội Châu thường được phân chia cũng trên cơ sở những ngã rẽ chính trị của ông ; và giai đoạn thứ hai, khi Phan bốn ba hải ngoại, là giai đoạn "đắc ý" nhất trong sự nghiệp chính trị

(1) Tiểu mục này, cùng với "Người hào kiệt tự nhiệm và cái hùng tráng trong văn chương cử tử", "Ngôi sao dẫn đường cứu nước và đoàn kết dân tộc", "Nhà văn viết về người anh hùng cứu quốc" tạo thành một mục riêng "Phan Bội Châu" trong giáo trình *Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời (1900 - 1930)*, trích in lại trong *Trần Đình Hượu tuyển tập*, tập 2, NXB Giáo dục, 2007.

của ông cũng là thời kỳ ông có nhiều thơ văn tuyên truyền thành công cả về nội dung lẫn nghệ thuật.

Giai đoạn thứ nhất (trước khi xuất dương) chịu ảnh hưởng của các sự kiện trong nước : Pháp đánh Bắc Kỳ (1882), kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương (1885)..., và những đợt sóng tinh thần mới từ bên ngoài dội vào, chàng trai họ Phan viết hịch *Bình Tây thu Bắc*, phú *Bái thạch vi huynh*, sáng tác nhiều thơ ca, cả chữ Hán và Nôm, mạnh mẽ tư tưởng canh tân, như : *Chơi xuân*, *Khuyến chống xuất dương du học* (2 bài), *Kể chuyện năm châu*... Đường hướng cứu nước và tư thế của một lãnh tụ cách mạng chưa bộc lộ rõ ở những trang văn thơ thời kỳ này, nhưng cái hào sảng của đấng nam nhi chí khí :

*Ngã vị dăng sơn thì,
Chúng sơn dữ ngã tề.
Ngã ký dăng sơn thì,
Ngã thị chúng sơn đề.*

(Ta chưa lên đỉnh núi kia,
Núi non bao bọc tứ bề ngang vai.
Ta lên trên đỉnh kia rồi,
Non xanh trăm ngọn ngó xuôi lè tè)

(*Du Đại Huệ sơn cảm chiêm – Cảm xúc khi chơi núi Đại Huệ*)

hay tâm thế xông pha để làm nên đại nghiệp, tâm trạng bức bối mong cứu vong cứu tồn cho quốc gia... thì rất rõ ràng :

*Nay có kẻ : dọc ngang vũ trụ, chế nhạo hồng trần.
Rửa bụng bằng tám chén đấm Vân Mộng, làm nhà
dưới muôn vạn hác từng quân.*

(*Bái thạch vi huynh phú*)

Hay :

– Đạp toang hai cánh càn khôn,
Đem xuân về lại trong non nước nhà!
Hai vai gánh vác sơn hà

(Chơi xuân)

– Làm trai phải lạ ở trên đời,
Há để càn khôn tự chuyển dời
Trong khoảng trăm năm cần có tớ,
Sau này muôn thuở há không ai ?
Non sông đã mất, sống thêm nhục,
Hiền thánh còn đâu, học cũng hoài.
Muốn vượt bể Đông theo cánh gió,
Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.

(Xuất dương lâu biệt, bản dịch của TÔN QUANG PHIỆT)

Giai đoạn hai (từ 1905 đến 1925) trên con đường bốn ba hải ngoại, nhà cách mạng Phan Bội Châu, thường lấy bút danh Sào Nam Tử, Thị Hán,... liên tục viết những : *Việt Nam vong quốc sử*, *Hải ngoại huyết thư*, *Tân Việt Nam*, *Sùng bái giai nhân*, *Việt Nam quốc sử khảo*, *Hà Thành liệt truyện*, *Việt Nam vong quốc thảm*, *Ái quốc*, *Ái chủng*, *Ái quân*, *Tướng Trưng Nữ vương*, *Trùng Quang tâm sử*, *Không trung duyên*, *Chân tướng quân*, *Tước thái thiên sư*, *Tái sinh sinh*, *Vua lợn*, *Việt Nam nghĩa liệt sử*, *"Pháp Việt để huê"* chính kiến thư, *Thiên hồ! Đế hồ!*, *Truyện Phạm Hồng Thái*, *Ngục trung thư*, *Dư ngu sám*, *Phan Bội Châu niên biểu*,... Đây chính là giai đoạn quan trọng nhất trong sự nghiệp chính trị và sự nghiệp văn chương của Phan Bội Châu. Khung cảnh viết có thể là Nhật

Bán, Trung Hoa, Thái Lan, Việt Nam, có khi trên đường vạn dặm tìm kiếm đồng minh, vận động đồng chí thành lập chính đảng, gây dựng phong trào, hoặc hô hào quần chúng kiên gan với sự nghiệp, và không ít lần bên trong cánh cửa ngục tù. Toàn bộ sáng tác ra đời ở giai đoạn này đều có một tiêu đích chung là khơi dậy lòng ái quốc, "kêu gọi đồng bào thức tỉnh, đoàn kết, lấy giọt máu nóng làm vị thuốc đầu thang để chữa "bệnh chết lòng"⁽¹⁾, và tuyên truyền cho đường lối cứu nước.

Giai đoạn ba (từ 1925 đến 1940) bị sự kiểm tỏa gắt gao của chính quyền Pháp, cắt đứt hoàn toàn với các phong trào ái quốc, cách mạng cả trong và ngoài nước, bên cạnh nhiều thơ văn kêu gọi đồng bào, Phan Bội Châu chuyển sang bộc bạch tâm sự buồn, ký thác cho hậu bối bằng thơ ca, văn tế, phú, câu đối,... Đặc biệt, Phan còn viết khá nhiều thơ văn, truyện ký bằng chữ quốc ngữ, bên cạnh một số bình giải triết học bằng chữ Hán. Tiêu biểu cho thời kỳ này có thể kể : *Xã hội chủ nghĩa, Nhân sinh triết học, Nam quốc dân tu tri, Nữ quốc dân tu tri, Việt Nam quốc sử bình diện ca, Chu Dịch quốc văn diễn giải, Khổng học đăng*,... và loạt truyện ngắn, thơ viết bằng chữ quốc ngữ trên báo chí (chủ yếu là tờ *Tiếng dân* do Huỳnh Thúc Kháng chủ trì). "Tất cả sáng tác của Phan Bội Châu giai đoạn 1925 - 1940, nhất là từ 1930 về sau, là tiếng nói của người chí sĩ cô độc, tuy vẫn giữ lòng yêu nước sắt son nhưng nội dung không hợp với phong trào thực tế. Trong thơ giai đoạn sau bộc lộ âm hưởng bi thảm, thất vọng, khác hẳn thơ văn Phan Bội Châu trước đây... Khi bị giam lỏng ở Huế, Phan Bội Châu viết

(1) Trần Văn Giàu, *Phan Bội Châu – Nhà cách mạng dân tộc, nhà văn yêu nước, nhà tư tưởng dân chủ lớn nhất Việt Nam đầu thế kỷ hai mươi* – Lời giới thiệu *Phan Bội Châu toàn tập*, NXB Thuận Hóa, Huế, 1990.

hiều thơ, phú, văn tế, truyện ngắn đăng báo. Trong suy nghĩ của ông những cái ông viết đều nhằm thức tỉnh nhân dân, nhưng ông hoạt động đã không gắn với một tổ chức nào..."⁽¹⁾.

Nhìn lại sự nghiệp văn chương của Phan Bội Châu từ khung hình toàn cầu về các nhà văn giàu ý hướng xã hội, Cao Xuân Huy đã có một nhận xét xác đáng rằng : "Thời đại ngày nay thường sản sinh ra những bậc đại thi bá văn hào lỗi lạc, để mà hô hoán quần chúng, hiệu triệu quốc dân, tức như trường hợp Gabrièle d'Annunzio⁽²⁾ vậy. Những nhà thi văn này có một cái tâm lý đặc biệt. Cái tình cảm của họ không bị thường tình lay động, nó chỉ lay động bởi những mối hỷ, nộ, ái, lạc chung của toàn thể. Cái thân của họ quán thu cả nguyện vọng của quốc dân để truyền đạo ra ngoài, cho nên họ cảm về cá nhân rất ít, mà cảm về việc đoàn thể rất nhiều. Ai đã đọc những bài thơ của Victor Hugo mặt sát cái chính sách của Napoléon III, hoặc bệnh vực cho dân Grèce (Hy Lạp – T.H.Y.) bị nước Turquie (Thổ Nhĩ Kỳ – T.H.Y.) áp bách, thì cũng biết những bậc thi văn thuộc về dòng chính trị xã hội, hoặc quốc gia là gì rồi. Phan Sào Nam chính là một nhà thi văn về dòng này"⁽³⁾.

3. Nếu trên trường chính trị Phan Bội Châu là một chính khách, nhà tuyên truyền không một mảy mòi thì trọn nẻo văn chương ông cũng

(1) Trần Đình Hượu, mục "Phan Bội Châu", trong sách *Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời (1900 - 1930)*. NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, H., 1988.

(2) Gabrien Anundiô (Gabrièle d' Annunzio – 1863 - 1938) : nhà văn Italia, sáng tác đủ các thể loại : thơ, tiểu thuyết, kịch. Các tác phẩm chính : *Lửa* (1899), *Thành phố chết* (1898), *Niềm khoái lạc* (1889)...

(3) Cao Xuân Huy, *Phê văn chương Phan Sào Nam*, *Văn học tuần san*, số 3, ngày 1-3-1935. Trích theo *Phan Bội Châu – Về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, 2007.

là ngọn bút xông pha bền bỉ. Nhưng "dù làm thơ, viết tuồng hay viết tiểu thuyết, có đến hàng ngàn tác phẩm, Phan Bội Châu cũng chỉ coi "đáng kể" những cái gì đã góp phần vào mục đích thức tỉnh đồng bào đang mê ngủ"⁽¹⁾.

Thực tế này xuất phát từ quan niệm cầm bút của Phan Bội Châu. Như đã nói ở trên, Phan không sáng tác văn chương như một nghiệp dĩ. Do điều kiện đặc biệt, khi bốn ba hải ngoại, lúc bị rình rập, kiểm soát ngặt nghèo, ông cũng gần như không có thơ văn thù tạc, giao đãi cùng văn hữu, lại càng không viết văn theo lối nghệ sĩ mà ta hiểu ngày nay. Có những giai đoạn tác giả Phan Bội Châu đã mấp mé thỏa mãn những đòi hỏi của loại văn chương mới, là báo chí. Đó là khi ông, vì mưu sinh, phải viết truyện, ký, tiểu thuyết cho một vài tờ báo Trung Quốc những năm 20 của thế kỷ XX, và khoảng thời gian làm "Ông già Bến Ngự" viết thơ văn truyện bằng chữ quốc ngữ cho báo *Tiếng dân* trước khi qua đời : "Tác phẩm của ông (thời kỳ 1930 - 1940, T.H.Y.) rõ ràng hướng dẫn đến viết theo yêu cầu của cái đẹp nghệ thuật..." nhưng "Quan niệm văn học của ông vẫn là quan niệm chịu ảnh hưởng Nho giáo"⁽²⁾. Phan viết văn thơ như một hoạt động cách mạng và tâm thế này được hỗ trợ tích cực và hữu ích của quan niệm Nho giáo về văn chương : văn thơ là cỗ xe chở đạo, nói chí (thi dĩ ngôn chí, văn dĩ tải đạo) ; nói khác đi, kinh sách thánh hiền và toàn bộ sở học đã ngấm vào tâm tưởng Phan Bội Châu từ ngày thơ bé cái ý niệm : văn học là "giáo huấn, ký ngụ, truyền đạt chứ không mô tả, phản ánh ; có ích chứ không phải đẹp"⁽³⁾, và ý niệm này không thay đổi cho đến ngày ông rời ngọn bút.

(1), (2), (3) Trần Đình Hượu, *Phan Bội Châu*, trong *Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời (1900 - 1930)*.

Tuy nhiên, chính không khí thời đại – những tác nhân ngoại lai, và đối tượng hướng tới của thơ văn Phan Bội Châu đã tạo nên những cái mới trong sáng tác của ông. Tư tưởng canh tân, mục đích tuyên truyền và quần chúng – đa phần thất học cần thức tỉnh – đã khiến Phan tìm đến những hình thức văn chương nghệ thuật dân dã (ca, hò, vè, hát dặm, hát ví...), hoặc dân dã hóa, dân chủ hóa những thể loại vốn xa lạ, cách biệt với công chúng bình dân (ca trù, tuồng, liệt truyện, tiểu thuyết chương hồi,...). Chính cái âm hưởng mới mẻ đã tạo nên vô vàn áng văn thơ tươi khỏe, dù thể thức vẫn chủ yếu là truyền thống, với hai loại văn tự chính : Hán và Nôm. Về hình thức văn chương, đúng như nhận định của Đặng Thai Mai : "Có lẽ từ xưa đến nay trong văn học Việt Nam chưa có nhà văn nào đã chịu khó và có gan đem ngòi bút ra thử thách trên nhiều loại văn khác nhau như Sào Nam". Phan Bội Châu viết khá điêu luyện loại văn chương cử tử (chủ yếu là thơ, phú). Lúc phong trào bị đàn áp, phải chờ thời, ông sáng tác truyện ngắn đăng báo, viết tiểu thuyết, soạn tuồng,... vừa để kiếm sống vừa nhằm giữ vững ý chí giành độc lập cho đồng chí, đồng bào. Cuối đời, khi vận mệnh lịch sử đã hết, ông chuyển sang viết hồi ký, khảo luận bằng chữ Hán, hoặc thơ ca và truyện ngắn bằng chữ quốc ngữ. Khoảng giữa – khi thành lãnh tụ chính đảng, cũng là giai đoạn sáng tác của Phan Bội Châu có nhiều phá cách nhất – ông viết lời kêu gọi, chính luận, sách biên khảo "một công việc có ý nghĩa mới về chất lượng, không bình thường theo quan niệm làm văn của nhà nho"⁽¹⁾. *Việt Nam nghĩa liệt sử* và *Trùng Quang tâm sử* có thể coi là những minh chứng khác nữa. Với hai tác phẩm này, Phan Bội Châu đã lồng vào hình thức truyền thống của thể loại liệt truyện và tiểu thuyết lịch sử những quan niệm mới

(1) *Tuyển tập Trần Đình Hượu*, Sđd, tr.564.

mé về người phụ nữ, đám đông quần chúng, nhân vật anh hùng, ý tưởng về một xã hội bình đẳng dân chủ, phần nào phá vỡ khuôn định vốn có của những thể loại này, đẩy chúng lại gần hơn cách viết hiện đại, quan niệm về con người hiện đại. Thế nhưng căn rễ bén sâu trong Nho giáo đã không cho Phan Bội Châu trở thành một cây bút hiện đại. Cũng như tất cả các nhà nho viết văn thơ tuyên truyền thời kỳ này, Phan Bội Châu đã tạo nên một bước chuyển theo hướng hiện đại của nhà nho và văn chương nho gia, nhưng "chiếc vòng kim cô" Nho giáo níu ông và cả thế hệ ông trước thế giới hiện đại : "Ông vẫn làm văn theo quan niệm văn học, tư tưởng nghệ thuật của nho gia. Ông vẫn gắn văn chương với đạo lý làm người, vẫn quan niệm dùng sử để treo gương, giáo dục. Văn chương của ông vẫn mang tính giáo huấn chứ chưa phải là trình bày, mô tả, phản ánh. Cái khác trước là ông đã nâng lòng yêu nước, nghĩa đồng chủng đồng bào, tinh thần đoàn kết dân tộc thành một đạo lý làm người thay cho trung hiếu..."⁽¹⁾.

Hạn chế mang tính thời đại nói trên như một thiết định lịch sử dành cho gần như tất cả mọi hiện tượng, con người, trong đó có Phan Bội Châu. Để vượt qua được những chế định lịch sử như thế phải có những xung lực hoàn toàn mới – đấy là những đòi hỏi vượt quá vận mệnh của giai tầng nho gia Việt Nam bấy giờ. Phan Bội Châu, với tấm lòng ái quốc nhiệt thành và mãnh liệt đã tự nhiệm một trọng trách lịch sử ngoài phận vị của mình là làm cách mạng xã hội và cách mạng văn chương, dù cuộc cách mạng sau được tự nhiệm một cách không ý thức. Và tinh thần ấy đã bùng lên, lan tỏa thành cả một trào lưu cách mạng và văn chương yêu nước cách mạng kéo dài gần 30 năm đầu thế kỷ XX : "Phan không phải không ý thức được tài năng văn chương của mình nhưng tác động

(1) *Tuyển tập Trần Đình Huân*, Sdd, tr.564.

của tài năng ấy lớn hơn ông nghĩ"⁽¹⁾. Sự thành bại rồi sẽ trở thành những bài học, song vị trí và tầm vóc của ông được lịch sử trang trọng ghi nhận chính là bởi tinh thần cách mạng tự nhiệm đó : "Hiện đại hóa là một phong trào rộng lớn xuất hiện ở nhiều nước trong khu vực Nam Á, Đông Nam Á. Ở nước ta, nó sôi nổi ở đầu thế kỷ này (thế kỷ XX). Nó là một phong trào cách mạng toàn diện, trong đó có văn học nhằm biến chuyển nền văn học trung đại sang nền văn học hiện đại. Căn cứ vào tính chất cơ bản của nó trong hoàn cảnh đất nước ta với những điều kiện xã hội chính trị cụ thể, có thể coi nó là biến đổi theo hướng thế giới hóa, dân tộc hóa và dân chủ hóa. Phan Bội Châu là một vị đi đầu trong phong trào"⁽²⁾. Tất cả những lý do trên lý giải vì sao mọi nhận định về ông luôn khẳng định : "Phan Bội Châu là một chính khách nổi tiếng, một nhà văn lớn, đồng thời cũng là một nhà tư tưởng lỗi lạc nhất nước ta trong vài chục năm đầu thế kỷ" (Trần Văn Giàu).

4. Phần tuyển chọn văn bản dưới đây, chúng tôi dựa chủ yếu vào bộ *Phan Bội Châu toàn tập* (10 tập)⁽³⁾, có tham khảo các bộ tuyển tập hoặc hợp tuyển khác. Về tiêu chí lựa chọn, như đã nói ở trên, trước tác của Phan Bội Châu vừa đồ sộ về số lượng vừa phong phú về thể và loại ; trong khi đối tượng phục vụ của loại sách này là học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên chuyên ngành văn học, vì thế chúng tôi ưu tiên tuyển chọn những tác phẩm giàu tính văn chương thẩm mỹ, đồng thời có chú ý đến những tác phẩm có giá

(1) Vĩnh Sinh và Nicholas Wickenden – "Dẫn nhập" cho bản dịch tiếng Anh *Overtured Chariot : The Autobiography of Phan-Bội-Châu* (*Phan Bội Châu niên biểu*). University of Hawaii Press, 1999.

(2) Lê Trí Viễn, *Phan Bội Châu trong hiện đại hóa văn học dân tộc*, trong *Phan Bội Châu – Về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, H., 2007.

(3) Chương Thâu sưu tầm và biên soạn, NXB Thuận Hóa – Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây xuất bản, H., 2000.

trị tiêu biểu cho từng thời kỳ tư tưởng của Phan Bội Châu. Vì lẽ đó bạn đọc có thể thấy một số những công trình rất có ý nghĩa về tư tưởng, hoặc có giá trị lịch sử, hoặc mang tính học thuật khá đặc biệt, chẳng hạn : *Xã hội chủ nghĩa*, *Nhân sinh triết học*, *Việt Nam quốc sử bình diện ca*, *Khổng học đăng*, *Phật học đăng*, nhưng vẫn nằm ngoài tuyển tập này.

Với độc giả hiện đại, việc thẩm định giá trị của văn chương cổ xưa luôn là một thách thức không dễ vượt qua. Sự cách biệt chủ yếu là ở những quan niệm văn chương, quan niệm về cái đẹp ít có điểm gặp gỡ. Với thơ văn Phan Bội Châu, hay bộ phận thơ ca mang nội dung tuyên truyền, khó khăn đó càng chồng chất. Bởi chất cá thể và sự trau chuốt nghệ thuật ở những sáng tác này ít có cơ hội được chú trọng. Mặt khác, kiệt tác văn chương nghệ thuật ít khi là quả chín tứ thời, trong khi mùa vụ thì cứ đắp đổi liên mùa, liên năm. Trong dòng chảy của lịch sử văn chương, có những hiện tượng, những tác giả, hoặc tác phẩm trở nên giá trị không phải vì chúng là kiệt tác mà bởi chúng đại diện xuất sắc cho hiện thực phát triển của thời đại ấy. Việc tiếp cận dạng thức văn chương này đòi hỏi, bên cạnh cảm thức văn chương, là những tri nhận về tư tưởng thời đại và không gian tinh thần đã tạo tác ra nó. Phan Bội Châu là một hiện tượng, một tác giả như vậy. Hiểu biết về tư tưởng Nho giáo trong văn chương, về quan niệm mỹ học của văn chương trung đại, và đặc thù xã hội Đông Á khi tiếp xúc với phương Tây,... sẽ là những hỗ trợ vô cùng cần thiết để người đọc nhìn ra và thấu hiểu các giá trị hàm chứa trong văn chương của Phan Bội Châu nói riêng và dòng văn chương yêu nước những năm đầu thế kỷ XX nói chung.

TRẦN HẢI YẾN

I – THƠ, VĂN VÂN

BÁI THẠCH VI HUYNH⁽¹⁾ PHÚ

(Dĩ "Thạch bất năng ngôn tín khả nhân"⁽²⁾ vi vân)

Phiên âm :

Nguyệt lạc Thương Giang ; vân đôi Hoàng Thạch

Liềm khước trần dung ; túc thử biệt khách.

Tương tăng lãng chi ngạo cốt, chỉ ung trường ngã thập niên ;

Áp lỗi lạc chi kỳ tư, liêu phục nhượng quân bán tịch.

Diệc dĩ : Thạch chi vi vật ; nguy nguy ngật ngật

Thái thượng nhân chi vong tình ; đại trượng phu chi bất khuất.

Kinh thiên tác trụ, tiêu vân cổ chi cương thường ;

(1) *Bái thạch vi huynh* : Theo *Lương Khê nam chí*, Mễ Phái tức Mễ Nguyên Chương làm Thái thú đất Nhu Tu, nghe thấy có hòn đá lạ ở đất Hà Nhu, sai lính khiêng về nhà làm của quý. Nhưng sau nhìn đá thấy kính nể, lay đá nói : "Ta thấy Thạch huynh đã hai mươi năm rồi, bây giờ xin gọi Thạch huynh bằng anh ruột".

(2) *Thạch bất năng ngôn tín khả nhân* : Theo sách *Tả truyện* của Trung Hoa, nước Tấn có một tảng đá ở đất Ngụy Du biết nói. Vua Tấn hỏi Sư Khoáng : Vì sao đá lại biết nói ? Sư Khoáng đáp : Đá vốn chẳng biết nói, song vua hoang dâm vô độ xa xỉ cùng cực, làm khổ dân, thì đá cũng phải lên tiếng!

Trịch địa thành danh, hương lương gian chi văn bút.
Kiến chỉ, cấu chỉ, huynh giả phỉ tha ;
Kính chi ái chi, bái hồ cảm bất.
Thời hoặc : tình lam phóng ; viễn trục đăng.
Nhạn sa tiếp ; thần hốt ngưng.
Nham yêu tùng nhi tiệm khẩn ; sơn kiên túng nhi vi lãng.
Trịch thượng thanh trung, hưởng minh tuyên chi vạn điệp ;
Chính y lập xứ, phi túc chương chi thiên tăng.
Thí hoán kha kha, định điểm đầu dĩ tương hứa ;
Phi hiêm lục lục ; khởi chiết yêu nhi bất năng.
Phùng quân bán diện ; thính ngã nhất ngôn.
Nhất xang khối lỗi ; song nhân càn khôn.
Tùng chi biên hê hạc tử ; cốc chi biên hê lan tôn.
Duy quân dã sương vi mao, ngọc vi tùy ;
Duy ngã dã tuyết vi phách, băng vi hôn.
Ngã nguyện tố đệ ; huynh đương thị còn.
Thỉnh xai bá thị chi cư, ngũ bách niên tiền hà xứ ;
Hợp tự trường quân chi xỉ, thập nhị hội nhi vi nguyên.
Tự ngoạn tự si ; diệc hào diệc tuấn.
Cố miện tương lân ; ngang tàng tự tín.
Nhược can niên bất khuất tất, khởi ung vũ vũ lương lương.
Kiến tân nguyệt tiện hạ giai, tương đối truân truân lạn lạn.
Ninh hàm cúc bái, vân biên chi bực bực kỷ hồi ;
Khởi nhĩ nan huynh, bích lập chi nham nham vạn nhận.
Vãn tự huê quy ; bán song bồi toạ.
Đồng hải thổ thôn ; Bồng Lai hữu tả.

Thác tân hoa chi ngũ sắc, khả nhân khả nhân.
Uẩn mỹ phác chi liên thành, loại ngā loại ngā.
Toại linh : vong hình hài ; duyệt u nhā.
Lạc hữu hiền huynh ; diệc viết báỉ khả.
Vị thừa nguyệt nhi cứ hổ báo, Xích Bích thuyền đầu ;
Thả lâm phong nhi ấp thần tiên, Cốc Thành sơn hạ.
Nại hữu : khâm thương vũ ; ngạo hồng trần.
Đăng hung tác bát cửu Vân Mộng ;
Kết lư ư vạn hác tùng quân.
Hỷ Mễ huynh chi vị lão, chiêu thạch tính dĩ vi lân.
Tam sinh diễn hải chi tư, vị vong tương bá ;
Nhất phiến bổ thiên chi lực, hựu thị phùng quân.
Đệ tương : túc y quan nhi chỉnh báỉ ; kỳ tứ hải dĩ vi xuân.
(Bất áp nhân vận)

Dịch :

BÀI PHÚ TÔN ĐÁ LÀM ANH

(Theo các vần : Thạch bất năng ngôn tín khả nhân)

Trăng xuống Thương Giang ; mây đồn Hoàng Thạch.
Chinh hình đáng thương ; kính người quý khách.
Xem cốt cách rắn rỏi, tuổi nay hơn tở mười năm ;
Tiếp phong tư lạ kỳ, chiếu hầy nhường anh nửa chiếc.
Đã thấy : Đá là một vật ; cao cao ngất ngất.
Bạc thái thượng vô tình ; đại trượng phu bất khuất.

Chống trời làm trụ, cương thường nêu suốt ngàn xưa ;
Ném đất thành âm, văn bút vang lòng trời đất.
Đã thấy, đã gặp, anh đó chứ ai ;
Đáng kính, đáng yêu, tôi xin lay thật.
Có khi : Gặp buổi quang tạnh, lên núi tung tăng.
Dung nhan vừa tiếp xúc, tinh thần bỗng băng khuâng.
Sườn non rậm rì bờ bụi ; vai núi nổi thành kỳ lãng⁽¹⁾.
Vút gây tiếng vang, suối dội kêu lên muôn lớp ;
Mặc áo ngồi lại, gạt tan chướng khí ngàn tầng.
Thử gọi đàn anh, chắc đã "gật đầu" hứa hẹn ;
Hiềm chi bé nhỏ, há rằng không thể khom lưng.
Cùng anh gặp gỡ, nghe tôi phát ngôn.
Một lòng sành sỏi, hai mắt cần khôn.
Bên tùng là hạc tử ; trong hang là lan tôn⁽²⁾.
Nghĩ như anh : sương là lông, ngọc là tủy ;
Còn như em : tuyết là phách, băng là hồn,
Tôi xin làm em út ; anh chính là bậc tôn⁽³⁾.
Đoán xem bá thị ngày xưa, năm trăm năm đâu là quê quán ;
Tính lại "trường quân" bao tuổi, mười hai hội ấy là một nguyên⁽⁴⁾.

(1) Kỳ lãng : cồn, gò.

(2) Ý nói bên cây tùng có chim hạc, trong hang có cây lan.

(3) Côn : anh.

(4) Trường quân : tức "trường sinh chân quân" một phái của Đạo giáo, đề ra chủ thuyết tu "sống mãi không chết". Theo Thiệu Ung, nhà triết học đời Tống đề ra thuyết "tượng số" thì kể từ khi trời đất mở mang, cứ một nguyên là có mười hai hội.

Như ngoan như si, cũng hào cũng tuấn.
 Nhìn nhau tương lân, cùng nhau tự tín.
 Đã bao năm, không uốn gối, phải đầu ra về lạnh lùng ;
 Thấy trắng mới, liền xuống thêm, cùng để tỏ lòng vương vấn.
 Đầu hiểm chỉ lạy mãi, bên mây theo đuổi bao phen ;
 Há ngại khó làm anh, thẳng vách trông cao muôn nhận.
 Kéo áo điu về, trước cửa bồi toạ.
 Đông Hải ra vào ; Bồng Lai hữu tả.
 Hoa mới màu năm sắc, người nhìn khá ghê ;
 Ngọc lành đáng giá liền thành, giống ta giống quá.
 Cho nên : Quên hình hài, yêu nhân nhả.
 Vui có anh hiền, xin vâng bái tạ.
 Chưa có trăng để cưới beo cạp, đầu thuyền Xích Bích
 rong chơi⁽¹⁾ ;
 Hãy đón gió mà vãi thân tiên, dưới núi Cốc Thành nấn ná⁽²⁾.
 Nay có kẻ : Dọc ngang vũ trụ ; chế nhạo hồng trần.
 Rửa bụng bằng tám chín đấm Vân Mộng⁽³⁾ ;
 Làm nhà dưới muôn hác từng quân.
 Mừng anh Mễ chưa già mấy, mời chất đá để làm lân⁽⁴⁾ ;

(1) *Beo cạp* : ở đây là nói hình hài các hòn đá. *Thuyền Xích Bích* : do điển Tò Đông Pha ngày xưa chơi thuyền trên sông Xích Bích và làm bài phú *Xích Bích* nổi tiếng.

(2) *Cốc Thành* : nơi Trương Lương gặp tiên Hoàng Thạch Công

(3) Bài phú *Tử hư* của Trương Như có câu : "Bụng nuốt đấm Vân Mộng", ý nói bụng rộng bao la.

(4) *Lân* : lảng giềng.

Ba sinh lớp bể có lòng, chưa quên nhờ bác giúp ;
Một mảnh vá trời ra sức, nay lại gặp anh thân.
Em xin : Chinh áo khăn mà lạy tạ ; mong bốn bể cũng đều xuân.
(Không gieo vần *nhân*)⁽¹⁾

NGÔ LẬP CHI dịch, TÔN QUANG PHIỆT hiệu đính

CHƠI XUÂN

(ca trù, trước 1905)

Quân bát kiến Nam, Xuân⁽²⁾ tự cổ đa danh sĩ.
Đã chơi xuân, đừng quán nghĩ chi chi :
Khi ngâm nga xáo lộn cổ kim đi,
Tua tám côi ném về trong một túi.
Thơ rằng :
Nước non Hồng Lạc còn đây mãi
Mặt mũi anh hùng há chịu ri⁽³⁾ ;
Giang sơn còn tỏ vẽ mặt nam nhi,
Sinh thời thế phải xoay nên thời thế.

(1) Phan Bội Châu bỏ vần *nhân* không gieo. Khiếu Năng Tĩnh chấm xong phê một câu : "Tích trạng nguyên hữu vô "tâm" chi phú ; kim quân hầu cánh mục hạ vô nhân, khả phát nhất tiểu" ; nghĩa là : Trạng nguyên xưa có bài phú không gieo vần "tâm" ; nay nhà ngươi lại mục hạ vô nhân, thực đáng buồn cười ! Thực ra thì trong nhiều bài phú, Phan Bội Châu cũng có đến mấy bài không gieo đủ vần (và luật phú cũng cho phép như vậy), nhưng vẫn rất hay.

(2) Tức huyện Nam Đàn. xã Xuân Liễu, quê của Phan Bội Châu.

(3) *Ri* (tiếng địa phương) : thế này.

Phùng xuân hội, may ra ừ cũng dễ,
Năm địa cầu vừa một tý con con !
Đạp toang hai cánh càn khôn,
Dem xuân về lại trong non nước nhà !
Hai vai gánh vác sơn hà,
Đã chơi, chơi nốt, ố chà chà xuân !

XUẤT DUONG LƯU BIỆT

Phiên âm :

Sinh vi nam tử yếu hy kỳ
Khẳng hứa càn khôn tự chuyển di
Ứ bách niên trung tu hữu ngã
Khởi thiên tải hậu cánh vô thủy
Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế
Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si
Nguyện trục trường phong Đông hải khứ
Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi.

Dịch :

LƯU BIỆT KHI XUẤT DUONG

*Làm trai phải lạ ở trên đời
Há để càn khôn tự chuyển dời
Trong khoảng trăm năm cần có tớ
Sau này muôn thuở há không ai ?*

*Non sông đã mất, sống thêm nhục
Hiền thánh còn đâu, học cũng hoài
Muốn vượt bể Đông theo cánh gió
Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.*

TÔN QUANG PHIỆT dịch

HẢI NGOẠI HUYẾT THU

Lời dẫn :

Nguyên bản của tác phẩm là chữ Hán, viết theo thể phú, xuất hiện lần đầu trên "Vân Nam tạp chí" năm 1906. Sau đó Phan Bội Châu cho xuất bản thành sách tại Nhật Bản, rồi gửi về nước làm tài liệu tuyên truyền. Tuy nhiên, chỉ sau khi có bản dịch quốc ngữ (theo thể song thất lục bát) của Lê Đại, và được Đông Kinh nghĩa thực (1907 - 1908) khắc in (bằng 3 văn tự : Hán, Nôm và quốc ngữ) thì tác phẩm mới thực sự phổ biến.

Tác phẩm mang nội dung tố cáo tội ác thực dân Pháp, lý giải những nguyên nhân mất nước Việt Nam, và kêu gọi đoàn kết cứu nước.

Đoạn trích dưới đây là trọn vẹn phần thứ hai bản dịch quốc ngữ của Lê Đại.

*

* *

PHẦN THỨ HAI

Lời huyết lệ gởi về trong nước,
Kể tháng ngày chưa được bao lâu,
Nhắc trông phong cảnh Thần châu⁽¹⁾ :
Gió mây phẳng lặng dạ sầu ngẩn ngơ...
Hồn cố quốc vẫn vương, vương vẫn,
Khôn tìm đường dò nhấn hỏi han,
Bâng khuâng đỉnh núi, chân ngàn,
Khói tuôn khí uất, sóng cuộn trận đau.
Nghĩ nông nỗi đồng bào thêm ngán,
Trưởng thân mình dám quản một hai.
Tiền đây cật dạ mấy lời,
Lại xin tỏ giải cùng người quốc nhân :
May người nước lâu dần hối ngộ,
Đem lời này khuyên nhủ cùng nhau.
Nước ta mất bởi vì đâu ?
Tôi xin kể hết mấy điều tệ nhân⁽²⁾ :
Một là vua sự dân chẳng biết,
Hai là quan chẳng thiết gì dân.
Ba là dân chỉ biết dân,
Mặc quân với quốc, mặc thần với ai.
Nghìn, muôn, ức, triệu người chung góp,
Xây dựng nên cơ nghiệp nước nhà ;

(1) Đất nước thiêng liêng.

(2) Nguyên nhân các việc tệ hại.

Người dân ta, của dân ta,
 Dân là dân nước, nước là nước dân.
 Trên chín bệ ngai thần tự chủ,
 May thừa cơ giấc ngủ ly long⁽¹⁾.
 Giang sơn mặc sức vẫy vùng,
 Muốn người luôn cúi trong vòng phúc, uy.
 Dem lịch sử suy đi xét lại :
 Ai vì dân hưng lợi, trừ tai ?
 Chuyện đâu có chuyện lạ đời :
 Mùa hè mưa tuyết, ban ngày mọc sao !
 Toà y viện, thuốc nào chẳng có !
 Dân ốm đau, hể chớ hỏi han !
 Cơm ngư thiện, bữa nghìn quan,
 Ngoài ra dân đói, dân hàn mặc dân.
 Hỏi đến kẻ phùng quân du my⁽²⁾
 Hỏi đến người kiêu mỹ cung phi,
 Còn dân khốn khổ trăm bề,
 Cầm như tai mắt chẳng nghe thấy nào !
 Chắc lũ đại đen đầu không biết,
 Cây quyền trên lấy thịt đè người,
 Thuế dân, dân nộp xác rồi,
 Tiên kho, thóc đụn, sẵn người ăn không !
 Suốt một lũ trong vòng cung khuyết.
 Của ăn chơi cao huyết⁽³⁾ muôn người.

(1) Nhân lúc rồng ngủ, đến ăn trộm hạt ngọc.

(2) Đồ ý vua để nịnh hót.

(3) Mỡ và huyết.

Tội oan có thấu đến trời,
Trời sa nước mắt, bể trôi ngược dòng.
Khi giặc đến người trong phản trước,
Đem của dân vạch chước hoà thân ;

Dân lâu các tỉnh mất dân,
Mười phần thổ địa nhân dân còn gì !
Nào có nghĩ "dân duy bang bản"⁽¹⁾
Của muôn dân là vốn nước nhà.

Kìa xem Nhật Bản người ta :
Vua dân như thế một nhà kính yêu.
Chữ bình đẳng đặt đầu chính phủ,
Bấy lâu nay dân chủ cộng hoà,

Nghĩ như nông nổi nước ta,
Đến giờ mới mất cũng là trời thương !
Vua như thế, nói càng thêm bực,
Hoạ⁽²⁾ nhân thân có chắc một hai :

Nhờ tay xoay núi vá trời,
Dòng dây, xây đá tính bài vị nguy ?
Chẳng may lại gặp hồi truân bĩ :
Rất những đồ xu mỵ phùng nghinh⁽³⁾,

Hại dân để lợi đến mình,
Coi dân hờ hững như hình chẳng can.
Ngày mong mòi vài con ấu tử,
Tối vui chơi mấy đứa hầu non.

(1) Dân chính là cội gốc của nước (Theo *Kinh thư*).

(2) Hoạ chàng, hoạ là.

(3) Đón theo chiều ý muốn của vua mà nịnh hót.

Trang hoàng gác tía lầu son,
Đã hoa mạch nước lại mòn xương dân.
Sức đến lúc phong trần biến cố,
Thôi bấy giờ mộ Á, chiêu Âu⁽¹⁾.

Trời nghiêng, đất lở mặc dầu,
Cốt thân phú quý là đầu sự lo.
Bài thiện sách sao cho khéo lay⁽²⁾,
Cửa cường quyền nhờ cậy kêu van.

Nay đắc tội, mai cảm ơn,
Cái thân thôi thế là toàn một thân.
Dân mặc dân, chẳng dân thì chớ,
Cứ của mình, mình giữ khư khư !

Nỗi niềm tưởng đến bao giờ,
Mây tuôn tẻ ngắt, mù sa tối dầm.
Lũ sống sót còn năm mươi triệu,
Thịt đầu dao chắc liệu toàn không !

Vì đâu nước khốn, dân cùng.
Hỏi ai sướng miệng, cam lòng hay chưa ?
Có như thế, có thừa vô ích,
Vua với quan, thôi trách làm chi !

Trách vì một nỗi dân kia,
Số người trong nước lại thì phần hơn,
Để đến nỗi nên cơn có thế,
Trách dân mình có lẽ trách ai !

(1) Tồi theo Á, sớm theo Âu.

(2) Sự khéo lay lục là thượng sách hơn cả.

Tôi xin kính chúc lâu dài,
Khóc than xin kể mấy lời trước sau :
Nay thử đứng trên đầu đỉnh núi,
Cõi Đông Nam ngoảnh lại mà trông :
 Sông xứ Bắc, bể phương Đông,
Nếu không dân, cũng là không có gì !
Khoảng khoảng đã rậm rì cây cỏ,
Vùng sơn lâm sài, hổ, hổ, ly.
 Chiêm Thành, Lâm Ấp chi chi,
Nước non chẳng có, có gì nước Nam ?
Kể như thế, ai làm nên nước ?
Giang sơn này khai thác tự xưa :
 Công trình kể tự bao giờ,
Nghìn năm quanh vẫn nước nhà tổ tiên.
Ta là lũ cháu con một họ,
Nước dân ta là của gia tài.
 Chữ rằng : "Tổ nghiệp lưu lai".
Của ta ta giữ, chắc ai giữ cùng !
Chẳng may lúc thành long, xã lở⁽¹⁾.
Một hai điều trách cứ vua tôi,
 Còn năm mươi triệu con người,
Chỉ quanh quanh đám lợi tài không xong !
Hỏi đến nước còn không, không biết,
Gọi đến tên Nam Việt, không thừa !

(1) Thành quách tan vỡ, xã tắc ngã nghiêng.

Gia tài tổ nghiệp mình xưa,
Tay đem quyền chủ mà đưa cho người !
Chắc đã có người cai quản hộ,
Cơ nghiệp mình, mình bỏ không coi.

Hỏi xem khắp cả gầm trời,
Có ai quái gỡ lạ đời thế không ?
Thử giương mắt mà trông sự thế :
Cơn phong lôi, sóng bể rập rình,

Bấy lâu trời những bất bình,
Phen này cuộc ấy hẳn đành trời xoay !
Năm mươi triệu số người trong nước,
Ai chẳng là chú bác, anh em ?

Lòng nào ghét bỏ cho cam,
Yêu nhau thì phải tính làm sao đây ?
Đừng như trước đã hay rằng đại,
Đến bây giờ trách tại dân ta.

Nhưng mà đại mãi ru mà,
Người ta há phải ngủ ngờ mãi ru ?
Quyền quân chủ trên đầu ức chế,
Trải nghìn năm dân trí còn gì !

Mà xem gương truyện xưa kia,
Kể công hùng vĩ, ai bì được đâu !
Nọ thuở trước đánh Tàu mấy lớp,
Cõi trời Nam cơ nghiệp mở mang.

Sông Đằng lớp sóng Trần vương,
Núi Lam rẽ khói mở đường nhà Lê.

Quang Trung đế từ khi độc lập,
Khí anh hùng đầy lấp giang sơn.

Lòng trời mở rộng nước non,
Ta nay may vẫn hãy còn nước ta.
Song chước ấy nghĩ ra chẳng khó,
Trong vòng trời riêng có một câu.

Thử ngồi suy trước nghĩ sau,
Cốt rằng người nước cùng nhau một lòng.
Bởi lúc trước, của chung chẳng giữ,
Đến bây giờ, sức chữa làm xong.

Sao cho cái sức cho cùng,
Sức cùng là bởi cái lòng cùng nhau.
Năm mươi triệu đồng bào đua sức ;
Năm mươi nghìn giống khác được bao !

Cùng nhau bên ít, bên nhiều,
Lọ là gương sắc, súng kêu mới là...
Cốt trong nước người ta một bụng,
Nghìn muôn người cùng giống một người :

Phòng khi sưu thuế đến nơi,
Bảo nhau không đóng, nó đòi được chăng ?
Gọi đến lính, không thằng nào chịu,
Bắt một người ta kéo muôn người.

Bấy giờ có lẽ giết ai ?
Hắn thôi, nó cũng chịu lui nước mình.
Việc gì phải bày binh dụng kế,
Cứ thi gan, kiện lý cho già :

Của nhà ta, phải trả ta,
Dầu tham, muốn nuốt, ắt là chẳng trôi.
Song trong nước mỗi người một khác,
Vốn cùng nhau xung khắc bất hoà.

Những là ta lại hại ta,
Những thân dị chủng mà xa đồng bào !
Quắc đã diệt, Ngu sao còn vẹn⁽¹⁾ ?
Vạ đồng căn⁽²⁾ lửa bén dây dưa !

Người ta ai chẳng biết lo,
Cùng nhau sao vẫn thờ ơ cái lòng !
Nỗi ngu đại nói không kể xiết,
Lại ngờ nhau, chẳng biết tin nhau ;
Coi nhau như thể quân thù,
Thù mong nhau lại, ghét cầu nhau hư.
Bụng có hợp thì nhà mới hợp,
Lòng đã tan thì nước cũng tan !

Bằng nay tay mỗi, chân chôn,
Còn hơi còn thở, may còn sống lâu.
Nếu chẳng biết bảo nhau nghĩa ấy,
Tổ tông mình chắc cậy nhờ ai !

Thương ôi ! Trăm sự tại người.
Chữ "đồng" ai dám ngăn rồi chữ "tâm".

(1) Lấy tích trong sử cũ Trung Quốc : nước Tấn mượn đường qua nước Ngu để đi đánh nước Quắc. Khi đã diệt Quắc xong, Tấn liền quay về diệt nốt nước Ngu.

(2) Cùng chung một gốc.

Thôi chẳng kể sự trăm năm trước,
Xin từ đây cả nước một niềm :

Người kiếm củi, kẻ đụn cơm,
Này em xẻ gỗ, này anh đắp đường.
Việc dầu nặng, chia mang cũng nổi,
Xúm tay vào, kéo lại non sông.

Làm cho sáng rõ tổ tông,
Tôi xin kể hết cách dùng như sau :
Nào là kẻ phú hào trong nước,
Nào là người quan tước thế gia.

Nào là sĩ tịch⁽¹⁾ bây giờ,
Nào là lính tập, nào là Da Tô,
Nào là kẻ côn đồ, nghịch tử,
Nào là người nhi nữ, anh si⁽²⁾,

Bếp, bồi, thông, ký chi chi,
Cừu gia tử đệ nào thì những ai ?
Ấy kể bậc số người trong nước,
Còn người đi du học mọi nơi,

Người trong cho đến người ngoài,
Chữ "tâm" cốt phải ai ai cũng "đồng".
Vùng trời đất núi sông nung đúc,
Lũ anh hùng không lúc nào không,

Giang sơn há chẳng vậy vùng,
Bời chung thế bức, lực cùng⁽³⁾ nhẽ nao ?

(1) Người thuộc về lớp sĩ phu.

(2) Hạng phụ nữ trẻ trung ngây thơ.

(3) Tinh thể cấp bách, sức lực cùng quần.

Lấy thóc đâu mà cầu Công Cẩn⁽¹⁾,
Lấy vàng đâu mà vận Tử Phòng⁽²⁾ ?

Anh hùng lại giúp anh hùng,
Xin riêng một chiếu dãi ông phú hào.
Hiện trong nước kẻ giàu cũng có,
Còn khư khư ngôi giữ gia tài.

Hướng chi những lũ đông dài,
Sướng mình còn nghĩ đến ai bao giờ ?
Cuộc tán tụ ngấm cơ tạo hóa,
Sự bất bình vạ gió tai bay,

Sao bằng gặp được lúc này,
Dem lòng phổ tế ra tay anh hùng.
Khơi bốn bể, nuôi rộng hành vũ⁽³⁾,
Đeo nghìn vàng tậu ngựa truy phong.

Người giúp của, kẻ ra công,
Xin ai hào phú, trước cùng bụng cho.
Cũng có kẻ hàn nho, toan hán⁽⁴⁾.
Việc nước nhà, bụng vẫn không quên.

Bởi chung phúc bạc, phận hèn,
Mắt xanh ai biết bạn hiền là ai ?

(1) Chu Công Cẩn tức Chu Du, danh tướng thời Tam Quốc, nổi tiếng với chiến thắng trên sông Xích Bích

(2) Tức Trương Lương, văn thần có công giúp Lưu Bang đánh đổ nhà Tần trong cuộc chiến Hán - Sở, lập ra nhà Hán

(3) Nuôi rộng để rộng làm mưa.

(4) Kẻ nghèo khó, cùng quẫn.

Túi hào kiệt một tay xơ xác,
Chân giang hồ giữa bước long đong.

Lấy ai vận dụng cho cùng,
Phải người lỗi lạc lại trong con nhà.
Hợp chí sĩ liệu cơn thành bại,
Máu anh hùng đợi hội vân lôi⁽¹⁾.

Đem thân đại biểu cho người,
Dựng nền độc lập, xương bài tự do.
Nghĩa thân tử trước cho phải đạo,
Công phục thù sau báo tổ tiên,
Con nhà dòng dõi bậc hiền,
Đồng tâm chữ ấy nên biên vào lòng.
Song những kẻ ngoài vòng rất dễ,
Người trong vòng có lẽ khó hơn.

Sao cho vững dạ bền gan,
Kìa xem Y Doãn khi còn Hạ vương⁽²⁾.
Hán Chu Bộc khi còn sự Lã⁽³⁾.
Tâm sự này ai tỏ cho ai ?

Mới hay trung trí đại tài,
Khư khư tiểu tiết nhất thời mà chi.
Xin những kẻ đừng vì quyền thế,
Đừng chê câu "nhân sĩ, sự thù"

(1) Khi cơn mây bay, sấm dậy. Thời cơ hành động của người anh hùng.

(2) Y Doãn giúp Thành Thang khi còn chúa Kiệt nhà Hạ.

(3) Khi Lã Hậu cướp ngôi nhà Hán, Chu Bộc tuy giả vờ xu phụ, nhưng kỳ thực vẫn mưu việc khôi phục nhà Hán.

Chắc đâu cái lũ bạch nô,
Mà trong bọn ấy Y, Chu có người ?
Sự phản gián hay ngồi nghĩ mẹo,
Mai thừa cơ đảo giáo⁽¹⁾, gieo gươm.
Giang sơn nay lại trời Nam,
Đỉnh chung khắc để tiếng thơm lâu dài.
Sức ai cố nâng mây, đập gió,
Lòng tôi mong đốt lửa, châm hương.
Khuyên ai những kẻ đường đường,
"Đồng tâm" chữ ấy nên càng khuyên nhau.
Kìa những kẻ lưng đeo súng đạn,
Dưới cường quyền theo bọn pháp binh,
Mũ vàng lẫn với khố xanh,
Ấy là rết lũ tập binh nước mình.
Một nam tử tranh vanh trong nước,
Vĩ thần tiên phải bước chân ra,
Có đâu ta lại giết ta,
Cũng là một gốc mọc ra nở nào !
Tướng những lúc đương đầu, giáp trận,
Bụng không đành, mắt vẫn không đang,
Hà vì tháng mấy đồng lương,
Mà quên làng nước, họ hàng hay sao ?
Nay gặp hội đồng bào phấn khởi,
Hội phong vân là buổi lập công,

(1) Quay mũi giáo trở lại ; đánh với quân thù mình vừa xu phụ.

Bây giờ lòng mới tỏ lòng,
Quyết đem bụng nước giúp cùng người Nam.
Và trông thấy anh em làng mạc,
Bởi xưa nay xơ xác vì đâu ?

Nhọc nhàn theo trót bấy lâu,
Oán sâu quyết báo, thù sâu quyết đền,
Phút một chốc làm nên công lớn,
Cứu cho ta mấy vạn đồng bào,

Này rồi ta mới biết nhau,
Chỉ xem một phút trên đầu ngọn gươm,
Đâu có lẽ chịu cam một nước,
Mắc lừa câu "lấy bạc như người"

Thôi thôi ta chẳng đại rồi,
Tập binh ta cũng là người họ ta.
Tính sự thế nay vừa gặp hội,
Việc kíp rồi phải liệu mau mau.

Cùng nhau mấy vạn đồng bào,
Quyết đem tính mệnh mà liều một phen.
Cho người dưới hoàng tuyến mừng bụng,
Chớ để quân bạch chủng cười mình.

Tôi xin các bạn tập binh,
Cùng nhau một bụng như anh em nhà.
Còn một lũ gọi Da Tô giáo,
Dẫu cùng ta là đạo bất đồng,

Nhưng cùng đất nước cùng chung,
Quyết không có lẽ nào không vì mình.

Chớ thấy khác mà sinh hình tích⁽¹⁾,
Để cho rằng cừu địch Nam nhân,
Chữ rằng "đồng loại tương thân",
Giáo dân xem với lương dân khác gì !
Ngộ gặp lúc gian nguy tật khổ,
Nên cùng nhau cứu đỡ vể thay.
Nào ai có vị gì Tây,
Mà coi người đạo ra ngay người thù.
Chẳng qua vị giáo đồ, giáo chủ,
Đạo Da Tô cũng đạo cứu dân.
Thấy quân tàn ngược bất nhân,
Dẫu cùng một giáo nhưng thân nổi gì !
Dẫu cho có bụng vì người Pháp,
Nên lấy điều thâm thiết nói ra.
Bởi vì ta lại với ta,
Lẽ đâu lương giáo toan mà hại nhau !
Suy một bụng đồng bào tương ái,
Người cùng người ại đại gì đâu.
Đã là đồng chủng, đồng cừu,
Yêu nhau thì quyết cứu nhau phen này.
Nay đua sức, ra tay tạo phúc,
Cứu cho ta địa ngục thoát vòng,
Phúc mình mà cũng phúc chung,
Khuyến ai đi đạo một lòng khăng khăng.

(1) Ngờ vực nhau vì bề ngoài. Câu này có người đọc là : Chớ thấy khác mà sinh hiềm khích.

Kìa những kẻ khe rừng, góc bể,
Cũng là người mãnh sĩ tài năng.
Xưa nay quen thói hung hăng,
Súng con trong túi, dao lưng bên mình.
Cậy hào khí tung hoành vũ trụ.
Tự xưng mình là lữ du côn,
Hợp nhau mấy bọn con con,
Ốn dèn, oán giả, há còn sợ ai !
Coi sinh tử như chơi chẳng nghĩ,
Khí đương hùng, ai kẻ dám tranh ?
Tôi xin trăm lạy các anh,
Mấy lời khuyên nhủ đình ninh sau này :
Thói sài hồ khi này đặc chí,
Đem tư hiểm, tiêu khí mà chi ?
Gẫm xem, nào có hay gì,
Mà thương đồng loại nữa thì làm sao ?
Đường sá để má đào ô huyết,
Rượu chè quen sinh vết tự do.
Tổn gì đến lữ quán thù,
Mà coi tính mạng trượng phu làm thường !
Người Kinh Kha cùng chàng Nhiếp Chính,
Ấy vì ai vong mệnh phục thù ?
Anh hùng tiếng để nghìn thu,
Sử xanh còn chữ "trượng phu" lưu truyền.
Chết như thế cũng nên cái chết,
Chết vô danh, người ghét ai thương ?

Anh em ta phải tính đường,
Này xem sự thế Tây dương với mình,
Đã phu dịch trăm vành ước chế,
Lại thuế sưu lắm về lấy tiền...

Vậy thì giết nó cũng nên,
Còn thẳng vị nó mà quên quốc thù,
Rước voi đến giày mổ ông vãi,
Công hổ về làm hại người nhà.

Thế thời quyết hẳn không tha,
Gián đồ, mật thất, là ta tính liền.
May sự được vạn tuyến cũng thoả,
Chẳng may ra trơ ngõ cũng đành.

Trước làm cho nó thất kinh,
Sau là để tiếng cao danh muôn đời.
Lẽ vinh, sỉ có hai đường ấy,
Anh em ta đã nghĩ cho chưa ?

Gió tanh xông mũi khó ưa,
Gươm cao cấp nách mà ngơ cho đành ?
Hòn máu uất chất quanh đây ruột,
Anh em ơi ! Xin tuốt gươm ra.

Có trời, có đất, có ta,
Đồng tâm như thế mới là đồng tâm.
Nào nữ kiệt nước Nam đâu tá ?
Trải xưa nay chuyện lạ bao giờ !

Từ ngày nội thuộc khi xưa,
Họ Trung hai ả là vua anh hùng,

Việc nữ tướng xem trong sử lược,
 Bùi Thị Xuân⁽¹⁾ thườ trước đem quân,
 Cùng phường cân quốc thoa quần,
 Mây râu lắm kẻ chịu phần kém thua.
 Kể lục ấy bây giờ ít có,
 Nào là ai anh vũ nữ tài ?
 Hỏi ra hoạ có một vài,
 Mẹ ông Bá Bích là người Hưng Nguyên⁽²⁾.
 Huyện Thanh Chương nay còn chép để,
 Ông Tú Quang có mẹ rất hiền⁽³⁾.
 Ngoài ra quên họ quên tên,
 Lấy đâu thanh sử mà biên từng người ?
 Nào là kẻ tán tài, cấp sĩ
 Nào là người kính nghĩa khuyến phu.
 Giang sơn làm nổi cơ đồ,
 Ấy là bậc nữ trượng phu nước mình.
 Sóng hoàn hải mộng mênh mạt đất,
 Dòng nữ lưu quanh quất năm châu.
 Kìa khi Nga Nhật đánh nhau,
 Có người nhi nữ mà mưu anh hùng,

(1) *Bùi Thị Xuân* : vợ một viên tướng của Tây Sơn. Chống bị tử trận ; bà đã cầm quân đánh với Gia Long. Đến chết vẫn kiên quyết chống lại chúa Nguyễn.

(2) Người làng Phù Xá, Hưng Nguyên, Nghệ An. Bà đã cúng nhiều tiền giúp phong trào Cần vương và phong trào Đông du sau đó.

(3) Ông Tú Quang trong phong trào Cần vương, bà mẹ bị bắt và bị tra tấn nhưng nhất định không khai.

Vẻ chi phần⁽¹⁾ vốn dòng Nhật Bản,
Mượn yên hoa kết bạn người Nga,
Bất tình sự ấy ai ngờ,
Thừa cơ lấy được đồ thu⁽²⁾ đem về.
Nga thua Nhật bởi vì mưu lộ,
Nhật được Nga nhờ có nữ công.
Đàn bà thế mới anh hùng,
Chị em ta phải cùng lòng khuyên nhau.
Cây đã lớn cố sao lại đổ ?
Bởi ở trong cũng có nội trùng.
Hướng chi giặc lớn thế cùng,
Vốn xưa nay cũng nội công có người.
Bằng nay biết lấy ai phản gián ?
Phải có tay thủ đoạn anh hùng.
Quyết nhờ bậc ấy mới xong,
Nước ta há phải là không có người ?
Nào là kẻ bếp, bởi có chí,
Nào là ai thông, ký có lòng.
Bấy lâu theo việc làm công,
Vì tiền há phải có lòng vì ai ?
Vì y thực theo nòi giống khác,
Dấu ám no, tiếng ác rửa sao !

(1) Phần sáp.

(2) Văn kiện bí mật.

Sao bằng ta vị đồng bào,
Công danh cũng có, lẽ nào kém ai ?
Tôi xin nghĩ vì người hoạch kế :
Người một nơi, bụng để một nơi,
Trước là ích lợi cho người,
Sau là vận nước phúc trời về sau.
Khuyên ai cứ bảo nhau nghĩa ấy,
Cơ hội này trông thấy chẳng xa,
Bếp, bồi, thông, ký đâu ta !
Có lòng như thế mới ra đồng bào.
Chàng Dự Nương⁽¹⁾ nấp đâu chẳng thấy,
Gã Phù Sai⁽²⁾ đứng đấy là ai ?
Gẫm xem từ trước mấy người,
Phụ huynh ta ấy là người làm sao ?
Bôi sự thể vì đâu đến thế,
Nghĩa phục thù chép để một bên.
"Đồng tâm" chữ ấy chớ quên,
Cừu gia tử đệ nên khuyên nhau cùng.
Ấy kể số người trong một nước,
Trong mười phần đã được chín phần.

(1) Người nước Tấn đời Chiến Quốc vì báo thù cho Trí Bá, hai lần giết Triệu Tương Tử đều bị Tương Tử bắt được. Sau Dự Nương xin cho chém cái áo của Tương Tử để tỏ ý báo thù, rồi tự sát.

(2) *Phù Sai* : vua nước Ngô, ra vào không quên cái thù Việt vương Câu Tiễn giết cha, bèn cố chí diệt Việt bắt Câu Tiễn.

Lại nên tính hết xa gần,
Thử xem sự thể cường lân thế nào.
Đương trong cuộc thắng ưu, bại liệt,
Có ra ngoài mới biết văn minh.
Nếu khư khư chỉ biết mình.
Cùng người đua sức, hẳn vành mình thua.
Đi với ở, mưu mô chưa vững,
Trong với ngoài, hỏ ứng chưa thông,
Đường Tây cách trở lối Đông,
Kẻ sào, người lái, vẫn không hợp lòng !
Trước chẳng biết vun trồng tân hóa⁽¹⁾,
Sau mong gì kết quả duy tân ?
Nào người du học ngoại lân,
Mười phần phải có một phần mới xong.
Khuyên ai cứ ra công, gắng chí,
Dẫu đào non, tát bể cũng nên.
Tinh thành tác dạ như in,
Đá vàng cũng rút một tên bán nhảm.
Này cha mẹ, anh em, chú bác,
Dẫu trong ngoài ai khác gì ai ?
Người trong phải có người ngoài,
Đồng tâm há phải những người ở trong ?
Nếu cả nước đồng lòng như thế,
Việc gì coi cũng dễ như không.
Không việc gì việc không xong,
Nếu không xong, quyết là không có trời.

(1) Văn hóa mới, tinh thần mới.

Có lẽ nào mặt trời mọc tối ?
Có lẽ nào nửa buổi mọc sao ?
Núi kia có lẽ không cao ?
Bể kia há có lẽ nào không sâu ?
Dầu gương sắc kẻ đâu có hỏi,
Bấy nhiêu lời quyết nói không sai.
VẬY mà tưởng vậy mà thôi,
Nhưng ta còn ngại cho người nước ta :
Người nước ta sinh ra còn đại,
Non sông này tuổi hã còn thơ,
Hãy còn ngờ ngẩn ngẩn ngờ
Chính không có phủ, giáo chưa ra trường⁽¹⁾.
Bụng ví có, phú cường cũng dễ,
Lòng đã không, nô lệ không oan.
VÍ người hai nước không quen,
Gặp cơn sóng gió cùng thuyền cứu nhau.
Biết như thế không cầu mà hợp,
Chẳng biết ra, dầu hợp mà tan.
VÍ như gà nhốt cùng đàn,
Cá nuôi cùng chậu có toàn được đâu !
Người mình lắm bao nhiêu càng đại,
Lợi đến đâu bâu lại như ruồi.
Người ngoài coi bằng như trời,
Người mình coi vẫn như gai cạnh mình.

(1) Về chính trị thì mình không có chính phủ của mình, về giáo dục thì trường học không ra trường học.

Cũng biết nghĩa lạc vinh, ô nhục⁽¹⁾,
 Cũng biết đường xu phúc, ty sai⁽²⁾.
 Cớ sao ai cũng như ai,
 Điều hay bảo đến tận nơi, không làm ?
 Bởi cái tội chịu cam ngu nhất,
 Đã ngờ nhau lại ghét nhau cùng,
 Bảo rằng cũng một cái lòng,
 Rùa bay, rắn nhảy, quyết không được nào !
 Ngồi nghĩ đến càng đau cả ruột,
 Ai ngăn dòng, chống cột⁽³⁾ là ai ?
 Ấy ai đua sức gắng tài,
 Rẽ mây, phẩy gió, quạt trời cho quang ?
 Ngoài muôn dặm mơ màng chiếc bóng,
 Khách bỏ đào⁽⁴⁾ giấc mộng tha hương.
 Trông về một dải Nam bang,
 Nghìn năm nước cũ tìm phương hỗn về.
 Nào là kẻ khôi ky danh sĩ,
 Nào là người tuấn vĩ cao nhân,
 Ấy ai nhẹ miệng nhanh chân,
 Cùng tôi giúp một vài phần là ai ?
 Trách⁽⁵⁾ thế đạo hai vai nặng gánh,
 Sức văn hồi, bút mạnh hơn binh.

(1) Vui thích sự vẻ vang, chán ghét sự sỉ nhục.

(2) Đến với hạnh phúc, tránh xa tai vạ.

(3) Cột đá đứng vững giữa dòng nước (*Trung lưu để trụ*) và cột chống nhà như người tài cứu nước (*Chi hạ kì tài*).

(4) Người phải trốn tránh đi làm việc nước.

(5) Gánh trách nhiệm nặng nề việc đời.

Kìa xem luật nước văn minh,
Báo, thư⁽¹⁾, ai có cấm mình tự do.
Xin những bậc sĩ phu trong nước,
Có chữ rằng "đạo giáo tư dân"⁽²⁾,
 Đem lòng nghĩ đến quốc dân,
Lựa dân khuyên nhủ nhau dân từ đây.
Miếng diễn thuyết, dao này chém quỷ,
Lưỡi hùng đàm, gương ấy soi yêu.
 Mình không, cấp súng đeo dao,
Nhưng không nó có làm sao được mình.
Đem những chuyện nhiệt thành ái quốc,
Bảo một người tỉnh được một người.
 Dẫn lâu từ một đến mười,
Trăm, nghìn, vạn, ức, ai ai tỉnh dân.
Ai cũng biết hợp quần là thế,
Khắp bọn này, bọn ấy hợp nhau.
 Gió nhanh thì sấm cũng mau,
Chữ tâm một phút đầu đầu cũng đồng.
Cờ độc lập xa trông phấp phới,
Kéo nhau ra đòi lại nước nhà ;
 Của nhà ta, trả chủ ta,
Muốn toan cố chấp ắt là chẳng xong.
Cơ sự ấy nói không xiết kể,
Bút truyền thần khôn vẽ cảnh vui.

(1) Báo chí và sách vở.

(2) Đem đạo nghĩa mà đánh thức dân chúng.

Hạ đăng⁽¹⁾ sáng khắp mọi nơi,
Bóng sao thấp thoáng, vẻ trời long lanh.
Đài kỷ niệm tranh vành trong nước,
Đền hoan nghênh kẻ rước, người đưa.
Nào người Dụ Cát, Lư Thoa⁽²⁾,
Nay vừa gặp hội, xin ta gắng lòng.

TỪ LONG tức LÊ ĐẠI dịch⁽³⁾

ÁI QUỐC

Lời dẫn :

Sau khi bị nhà cầm quyền Nhật trục xuất, Phan Bội Châu và các đồng chí của ông phải lưu lạc nhiều nơi chờ thời nhen nhóm lại phong trào. Khoảng năm 1910-1911, họ chọn vùng Bạt Thâm trên đất Xiêm làm nơi lưu trú. Để nuôi dưỡng tinh thần và ý chí cho những người Việt Nam "ở giữa khoảng non xanh nước biếc" này, Phan Bội Châu đã sáng tác nhiều thơ văn bằng quốc âm, như

(1) Hạ đăng : đèn thấp trong các buổi lễ ăn mừng.

(2) Dụ Cát, Lư Thoa : Phúc Trạch Dụ Cát (Fukuzawa Yukichi) – học giả Nhật cuối thế kỷ XIX, và J.J.Rousseau – nhà tư tưởng, nhà văn khai sáng Pháp thế kỷ XVIII.

(3) Tập *Hải ngoại huyết thư* dịch ra quốc ngữ trên đây, chúng tôi căn cứ vào bản đăng trong tập *Dương Bá Trạc* – Đông Tây xuất bản (Hà Nội, 1945), và một bản do ông Hoa Bằng chép tay cho mượn trong thời kỳ kháng chiến (Chú thích của Đặng Thai Mai).

các bài ca Ái quốc, Ái chủng, Ái quần...⁽¹⁾ mà chúng tôi giới thiệu dưới đây.

*

* *

Nay ta hát một thiên ái quốc,
Yêu gì hơn yêu nước nhà ta.
Trang nghiêm bốn mặt sơn hà,
Ông cha ta để cho ta lọ vàng.
Trải mấy lớp tiền vương dựng mở,
Bốn ngàn năm giải gió dầm mưa,
Biết bao công của người xưa ;
Gang sông, tắc núi, dạ dưa, ruột tằm.
Hào Đại Hải âm thâm trước mặt,
Dải Cửu Long quanh quất miền tây,
Một toà san sát xinh thay,
Bên kia Vân, Quảng, bên này Côn Lôn.
Vẻ gấm vóc nước non thêm đẹp.
Rắp những mong cơ nghiệp dài lâu.

(1) Khoảng thời gian này được Phan Bội Châu ghi lại trong *Ngục trung thư* như sau : "Tháng hai năm Tân Hợi, tôi lại qua Xiêm. Lúc bấy giờ người trong đảng ta kiểu ngụ nương nấu ở nước Xiêm, có bọn ông Tú Kính, Vĩnh Long, Ngọc Sanh và Minh Chung, rủ nhau chịu khó cày cấy ruộng nương, chăn nuôi gà vịt để làm kế trữ sức lâu ngày... Sang đây, tôi tới ở sở ruộng Bạt Thâm, tầm gọi gió sương, dầm mưa trải nắng, cùng mấy anh em thiếu niên chia sớt đắng cay, hầu cho tiêu bớt nỗi đau thương ăn không ngồi rồi. Tôi sống cái đời nông phu cực nhọc trước sau tám tháng... Hồi này rảnh rang nhàn thích, tôi soạn ra được nhiều bài văn quốc ngữ. Nào truyện *Lê Thái Tổ*, nào *Tướng Trưng nữ vương*. Nào là những khúc hát bài ca cổ võ tâm lòng yêu nước, yêu nòi, yêu giống. Tôi đem những bài ấy ra dạy cho những người ở trong sở ruộng học thuộc lòng, sớm tối họ thường nghe ngao ca hát làm vui. Ấy là tôi muốn gieo hạt giống cách mạng ở giữa khoảng nước biển non xanh vậy".

Giống khôn há phải đàn trâu,
Giang sơn nở để người đâu vẫy vùng ?
Hai mươi triệu dân cùng của hết,
Bốn mươi năm nước mất quyền không.

Thương ôi ! Công nghiệp tổ tông,
Nước tanh máu đỏ, non chồng thịt cao.
Nước non ấy biết bao máu mủ.
Nỡ nào đem nuôi lũ sài lang ?

Cờ ba sắc, xứ Đông Dương,
Trông càng thêm nhục, nói càng thêm đau !
Nhục vì nước, mà đau người trước,
Nóng nỗi này, non nước cũng oan.

Hồn ơi ! Về với giang san,
Muôn người muôn tiếng hát ra câu này :
"Hợp muôn sức ra tay quang phục,
Quyết có phen rửa nhục báo thù..."

Mấy câu ái quốc reo hò,
Chữ đồng tâm ấy phải cho một lòng.

ÁI CHUNG

Lòng ta ta phải yêu nhau,
Đem lời ái chung mấy câu dặn lòng.

Năm ngàn vạn, họ đồng tông,
Da vàng máu đỏ con dòng Hùng Vương,

Bốn ngàn năm, cõi Viêm Phương,
Dua khôn Hoa Hán, mở đường văn minh.
Tài anh kiệt, nổi đời sinh,
Phá Nguyên mấy lớp, đánh Minh mấy lần.
Mở mang Chân Lạp, Chiêm Thành,
Trời Nam lòng lấy, dòng thân ở Nam
Ngán thay giống tốt nòi sang,
Bởi đâu sa sút mà mang tiếng hèn ?
Xưa sao đứng chủ cầm quyền ?
Rày sao nhần nhục chịu hèn làm tôi ?
Người Tây như thánh như trời,
Người Nam đầy đoạ dưới nơi a tỳ.
Giang sơn thẹn với tu my,
Đá kia cũng nát, sông kia cũng nhàu.
Nào anh, nào chị em đâu ?
Họ hàng ta phải bảo nhau thế nào.
Cùng nhau chung giọt máu đào,
Giống thân mình ấy là đâu bây giờ ?
Giống hèn ta phải nên lo,
Giống khôn khi đã ra trò thì thôi ?
Giống ta nay chẳng đại rồi,
Chân tay cật dạ muôn người cùng nhau.
Muốn cho dòng giống thịnh giàu,
Đi về hợp bụng mà mưu chấn hoàng⁽¹⁾.

(1) Ý nói làm cho giống da vàng hưng thịnh lên.

Mưu sao kéo lại giống vàng.
Uống say máu giặc, ăn tương thịt thù.
Mấy câu ái chủng reo hò,
Chữ đồng tâm ấy phải cho một lòng.

ÁI QUÂN

Trời sinh ra một giống ta,
Non sông riêng một nước nhà Việt Nam.
Kể ra hơn bốn nghìn năm,
Ông cha một họ, anh em một nhà.
Giống vàng riêng một màu da,
Đen răng, dài tóc ai mà khác ai ?
Chỉ vì tan tác từng người,
Phen này đến nỗi lạc loài xót xa.
Ai ơi ! Nghĩ lại kéo mà,
Kìa gương giống đỏ có xa đâu nào !
Chữ rằng : "đồng chủng, đồng bào"
Anh em liệu tính làm sao bây giờ ?
Sao cho nội ngoại tương phù⁽¹⁾,
Ba mươi sáu tỉnh cũng như một nhà.
Sao cho Nam Bắc hiệp hoà,
Bốn mươi lăm triệu mà ra một người.

(1) *Nội ngoại tương phù* : trong ngoài cùng tin lòng nhau.

Chớ cậy thế, chớ tham tài,
Bỏ điều ky nhỏ, tính bài lợi chung.
Chớ ganh khí, chớ khoe công,
Dứt tình ghen ghét, bỏ lòng xai nghi⁽¹⁾.
Ai ơi, xin sửa mình đi !
Công tư đức ấy hai bề vẹn hai.
Những điều nát nước, tan loài,
Rước voi cổng rắn thì thôi xin chừa.
May ra trời có chuyển cơ,
Anh em ta được như xưa sum vầy.
Họ hàng đông đủ cánh vầy,
Chen vai ưu thắng, ra tay cạnh tôn,
Thế đoàn như đá chẳng mòn,
Như thành chẳng lở, như non chẳng dời.
Đùng như đàn quạ giữa trời,
Gặp cơn mưa gió vội rời nhau xa.
Có đàn thì mới có ta,
Đàn là rất trọng ta là rất khinh.
Dù khi sóng gió bất bình,
Lợi đàn thì dầu thiệt mình cũng cam.
Làm cho cố kết nghìn năm,
Mới hay rằng bọn người Nam anh hùng.
Làm cho nổi tiếng Lạc Hồng,
Vẻ vang dòng dõi con Rồng cháu Tiên.

(1) Xai nghi : ngờ vực.

Nước nhà cơ nghiệp ven tuyến,
Chúng ta, ta giữ lợi quyền của ta.
Mấy câu thuận miệng ngâm nga,
Ai ơi xin nhớ bài ca hợp đàn...

VĂN TẾ PHAN CHÂU TRINH

Lời dẫn :

Năm 1925 Phan Châu Trinh về nước, hăng hái diễn thuyết ở Nam Kỳ, nhưng được ít lâu thì trở bệnh và mất ngày 13 tháng 3 năm 1926 tại Sài Gòn. Đám tang ông trở thành một cuộc biểu dương lòng ái quốc. Phan Bội Châu, tuy sinh thời chính kiến khác nhau (xin xem "Phan Bội Châu niên biểu"), nhưng trong lòng luôn trân trọng Phan Châu Trinh. Không thể vào Sài Gòn đưa tang Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu đã khóc người đồng chí của mình bằng bài văn tế này. Bài văn được đọc tại lễ truy điệu Phan Châu Trinh tổ chức tại Huế. Năm 1934, 8 năm sau ngày Phan Châu Trinh mất, Phan Bội Châu viết "Cảm tác nhân ngày đệ bát chu niên cụ Phan Tây Hồ", đăng trên báo "Tiếng dân" ra ngày 28 tháng 3 năm 1934. Trong bài cảm tác này, Phan Bội Châu vẫn dành những đánh giá cao cho sự nghiệp cổ động phong trào yêu nước của Phan Châu Trinh :

"... Tám chín năm vắng mặt khách hào hùng,
Ngán bốn mặt non sông chiều tịch mịch
Chuông gọi đời ai khỏe như anh ;
Non Hoành biển Quế đất cao thanh..."

*

* *

Than ôi ! Tuồng thiên diễn⁽¹⁾ mưa Âu gió Mỹ, cuộc nọ kém
thua hơn được, ngó non sông nên nhớ bậc tiên tri ;

Dấu địa linh⁽²⁾ con Lạc cháu Hồng, người sao trước có sau
không, kinh sấm sét dễ đau lòng hậu bối⁽³⁾.

Vẫn biết tinh thần di tạo hóa. Sống là còn mà thác cũng
như còn ;

Chỉ vì thời thế khuất anh hùng, xưa đã rui mà nay càng thêm rui.

Lấy ai đây nối gót nghìn thu ;

Vậy ta phải kêu người chín suối.

Nhớ tiên sinh xưa :

Tứ dục Nam châu, linh chung Đà hải⁽⁴⁾.

Nghiệp thừa gia cung kiếm cũng pha đường ;

Nền tác thánh thi thư từng thuộc lối.

Gan to tày bể, sức xông pha nào kể ức muôn người ;

Mắt sáng hơn đèn, tài linh lợi từ khi năm bảy tuổi.

Vận nước gặp cơn đau bể, đeo vai thân sĩ, còn lòng đau
áo mũ xênh xang ;

Thối nhà chăm nghiệp bút nghiên, giấu mặt hào hùng,
thì... tạm khoa trường theo đuổi.

(1) *Tuồng thiên diễn* : ý nói cuộc đời đổi thay như tấn tuồng.

(2) Do chữ "địa linh nhân kiệt" theo thuyết phong thủy, nơi đất thiêng tất sinh người tài giỏi.

(3) *Hậu bối* : những người sinh sau.

(4) Ý nói về tới đẹp hun đúc ở miền Nam, tinh thần linh thiêng chung đúc ở Đà Nẵng : chỉ núi sông danh thắng Quảng Nam, quê hương Phan Châu Trinh đã sinh ra ông.

Song le :

Khí vẫn tranh vanh, chí càng viễn đại.

Tài Mã Ni⁽¹⁾ đương chứa sức hô hào ;

Tuồng Lô Dịch⁽²⁾ quyết ra tay đào thải.

Đội tiên phong đầu tá, gió Duy tân từ Đông Hải⁽³⁾ thổi vào ;

Gương ngoại quốc kia là, sóng cách mạng bởi Âu châu dôn tới.

Dọc ngang trời đất, rục rế văn minh ;

Tức tối nước nhà, cam đường hủ bại.

Cá chậu chim lồng vợ vãn thế, áng công danh thôi vút lối
tâm thường ;

Rồng mây cộp gió lạ lòng chi, miễn thanh khí thử hô
người trung ngoại.

Cây tân học dạn dò phương tự chủ, Lư Thoa⁽⁴⁾, Mạnh Đức⁽⁵⁾
so sánh người xưa.

Mượn Đông du thăm hỏi bạn đồng tâm, Hương Cảng,
Hoành Tân lối len đường mới.

Ba tấc lưỡi mà guom mà súng, nhà cường quyền trông gió
cũng gai ghê ;

Một ngòi lông vừa trống vừa chiêng, cửa dân chủ kêu đèn
thêm sáng chói.

(1) *Mã Ni* : tức Mazzini, nhà ái quốc Italia thế kỷ XIX, một trong những người sáng lập ra "Hội nước Ý trẻ".

(2) *Lô Dịch* : phiên âm chữ "Louis", tức Louis XVI, hoàng đế Pháp bị xử tử năm 1793 trong cuộc cách mạng đánh đổ chế độ quân chủ.

(3) Chí tiếng vang của phong trào Duy tân từ Nhật Bản.

(4) Tức Rút-xô : nhà văn, nhà cách mạng Pháp thế kỷ XVIII.

(5) Tức Mông-téc-xkiơ, nhà văn cách mạng Pháp thế kỷ XVIII.

Phỏng khiến :

Trình độ dân ta cao, trí thức dân ta giỏi.

Khí dân ta ngày một dồi dào, sức dân ta ngày càng cứng cỏi.

Một tiếng xướng có muôn tiếng hoạ, thần tự do nên đứng đỉnh
về đây ;

Bạn người Việt với thầy người Tây, ma chuyên chế dám
dùng dằng ở mãi.

Nào hay :

Trời đã éo le, người càng quý quái.

Chứa chan máu quốc, nước vẫn vỡ hồn ; xao xác tiếng gà,
trời mờ mặt tối.

Trường nô lệ xung quanh là rắn rết, vãn cứu thời khen khéo
gây oan.

Ổ đã man ngan ngát những hùm beo, miệng ái quốc hóa
nên buộc tội.

Thành Hà Nội ùn ùn mây ác độc, nào kẻ lãnh mình, nào người
chống thuế, chữ âm mưu tô vẽ đủ trăm đường ;

Đảo Côn Lôn rục rục lửa oan cừ, thấy người yêu nước, thấy kẻ
thương dân, tờ xướng loạn dật thêu ra một mối.

Sương đơn gió kếp, giữa hội mặt mù.

Mưa đập sóng dồn, xót ông chìm nổi.

Thân, Đậu, Tuất⁽¹⁾ bấy nhiều năm tân khổ, khi đào cây, khi
lượm đá, giữa bể trần khói bụi cũng thung dung ;

Đặng, Hoàng, Ngô⁽²⁾ ba bốn bác hàn huyền, khi uống rượu, lúc
ngâm thơ, ngoài cửa ngục lâm tham mà khảng khái.

(1) Túc 3 năm (1908-1910) Phan Châu Trinh bị đày ra Côn Lôn, khi phơng
trào kháng sưu ở Trung Kỳ nổ ra.

(2) Túc Đặng Nguyên Cẩn, Hoàng (Huỳnh) Thúc Kháng và Ngô Đức Kế
cùng bị đày ra Côn Lôn.

Hồi đen mấy cũng lần lừa, lòng đỏ vẫn còn hăng hái.

Quay đầu lại già ơn tù đảo, tấm thân già còn nặng gánh giang sơn ; bước chân đi tìm bạn châu Âu, đôi tay trắng quyết phất cờ xã hội⁽¹⁾.

Án tái phạm⁽²⁾ vì lời thông Đức, dạ sắt vàng thêm thử lại

thêm bền ;

Thư thất điều⁽³⁾ đón giá như Tây, uy sấm sét chẳng kinh

cùng chẳng hãi.

Gương vĩ nhân treo những bao giờ ;

Hồn cố quốc mới về năm ngoải⁽⁴⁾.

Trước mặt nào ai hơn hở, thấy ngựa xe luống ngẩn ngơ chiều ;

Bên tai những tiếng kêu van, nghe sưu thuế càng ngao ngán nổi.

Dưới miệng cộp gửi đàn con đỏ, phúc trùng lai thêm bền

dạ tha hương⁽⁵⁾ ;

(1) Năm 1911 do hội Nhân quyền Pháp can thiệp, Phan Châu Trinh được tha, mấy tháng sau ông sang Pháp và lại tiếp tục hoạt động ái quốc.

(2) Khi Phan Châu Trinh ở Pháp, gặp Đại chiến thế giới thứ nhất, ông bị nghi ngờ liên lạc với phát xít Đức nên bị giam vào ngục Santé.

(3) Năm 1922, vua Khải Định sang Pháp dự cuộc đấu xảo (hội chợ), và bị dư luận coi là có hành động ám muội hại nước hại dân. Nhân đó Nguyễn Ái Quốc có vở kịch *Con rồng tre* ; còn Phan Châu Trinh gửi thư kể 7 tội của Khải Định : tôn bầy quân quyền ; lạm hành thưởng phạt ; thích chuộng những sự quý tày ; xa xỉ quá độ ; ăn mặc lỗ lã ; chơi bời vô độ ; chuyến này đi Tây có sự ám muội.

(4) Tức năm 1925.

(5) Ý nói Phan Châu Trinh định dựa vào Pháp (cộp) để làm lợi cho dân (con đỏ) nên tuy được về nước là điều hạnh phúc nhưng ông còn nán ná chưa về.

Trên quyền người đeo giống da vàng, lòng nhất thiết quyết là
quân hậu đội⁽¹⁾.

Ước những chuông đều trống nhịp, khắp ba kỳ cho vang
tiếng reo hò ;

Mới là anh trước em sau, dặt một lũ để đồng bào gắng gỏi.

Khéo vô tình, trời chẳng chiều người ;

Nên bất hạnh mừng mà hóa tủi.

Tiệc hoan nghinh mới đó, náo nùng rượu chứa phai mùi ;

Hội truy điệu liền đây, thấp thoáng hương đã bén khói.

Anh em ta :

Đất rẽ đôi đường ;

Tình chung một khối.

Gánh tồn vong ai cũng nặng nề ;

Nghĩa chung thủy lòng càng bối rối.

Sóng gió một con thuyền chung chạ, mái chèo đương lúc
cheo leo ;

Mây mù muôn dặm đất xa khơi, dấu ngựa nhờ ai rong ruổi.

Ngại ngừng thay người ngọc mù sa ;

Ngao ngán nhẽ giọt châu mưa xối.

Thương ôi ! Bể bạc còn trơ, trời xanh khó hỏi.

Nghìn vàng khôn chuộc được anh hào,

Tắc dạ dám thể cùng sông núi.

(1) *Quyền người* : tức dân quyền. Ý câu thơ nói : Phan Châu Trinh chủ trương dân quyền để cứu vớt giống nòi nên hàng hải cương quyết thúc đẩy hậu sinh (hậu đội) lên đường tranh đấu.

Trước đã giỏi mà sau thêm giỏi nữa, dấu cộng hoà xin rán sức theo đòi ;

Thác còn thiêng thì sông phải thiêng hơn, thang độc lập quyết ra tay vịn với.

Lời này ông có xét cho chăng ?

Lòng ấy trời đã soi rọi !

BÀI CA CHÚC TẾT THANH NIÊN

Dậy ! Dậy ! Dậy !

Bên án một tiếng gà vừa gáy,

Chim trên cây liền ngó ý chào mừng.

Xuân ơi xuân, xuân có biết cho chăng ?

Thẹn cùng sông, buồn cùng núi, tủi cùng trăng.

Hai mươi năm lẻ đã từng chua với xót,

Trời đất may còn thân sống sót ;

Tháng ngày khuây khoả lũ đầu xanh.

Thưa các cô, các chị, lại các anh :

Đời đã mới, người càng nên đổi mới.

Mở mắt thấy rõ ràng tân vận hội,

Xúm vai vào xốc vác cự giang sơn.

Đi cho êm, đứng cho vững, trụ cho gan,

Dậy thành bại quyết ghe phen liên hiệp lại,

Ai hữu chí từ nay xin gắng gỏi :

Xếp bút nghiên mà tu dưỡng lấy tinh thần.

Đừng ham chơi, đừng ham mặc, đừng ham ăn,
Dụng gan óc lên đánh tan sắt lửa,
Xối máu nóng rửa vết nhơ nô lệ,
Mới thế này là mới hơi chur quân⁽¹⁾
Chữ rằng : nhật nhật tân, hựu nhật tân...⁽²⁾

In trên *Tân thế kỷ*, ngày 3 tháng 2 năm 1927.

ĐÊM TRĂNG HỎI BÓNG

Đêm lơ lửng mình cùng trời đứng
Mình hỏi trời, trời lửng mà thình.
Trên trăng, dưới nước, giữa mình,
Thôi thời với bóng tự tình vân vi.
Khen cho bóng thực lạnh tay đỡ,
Chưa dứt câu đã mở miệng rồi,
Rằng : "Ai như nghĩa ông tôi,
Khi đi, khi đứng, khi ngồi theo ông.
Sao ông vẫn hình dung buồn bã ?
Khiến chi tôi rầu rã vì ông.

(1) *Chur quân* : các người.

(2) *Nhật nhật tân, hựu nhật tân* : Theo sách *Đại học*, bài minh khắc bên thùng tám của vua Thành Thang có câu : "Cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân", nghĩa là : Ngày một mới, ngày một mới, lại ngày một mới.

Điều gì uất kết ở trong,
Xin ông kể thực nỗi lòng tôi nghe !"
- "Ừ muốn nói nhưng e đêm ngắn,
Lời quá dài thêm bận lòng người ;
Lạ lòng cho mẹ bà trời,
Thình lình để rớt một người là ông.
Oa một tiếng non sông nứt nẻ,
Nòi Rồng Tiên xin kể một người.
Sáng hai mắt, tỏ hai tai
Khuôn thân bảy thước khá dài, khá to.
Đầu óc vằn tròn vo sâu hoáy
Râu mày xem đáng thầy nam nhi.
Mỹ Âu đất há chạp gì ?
Tinh cờ sinh ở Trung Kỳ Việt Nam !
Sao chẳng điếc, chẳng câm cho rảnh ?
Sao hay mang, hay gánh hoài hoài ?
Chân không sao muốn đá trời ?
Tay không sao muốn lấp vời đời non ?
Lưỡi khua mõ chẳng mòn sao nhĩ ?
Ruột quay tơ chẳng nghĩ gì sao
Gân đồng xương sắt thế nào ?
Đành cho muôn sặt (tên) bắn vào bia thân.
Sao mãi mãi phong trần không đã,
Mà gan vàng dạ đá tro tro ?
Ích gì nghĩ vẫn nghĩ vợ,
Nghĩ mình, mình luống ngẩn ngơ tháng ngày.
Chẳng ích gì sao hay làm mãi ?
Làm mãi sao chẳng cái gì thành.

Tại ai, hay tội tại mình ?
 Tại mình, hay cũng sự tình tại ai ?
 Bóng nghe hỏi thờ dài mà nói :
 "Kể đầu đuôi, thưa tội tại ông.
 Miệng đời độc ngọt gian nông
 Sao ai lừa gạt mà ông nghe liễu ?
 Ông xem xét còn nhiều hờ hững,
 Việc trăm năm tưởng những rày mai,
 Lòng ai ông tưởng như ai
 Biết đâu rắn rết hươu nai đây đường !
 Người khôn khéo ông càng thua vụng
 Trước bầy ma phun giọng Phật linh
 Ngu sao chúng trọc mình thanh⁽¹⁾.
 Cuồng sao chúng tuý mình tỉnh⁽²⁾ là gì ?
 Ông chẳng thấy thời này danh giá
 Chẳng gì hơn xe ngựa lâu đài
 No cơm, ấm áo là rồi
 Ai còn nghĩ đến việc ngoài thân gia
 Dù lịch sử ông cha thầy kệ,
 Nhục hay vinh họ kể gì đâu !
 Việc gì ông cứ bo bo,
 Trong thiên hạ kể rất ngu ai bằng.
 Ông thử dặt nường trăng xuống hỏi,
 Xem như lời tôi nói phải không ?"

(1) *Chúng trọc mình thanh* : mọi người dơ bẩn, mình trong sạch.

(2) *Chúng tuý mình tỉnh* : mọi người say, mình tỉnh. Cả hai ý này đều xuất phát từ bài *Sở nữ* của Khuất Nguyên.

Nghe lời lòng lại dặn lòng :
Đã xe trước đổ, còn hòng xe sau.
Bóng hỡi bóng giùm nhau tính rốn
Còn sau này với bạn tri âm
Vầng trăng vừa ẩn non Tây
Trần đông lưng lụng lại mảy với ta.

(Báo *Tiếng dân*, ngày 11-6-1933)

ĐÊM NGỒI MỘT MÌNH

I

Một ngọn đèn xanh giỡn bóng chơi,
Toan đem câu chuyện nói cùng trời.
Năm canh chuông mõ nghe đâu Phật,
Bốn mặt non sông vắng ngắt người.
Tiếng ngáy xung quanh e sấm thử,
Hồn thơ lơ lửng tưởng trăng cười.
Không đi chẳng lẽ ngồi hoài mãi,
Đông lại xuân qua tối lại mai.

II

Khuya khoắt mình riêng nghĩ vắn dài,
Ngó xuôi, ngó ngược bóng theo người.

Chết năm ba chữ thêm đầy bụng,
Kể ức ngàn thu quá ngán đời.
Ếch réo tư bề mừng được nước,
Đế ngâm bốn vách khóc không trời.
Thôi thì mình biết mình là đủ,
Cũng chẳng chiều ai chẳng lụy ai.

Báo *Tiếng dân*, ngày 25-10-1933

ĐÊM MƯA THƯƠNG NGƯỜI BÁN BÁNH RAO

I

Ông sao ăn hiếp mãi thằng bán ?
Gió táp mưa sa nhọc tẩm thân.
"Ai bánh mì không" rao rất miệng
Đường bùn lầy quá bước chôn chân
Trương liều tác bụng cho trời thấy
Bấm chặt đôi giò kéo kết lẩn
Đành túi cho em, nhưng chẳng túi
Xưa nay hào kiệt vẫn gian truân.

II

Đường trơn như mỡ bán như dưa
Nách kẹp đi hoài mới chán chưa

Dài họng kêu to thua quỷ đói
Cứng chân bước giỏi đuổi thần mưa
Mang mỳ sẽ nếm lòng thiên hạ
Bán miệng mừng không thuế nước nhà⁽¹⁾
Lũ đồ có chẳng phường Ngũ Tử⁽²⁾
Thường ngày tiếng sáo dội tai ta !

Báo *Tiếng dân*, ngày 22-11-1933

TẶNG NGƯỜI CHO LỊCH NĂM MỚI

Quên lưng năm trời đã bấy nay,
Ơn người tặng lịch nhắc cho hay.
Á Âu xáo lộn đen pha đỏ,
Tân cựu phân minh tố đội thầy.
Tháng Một đứng trên đầu tháng Chạp,
Ngày Nam nằm dưới đít ngày Tây.
Xem trên mặt giấy càng thêm cảm,
Năm mới đâu nào mới ở đây !

Báo *Tiếng dân*, ngày 19-1-1937

(1) Câu này có ý đả kích việc chính phủ Pháp đánh thuế tất cả các hoạt động kinh doanh, chỉ trừ bán bánh rao.

(2) Ngũ Tử : tức Ngũ Tử Tư, người đời Xuân Thu, thổi ống tiêu xin ăn khắp chợ, về sau giúp nước Sở phục quốc.

CÂU ĐỐI TỰ VÂN TRƯỚC KHI CHẾT

Thiên hồ nhiên ? Đế hồ nhiên ? Tử đi đồ hư, cánh tích hung
trung mai Khổng Mạnh ;

Quốc như thử ! Dân như thử ! Sinh phục hà luyện, hảo tòng thế
ngoại tác Hy, Hoàng.

Dịch :

Trời sao vậy ? Chúa sao vậy ? Chết ầu cũng là không, chạnh
tiếc trong lòng vùi Khổng, Mạnh;

Nước như thế ! Dân như thế ! Đời còn gì đáng tiếc, thôi ra
ngoài cuộc học Hy, Hoàng.

(ĐẶNG THAI MAI dịch – *Thơ văn Phan Bội Châu* -
NXB Văn hóa, H. 1958)

TỪ GIÃ BẠN BÈ LẦN CUỐI

Mạc sầu tiến lộ vô tri kỷ :

Thiên hạ hà nhân bất thức quán ?⁽¹⁾

Bảy mươi tư tuổi chót phong trần

Nay được bạn mới tinh thần hoạt hiện⁽²⁾

(1) Hai câu thơ trích trong bài thơ *Đường Biệt Đồng Đại* của Cao Thích, nghĩa là :
Chớ buồn lối trước không tri kỷ,

Thiên hạ ai người chẳng biết ông ?

(2) *Hoạt hiện* : thể hiện sức sống.

Những ước anh em đầy bốn biển,
 Nào ngờ trăng gió nhốt ba gian !
 Sống xác thừa mà chết cũng xương tàn
 Câu tâm sự gửi chim ngàn cá biển
 Mừng được đọc bài văn sinh văn
 Chữ đá vàng in mấy đoạn tâm can.
 Tiếc mình nay sức mỏng, trí thêm khan.
 Lấy gì đáp khúc đàn tri kỷ ?
Nga nga hồ ! Chí tại cao sơn
Dương dương hồ ! Chí tại lưu thủy⁽¹⁾
 Đàn Bá Nha mấy kẻ thương âm ?
 Bỗng nghe qua, khóc trộm lại thương thâm
 Chung Kỳ chết, e quãng cảm không gầy nữa !⁽²⁾
 Nay đương lúc tử thần chờ trước cửa,
 Có vài lời ghi nhớ về sau.
 Chúc phùng hậu tử tiến mau !

1940

(1) Hai câu trong sách *Liệt Tử*, lời Chung Tử Kỳ nhận xét tiếng đàn của bạn là Du Bá Nha nghĩa là :

Tiếng vút lên ! Chí hướng đặt vào nơi núi cao.

Tiếng cuốn cuộn ! Chí hướng đặt vào nơi nước chảy.

(2) Bá Nha, Chung Kỳ : sách *Liệt Tử* kể rằng Bá Nha là người đàn giỏi, Chung Tử Kỳ là người sành nghe đàn. Bá Nha đánh đàn, nghĩ tới núi cao, Chung Tử Kỳ khen : Cao vời vợi như núi Thái Sơn. Bá Nha nghĩ tới sông nước, Chung Tử Kỳ khen : Mệnh mang như Trường Giang, Hoàng Hà. Về sau Chung Tử Kỳ chết, Bá Nha treo đàn, không đánh nữa, cho rằng trên đời này không còn ai hiểu nổi tiếng đàn của mình. Từ đó tên Bá Nha, Tử Kỳ thành điển tích về duyên tri kỷ tri âm.

II – VĂN XUÔI

SÙNG BÁI GIAI NHÂN

Lời dẫn :

Tác phẩm xuất bản tại Nhật, năm 1907, ghi tên tác giả : Quốc nhân Sào Nam tử.

Tuy người viết dùng chữ "giai nhân" nhưng ý nghĩa không phải là người đẹp, theo cách hiểu thông thường, mà chép chuyện những bậc anh hùng nghĩa liệt vì nước. Sau khi rời Nhật Bản, Phan Bội Châu đã đem theo sách này về nước và dùng như một tài liệu tuyên truyền cổ động cách mạng.

"Sùng bài giai nhân" gồm : "Tráng sĩ Cao Thắng", "Truyện mẹ Lân, một nữ hào kiệt", "Tiểu truyện Lê Báo", "Độc truyện Hoa Thịnh Đốn có bức thư cảm xúc giả đồng bào". Chúng tôi chọn giới thiệu một truyện viết về Cao Thắng, trợ thủ quan trọng cho Phan Đình Phùng trong cuộc khởi nghĩa Hương Sơn (Hà Tĩnh).

*

* *

TRẮNG SĨ CAO THẮNG

Trong thế giới gà lợn, tối tăm mù mịt, không có khí phách con người ; trời đất nếu sập thì mặt trời, mặt trăng sẽ tối om ! Bỗng trong rừng sâu núi biếc nhảy ra một con quái sư tử, gầm lên một tiếng, các loại quý nô sẽ run sợ lẩn tránh, khiến cho vũ trụ mây mù sương phủ hơn ba mươi năm trở thành một bãi sấm chớp lấp lánh ; đó không phải là bậc anh hùng sao ? Nếu đúng thì vị anh hùng đó là ai vậy ? Tôi dám công nhận nói với quốc dân đồng bào rằng : Đó là Cao Thắng, một tráng sĩ của mười hai năm về trước.

Tráng sĩ người huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Đất Hương Sơn như thế nào mà lại nẩy sinh người tráng sĩ lỗi lạc thần kỳ như vậy ? Tôi đã từng đi về làng cũ của tráng sĩ, thì phía trước làng là chín mươi chín ngọn Hồng Sơn ; bao quanh phía sau là dãy Trường Sơn nguy nga ngất trời, mông mênh rợp đất ; núi Thiên Nhẫn cheo leo cao vút đứng chầu ngay bên phải ; nước thì có hai dòng sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố xuôi trôi vô sóng, có khí thế ganh đua mãnh liệt. Sơn thủ diệu kỳ thay ! Chót vót mênh mông không sức nào ngăn nổi. Như vậy, liệu có thể có vị thân sĩ yếu đuối, nhà nho kém cỏi nào còn khư khư giữ sào huyệt mà không thò đầu ra chăng ?

Năm Tự Đức thứ 15, giặc chiếm sáu tỉnh Sài Gòn⁽¹⁾, gió mưa hôi hám tràn lan hầu khắp non sông cả nước, thế mà nơi sơn thủy diệu kỳ như Hương Sơn lại chịu khổ hàng trăm năm nay dưới ách "chi hồ dã giả"⁽²⁾ của bọn hủ nho và bọn quan liêu, chuyên hút

(1) Năm Tự Đức thứ 15 tức là năm 1862, giặc Pháp mới chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, chứ chưa phải đã chiếm cả sáu tỉnh.

(2) Chi hồ dã giả : 4 hư từ trong văn ngôn cổ. Người ta thường dùng "tập hợp từ" này để chỉ lối học chữ Hán xưa, cũ kỹ, lạc hậu.

máu mủ nhân dân, làm dơ bẩn xã hội... may sao lại có cái khí phách bông bột, hiên ngang, không thể chịu đựng, đem hết những kì phong quái thạch, sóng gợn nước gào, đổ vào một nhà họ Cao, nên mới có người tráng sĩ đột xuất này.

Tráng sĩ lúc còn nhỏ tuổi, tính phóng đãng, không màng của cải vật chất, nghe bài phú tuyệt mệnh bằng chữ Nôm của kỳ sĩ Lê Tao, lòng rất hâm mộ (Tao cũng người huyện Hương Sơn, lúc đầu mộ quân phò nhà Lê, đánh nhau với nhà Nguyễn nhiều trận. Quan quân không đánh nổi Tao, mới lập kế bắt mẹ Tao, nên Tao phải ra hàng. Khi lâm hình, Tao có viết bài phú chữ Nôm tự thuật ý chí và khí tiết của mình, trong đó có câu : "Nghĩ Nam Hồ Bắc Việt thiếu chi mà, vàng Hán đế dễ tìm ra Quý Bố ; nhưng địa nghĩa thiên kinh là nặng lắm, thư chàng Từ mãi gửi lại Tào công⁽¹⁾". Người đọc rất lấy làm khoái trá).

Năm Giáp Tuất (1874), một vị đại lão huyện Thanh Chương là Trần Tấn⁽²⁾ mộ quân khởi nghĩa, mưu giết hôn quân và thanh trừ những tên gian ác. Nghĩa quân đông tới hơn vạn người, tung hoành nghìn dặm khắp vùng Hoan – Ái. Triều đình phải điều quân từ Thuận Hóa ra đàn áp, mãi sau mới dẹp yên được. Lúc nghĩa binh

(1) Từ Thử và Tào Tháo : Thời Tam Quốc (Trung Quốc), Tào Tháo muốn buộc Từ Thử bỏ Lưu Bị về với mình, đã viết thư giả nói là của mẹ gửi lời khuyên Từ Thử. Từ mắc mưu và vì muốn giữ đạo hiếu với mẹ, về với Tào Tháo. ở đây, tác giả mượn tích này để chỉ trường hợp của mình cũng vì giữ trọn đạo hiếu đã nghe mẹ mà ra hàng.

Lê Tao thường gọi là Hầu Tao, người làng Tuấn Lễ, nay là xã Sơn Lễ huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh, lúc đó cầm đầu một cuộc khởi nghĩa nông dân chống triều Nguyễn. Bị quân Lê Văn Duyệt cho bắt mẹ của Hầu Tao rồi giả thư của bà đưa tới khuyên Tao ra hàng. Tao nghe theo, nhưng bọn giặc lật lọng ra lệnh giết ông (1821).

(2) Trần Tấn khi dựng cờ khởi nghĩa, tự xưng là "An Nam Đại Lão".

của Trần Tấn nổi dậy, tráng sĩ Cao Thắng đang còn ở độ tuổi thiếu niên, vùng nắm tay, vùng vẫy muốn gia nhập nghĩa quân, nhưng bị cha mẹ ngăn cấm, nên chí khí chưa được thử thách.

Than ôi ! Con mãnh hổ khi còn đang bú, nhưng móng vuốt đã khác thường, con tuấn mã tuổi còn non mà vó câu đã khác. Người nước ta đã quen với ách nô lệ lâu rồi, nên không biết hổ thẹn nữa, thì làm sao mà có được một tư tưởng vượt bậc như tráng sĩ ! Nếu tráng sĩ đi theo phong trào nghĩa cử của Trần Tấn thì chắc là đã chết từ năm Giáp Tuất rồi, còn đâu tới ngày nay nữa để bọn ta lại nhìn thấy bậc kiệt sĩ châu Hoan !

Cách mười hai năm (kể từ năm Ất Dậu) sau khi Trần đại lão chết, kinh đô Thuận Hóa bị hãm, vua Hàm Nghi xuất bôn, đặt hành dinh ở Hương Khê, Hà Tĩnh, xuống chiếu kêu gọi mộ quân Cần vương trong cả nước. Sau đó, các thân hào ở khắp các quận huyện đều kéo đến nơi vua đóng.

Trong vũ trụ có con quái vật xuất hiện, tất có người khen chê trên chóc. Cả bầu trời mây đen mù mịt, ngày cũng như đêm, con rồng nhân đó mà bay lên. Ba đào ngập biển, sóng lớn tràn non, con cá kình vì thế nổi hung, cảnh tượng đó đến ngày nào mới có thể xuất hiện ? Hiện nay, Chúa thượng gặp cảnh lâm than, bọn chó đẻ thì đắc chí, quỷ thần căm giận, đất trời đảo điên ; thế mà những kẻ đường đường tám thân bảy thước hầy còn quyến luyến vợ con, miệng cam như hến, không dám thò đầu khỏi cửa, ghé mắt nhìn đời ! Họ chỉ là những cái túi đựng cơm thối hoắc, chứ có phải là những người ở đất Hồng Lam sản sinh ra đâu !

Ngày tháng bảy năm đó, nghĩa binh của huyện Hương Sơn nổi dậy, tráng sĩ lấy họ tên thật cực kỳ hùng dũng của mình là Cao Thắng ghi vào sổ nghĩa binh. Thực ra thì tráng sĩ mới lên vũ đài trước giờ Ngọ một tiếng đồng hồ.

Trước hết, giặc đánh ra Bắc Kỳ, chiếm giữ kinh đô Thuận Hóa và các cửa biển. Bọn chúng đi đến đâu, như luồng gió độc, người nước ta bị khốn đốn, lo sợ về nạn binh lửa ngập tràn, may còn có vùng phía nam Quảng Trị, phía bắc Thanh Hóa là chưa lọt vào tay giặc. Tráng sĩ biết bọn rắn lợn tham ăn, thế nào rồi chúng cũng mò đến, vậy ta hãy vỗ kiếm tự hùng, giơ cao nắm đấm để chờ đón cái ngày giờ đó. Nhưng ngoảnh nhìn lại chỉ thấy rất những "kẻ đẩy tớ giữ tiền" ở thôn quê với năm ba ông già, thì còn bàn bạc được gì, nên mới khảng khái nói rằng :

– Người đại trượng phu hãy nên tự lập. Còn bọn họ thì toàn là những kẻ mắc bệnh ý lại, không đáng bàn nữa, làm bẩn lưỡi ta !

Do vậy mà tráng sĩ rất không hợp với những kẻ tục tử ở hương thôn.

Tráng sĩ tuy ôm ấp tư tưởng bay cao đánh mạnh, nhưng nhà lại nghèo ; muốn tung tiền trăm vạn, nhưng biết trông cậy vào đâu ? Bèn lợi dụng tư thế ngang tàng, ngầm liên kết với anh em trong đám lục lâm và với những người trộm cướp rồi tự mình làm lãnh tụ chuẩn bị địa điểm, biên chế đội ngũ sau này. Thế rồi có tiếng đồn đại xôn xao "thủ lĩnh ăn trộm bò". Người ta thường nhìn bằng con mắt đó là kẻ tụ tập những người trốn tránh. Do đó, nhiều phen bị khốn với bọn quan lại bản thủ trong huyện, nhưng tráng sĩ vẫn thản nhiên, không thêm đếm xỉa.

Trang nam nhi ưu tú sinh ra ở đời phải biết rửa mày mặt thịt da cho non sông đất nước, không cần để ý đến những cái sở trường hay sở đoản của mình, đó là ý chí trác việt sinh bình của người tráng sĩ.

Tráng sĩ cư xử với mọi người thường rất hào phóng, nhưng khi gặp phải biến cố xảy đến thì lại rất nghiêm chỉnh, tiếng hét như sấm, thường được anh em hảo hán sợ phục. Đến khi khởi nghĩa,

tráng sĩ đem hết những anh em bộ hạ thuộc các đảng phái cũ phiên chế thành đội ngũ, thiết lập quân luật, mọi người đều răm rắp tuân lệnh. Lúc đầu, quân còn ít, sức còn non, nhưng cờ trống nghiêm minh, có thể đánh nhau với giặc. Các đạo nghĩa binh đều có danh tướng cầm đầu.

Lúc đó, ở La Sơn có cụ Phan Đình Phùng phụng chiếu thống lĩnh tất cả các đạo binh, tráng sĩ bèn đem hết bộ hạ đến xin gia nhập.

"Đon đao cắt đứt sấu kim cổ ;

Trường kiếm rạch toang máu đất trời !" ⁽¹⁾

Tâm sự của người anh hùng đại để là như vậy. Song biểu lộ tâm sự này vào lúc nào ? Vào lúc thắng hay lúc bại ?

Ôi ! Nếu không có thất bại thì không thể biểu hiện được người anh hùng. Tôi đã từng lấy sự thất bại để nhìn tráng sĩ.

Không bao lâu sau, nghĩa binh đã thu phục được thành Hà Tĩnh. Tiếng tâm lòng dậy. Giặc đem hết các đạo quân hùng mạnh trong nước, tập trung về đất Châu Hoan để chống cự với nghĩa binh. Những kẻ xấu theo giặc, dẫn bọn chúng vào tận nơi vua đóng. Xe loan bị giặc hãm, các đạo nghĩa binh tan. Đồn giặc đóng dày như răng lược, quân lính nhung nhúc như ong kiến. Quan lại, thân hào ở các phủ huyện, các tỉnh tranh nhau đầu hàng. Tiếng nổ của súng đạn xen lẫn tiếng kêu khóc van xin loạn xạ ở dọc đường.

Bọn họ từng trải bao gian khổ, lao vào việc nghĩa, giống trống giương cờ. Đó là những trang nam nhi, một cánh tay không với ba

(1) Nguyên văn :

Trường kiếm hoạch khai thiên địa huyết ;

Đon đao cắt đứt cổ kim sấu !

tắc kiếm. Sự thế xảy ra như vậy, ở cảnh ngộ này, chịu hàng phục trước giặc ư ? Thì thế chết không làm cống rãnh⁽¹⁾.

Hay là tự xử⁽²⁾ lấy thì chưa toại được nguyện vọng lúc đầu !

Tráng sĩ bèn triệu tập thủ hạ hơn hai mươi người hỏi ai có kế gì thì đề xuất ra. Mọi người không dám quyết định. Tráng sĩ hăng hái nói :

– Người nước Việt Nam ta, chỉ có Cao Thắng mất đầu, chứ không thể có Cao Thắng hàng giặc ! Nay hãy tạm giấu tung tích chờ cơ hội hành động. Nhưng một ngày kia, sẽ ăn gan uống máu giặc, thì dù chết ta cũng không oán hận. Mọi người đều vỗ tay. Sau đó đều thay quân trang, mặc thường phục, lẫn vào núi, mưu đồ việc tái khởi nghĩa.

Than ôi ! Thanh bảo kiếm phải giấu lười, khẩu pháo mạnh phải nín hơi, đem cái khí khái "tay trái chỉ lên trời, tay phải trở xuống đất, liếc nhìn bốn bề, như xung quanh không có một ai"⁽³⁾ để tiêu sài ở những bữa cơm, bữa rượu nơi thôn quê đồng nội, khiến cho người anh hùng vô dùi mà khóc suốt nước, song đã là tráng sĩ thì cái phương châm của người tráng sĩ vẫn còn.

Tráng sĩ nói :

– Sự thất bại lần trước của ta có nhiều nguyên nhân, đại để là giặc thì có súng ống mà ta chỉ có tay không, đó là điểm chính trong mọi nguyên nhân thất bại. Nay ta lại mưu cuộc tái khởi

(1) Dịch chữ *câu độc* : cống rãnh. Chỉ cuộc sống nhỏ nhen dơ bẩn như cống rãnh.

(2) Dịch chữ *tự kinh* : tự xử trị lấy.

(3) Theo *Truyền đăng lục*, Phật Thích Ca khi mới ra đời, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, rồi nói to như sấm : "Trên trời, dưới đất, chỉ có cái ta là tôn quý nhất". Tác giả mượn ý này để chỉ cốt cách của tráng sĩ Cao Thắng.

nghĩa, không thể không có súng đạn, muốn có súng đạn, không thể không có tiền.

Súng ư ! Súng ư ! Cái túi rỗng tuếch có thể giải quyết được không ? Vì thế, luôn mấy tháng liền, tráng sĩ phải tốn bao tâm tư vào việc súng đạn.

Sau khi tráng sĩ ở trong núi được hai năm, vào năm Ất Hợi⁽¹⁾ niên hiệu Hàm Nghi, ảnh hưởng của nghĩa sĩ đã thấy nguội lạnh, các đồn giặc ở các phủ huyện, việc phòng bị đã thấy lỏng lẻo. Tráng sĩ tỏ ý mừng thầm, bèn nói với thủ hạ rằng :

– Việc tái khởi nghĩa đã có cơ hội rồi đây. Nhìn lại "thóc gạo để sinh sống" bây giờ không gì bằng súng đạn. Khi đã trù liệu được súng đạn rồi, thì lại không thể không trù liệu ngay đến tiền nong để chi tiêu. Cách trù liệu tiền nong chi tiêu, chúng ta nên tính như thế nào đây ?

Có người đáp :

– Có những ông A, ông B nào đó tích lũy được nhiều của cải, chúng ta đến khuyên họ tương trợ cho có được không ?

Tráng sĩ nói :

– Họ coi một đồng tiền như núi Thái Sơn, dù có đem dao kề vào cổ, họ cũng khư khư ôm chặt lấy túi tiền, chẳng chịu buông ra. Họ biết gì đến việc nghĩa đáng giúp đỡ mà khảng khái bỏ của ra đâu ! Dạy chó niệm Phật, không khéo lại bị chó cắn cho.

Lại có người nói :

– Ông Mỗ... làm quan to, túi quan rất nặng, của cải trong nhà rất giàu, ông ta lại đọc sách nhiều, thông hiểu nghĩa lý, nay ta đem

(1) Nguyên bản in là Ất Hợi, nhưng phải là năm Đinh Hợi (1887) mới đúng với sự thực lịch sử và khớp với niên hiệu Hàm Nghi.

việc lo toan giết giặc cứu nước, vì cứu vớt sinh linh mà xin ý kiến, vì giải hạn cho non sông mà khuyên họ giúp vào, liệu có được không ?

Tráng sĩ nói :

– Như vậy là đòi của bố thí ở kẻ ăn xin. Chúng đã mất hết lương tâm của con người, chuyên dựa vào bọn bạch quỷ coi đó là người cha tái sinh, đó là bọn người uống nước đái chó không biết hôi, thì còn trông mong gì lòng hào hiệp của chúng. Nếu đến cầu cạnh họ, thì chẳng những tiết lộ cơ mưu của anh mà việc lớn cũng hỏng hết. Phương kế hiện nay, ví như bệnh ung nhọt, không chích mủ, không chảy máu, thịt mới không sinh ra được thì bệnh không bao giờ khỏi. Muốn có tiền để làm việc nghĩa, mà không biết hạ độc thủ trước đi, thì chỉ ngồi mà đợi chết. Thông hiểu quyền biến, bỏ vợ con để mưu đồ công việc lớn, thì đó là bước đầu tiên khi ra khỏi cửa của kẻ cướp giết !

Kế hoạch bàn định xong, lấy ngày tháng mười hai năm đó, đứng vào dịp cuối năm, các người buôn bán đi lại nhiều đồ biết được các thuyền buôn của Hà Tĩnh thường xuôi Nghệ An, triệt các thuyền buôn tại các bến trên triền sông Lam, Triều Khẩu giữa ban ngày, bắt trói những người ở trong thuyền lại, lấy hết hàng hóa mang đi, rồi lại thả hết người ra, đó ai mà cựa được !

Đau đớn thay vụ cướp ấy ! Vui sướng thay vụ cướp ấy ! Đáng ca ngợi, đáng khóc than thay vụ cướp ấy !

Cướp ư ! Cướp ư ! Đó là chân tướng của nền độc lập ư ! Hay là sợi dây dẫn đến thời kỳ trung hưng khôi phục ư !

Trong lúc tráng sĩ vẩy dao hô bắt người cướp của, đó là cử chỉ của một kẻ vô lại, có biết đâu rằng chính con người đó đã hơn mười năm làm việc đại nghĩa, nuôi quân đúc súng, giết giặc rửa hờn ! Đó có phải là hậu quả của bọn vô lại, giặc cướp ở ngọn sông

Triều Khẩu chẳng ? Than ôi ! Việc ở châu Âu tôi chưa bàn tới, chỉ xin nêu những việc trong sử sách mà tôi đã đọc, thường khen những bậc thánh nhân vì thương dân mà đánh kẻ có tội, thay trời làm việc giáo hóa, thì Lưu Bang, Chu Nguyên Chương có phải là người không, khi xuất thân vốn là một kẻ phạm tội đồ ở Ly Sơn, nhập bọn là môn hạ cho Quách Hưng⁽¹⁾ ? Hai vị thánh quân đó nếu không từ chỗ cướp giết mà làm nên, thì tránh sao khỏi tới chỗ chết dói ? Những bọn người tầm thường kém cỏi chỉ lấy việc thành bại mà bàn luận con người, cho rằng ông này cường đạo, ông kia là thánh quân. Xin lỗi các bạn, đừng coi đó là những lời vô ích. Tuy nhiên, chép đến đây, nước mắt tôi đã ráo, máu tôi đã cạn, bút tôi không thể viết được nữa ! Những người có chí ở trong thiên hạ, hăm mộ sự nghiệp của tráng sĩ, thì trước phải học tấm lòng của tráng sĩ đã phải có cái nhiệt thành yêu nước thương nòi, thì sau đó mới có thể nói đến chuyện cướp bóc ; phải có tư tưởng hùng tráng vá trời lấp biển đã rồi sau mới có thể làm cái việc cướp bóc được.

Nhìn thấy của cải người ta mà thèm chảy dãi, dùng thủ đoạn cường bạo làm càn để nhét vào cái miệng, cái bụng của mình, may ra thì được no say, nếu chẳng may thì thân chết, tiếng nhơ, chớ đem tráng sĩ giả mà bắt chước công việc của tráng sĩ thật. Nếu ông Cao ở dưới tuổi vàng biết được, tất sẽ ăn thịt bọn đó !

Ngày hôm đó, mọi người họp trong một ngôi nhà nhỏ trên núi, vui vẻ uống rượu với nhau. Tráng sĩ triệu tập các binh lính cũ lại,

(1) Lưu Bang (tức Hán Cao Tổ) diệt nhà Tần lập ra nhà Hán (Tiền Hán hoặc Tây Hán), đóng đô ở Trường An, truyền đến mười hai đời vua thì bị Vương Mãng lật đổ.

Chu Nguyên Chương (tức Minh Thái Tổ) xuất thân là tá điền, theo Quách Tử Hưng khởi nghĩa đánh lại nhà Nguyên. Quách chết, Chu tiếp tục lãnh đạo khởi nghĩa cho đến khi thắng lợi và lập ra nhà Minh.

lựa chọn những người khỏe mạnh xếp thành một đội riêng, thiết rượu say rồi bảo :

– Việc khởi nghĩa lần này, cần phải kêu gọi bốn phương. Việc binh không có tiếng nói đi đâu, thì những người có chí mong mỏi, ai người hưởng ứng. Những nhà giàu có thì keo kiệt, không dám bỏ của ra, thế thì lương thực lấy ở đâu ?

Mọi người chưa kịp đáp, thì tráng sĩ đã nói :

– Tôi có một kế này : Đồn giặc đóng ở ven sông có hơn trăm tên, súng lớn nhỏ ước hơn trăm khẩu, đợi khi mặt trời lặn rồi, giặc phòng bị sơ hở, trong lúc chúng không để ý, ta dùng đoản đao tập kích, chắc chắn là cướp được súng giặc. Huống nữa, cái đồn này lại là cổ họng của mọi con đường, một khi bị ta đánh, tất phải loan báo đi các nơi, các phủ huyện tất sẽ đem quân đến cứu. Nhân lúc ấy, ta tung ra cướp phá, thì quân trang, quân dụng không phải là vấn đề khó giải quyết nữa. Khi quân trang, quân dụng đã có đủ, thì việc gì mà chẳng làm được. Anh em ta nếu không vào hang hổ thì làm sao bắt được hổ con⁽¹⁾. Ta đi thôi !.

Mọi người đều dạ ran. Khi uống rượu xong, trời đã gần tối, tráng sĩ cùng với năm mươi người khác, trong tay áo của mỗi người đều giấu một con dao ngắn và một thanh kiếm dài, lần theo đường núi, nhân lúc đêm tối, ngậm tăm rảo bước. Khoảng mười hai giờ đêm đã đến sát đồn giặc. Lính gác đồn chưa kịp hỏi thì lưỡi dao của quân tiên phong đã vung lên. Trong chớp mắt, đầu tên lính gác đã rơi xuống. Quân ta thừa thế phá tan cửa đồn, sấn vào giữa đồn. Quân giặc đang ngủ say. Tráng sĩ gầm lên một tiếng, năm mươi người chia đường xông lên chém giết. Tên quan ba

(1) Ý nói phải xông vào nơi nguy hiểm để làm một việc quan trọng.

(capitaine)⁽¹⁾ giặc, hoảng sợ bỏ chạy, cầm súng toan bắn, tức thì ăn ngay một nhát dao của tráng sĩ. Bọn còn lại, hoặc chống cự, hoặc chạy trốn, bị quân ta giết quá nửa. Lương thực, súng đạn trong đồn ta thu hết, đến gần sáng mới dẫn quân đi.

Nguyên một việc này đủ làm một cái kính hiển vi soi rõ nửa quãng đời trước của tráng sĩ. Thực ra, nó cũng chỉ là mở đầu cho nửa quãng đời sau của tráng sĩ mà thôi. Ôi ! Từ một kẻ thủ phạm trộm bò đến kẻ cướp súng, vốn đã là "cá chép đốt đuôi"⁽²⁾. Nhưng từ đó trí óc càng mở rộng, trở thành một vị tướng có tài có công trừ giặc nước, phải chăng cũng chính là bắt nguồn từ việc đó ? Con rồng giương vây, con báo biến dạng, nếu không phải là sản vật đặc biệt của địa phương, thì làm sao lại có được một con người hào sảng tuyệt vời như vậy ?

Sáng ra, tráng sĩ lại tập hợp mọi người trong sơn trại lại, mở tiệc ăn mừng. Rượu mới nửa chừng, tráng sĩ đã nói với mọi người rằng :

– Chậm ra là một hai ngày nữa, giặc tất sẽ đem quân thành Nghệ An đến tìm diệt ta. Vậy nhân lúc chúng chưa đến kịp, ta hãy chia nhau đi cướp phá các ấp lân cận để trừ bị lương thực cho nghĩa quân. Nếu không, khi giặc đến, ta phải kháng cự, khó có lúc rảnh rỗi, lương thực mà hết thì việc lớn của ta sẽ hỏng mất.

Sau đó, thả quân đi cướp phá những nhà giàu ở các làng lân cận, trong một hai ngày mà thu được tiền của mấy vạn. Rồi lại mở những cuộc chiêu mộ tráng đinh rất lớn, nên bộ hạ của tráng sĩ ngày một đông thêm.

(1) Chữ Pháp trong nguyên bản. (Từ đây đến hết truyện, các chữ tiếng Pháp đều là chữ trong nguyên bản).

(2) Ý nói đã có nhiều thay đổi.

Được biết, trước đây Tướng công Phan Đình Phùng lánh ở đất Bắc Kỳ, định sang cầu viện nhà Thanh, nhưng không thành, tráng sĩ sai người đón về châu Hoan tôn làm đại sư để thu phục lòng người. Vì thế mà bốn phương hưởng ứng, chẳng bao lâu đã chiêu tập được hơn nghìn người, bèn đóng đồn ở Vụ Quang. Vụ Quang là một nơi rất hiểm yếu, thuộc vùng thượng du tỉnh Hà Tĩnh. Mỗi khi giặc đến, đặt quân mai phục giữ những nơi hiểm yếu, giặc không làm gì nổi. Tiếng tăm của nghĩa quân ngày càng lùng lũy, thường đem quân đi đánh đồn giặc, cắt đầu giặc, cướp súng rồi trở về. Tên quan giữ đồn nghe tiếng tráng sĩ, khuyên nhau ra đánh, gọi tráng sĩ là con hổ Thăng" (seigneur tigre).

Than ôi ! Lô Giang trở về Nam, Cẩn Hải trở ra Bắc, nghĩa quân biệt tích ở ven trời đã bao năm, một người áo vải bình thường, riêng thẹn không muốn đứng trong hàng ngũ bọn ngoại xâm, thể diệt trừ bọn chúng để làm rạng rỡ quốc dân ta ! Một lần ngã xuống, rồi lại một lần ngã xuống, cuối cùng tất phải hăng lên, mạo tên xấu không quản ngại, gặp nạn lớn không sợ sệt, sóng thần Triều Khẩu không thể nhòem được nơi ẩn náu, cỏ cây Phố Sơn⁽¹⁾ chẳng dám gọi tên. Chưa đủ ! Còn oai phong lẫm liệt như thế nào ? Nguy nga chót vót như thế nào nữa ? Xin đồng bào cùng các anh hãy xông hơi thơm và tắm gội sạch sẽ, mà đọc toàn bộ tiểu sử của tráng sĩ.

Cứ như thế được hai năm, vào năm Hàm Nghi Đình Sửu⁽²⁾, khi tính gan dạ chiến đấu của tráng sĩ ngày một lớn, thì âm mưu sát hại tráng sĩ của giặc cũng ngày một sâu. Tráng sĩ đã có đủ binh

(1) *Phố Sơn* : phố Châu ở huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh, có sông Ngân Phố chảy qua.

(2) Có lẽ chữ trong nguyên bản in sai. Phải là năm Đinh Hợi (1887) mới đúng (T.H.Y)

lượng, sơn trai được củng cố, lại lo khuếch trương thêm quân bị làm kể lâu dài, cho rằng trước đây chỉ cầm súng của giặc đánh giặc, thì đó không phải là nguồn cung cấp lâu dài được ; nếu rồi đây giặc giấu hết kho tàng đi để làm khó cho ta, lúc đó súng đạn ta hết thì làm thế nào ? Do đó mà tráng sĩ ngày đêm suy tính tìm bằng được phương pháp chế tạo súng ống.

Bấy giờ, tráng sĩ bèn tập trung tất cả các thợ rèn, thợ đúc, thợ đồng lại rồi đem tháo tung khẩu "dương pháo" (gieladines) ra, vẽ hình từng bộ phận và tìm hiểu sự vận động tinh diệu của máy móc, để anh em thợ theo mẫu mà chế tạo. Gặp phải chỗ tinh vi quá, thợ không làm nổi, thì tráng sĩ vận dụng đầu óc thông minh tuyệt vời của mình cộng với cánh tay linh hoạt kỹ xảo của mình để chế tạo ra khẩu súng trông không khác gì của Tây dương, đưa cho mọi người xem đều không biết đó là súng mới chế tạo. Trong vòng vài năm đã chế được khoảng nghìn khẩu. Nhờ đó mà vũ khí dự trữ của sơn trai ngày càng nhiều.

Tôi, vì thế mà oán cho bọn hôn chúa gian thần, bán dân hại nước, phải cảm tạ nhân dân ta, an ủi non sông xã tắc ta như thế nào đây ? Người Pháp trông cậy vào cái đó để nuốt chửng quốc dân ta. Vì cái ưu thế trong chiến đấu chẳng qua là khẩu súng ; dao, quyền, côn, kiếm quyết không thể chọi nổi nó, dù là những người đàn ông ngu si, những người đàn bà đàn độn cũng đều hiểu được điều đó. Trên chốn miếu đường, kíp phải tìm mưu tính kế, chuẩn bị sẵn sàng trước khi trời chưa mưa, đó là bốn phận. Từ sau khi Sài Gòn thất thủ, trong ba mươi năm qua, chưa từng nghe thấy ai nghiên cứu một cuốn sách binh pháp nước ngoài, chưa từng nghe thấy ai ưa chuộng người chế tạo ra súng ống. Lúc bình thường nhàn hạ, thì vũ nữ ca nhi, lúc quân giặc kéo đến, thì bỏ dân cắt đất. Ai chẳng là con đỏ của triều đình mà nỡ để họ chịu cảnh đau khổ

đó ? Hoàng Kế Viêm làm quan Tiết chế Bắc Kỳ gần hai mươi năm, thế mà súng không một khẩu nào bắn được, lính không một người nào biết chiến đấu, chỉ biết ung dung trang sức, cờ gấm hồng, kèn bạc, áo thêu đỏ, nạt nô dân bà, con trẻ làm kẻ kiếm tiền. Cả nước vua tôi như thế, thì không muốn làm kiếp trâu ngựa tôi đòi, phỏng có được chăng ? Còn người tài giỏi có lòng trung nghĩa thì lại bỏ phí hoài... những việc chẳng hải lòng xảy ra trong thiên hạ, thử than sao xiết ? Tráng sĩ Cao Thắng từ nơi đầm cỏ ; tổ chức nghĩa quân, kêu gào giữa khoảng mênh mông trời biển, không một tấc đất dung thân, thế mà từ trong một sơn trại gập ghềnh, lập nên được một lò đúc súng, chống nhau với giặc suốt tám, chín năm trời. Đến nỗi giặc nghe đến họ tên không dám lại gần. Nếu ngay từ thời Tự Đức biết đem hết khí phách xô núi dốc biển, phò tài năng vén gió ngăn mưa, khiến cho sĩ phu trong nước nghe tin, hưởng ứng cùng với trăm nghìn vạn anh hùng vô danh, cùng nhau rong ruổi, cuôi gió theo mây, vượt sóng kinh, quay mũi hướng Tây thì cũng chẳng lấy gì làm khó !

Than ôi ! Ô chí khí lớn lao như vậy, mang tài năng kiệt xuất như vậy mà nỡ để chôn vùi trong cát sỏi. Cuối cùng xông pha súng đạn, chỉ một mình tráng sĩ được nêu danh. Than ôi ! Thật là vinh quang cho tráng sĩ, nhưng cũng thật là bất hạnh cho nhân dân nước ta ! Đau đớn thay ! Đau đớn thay !

Tráng sĩ nhiều phen quân nhau với giặc, bắn giết chúng rất nhiều. Bọn giặc hễ nghe tiếng súng, lại sợ hãi bảo nhau : Quân Nam trở thành quân nước ngoài rồi chăng ? Nếu không phải thì làm sao mà lại có nhiều pháo đạn nước ngoài đến như thế ? Do đó, trong quân giặc, khi giáp trận, bất kỳ sĩ quan hay binh lính đều chĩa mũi súng vào một mình tráng sĩ. Những kẻ nô lệ nịnh hót giặc, không đứa nào không coi tráng sĩ là bậc kỳ tài, bọn chúng dùng

trăm phương nghìn kế nhằm phủ dụ, đánh dẹp cũng không đạt kết quả gì. Bỗng có tên tay sai giặc là Đinh Nho Quang, người cùng làng với tráng sĩ, được lĩnh chức Tuần phủ kiêm Tiểu chấp sự tỉnh Hà Tĩnh, đem hơn hai nghìn quân rải khắp vùng Hương Khê, Hương Sơn để truy lùng sục sạo tiêu diệt tráng sĩ cùng các nghĩa binh. Kế cùng, các bộ hạ của tráng sĩ bực bội xin cho được ra đánh nhau với chúng. Tráng sĩ nói :

– Đinh tuy mất hết lương tâm, nhưng cũng là người của đồng bào Tổ quốc ta. Nếu ta đánh chắc chắn Đinh thua. Trong lúc giao tranh, mũi tên hòn đạn, tính mạng không thể bảo toàn, làm tổn thương đến tình cảm quê hương ta. Nhưng nếu không dùng võ lực trị nó, thì ta cũng phải trừng phạt nó để làm gương cho người trong nước.

Anh em nghĩa binh hỏi dùng kế gì. Tráng sĩ đáp.

– Tên lão nô này dốc lòng với bọn Pháp. Ta sẽ dùng "bọn Pháp" để đánh lừa nó, chắc là bắt được.

Đúng trưa hôm đó, tráng sĩ cho gọi những bộ hạ có đảm lược khoảng năm mươi người, ăn mặc quân trang hết như đội lính kèn (clairos) tây, đủ cả nghi thức võ quan nước ngoài, rồi kéo thẳng vào chỗ Đinh Nho Quang đồn trú. Đinh cho là các quan của đồn giặc tới, không dám tránh. Đinh bị tóm cổ đem đi. Quân giặc bốn phía biết Đinh bị bắt, đứng trơ không dám động cựa gì. Sau khi bắt về trại, Đinh lay tạ xin tha tội chết, tráng sĩ bèn thả Đinh ra.

Truyện⁽¹⁾ nói rằng : Một ngọn cỏ huân (thơm) một ngọn cỏ do (thối), mười năm sau còn ngửi thấy mùi thối của cỏ do ! Lâu dài thay sức bền của mùi vị ! Rồi quay về phía mọi người, tráng sĩ hỏi :

(1) Sách *Tả truyện* chép : "Nhất huân nhất do, thập niên thượng do hữu xú".

– Các anh thích mùi thơm hay thích mùi thối ?

Tất nhiên mọi người đều đồng thanh đáp :

– Thích mùi thơm.

Không có gì là lạ cả. Cái mũi của con người còn lại cũng không bằng khối óc của con người còn lại. Vì rằng, mũi còn thì cảm tình ở máu thịt, óc còn thì cảm tình ở tinh thần. Cảm về máu thịt càng lâu thì sự tanh hôi của nó khiến người ta không chịu nổi ; còn như cảm tình thần càng lâu, càng mạnh mẽ, khiến người ta không thể quên được. Đó là sự việc mà tráng sĩ đã làm cách đây mười lăm năm vậy.

Những người bị khổ về sưu thuế nhớ tráng sĩ ; những người không có rượu uống than không có tráng sĩ nên chẳng được say ; những người không có muối ăn, than vì không có tráng sĩ nên chẳng được no !

Nhìn sông Ngàn Phố mà than thở, nhìn núi Giang Màn mà than thở. Ngọn lửa giặc càng bốc cháy, mối hận thù càng sâu. Lòng tưởng nhớ tráng sĩ của quốc dân ta càng da diết. Giáo hào kiệt ở đâu, ngựa mất gọi linh hồn cổ kiếm ; nợ nghĩa hiệp năm này, phá thành vấy nước mắt anh hùng. Hỡi ôi tráng sĩ ! Hỡi ôi tráng sĩ ! Tôi hâm mộ tráng sĩ. Tôi chẳng muốn nghe hồi chuông báo tráng sĩ lìa đời !

Tuần phủ họ Đinh thua bại, những tên tay sai khác rất sợ. Tráng sĩ ở trên sơn trại cũng được rảnh, mới chăm chú vào việc đúc súng, được hơn ba nghìn khẩu. Lại phái người sang Xiêm mua thuốc súng để tặng binh bị. Rồi xin lệnh cụ Phan, lấy thêm mấy thành ấp ở Nghệ An, Diễn Châu để phô trương uy thế, mưu kế tiến thủ.

*Ra quân chưa thắng thân đã chết ;
Khiến kẻ anh hùng lệ đầm khăn !⁽¹⁾*

Đương lúc tay không tắc sắt, túi không một đồng, nếu như người khác thì đã gục đầu, mất hết ý chí mà kêu : Làm thế nào được ? Làm thế nào được ? Riêng tráng sĩ, đã vượt cở đại, phát gai góc, chảy máu sắt, vấy nhiệt thành, chọi nhau với giặc, mạnh như hổ, tham như sói.

Than ôi ! Đại trượng phu là phải như vậy ; dương uy sức nhuệ đã nhiều năm, lương thực đủ, súng đạn nhiều ; quân hùng lính dũng kéo đến ùn ùn ; khắp dải Lam Hồng một ngọn cỏ, một lùm cây nào chẳng nghiêng cổ trông theo bóng cờ của tướng quân, muốn thở hít chút hơi kiêu tự do, muốn ngó nhìn cảnh võ đài độc lập, có biết đâu rằng, tổn bao năm tâm huyết mà chỉ để lại một tấm bia kỷ niệm đau xót thôi ư !

*Sấm sét rền vang tỉnh dương thế.
Ấp ủ mấy mùa để hậu lai !*

Âu cũng là để tạm an ủi tráng sĩ vậy.

Niên hiệu Hàm Nghi thứ chín, năm Quý Ty, tháng mười là ngày kỷ niệm lớn về tráng sĩ.

Được biết là khoảng hai ba giờ trước khi bỏ mình, tráng sĩ còn biểu diễn những tiết mục đặc sắc "hát múa súng đạn" để tỏ uy linh của núi sông và để làm thỏa mãn tai mắt muôn nghìn người nghe, xem. Cớ sao cuộc đời của tráng sĩ lại đã vội chấm dứt ở đây ?

(1) Nguyên văn hai câu thơ chữ Hán của triều đình đời Nam Tống (Trung Quốc) :

*Xuất sư vị tiếp thân tiên tử ;
Trường sử anh hùng lệ mãn khâm !*

Khi tráng sĩ đang đốc suất đại binh đi kinh lược vùng Thanh Chương, vừa mới đến chợ Lương Điền ở tổng Bích Triều, chợ này có đồn giặc đóng. Được tin quân của tráng sĩ kéo đến, viên quan đồn rất sợ, liền đánh điện gấp báo tin cho các đồn khác. Một lát sau, viện binh của giặc đều tập trung ở đồn Lương Sơn. Tên quan ba (capitaine), tên quan một (sous-lieutenant) đồn Nam Đường, cùng với mấy tên quan một, quan hai (lieutenant) khác của giặc họp binh liên đồn để đánh nhau với tráng sĩ. Tổng cộng số binh lính của giặc có đến năm trung đội (cinq compagnies) ; lại có khoảng hai nghìn lính tập (tirailleurs) làm đội tiền khu. Sáng ra, cờ ba sắc (drapeau tricolore), tiếng kèn rợp núi vang khe. Mọi người nhìn thấy đều lấy làm lo sợ cho tráng sĩ. Lúc tin điệp báo về, tráng sĩ bảo với bộ hạ rằng :

– Kể từ ngày dấy binh, nay cánh tay của ta mới thấy khoái đó. Giặc kia sợ là sợ ta vậy. Ta sẽ cùng các anh chia làm ba đội. Ta dẫn đội chính binh đánh vào giữa, các anh là hai đội kì binh, chia làm hai cánh tả hữu đánh vào. Ta ở trên núi cao đứng phát cờ ra lệnh, cố ý để cho giặc nhìn thấy ta, chúng sẽ đốc toàn lực để đánh ta, các anh tức tốc kéo quân về hai bên tả hữu, chặn ngay cánh tay giặc lại. Ta từ trên núi kéo xuống, xông vào giữa đội hình của giặc mà đánh, giặc tất phải bắn loạn xạ, thì làm sao mà trúng đích được. Chẳng mấy chốc giặc tất thua to. Quân ta thừa thắng kéo thẳng về thành Nghệ An, cắt gan giặc nấu canh, cùng các anh uống rượu cho bằng thích.

Lúc đó, tiếng tráng sĩ vang lên như tiếng chuông, mắt lấp lánh như ánh sao, ba quân nhảy nhót, tiếng văng dạ hân hoan ran xa đến mấy dặm dài. Sau khi cùng nhau ngồi ăn bữa trưa trên bãi cỏ, nghĩa quân từ núi Lương Điền kéo xuống, binh lính giặc cũng từ đồn chợ dẫn đến, gặp nhau ở phía tây xã Lương Điền. Các tướng

lính nghĩa quân theo y kế của tráng sĩ, chia làm ba mũi giáp công. Tiếng súng trận dội vào khe núi, ngân xa đến vài trăm dặm chưa dứt. Từ 9 giờ sáng đến 12 giờ trưa giao chiến, tên quan một và quan hai của giặc bị thương, cánh quân của tên quan ba giặc cũng bị vây. Lại ác chiến thêm một lúc nữa, quân giặc chết thêm vài chục tên, còn bọn lính tập thì chết không biết bao nhiêu mà kể. Giặc vội di chuyển trận địa, muốn rút lui. Chúng dồn số đạn được còn lại, bốn phía tập trung, hướng vào phía tráng sĩ mà bắn. Tráng sĩ bị một viên đạn bất ngờ trúng vào chân trái. Bỗng bó vết thương xong, tráng sĩ vẫn ráng đánh đến tận đúng một giờ chiều. Thế giặc càng quẫn. Chợt có quân cứu viện của giặc vượt sông Ngô kéo tới, khí thế rất hung hăng. Không may, tráng sĩ lại bị trúng một viên đạn nữa, gằm lên một tiếng rồi ngã vật xuống. Khẩu súng mười (fusil à dix coups) cầm trong tay văng ra, không nhả đạn nữa ! Bộ hạ, tỳ tướng bị thương và chết đến hơn mười người. Rồi nghĩa binh cùng nhau đỡ lấy thi hài người tráng sĩ chết trong bách chiến mang đi.

Than ôi ! Từ đó môn hạ của cụ Phan Đình Phùng không còn có một tướng nào có tài chiến đấu như Cao Thắng nữa. Chẳng bao lâu, tên Nguyễn Thân đem hơn vạn quân giặc chà đạp lên đất châu Hoan, gót chân giặc dày đặc như đàn. Rồi cụ Phan hy sinh, nghĩa binh tan rã. Nước ta đến đây không còn lấy một dóm tro tàn ! Mỗi quan hệ của tráng sĩ với non sông ta há chỉ có lợi bằng một sợi tơ sợi tóc thôi ư ?

Kẻ bắn chết tráng sĩ là người huyện Hưng Nguyên, tên là Phiến. Phiến sinh ra ở nước Nam, nhưng lại làm chó săn cho giặc. Khi giặc vào Nghệ An mộ lính tập, Phiến ra ứng mộ, đánh rất ác, giặc cho làm chức quan một, nên người ta thường gọi hắn là Một Phiến.

Đọc lịch sử châu Âu, thấy Đỗ Lan Tư Oa⁽¹⁾ chống Anh, Phi Luật Tân⁽²⁾ chống Mỹ, không phải họ không phơi thầy nghìn dặm, máu chảy thành sông. Nhưng chỉ thấy có người Anh giết người Đồ, mà không thấy người Đồ giết người Đồ ; chỉ thấy người Mỹ giết người Phi, mà không thấy một người Phi nào giết người Phi cả. Họ đều biết rằng, người dị tộc không thể nương tựa, mà chỉ lấy nước cùng giống để làm thân, đó là nghĩa lý rất thông thường của dân một nước văn minh. Ngay như giặc Pháp đến diệt nước ta, những người nước ta bị giặc giết hại, lại phần nhiều là do bàn tay của bọn người theo giặc ! Loại người lòng lang dạ sói, mặt người ruột thú như tên Một Phiến bắn chết tráng sĩ họ Cao, thì quả thực là khắp

(1) *Đỗ Lan Tư Oa* (Tranxvan) : Một nước thuộc nam châu Phi xuất hiện từ năm 1836 dưới quyền đô hộ của thực dân Hà Lan, diện tích 286.053 km², dân số khoảng 5 -- 6 triệu người, chủ yếu là người Bôero. Thủ đô là Prêtôria. Tài nguyên trong nước có nhiều mỏ vàng, kim cương và than đá. Sau đó, thực dân Anh thấy lợi, đem quân đến tranh giành, rồi Anh -- Hà xung đột, cuối cùng Anh thắng. Mãi đến năm 1881, được độc lập, nhưng lại vẫn chịu dưới quyền ủy trị của thực dân Anh.

Dưới chế độ khắc nghiệt của thực dân Anh, dân Tranxvan đã nhiều lần đứng lên khởi nghĩa chống lại, thất bại. Cho mãi tới năm 1902, nhân dân nước này vẫn không chịu khuất phục, kiên trì đấu tranh. Nhưng do ảnh hưởng của đế quốc Anh ở đây chiếm ưu thế, đến năm 1909, nước Tranxvan buộc phải tham gia vào khối liên bang Nam Phi. Hiện nay Tranxvan trở thành một tỉnh của Liên bang Nam Phi.

(2) *Phi Luật Tân* (Philippine) vốn là thuộc địa của Tây Ban Nha. Năm 1898, nhân lúc thực dân Tây ban Nha đang bị nguy khốn trước sức kháng chiến mãnh liệt của nhân dân quần đảo này, đế quốc Mỹ nhảy vào chiếm Philippine. Dưới sự lãnh đạo của Alguinaldo, nhân dân ở đây đã vũ trang chống Mỹ nhưng sau do sự đầu hàng của tầng lớp tư sản địa chủ, nên cuộc kháng chiến đó đã thất bại.

hoàn cầu chưa hề thấy một ai như vậy cả. Đáng thương thay !
Đáng thương thay !

Cùng được che chở trong trời đất này, cùng sinh ra và được nuôi dưỡng trên non sông này. Hàng ngàn năm nay, huyết mạch của tổ tông để lại, ai chẳng phải là anh ta, em ta ? Ai chẳng phải là chú bác ta, cha mẹ ta ? Sao lại nở day tay trở mặt, cùng giống hại nhau ; sao lại nở vì người khác giống mà giúp kẻ bạo ngược ? Hôm nay một người cùng giống nòi giết một người cùng giống nòi, ngày mai lại có mười người cùng giống nòi giết mười người cùng giống nòi. Ngày nào cũng như thế, năm nào cũng như thế, tháng nào cũng như thế, thì chỉ tổ làm cho bọn quý khác nòi kia ngồi nhìn cảnh sầu đau "hở nhai kinh nuốt" của dân ta mà khoái chá ! Người nước ta há lại chẳng thấy thân phận mình sẽ biến thành con giun, con kiến hay sao ! Đau lòng mà sống với kiếp nô lệ, quyết không phải là cuộc sống dài lâu của bọn ta ! Mọi mắt nhìn cảnh non sông chìm đắm và xót thương cho những linh hồn chưa chết hôm nay mà tôi viết truyện *Tráng sĩ Cao Thắng* này.

Tôi mong đồng bào ta, chớ làm như tên Phiến tàn hại đồng bào !

LÊ NINH dịch, CHƯƠNG THÂU hiệu đính

VIỆT NAM QUỐC SỬ KHẢO

Lời dẫn

Sách viết xong năm 1908, in tại Tokyo năm 1909. Khác với các tác phẩm tuyên truyền viết theo lối tiểu truyện hay tiểu thuyết, "Việt Nam quốc sử khảo" thuần nội dung lịch sử. Song ở tác phẩm này,

Phan Bội Châu không trình bày lịch sử dân tộc theo tuyến tính lịch sử, hay theo kiểu biên niên sử các triều đại mà hình dung theo chủ đề, chứng tỏ, một mặt, tác giả đã chịu ảnh hưởng của lối khảo cứu, mặt khác cho thấy mục đích viết sách không vì viết sử mà hướng đến giá trị tuyên truyền và cổ động cho phong trào yêu nước.

Tác phẩm gồm 10 chương, có tiêu đề : "Tổ quốc chúng ta", "Nhân chủng, nhân khẩu nước ta", "Địa lý, sản vật nước ta", "Những thời đại biến chuyển mà nước ta đã trải qua", "Sự thịnh suy của dân quyền và dân trí nước ta", "Những vị anh hùng chống ngoại xâm mưu độc lập của nước ta thời trước", "Các bậc võ nhân, văn sĩ nước ta", "Sự gian khổ của nước ta kinh lý Chiêm Thành và các miền núi nơi biên giới của các triều đại", "Sự chịu khuất phục về ngoại giao của các triều đại nước ta", "Đầu đuôi mối quan hệ giữa nước ta với người châu Âu", với "Lời phê" (ở phần Chú thích) của Hoàng Trọng Mậu. Để cung cấp thêm tư liệu cho việc hình dung chính xác tư tưởng "dân" và "dân chủ" của Phan Bội Châu, chúng tôi trích giới thiệu chương 5 của tác phẩm.

*

* *

Chương thứ năm

SỰ THỊNH SUY CỦA DÂN QUYỀN VÀ DÂN TRÍ NƯỚC TA

Tiết thứ nhất

QUAN HỆ GIỮA DÂN QUYỀN VÀ QUỐC QUYỀN

Theo công pháp vạn quốc đã định, được gọi là một nước thì phải có nhân dân, có đất đai, có chủ quyền. Thiếu một trong ba cái ấy đều không đủ tư cách làm một nước. Trong ba cái đó thì nhân

dân là quan trọng nhất. Không có nhân dân thì đất đai không thể còn, chủ quyền không thể lập ; nhân dân còn thì nước còn ; nhân dân mất thì nước mất. Muốn biết nhân dân còn mất như thế nào thì phải nhìn xem cái quyền của nhân dân còn mất thế nào. Dân quyền mà được đề cao thì nhân dân được tôn trọng, mà nước cũng mạnh. Dân quyền bị xem nhẹ, thì dân bị coi khinh, mà nước yếu. Dân quyền hoàn toàn mất thì dân mất, mà nước cũng mất. Dân mất tức là có dân cũng như không có dân vậy⁽¹⁾.

Nhật, Anh, Đức, Pháp, Mỹ đều là những cường quốc, tức đều là những nước mà dân quyền được đề cao. Hình pháp, chính lệnh, thuế khóa, tiêu dùng đều do nghị viện quyết định, mà nghị viện thì đều do nhân dân tổ chức nên, Chính phủ không được can thiệp vào. Hàng năm đến kì nghị viện họp, các nghị viên tụ tập đông đủ. Chính phủ phải trình bày dự án trước hội nghị. Nghị hội tức là nhân dân. Những điều nhân dân cho là phải, chính phủ không thể không làm ; những điều nhân dân cho là trái, chính phủ không làm được. Tuy rằng sắc chiếu của Hoàng đế rất là đáng tôn trọng, nhưng nếu nghị viện không đồng ý thì cũng phải thu hồi mệnh lệnh đó. Dân quyền đáng sợ đến như vậy đấy ! Ở châu Á ta, bậc đại hiền Mạnh Tử có nói rằng : "Dân là quý vua là thường". Những vị vua tốt ở châu Âu cũng nói với dân rằng : "Ta là công bộc của các người". Sao vậy ? Vì rằng, chính phủ phải dựa vào nhân dân để mà được yên, nhân dân cũng nhờ vào chính phủ mà có giá trị. Nhân dân có nghĩa vụ giám đốc chính phủ. Nhân dân mà làm tròn nghĩa vụ của mình thì chính phủ không dám làm sai ; chính phủ có nghĩa vụ bảo vệ nhân dân. Chính phủ mà làm tròn nghĩa vụ của

(1) Không có quyền thì không thành là dân một nước, không dân thì không thành ra một nước (Lời phê).

mình, thì nhân dân không đến nổi mất chỗ nương tựa. Chính phủ tức là chỉ đại biểu cho cả nước mà thôi. Còn cái căn bản, cái then chốt thì toàn là ở dân. Vua phải lấy dân làm trời, dân chính là trời của kẻ đứng đầu cai trị nước. Ngày nay, dân quyền đã mất hết, thì có dân cũng như không có dân. Có dân mà như không có thì cái được coi là trời không còn nữa. Đến như thế thì nước muốn không mất có được không ? Nước ta cũng như Ấn Độ, Triều Tiên, Miến Điện đều thế cả⁽¹⁾.

Tiết thứ hai

MẦM MỔNG DÂN QUYỀN CỦA NƯỚC TA

Than ôi ! Dân nước ta không có quyền đã lâu rồi. Nhưng lúc đầu có đầu đến nỗi đồi bại như thế này ! Theo sử chép, Lý Thái Tổ năm đầu (1010) ban chiếu nói nếu có việc kiện cáo thì cho phép đến triều đình tâu. Lý Thái Tông niên hiệu Sùng Hưng năm thứ tư (1052) đúc một cái chuông lớn đặt ở bệ rồng Thiên An, để khi dân có điều gì oan ức mà không thấu lên được thì đến đây đánh chuông cho vua nghe. Những việc đó tuy chưa phải là dân quyền thực sự, nhưng cũng đã là mầm mống của dân quyền. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ sáu (1285) đời Trần Nhân Tông, quân Nguyên vào cướp nhà vua mời các bậc kỳ lão trong thiên hạ đến điện Diên Hồng đãi tiệc và hỏi mưu kế. Các bậc kỳ lão đều nói : "Nên đánh", muôn người như một⁽²⁾. So với các nước châu Âu, Nhật Bản, khi

(1) Đường đường như nước An Nam mà lại chịu đồng hàng với Miến Điện, Ấn Độ. Thật đáng buồn (Lời phê). Lời phê trên thật không đúng, vì nặng tư tưởng tự cao tự đại dân tộc (ND).

(2) Các bá lão này thật không thẹn với dân khi họ Đại Hoà (Lời phê)

sắp có việc chiến tranh phải họp hội nghị lâm thời đặc biệt để xin nghị viện quyết định cho đánh, rồi mới xuất binh, thì có khác gì đầu ! Cho nên nói đây là mầm mống dân quyền của nước ta.

Ôi ! Một nước nhỏ yếu như Việt Nam chúng ta mà đương đầu với một nước mạnh như Mông Cổ, Hốt Tất Liệt anh hùng như vậy, Ô Mã Nhi, Toa Đô kiệt hiệt như vậy, đem quân qua nước Nam ta, gặp nhân dân ta chúng đã mắng rằng : "Bọn mày bay lên trời thì ta bay lên trời, bọn mày chui vào đất thì ta chui vào đất, bọn mày lặn xuống nước thì ta lặn xuống nước". Tưởng chừng như không nuốt sống được ta thì không chịu thôi. Thế mà những vua quan đời Trần chỉ đánh một trận là tiêu diệt 50 vạn quân giặc, quét đi như lá rụng⁽¹⁾. Thế chẳng phải chứng tỏ rằng dân quyền được trọng thì nước được mạnh đó sao ! Việc này đối với lịch sử phương Tây thì thật là bình thường, nhưng nhìn vào lịch sử nước ta thì thật là quý báu như sừng con lân, lông chim phượng, là một điềm tốt hiếm có. Vì rằng, suốt trên dưới 3.000 năm quốc sử mà mầm mống dân quyền chỉ có ngày nay là một :

*Đau lòng việc cũ xin đừng hỏi,
Mòn mỏi đầu xanh chẳng nỡ xem !⁽²⁾*

Than ôi ! Một lần mầm mống đó mà thành ra vật không thấy lại trong lịch sử nước ta nữa ! Buồn đau biết chừng nào !

(1) Một trận Bạch Đằng rút cục làm cho nước sông xuôi mãi, cuốn hết đi về hướng đông. Lời nói dùng như sấm (Lời phê).

(2) Nguyên văn : *Thương tâm vãng sự quân hưu vấn, Tiêu tụy niên phượng bất nhân khang.*

DÂN QUYỀN NƯỚC TA BỊ HAO MÒN

Ôi ! Dân quyền nước ta vốn đã có một ngày mầm mống rồi đấy. Giá được vua tốt, tướng hiền biết theo đấy mà bồi dưỡng vun tưới cho cái mầm mống ấy ngày một tốt tươi thì mưa gió có lo ngại gì. Nhưng chẳng may lại gặp phải bọn bạo quân ô lại chà đạp lên.

Ôi ! Dân quyền phát đạt đâu phải là ý muốn của bọn bạo quân ô lại. Chúng vốn chỉ biết cao lương mỹ vị, xướng ca xa xỉ đến cực độ kia ! Cung thất, thê thiếp hàng nghìn hàng trăm, cung phi, quận chúa, công tử, công tôn chỉ biết sống hoang dâm, mà không làm việc gì cả, muốn tha hồ làm gì thì làm để thoả cái ý muốn của chúng thì không thể không bòn rút tiền bạc, của cải của dân ta. Tiền của tức là máu mớ của dân ta. Rút hết máu mớ của dân ta để cung ứng cho bọn quan dâm dục kia, dân ta tất không thể nào chịu nổi. Nếu chúng cho dân có quyền, tất nhiên dân sẽ công kích những điều họ ghét⁽¹⁾. Vậy thử hỏi : bọn bạo quan ô lại kia có chịu bỏ dâm dục mà chết được không ? Cho nên chúng dùng phương sách cắt móng, giũa răng, khóa mồm..., dân quyền ta do đó mà hết.

Sử chép : Luật cấm vượt thứ bậc để kêu nài bắt đầu từ niên hiệu Thiệu Bình (1434) năm đầu đời Lê Thái Tông. Cấm phục sức trái phép như dùng màu vàng, đi giày dép bắt đầu từ niên hiệu Thái Hoà năm thứ sáu (1448) đời Lê Nhân Tông. Từ đó về sau lại có thêm lệ cấm cất giấu binh khí, cấm đọc binh thư, cấm đọc riêng

(1) Dân có quyền thì chúng sẽ không có tiền. Như thế thì tốt thế nào được !
(Lời phê).

luật lệ, cấm bàn riêng thời sự, cấm xem trộm quốc sử bản triều, cấm trước tác những sách phạm đến chính trị đương thời. Những kẻ dám nhìn trộm mặt vua là chết ; dám đọc thẳng những tên vua là chết. Như thế thì chẳng những không cho dân có quyền, mà còn đặt bẫy để vây bắt dân. Đến nỗi người dân thường coi quan như cọp, trông thấy mà nơm nớp sợ chết. Dân chúng ở nông thôn có người không biết vua là như thế nào, gặp lúc khốn khổ thì họ kêu trời, kêu vua, kêu thần, âm thầm khẩn vái : họ cho vua cũng là một vật vô ảnh vô hình, rất linh thiêng, rất quái lạ⁽¹⁾. Nếu có người bảo với họ vua cũng là người thì họ kinh ngạc không dám tin. Than ôi ! Đau xót thay ! Dân quyền mòn mỏi đến thế là cùng !

Người nước Nhật Bản, từ già trẻ, gái trai, không một ai là không biết đọc tên của Thiên Hoàng ; khắp thành thị hương thôn, không một nhà nào là không thờ ảnh Thiên Hoàng. Thiên Hoàng đi đến đâu, đứa trẻ từ ba tuổi cũng được đến gần xe, ngựa mà hô "vạn tuế"⁽²⁾. Trời ơi ! Trời ơi ! Dân ta bao giờ được có một ngày như thế ?

Tiết thứ tư

SỰ ĐÁNG THƯƠNG VỀ DÂN TRÍ NƯỚC TA

Dân quyền của các nước Đông Tây cố nhiên được bành trướng như vậy, nhưng có phải tất cả là do các ông vua quan nước đó bung hai tay mà dâng cho dân đâu ! Dân quyền được tôn trọng là

(1) Chỉ nghe giả trị mà không thấy hình dáng, đích là tình quái (Lời phê).

(2) Quân dân nước người ta cũng như cha con. Cho nên ai ai cũng biết được việc tôn kính thần mền (Lời phê).

dân trí đã lên cao. Ở các nước Nhật, Anh, Pháp, Mỹ, tư tưởng nhân dân phong phú, biết củng cố đoàn thể, biết yêu nước hợp quần là một nghĩa vụ không thể thiếu được ở trong đời. Khi nước nhà có những việc lớn như chinh chiến, ngoại giao, cứu tai bình loạn, thì người có của góp của, kẻ có sức góp sức, tranh nhau được đóng góp cho nước nhà khi cần gấp. Lúc thái bình vô sự, nhân dân biết tổ chức thành xã hội để làm những việc đường sắt, chạy tàu, nông cục, công cục, thương cục... là những việc có ích cho nước nhà.

Ồi ! Nhân dân đã biết trước hết làm lợi cho quốc gia, quốc gia dám không trao quyền cho nhân dân hay sao ? Nếu có một vài vua quan ngoan cố, gian ác muốn không trao quyền cho dân, dân tất sẽ liên kết thành đại dân đảng để tranh đấu. Tranh đấu một lần không thắng thì tranh đấu lần nữa, lần nữa không thắng thì lần thứ ba ; tranh đấu lần thứ ba không thắng thì quân cách mạng phải nổi lên. Vậy thì một vài ông vua ngoan cố, ông quan gian ác liệu chống thế nào được với ức triệu con người⁽¹⁾.

Nền cộng hoà của nước Pháp, nước Mỹ là do dân trí mà có ; nền lập hiến của Nhật, Anh, Đức cũng do dân trí mà ra. Ở Nhật Bản, sau khi lật đổ Mạc Phủ, Thiên Hoàng nắm giữ quyền chính. Chợt khi xảy ra sự biến Tây Nam, Thiên Hoàng thân ra làm tướng chỉ huy, đốc hết quân đội toàn quốc đánh suốt 8 tháng mới dẹp xong. Bấy giờ vua mới biết khó ngăn nổi dư luận, khó chống lại ý dân, cho nên không thể không nhân dịp đó mà dẫn dắt, liền ban bố chiếu lập hiến, lấy năm Minh Trị thứ 20 họp quốc hội. Bởi vậy, Tân Hương Long Thịnh có công lớn không phải là ở chỗ lật đổ Mạc Phủ mà chính là ở chỗ tranh được dân quyền. Ngày hiến chính được ban bố tức cũng là ngày mà tượng đồng công tước Tây

(1) Có trí thì tranh được quyền, bọn gian ngoan kia làm sao mà ngăn nổi (Lời phê).

Hương được dựng ở Thượng Dã⁽¹⁾. Ngày nay, hàng ngàn, hàng vạn người đi qua ai cũng chiêm ngưỡng mà sùng bái. Than ôi ! Dân trí có công với dân quyền lớn vậy thay ! Nay tôi chính thương cho người nước ta không có dân trí là vì sử cũ vốn không chép gì đến dân, dân cũng không có việc gì đáng chép, vì vậy, giờ đây, tôi xin kể những điều tai nghe mắt thấy để quốc dân ta cùng biết.

Hay nghi kỵ lẫn nhau, không làm nên việc gì cả, đó là điều rất ngu thứ nhất. Tôn sùng những điều xa hoa vô ích, bỏ bê những sự nghiệp đáng làm, đó là điều rất ngu thứ hai. Chỉ biết lợi mình mà không biết hợp quần, đó là điều rất ngu thứ ba. Thương tiếc của riêng không tương đến việc ích chung, đó là điều rất ngu thứ tư. Biết có thân mình, nhà mình mà không biết có nước, đó là điều rất ngu thứ năm. Trong thiên hạ, những sự nghiệp có lợi ích chung, không người nào một mình mà có thể làm được. Ngay đến những việc vô ích nhất, như chơi cờ bạc, cũng phải hai người trở lên đến 10 người, huống chi những việc lợi ích gấp ngàn gấp vạn ?⁽²⁾. Người càng đông thì mưu tính được việc càng lớn, việc càng lớn thì cần người càng đông. Như vậy, không hợp từ 10 người đến trăm, ngàn vạn người mà không tin nhau, tất cũng không được.

-
- (1) *Thượng Dã viên trung*
Nghiêm nhiên chân dung
Ai ngã nhân tư
An đắc như công ! (Lời phê)

Dịch :

Thượng Dã vườn công,
Có tác tượng đồng.
Thương người nước Việt,
Mong được như ông !

- (2) *Chơi cờ đánh bạc là việc mà dân ta rất giỏi đoàn kết (Lời phê).*

Nay có hai người cùng làm một việc, lập công chung, nhưng người này nghi kỵ người kia, người kia nghi kỵ người này. Hai người đã nghi kỵ lẫn nhau thì cả hai không thể tận tâm. Cả hai đều không thể tận tâm thì đều là giả dối. Cả hai nghi kỵ lẫn nhau thì không hợp lực với nhau. Cả hai không hợp lực với nhau thì đều bị cô độc. Lòng giả dối, sức cô độc thì tất hỏng việc. Việc hỏng thì danh không thành, mà thân cũng bị họa. Xét nguyên do hỏng việc là vì nghi kỵ lẫn nhau. Người châu Âu, Nhật Bản, làm việc gì cũng hợp đoàn mà làm. Đó là do họ biết tin yêu thương mến nhau mà ra. Tôi thường thấy người Nhật Bản lúc bàn tính công việc quan trọng, họ không tin vợ con anh em mà chỉ tin những người cùng cộng tác với mình. Họ tin cậy nhau hơn ruột thịt như thế, lẽ nào việc lại không thành ? Còn như nước ta thì không phải là không muốn làm nên việc, nhưng cùng làm việc thì nghi ngờ nhau ; không phải không muốn thành công, nhưng cùng lập công thì ghét bỏ nhau. Cùng làm một việc, nếu họ bại thì ta làm thế nào mà thành. Cùng chung một công, mà họ mất thì ta cũng không thể được. Giả thử họ thất bại mà ta thành công đi nữa thì ta cũng cô độc nguy khốn. Cái việc thành công tạm thời đó không thể cứu được cái thất bại về sau. Nếu chịu nghi kỵ như thế thì sao ta lại không biết dẫn lòng mà theo nhau, không biết suy lòng thành thật mà đối đãi nhau, chung sức hợp tác để cùng hưởng hạnh phúc của công việc hoàn thành ! Nhưng mà lại cứ nghi ngờ nhau, ghét bỏ nhau là có làm sao ? Thật là quá ngu không thể hiểu được. Nước được cường thịnh là nhờ có nhân dân. Dân được cường thịnh là nhờ có sự nghiệp công ích, như ngân hàng thương mại, nông xã, công trường, học đường, đường sắt, điện lực, tàu thuyền, v.v. Những việc đó đều do nhân dân dốc toàn lực ra mà làm thành. Đó tức là những việc lợi ích nhân dân đóng góp cho triều đình. Nay những việc đó, người nước ta đều không thể làm được. Hỏi vì sao không làm được

thì nói là vì không có tiền của. Sở dĩ không có của là vì đã tiêu phí vào trong những việc vô ích xa hoa rồi⁽¹⁾. Đó là những việc :

1. Việc hôn nhân : Hôn nhân là việc của trai gái. Việc hôn nhân cũng như việc ăn uống là những việc chính người ta, nghĩa là những việc không thể thiếu được trong lẽ sống hằng ngày của con người. Nhà nào cũng có việc đó ; người nào cũng có việc đó ; ngày tháng nào cũng có việc đó, thì có gì là mới lạ đâu ? Thế mà cũng mời khách khứa, phô trương xa phí hàng trăm, hàng nghìn, thậm chí đến hàng vạn ; nhà giàu thì hao phí tiền của, nhà nghèo thì phải cầm bán ruộng đất sản nghiệp. Ôi ! Ky cóp quanh năm, vất vả suốt đời, chỉ lo mỗi một việc hôn nhân mà trở lại trắng tay. Thật đáng thương lắm vậy ! Nếu bảo rằng muốn coi việc đó là quan trọng, thì mệnh lệnh của cha mẹ và lời lẽ của người mai mối cũng đã là trọng rồi. Nếu bảo rằng đây là kế sinh dục, thì thử hỏi cái việc sinh dục đó, các khách khứa, bạn bè, họ hàng có công trạng gì ? Làm một việc hao tổn vô vị, thật quái gở thay !⁽²⁾. Tôi không thấy người châu Âu làm như thế nào nên không bàn đến, còn như người Nhật Bản thì con gái 20 tuổi trở lên, con trai 30 tuổi trở lên muốn lấy vợ lấy chồng thì kể tên họ, chức nghiệp, học thuật và cư trú ở đâu, thuộc chủng tộc nào, rồi đăng tin lên báo chí, con trai thì nói là cầu thê, con gái thì nói là cầu hôn (ở Nhật Bản, không có nạn tảo hôn, con trai đến tuổi phải tòng quân về rồi mới lấy vợ, con gái thì phải học tốt nghiệp xong rồi mới lấy chồng). Nếu có ý muốn lấy nhau thì trước hãy viết danh thiếp đưa đến nhà người con

(1) Tiết kiệm với những việc có ích để xa phí vào việc vô ích, hằng hái với những điều vô nghĩa mà nhút nhát với những việc có nghĩa, đó là tài giỏi của người nước ta (Lời phê).

(2) Một việc rất tầm thường mà lại lãng phí rất lớn. Tiếc thay ! (Lời phê).

gái. Người con gái cũng đưa danh thiếp đến nhà người con trai để báo cho biết. Nếu hai bên xứng đôi với nhau thì con trai đến nhà gái. Cha mẹ hoặc anh em chú bác nhà gái cho người con gái đó ra gặp mặt, lại nói rõ ý tìm đôi kén lứa. Trao lễ xong, chào nhau ra về. Hôm sau, nhà trai cho một người mới đến nhà gái xin ý kiến cha mẹ. Nếu không có cha mẹ thì xin anh em chú bác định việc cưới xin và cho ngày tháng nào đó làm lễ rước dâu. Đến ngày đó, nhà trai đưa đến nhà gái hai cỗ xe, một xe mình chú rể ngồi, còn một xe để trống đợi rước dâu. Cha mẹ hoặc anh em chú bác người con gái nhân tiện cũng dọn một bữa rượu để tiễn biệt con gái. Tiệc rượu xong, hai người con trai và con gái lạy tạ, rồi lên xe đi. Cha mẹ hoặc anh em chú bác nhà gái cũng thân tự dẫn đến nhà trai. Con gái đến nhà trai, khi đã vào khỏi cửa rồi, thì mặc bộ quần áo mới đẹp vào (quần áo này là do nhà trai lo sắm cho), theo một người bạn gái nhà trai đi cùng đến các nhà láng giềng thân thuộc, đứng ngoài cửa vãi chào, chào xong đi ngay. Đó tức là báo với mọi người biết đây là cô dâu mới. Tục lệ như thế thật là giản đơn và thuận tiện, thật là thích hợp với nhân tình. Ngoài ra mọi việc như mời khách, đặt tiệc, thách cưới, đòi cheo, v.v. đều không có. Dem họ mà so sánh với ta, thì ta ngu dại quá chừng⁽¹⁾.

2. Việc thờ cúng : Thờ cúng tổ tiên cha mẹ là để tỏ ra không dám quên ơn người xưa. Nhưng chỉ nên "trai giới"⁽²⁾ để tỏ lòng kính, ngồi yên tưởng nhớ để tỏ lòng thương. Như vậy đã là đủ rồi.

(1) Mọi việc gì cũng lấy Nhật Bản ra mà đối chiếu thật như tấm gương soi rõ đẹp xấu vậy ! (Lời phê).

(2) Tục lệ đời xưa, khi muốn cầu nguyện với thần linh, hay có việc tế tự thì trước ba ngày ăn uống đồ chay gọi là trai. bảy ngày hết sức kính cẩn thường nhắc nhở mình cầu nguyện gọi là giới. Gọi chung là trai giới.

Chưa một ai chết rồi mà còn có thể ăn thịt uống rượu được. Nếu như tổ tiên có thể ăn uống được, mà suốt trong một năm chỉ được cúng trong một ngày giỗ thì chắc là chết đói mất, kẻ làm con đời nào nhân tâm như vậy ? Bày biện cỗ bàn, giết thịt bò, dê, gà, lợn để mời hàng xóm, họ hàng, khách khứa đến ăn no uống say mới thôi, như thế có phải mượn tiếng người chết để làm sướng mồm người sống hay không ? Thật là quá nhân tâm ! Huống chi lúc cha mẹ đang sống, một chén cơm, một bát canh cũng không cho ăn ; đến khi chết rồi thì lại làm lễ tam sinh tốn kém hàng vạn để báo hiếu. Sao lại lừa dối người quá đến thế ?

Đến như việc tế thần, dùng xôi thịt, với những mười bò chín dê, trăm cân nghìn bát, thì thật là buồn cười ! Nếu cho là không có thần thì nỗ nào vứt một số tiền hữu dụng để cúng tế những cái mô đất, tượng gỗ vô ích như thế ? Nếu cho là có thần thì thần cũng chỉ là một hơi hương phảng phất, đời nào lại đi ăn nhờ các thức ăn, hơi khói lửa của nhân gian để sống ?⁽¹⁾ Nếu không có thần thì ta không cúng tế cũng được. Nếu có thần thì chỉ nên cúng tế với hình thức ăn chay mà thôi. Còn ăn uống no say, giết hại sinh vật, mà bảo thế là "kính" thần thì thật là vô lý : Lấy việc đó để mà kính thần, thần nhất định không ban phúc. Tôi thấy việc tế tổ tiên thần thánh ở Nhật Bản, đến ngày giỗ cha mẹ, thì cả nhà yên tĩnh nghiêm trang, không nghe một tiếng động, người ta lấy giấy viết tên hiệu cha mẹ, bày lên bàn thờ, thắp hương đèn, cắm hoa tươi, ngoài ra không có vật gì khác. Tôi sống với người Nhật Bản ba, bốn, năm mà không được bữa rượu cúng tế nào cả. Thật cũng tự lấy làm buồn !

(1) Chỉ vì thần là một khái niệm phảng phất không biết ăn uống cho nên mới tế thần, chứ nếu thần mà biết ăn uống thì đâu dám cúng (Lời phê).

3. Việc tang ma : Người ta sinh ra ở đời, tất cả mọi công danh sự nghiệp đều làm vào lúc đang sống. Sau khi đã chết rồi thì chỉ có việc lưu danh bất hủ là đáng quý mà thôi. Còn cái bộ xương mục nát này vốn không quan hệ gì nữa đâu. Dem nó nhấn chìm xuống nước cũng được ! Vì rằng những chất tri năng vận động đã không còn nữa, thì đồng thit nát xương tàn đó khác gì đất với gỗ ? Huống hồ đất gỗ còn có ích dụng cho nhân sinh, chứ đồng xương nát kia làm gì bằng đất gỗ ? Duy có một điều làm cho các con em không nỡ vứt bỏ, không nỡ để phơi trần đồng xương đó, nên mới có lệ chôn cất. "Chôn" nghĩa là "giấu đi", giấu dưới sâu để khỏi lộ ra, như thế là thoả lòng người chết rồi. Thế nhưng, ngày nay có người nhân việc cha mẹ chết, muốn lấy tiếng là "có hiếu" mà giết bò, giết dê, mời khách khứa, xóm làng, hàng họ, thổi kèn đánh trống âm ỹ suốt ngày, mượn cái chết để mua vui cho người sống, lấy việc buồn làm việc vui. Sao mà nhẫn tâm như thế ? Sao mà ngu ngốc như thế ?⁽¹⁾ Ôi ! Nhà người ta có cha mẹ chết hoặc con em chết, hoặc vợ chồng chết, lẽ ra thương xót cho người ta mới phải. Người sống không may phút chốc bị đau khổ vì mất vợ, mất chồng, mất cha, mất mẹ... bạn bè thân thích, họ hàng làng xóm đáng lẽ không nỡ nhìn cảnh ấy, nghe tin ấy ; không nỡ để cho người ta hao tiền, tốn của. Như thế mới đúng. Nay lại đòi hỏi rượu, tiền, giết thit bò dê, sắm sanh lễ vật ! Thử hỏi, đạo làm người có nên như thế hay không ? Theo tình đã trái ngược, theo lý cũng không xuôi. Thế mà nhà có người chết lại cho như vậy mới là "hiếu". Thật là quái gở ! Việc hiếu đó đối với người chết mà nói thì, xác nằm lạnh cứng trên giường thì còn nghe kèn trống thế nào được nữa ? Ân

(1) Lấy việc tang ma làm điều vui thích, thứ thói xấu như thế thật tội vô nhân đạo (Lời phê).

uống no say rượu thịt dê bò thế nào được nữa ? Biết chủ khách thù tiếp đẹp mắt nhau thế nào được nữa ?... Người chết nào có biết đâu việc khuynh gia bại sản đó ? Đem của cải do mồ hôi nước mắt người chết làm ra khi còn sống cung phụng hết cho mồm và bụng người khác, thực chẳng bỏ ích chút nào cho người chết. Thế mà gọi là "hiếu" sao ?⁽¹⁾ Nếu muốn gọi là có hiếu với người chết thì phải vì người chết mà lo một cái danh bất hủ, lập một sự nghiệp bất hủ, dùng tiền của của người chết để bồi đắp hậu phúc cho người chết. Như thế thì hiếu biết chừng nào !

Tôi đã thấy việc chôn cất người chết ở Nhật Bản. Mỗi làng đều có một nghĩa địa chung. Trong đấy chia làm ba hạng. Hạng nhất, hạng hai để cho nhà các người thượng lưu, trung lưu ; hạng ba để cho nhà các người hạ lưu. Hạng nhất, hạng hai phải nộp tiền cho Chính phủ mỗi mộ là bao nhiêu đó ; còn hạng ba thì được miễn nạp tiền. Người trong một họ chiếm riêng một khoảnh, lúc chết thì đem đến đấy chôn ; chôn thì chôn sâu. Trên mộ chôn một tảng đá đề là mộ của ai hoặc là mộ của ông tổ mấy đời của nhà nào, đời đời không đổi. Ngày đưa đám, họ hàng thân thích, bạn bè gần xa, đều đứng trước cửa nhà người chết hoặc đứng dọc đường, khi đưa người chết ra thì đi theo. Trên đường đi đến nghĩa địa, họ không khóc, không cười, không nói, lặng im như ngậm tâm để tỏ lòng thương tiếc. Người giàu sang thì đi xe, mang áo mũ đẹp, ngực đeo huy chương để tỏ ý kính trọng người chết ; người nghèo hèn thì đi bộ, cũng mặc áo mới để tỏ ra không dám khinh thường người chết. Họ đều buồn rầu im lặng. Khi đến mộ rồi thì mọi người theo thứ tự đứng vây xung quanh như là châu chực vậy. Nhưng khi chôn xong, mọi người lại theo thứ tự sắp hàng trước mộ, nghiêm trang

(1) *Làm tang ma mà to đến nổi hết của hết nhà, thì hiếu ở đâu ? (Lời phê).*

vái lễ⁽¹⁾. Tang chủ đáp lễ lại. Sau đó giải tán ngay trước mộ, không có người nào đến tang gia. Như vậy là cố để khỏi phiền lụy cho tang gia. Lòng thành thương xót là như thế. Còn cách mà người con hiếu muốn tỏ lòng hiếu của mình lại càng đáng học. Khi cha hoặc mẹ chết, người con đăng tin lên báo chí viết rõ họ tên, muốn làm việc hiếu đối với cha hoặc mẹ mình vừa quá cố, nguyên xin bỏ ra một số tiền là bao nhiêu nghìn, hoặc bao nhiêu trăm, hoặc bao nhiêu chục để lập một công ty nào (hoặc ngân hàng, thương cục, hoặc lập hội xã xe hơi, tàu thủy) làm của công cộng để làm vật kỷ niệm cho cha hoặc mẹ. Chồng làm cho vợ, vợ làm cho chồng, hoặc anh em làm cho nhau cũng đều như vậy. Nói của cải của người chết đem bồi đắp hậu phúc cho người chết là như thế.

Người nước ta thì không như thế. Cốt sao cho no say trong một ngày hoặc một tháng, hao tiền tốn của, vô ích đối với người sống, vô bổ đối với người chết, sao mà ngu như vậy ? Những việc xa hoa vô ích đó không ngày nào là không có, không nơi nào là không có. Những việc hao tiền, tốn của kẻ không biết bao nhiêu ức vạn triệu rồi, mà người nước ta không biết kêu thiết, thế thì nói không có của có được không ? Nếu quyền trừ mọi khoản hao phí vô ích đó đem dùng vào những công cuộc hữu ích, hoặc lập ngân hàng, hoặc mở thương điểm, hoặc kết nông xã để khai khẩn đất hoang, hoặc lập công trường để chấn hưng bách nghệ, hợp vốn của nghìn muôn người để lo ích lợi chung, mỗi người xuất ra không bao nhiêu mà thu lợi thì vô cùng⁽²⁾.

(1) Người nước ta, về nghi thức tang ma cho những nhà chí sĩ thì cũng đã mô phỏng được tinh cách trang nghiêm, kính cẩn của người Nhật Bản (Lời phê).

(2) Đem việc vô ích dùng vào việc hữu ích, có sao lại không nên (Lời phê).

Tại sao người nước ta không biết như vậy ? Chỉ vì nghi ngờ ghét bỏ lẫn nhau mà thôi. Làm những công cuộc đó mà không có nhiều người thì không thành. Than ôi ! Người ta há chịu suốt đời làm trâu ngựa tôi tớ hay sao ? Làm người, ai lại không muốn lo cho bản thân mình. Nhưng lo cho bản thân mình chung quy chỉ là lo cho danh lợi, bàn chuyện cao xa thì tôi không biết. Nhưng nói về lợi, thì có lợi xa, lợi gần, lợi to, lợi nhỏ. Danh cũng vậy. Được vinh trong chốc lát mà nhục đến muôn đời, được lợi trong một ngày mà hại suốt trăm năm, được một "danh" trong một lúc, mà hoại "du" suốt đời, tham một tý "lợi" nhỏ mà bỏ cả khối "công" lớn⁽¹⁾. Nay thử hỏi : Cái danh trước mắt và cái danh lâu dài, cái nào hơn ? Cái lợi to lớn và cái lợi nhỏ bé, cái nào hơn ? Tất nhiên ai cũng trả lời : Cái danh lâu dài hơn cái danh trước mắt, cái lợi to lớn hơn cái lợi nhỏ bé. Muốn cho thân ta được toại ý, chẳng có gì bằng có cái danh lâu dài và có cái lợi to lớn. Đúng như thế. Nhưng muốn có cái danh lâu dài và cái lợi to lớn tất phải có sự nghiệp lâu dài và to lớn. Muốn được vậy, quyết không phải một mình mà đương nổi, mà phải đoàn kết lại mới làm nên. Đoàn kết tức là để làm lợi cho mình. Xin lấy thân thể người ta làm thí dụ. Muốn nghe phải có tai, tai phải có đủ hai cái, điếc mất một thì bệnh. Muốn nhìn thì phải có mắt, mắt phải có đủ hai, mù mất một thì nguy. Muốn vận động phải có tay chân, tay chân phải hai cặp, bên trái không đủ thì bên phải giúp, bên phải không đủ thì bên trái giúp, một bên bị hỏng thì bị hại. Duy có ăn thì cần miệng, miệng chỉ cần một cái mà thôi. Bởi vì, sau khi công việc thành rồi, đối với việc "hương thụ" thì một mình hưởng cũng chẳng hại gì, chứ trước khi còn "kinh doanh" công việc thì nếu chỉ một mình là không thể

(1) Thấy cái nhỏ mà bỏ cái lớn, tham cái gần mà bỏ cái xa. Như thế không thể cùng bản danh với lợi được ! (Lời phê).

làm được. Thân thể người ta đã như vậy ; suy rộng ra một nhà, một nước từ hai người trở lên đến mười, trăm, nghìn, vạn, cũng là do kết quả của đoàn kết. Lẽ nào có thể thiếu đoàn kết được ? Hay nói ngay như việc lập một thương điểm, nếu thương điểm thành thì được lợi lâu dài và to lớn. Nhưng không đoàn kết thì ít người góp cổ phần, vốn sẽ không nhiều, thì thương điểm làm thế nào mà thành được. Nếu như chỉ một người bỏ vốn, còn thì ai là người lo chạy vay, người xuất nập, người trừ tính, người kiểm soát hàng hóa, người tiếp đón khách hàng, người chuyển vận hàng hóa nước ngoài. Nếu không đủ chừng ấy việc thì thương điểm không thể thành. Muốn đầy đủ chừng ấy việc thì phải đoàn kết, phải hợp quần mới được. Tất cả mọi việc đều như vậy.

Nay bảo cách lợi cho mình thì muốn làm theo, bảo phải đoàn kết, hợp quần thì lại không muốn, như thế chẳng khác gì muốn trị bệnh mà không chịu mời thầy thuốc. Có lý nào như vậy chăng ?⁽¹⁾. Chúng ta muốn làm sự nghiệp to lớn lâu dài, mong có danh lợi lâu dài, mà lại không chịu đoàn kết lại, chỉ mưu lấy một mình. Ôi ! Mình đã mưu lẻ một mình thì người cũng chỉ sẽ lo một mình mà thôi ! Cả hai cô độc thì cả hai sẽ xiêu ngã. Một người ngã trước thì người kia cũng xiêu sau. Cũng như tay chân, bên trái không cứu bên phải, bên phải không cứu bên trái, thì tất sẽ trở thành người tàn tật bỏ đi. Sao mà ngu thế ?

Hoặc giả có người hiểu sai nghĩa chữ *độc lập* của châu Âu, cho rằng mỗi người lo riêng một thân mình tức là độc lập. Ôi ! Sao mà

(1) *Nhà nào chỉ lo quét tuyết trước cửa nhà nấy, không cần biết đến sương phủ đầy trên mái ngói nhà khác. Bọn người dung tục đại khái đều nhìn nông như vậy* (Lời phê). Chính là câu tục ngữ của Trung Quốc : "Các gia tự tảo môn tiểu tuyết. Nã quan tha nhân ngọa thượng sương". Câu này tương đương với câu tục ngữ của ta : "Đền nhà ai nhà nấy rang".

lầm lẫn quá đến thế ! Ý nghĩa chữ độc lập của châu Âu là nói : nước đối với nước thì nước mình đối với nước người không phải ý lại vào nhau ; nước ngoài với nước mình không dám can thiệp lẫn nhau. Như thế gọi là độc lập. Độc lập đấy là do hiệu nghiệm của sự hợp quần. Người trong một nước kết tâm chí, liên chân tay, chung tai mắt lại làm thành một đoàn để chống với nước khác, nước khác kia không dám làm gì nước mình. Như thế gọi là độc lập. Độc lập là do hợp quần mà có. Còn nếu như mỗi người một lòng, mỗi người tự làm riêng một đảng, khuynh loát lẫn nhau, tàn hại lẫn nhau. Đó là cái điểm ly tán tuyệt diệt, thì làm gì còn có độc lập ? Thương thay ! Đó là sự ngu muội biết lợi mình mà không biết hợp quần đấy !

Tiền của tức là máu mỡ của ta. Ở đây, tôi không nói là không nên yêu tiếc. Nhưng yêu tiếc thì phải bảo vệ nó, làm cho nó sinh sôi nảy nở, khiến cho tiền của đó thành vật sống mà không phải là vật chết. Muốn vậy phải có cách để biến nó thành một món to, không phải chỉ một món nhỏ. Như thế mới gọi là yêu tiếc.

Thế nhưng người nước ta yêu tiếc tiền của riêng thì lại chỉ để tiền của cung phụng cho cái mồm, cái bụng riêng mình, chứ không biết đến có việc gì khác, đó là một. Có kẻ lại bới đất, đào lỗ để chôn giấu của cải, chỉ sợ người khác biết, chôn lâu đến hỏng nát⁽¹⁾, đó là hai. Cả hai hạng người này, một bên thì xa xỉ, một bên thì keo kiệt, tuy không giống nhau, nhưng đều ngu như nhau.

Người ta sinh ra, trăm tuổi rồi cũng chết. Lúc chết thì trong tay không có một đồng. Khi sống thì no say. Chết rồi thì mục nát. Tất cả mọi thứ hưởng thụ rồi cũng như không mà thôi. Chỉ bằng giảm

(1) Một đảng tiêu phí tiền, coi nhẹ như lông hồng ; một đảng thì dùm gói coi to như núi Thái Sơn, cả hai đều coi tiền tài là một vật chết cả (Lời phê).

bớt các thứ ngon, thức béo của mình ta để lo lợi ích chung cho công chúng, tự mình đứng ra hô hào làm cho mọi người cùng vui vẻ nghe theo. Như thế thì danh tiếng mình đã được nêu cao, mà tiền của của mình cũng còn mãi mãi. Thân mình tuy chết rồi, mà lợi còn lưu lại cho người khác, người ta còn nghĩ đến công mình và đời đời không phai. Muốn cho có cái danh bất tử, thiết tưởng không còn gì to lớn hơn điều đó. Còn như người đem chôn giấu của cải đi thật quá ư ngu dại ! Thân mình làm ra của cải thì phải lấy của cải mà mở thêm thân. Đó mới là việc làm đủ cả trí lẫn nhân. Lấy tiền của của mình đã tích trữ để hô hào quốc dân, hoặc mở thương điểm, hoặc lập ngân hàng, liên hợp nhiều người góp vốn làm công lợi. Của ta có hạn, nhưng lợi thì không cùng. Mọi người đều có lợi thì họ sẽ vui vẻ giữ lấy. Thế tức là cả một nước giữ của cho ta. Các nhà triệu phú ở châu Âu, Nhật Bản không một ai là không kết xã mà nên giàu. Ở các nước ấy, tuyệt nhiên không có việc đào đất chôn của. Có phải là người ta không biết yêu quý tiền của đâu ? Góp gió thành bão, biến vật chết thành vật sống, thế mới gọi là khôn. Còn mình thì bo bo giữ chết, một đồng trình cũng không chịu bỏ ra, có nhiều của thì đem chôn dưới đất. Một ngày kia mình chết đi, nếu không bị con cháu hoang phí tiêu pha hết, thì cũng bị bọn gian tham trộm cướp mất⁽¹⁾. Ai là nhà giàu ở nước ta, cũng nên hối hận về cái ngu của mình trước đây. Phải đặt thân mình vào trong nước, nước còn thì thân mình được bảo vệ. Nước còn thì làng họ mình còn và gia đình cũng được bảo toàn. Nay chúng ta chỉ biết coi trọng thân mình chúng ta, còn nước mất hay còn thì thờ ơ không biết đến. Vậy là có sao ? Rõ ràng là chỉ thấy

(1) Của cải do mồ hôi nước mắt suốt một đời mình làm ra, kết cục bị bọn lười dâm cướp mất, phải lấy đó làm răn (Lời phê).

cái gần mà quên biết cái xa, cho rằng bản thân mình với nước nhà không có quan hệ gì. Thương thay ! Người nước ta không biết rằng thân ta dựa vào gia đình, gia đình ta dựa vào nước. Nước ta còn thì thân ta, gia đình ta còn. Nước ta mất thì thân ta, gia đình ta đều thuộc về người khác. Khi đó, anh không nạp thuế nhà thì chúng không cho anh ở, anh làm gì được chúng ? Anh không nạp thuế thân thì chúng không cho anh sống, anh làm gì được chúng ?⁽¹⁾. Thương thay ! Người mất nước không đủ sức bảo vệ vợ con, mà thân mình cũng không bảo vệ được. Việc sống chết, rủi may phò mặc tay người, thân mình còn đáng giá gì nữa ! Tại sao vậy ? Bởi vì, thân anh đã không có nước nữa rồi ! May mà chúng tham cái lợi thuế thân, chứ nếu như chúng đuổi hết các anh, ném các anh xuống biển, thì dân ta làm gì được chúng ? Thảm hại thay cái khổ nhục mất nước ! Thế mà người nước ta, có kẻ còn nói : "Ta chỉ bảo toàn lấy thân ta là được rồi, ta cần gì phải biết đến nước !". Than ôi ! Nước đã không toàn thì thân làm sao mà vẹn được ? Hãy đợi vài mươi năm sau, xem thân các anh sẽ như thế nào !

Tôi chỉ kể qua chừng ấy việc để nói rằng dân trí nước ta còn như vậy, thì dân quyền biết trông mong vào đâu ? Tôi không buồn vì dân nước ta không có quyền, chỉ muốn rằng dân nước ta có trí. Gạt nước mắt mà bàn chuyện cũ, trời cao đất dày, vạch bụng ra nói rõ với đồng bào⁽²⁾, núi sông chuyển dời, xin xem từ nay về sau biến đổi ra sao.

CHƯƠNG THÂU dịch

(1) Xem bàn tay độc ác của chúng đã làm, thì e chừng việc đó cũng chẳng còn bao lâu nữa đâu ! (Lời phê)

(2) Thôi, đừng nói đến chuyện cũ, sợ sẽ xúc động đau lòng (Lời phê).

VIỆT NAM VONG QUỐC SỬ

Lời dẫn :

Nằm trong tập tài liệu "Trung – Pháp chiến" của Trung Quốc, "Việt Nam vong quốc sử" được ký tên Sào Nam Tử – một bút hiệu khác của Phan Bội Châu, ra đời khoảng sau chiến tranh Nga-Nhật (1904 - 1905).

Cùng chủ đề này, Phan Bội Châu còn có tác phẩm "Việt vong phẩm trạng" (trong "Phan Bội Châu toàn tập", tập 3) viết theo thể loại kịch (tuồng).

Tác phẩm gồm bốn chương : "Nguyên nhân và sự thực về Việt Nam mất nước", "Tiểu chuyện các chí sĩ lúc mất nước", "Tình trạng người Pháp làm khổ ngu hèn tối tăm người nước Việt Nam", "Tương lai của Việt Nam". Chúng tôi trích giới thiệu ở đây 2 chương.

*
* *

Chương thứ nhất

NGUYÊN NHÂN VÀ SỰ THỰC VỀ VIỆT NAM MẤT NƯỚC

Từ Hán Đường về trước, Việt Nam vốn là một bộ phận của Giao Chỉ cùng với Lâm Ấp, Chiêm Thành đều là những tộc người man rợ chưa khai. Thời Triệu Đà đời Tần, thời Mã Phục Ba đời Hán, dần dần thành một bộ lạc nhỏ nhoi. Đến đời Tống về sau, anh hùng Giao Chỉ là Đinh Toàn⁽¹⁾ (Đinh Tiên Hoàng), Lý Công Uẩn

(1) Phan Bội Châu có chút nhầm lẫn. Ở đây đúng ra là Đinh Bộ Lĩnh (Đinh Tiên Hoàng), còn Đinh Toàn là con trai Đinh Tiên Hoàng, khi vua cha bị bề tôi giết mới được đưa lên kế vị lấy hiệu là Phế Đế (T.H.Y).

(Lý Thái Tổ) kế tiếp nhau nổi lên, gian nan khó nhọc mở mang rộng thêm, đã có được các bộ Châu Nhai, Tượng Quận, Văn Lang, Việt Thường, dần dần thành được một nước. Đến thời Nguyên có Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải là những người tài giỏi của nước Việt, cùng đánh nhau với quân Thát, giết được tướng Nguyên Toa Đô, bắt được thái tử Nguyên Ô Mã Nhi ; khi bắt đưa cả về Yên Kinh, có câu thơ rằng :

Cướp giáo bến Chương Dương,

Bắt giặc cửa Hàm Tử.

Thái bình nên gắng sức,

Non nước ấy nghìn thu⁽¹⁾.

Nhân tài thời bấy giờ, người người lo tiến bộ, mọi việc đều mong tiến bộ, cho nên thế nước ngày càng mạnh. Thời đại triều Lê đánh lui quân Minh... Vua Quang Trung nhà Nguyễn trước lại rất anh hùng, đánh bại Xiêm La, phá lui tàu Tây, uy danh lừng lẫy, thực đủ làm người ta tâm tâm niệm niệm nói ra lời ngưỡng mộ khâm phục. Đến triều Nguyễn bây giờ dựng nước lúc đầu, nhân tài thực đã biết hết sức cầu tiến bộ... Ví sử vua tôi người Việt Nam thường nghĩ đến tiến bộ, lo mở mang dân trí, lo đào tạo nhân tài, về quốc kế quân mưu, mọi việc đều cầu tiến bộ, có lẽ đâu lại không phải như lửa mạnh mà được củi khô bốc lên rừng rực sáng đỏ thấu trời ư ? Người ta cũng có nói "đỏ đục đầy thời nghiêng đổ". Người Việt bây giờ tự coi là mãn túc, ôm vàng vênh váo, éch ngồi đáy giếng không trông thấy trời, vẫn vui chơi, võ yên nghỉ,

(1) Nguyên văn chữ Hán :

Đoạt sáo Chương Dương độ,

Cầm hổ Hàm Tử quan,

Thái bình đương trí lực,

Vạn cổ cội giang sơn.

ngày càng thâm tệ. Trong khi ấy về chính giáo thì chứa chất hủ lậu, mọi việc đều mô phỏng Minh Thanh, văn nhân thì khư khư giữ theo sách cũ, tự khoe đặc chí ; võ sĩ thì cốt ở cờ trống mỹ quan, côn quyền coi như trò chơi, tự cho là không ai hơn được. Đáng bị hơn hết là ức chế dân quyền, coi thường dư luận, phàm bàn việc quốc gia đại kế, nhân dân chỉ được ở ngoài hời rồi than thở mà thôi.

Mạnh Tử có nói : "Nước tất tự đánh lấy mình, rồi sau mới bị người ta đánh"⁽¹⁾, cho nên mới có nước Pháp (có người gọi là Đại Pháp) ở ngoài xa mấy vạn dặm đã ồ ạt kéo tới. Trước đây trăm năm, vào đầu năm Gia Long, Pháp sai giáo đồ đến các xứ Sài Gòn, Hà Tiên xin giảng đạo. Lúc bấy giờ người Pháp đã có ý dòm ngó Việt Nam. Vì thấy vua tôi Việt Nam hoà thuận, đối với chính giáo không thiếu sót, lại chưa rõ trong nước hư thực thế nào, nên chưa dám khinh suất động binh. Đến khoảng đầu Tự Đức, thấy nước Việt Nam quả là yếu kém, chính giáo, dân quyền ngày càng bị tước bớt, công luận không được mở rộng, nó biết là lúc Việt Nam sắp mất, liền sai giáo đồ hỏi Chính phủ Việt Nam xin thông thương, lại tập hợp nhiều thuyền buôn ở Sài Gòn, mà đem thuyền binh, xuất kỳ bất ý lên ra đánh Đà Nẵng (ở Quảng Nam, là cửa biển quan trọng của Việt Nam), đánh Đà Nẵng ba năm không hạ được, bỏ đi. Từ khi người Pháp thất ý ở Đà Nẵng, thì chứa phần ngấm mưu, thêm muốn lại càng quá quắt. Đây là nguyên nhân chính đầu tiên của người Pháp lấy Việt Nam vậy.

Nếu Việt Nam bấy giờ biết chăm lo tu chỉnh về quân chính, mở rộng dân quyền, vua tôi trên dưới đều mạnh mẽ mưu trị nước, nghiên cứu sâu trí học của ngoại dương, tẩy trừ khuôn khổ hủ lậu, "kịp khi trời chưa mưa dầm, lấy những gốc dâu mà gài chằng cửa

(1) Câu của Mạnh Tử : *Quốc tất tự phạt, nhiên hậu nhân phạt chi.*

sổ"⁽¹⁾, nước còn có thể phấn chấn lên được. Nhưng nước Việt Nam mơ màng đôi mắt ngủ, uể oải một thân bệnh, tôn quân quyền, ức dân quyền, trọng hư văn, khinh võ sĩ, trộm cướp rình mò ở sân, mà vợ con say hát trong nhà, chủ nhân nằm dài trên giường luôn luôn ngáp dài mỗi mết. Than ôi ! Nguy ngập lắm thay !

Quả vậy, "công và cưới mở lối cho giặc đến"⁽²⁾. Năm Tự Đức thứ 15, người Pháp đem nhiều quân tập trung ở Sài Gòn, đòi Việt Nam ký thoả ước giảng hoà. Vua nước Việt cho Khâm sai đại thần đi họp. Việt đại thần vâng đem quốc chương⁽³⁾ đi Sài Gòn, quân Pháp lấy quân lực ức hiếp bắt ký vào tờ ước, nói rằng : "Vua tôi nước Việt Nam cùng thuận tình xin được nước Đại Pháp bảo hộ, xin đem sáu tỉnh làm nhượng địa" (Gia Định, Biên Hoà, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên)⁽⁴⁾ áp quốc chương rồi, lại định tờ ước trong có một điều : "Việt Nam đã xin nước Đại Pháp bảo hộ, không được giao thiệp với nước ngoài nào khác nữa". Đây là bước đầu người Pháp lấy Việt Nam.

Bấy giờ toàn hạt 30 tỉnh chưa động dậy gì, binh tài sung túc, ví bằng người phụng mệnh giảng hoà có can đảm, có cơ mưu, chỉ y theo điều ước trước cho thông thương và cho giảng đạo, cương quyết tranh biện, thì cũng chưa đến nỗi mất hết quyền lợi. Rất đáng giận lúc ấy Phan Thanh Giản, Lâm Duy Nghĩa⁽⁵⁾ là Khâm sai đại thần, hai người này thì gan dê lợn mà mưu chuột cáo, một khi

(1) Nguyên văn trong *Kinh Thi* : Đại thiên chi vị âm vũ, triệt bì tang đồ, trừ mầu dũ hộ...

(2) Nguyên văn trong *Kinh Dịch* : Phu thả thừa, trí khẩu chí.

(3) Ấn dấu của một nước.

(4) Thực ra thì ba tỉnh miền Tây đến năm 1867 mới mất hẳn.

(5) Chính ra là Lâm Duy Hiệp.

trông thấy người Pháp liền run sợ, mồ hôi vã ra như mưa. Vĩ người Pháp đòi đem cha mẹ ra cho chúng ăn thịt, bọn ấy cũng cung kính hai tay bưng đến dâng ngay, hưởng chỉ sáu tỉnh !

Sáu tỉnh này, nhân dân cứng cỏi, tiền thóc giàu có (Sài Gòn thóc gạo chuyển bán ra ngoài, cả các nước miền biển đều được lợi), thực là kho thiên phú của Việt Nam. Người Pháp kinh doanh đất ấy đã đến 40, 50 năm rồi, đến bây giờ mới rõ ra thủ đoạn hiểm độc, những nơi kho tàng của Việt Nam đều vì đấy mà trống không. Cửa biển Cần Giờ ở Gia Định là một cửa biển sâu rộng bậc nhất của Việt Nam, tàu biển của Âu châu vào Việt Nam không qua đấy không được, đấy là chìa khóa của lối đi từ Tây dương đến.

Khi ấy có hương Tiến sĩ Nguyễn Huân, võ cử nhân Nguyễn Trung Trực, hương vi họ⁽¹⁾ Trương Định, Trương Bạch, khởi nghĩa chống Pháp, liền mấy trăm trận đánh. Nhưng vì quân giới không bằng Pháp, rồi bị thua, toàn gia bị giết, phần mộ bị đào bới thành không cả. Nguyễn Huân oanh liệt nhất trong khi khởi nghĩa, ba lần bị Pháp bắt, lại trốn thoát khỏi ngục, lại tự nghĩa. Lúc sắp bị hành hình có câu thơ rằng : "Dẫu chết cũng kinh hồn nghịch tặc, không hàng chịu chém cổ tướng quân"⁽²⁾. Ông không chịu khuất phục. Bọn Pháp đã bêu xác ông rồi vứt xuống biển.

Năm Tự Đức thứ 35, Pháp lấy thành Hà Nội Đông Kinh. Người coi giữ thành là Hoàng Diệu lấy máu viết tờ di biểu, tự thất cổ. Trong biểu có câu : "Trung nghĩa gì mà dám nói ? Sơ sự thể mà phải đến vậy ! Thành mất không cứu được, thẹn nhiều với nhân sĩ ở đất Bắc Kỳ lúc sinh tiền ; thân nay chết còn ích gì ? Xin theo

(1) Tức là Đê đốc hộ thành.

(2) Nguyên văn chữ Hán : Tung tử dĩ kinh hồ lỗ phách, bất hàng cam đoạn tướng quân đầu.

tiên thân Nguyễn Tri Phương ở dưới đất !" (Trước quân Pháp đã đánh úp Đông Kinh, cha con Tráng liệt bá Nguyễn Tri Phương tuấn nạn).

Bấy giờ hưu quan ở nhà khởi nghĩa rồi tuấn nạn có án sát Hải Dương tức giải nguyên Bắc Ninh là Nguyễn Cao tự đảng hơn nghìn người, mưu lấy lại tỉnh thành, bị quân Pháp bắt được, ông tự mổ bụng, không chết, lại tự cắn lưỡi mà chết, có người nghĩa sĩ viếng câu đối rằng :

Lòng thể trời đất tuôn ruột đỏ.

Răng nghiến non sông nhả lưỡi hồng⁽¹⁾.

Ông Cao đã chết, quân Pháp còn lấy làm hận vì chưa tự tay chém giết được, liền chặt đầu đem bêu. Không bao lâu, các tỉnh liên tiếp nhau bị hãm. Năm Giáp Thân, năm đầu Kiến Phúc, quân Pháp vào cửa biển Thuận Kinh, bắt hiệp Việt Nam đem ấn dấu phong vương của nước Thanh trả lại triều Thanh. Nước Thanh đem Việt Nam nhường cho Pháp kể từ năm ấy. Than ôi ! Mấy nghìn trăm năm được cái vinh chịu phong không đủ bù lại cái nhục một sớm phải trả ấn. "Cây khô nở hoa, lâu làm sao được ! Bà già được anh chồng học trò, cũng đáng xấu hổ"⁽²⁾ – đó là nước Việt Nam chăng ?

Năm Ất Dậu, quân Pháp đánh Kinh thành, vua Hàm Nghi chạy ra tỉnh Nghệ An, hạ chiếu Cần Vương, còn Phụ chính đại thần Nguyễn Phúc Thuyết đến Quảng Đông, cầu Viên Đốc⁽³⁾, đề đạt lên triều đình nhà Thanh xin cứu viện. Người Pháp biết vậy, liền

(1) *Thệ tâm thiên địa lưu trường xích – Thiết xỉ giang sơn thổ thiệt hồng.*

(2) Nguyên văn trong *Kinh Dịch* : *Khô dương sinh hoa, hà khả cứu dã – Lão phụ đắc kì sĩ phu, diệc khả xú dã.*

(3) Tổng đốc Quảng Đông.

xin triều đình nhà Thanh ngăn trở việc ấy và hỏi ý hướng người Việt Nam sang Tàu có việc gì. Chính phủ Thanh sợ Pháp, bèn an trí người sứ Việt Nam ở Thiệu Châu. Quân Pháp cướp được Nghệ An, bắt được xa giá Hàm Nghi đưa dời đến thành Paris, rồi thấy vua có mưu chí trở về nước, liền đem dời về phía Nam ở thành Alger bên châu Phi, cấm người Nam không được đi lại, tuyệt hẳn tin tức.

Địa thế Việt Nam hiểm yếu, nhân dân, binh lính dũng cảm, lanh lợi có thể chiến đấu, người Pháp muốn lấy được không phải là dễ dàng. Duyên do vì thời Tự Đức có gian thần Trần Tiễn Thành, Nguyễn Văn Tường cầm quyền trong nước. Hai người ấy đều mặt mũi như hổ lang, ruột gan như chồn cáo. Văn Tường so với Tiễn Thành lại càng quá, khéo nịnh hót, chào đón rất được vua yêu, thường nuôi chí thoán đoạt. Nhân chính trị trong nước hủ bại, giặc Pháp ở ngoài dòm vào, biết thế Pháp cường thịnh, bèn mượn thủ đoạn ngoại giao hiệp chế triều đình, để ngầm thực hành chí hướng của mình, đem nhiều của đứt lót giao kết với người Pháp, ước hẹn làm nội ứng cho Pháp. Nó làm cơ mật đại thần, mỗi khi có việc cơ mật, đều đưa tiết lộ trước cho Pháp, quân Pháp cũng đem nhiều của để làm mối nuôi. Phàm mọi việc giao thông với Anh, Đức đều bị Tường tiết lộ. Trong nước lại có mẹ Thái hậu họ Phạm⁽¹⁾ ngu mà tham, tức là mẹ đẻ ra Tự Đức Dục Tông, can dự vào triều chính, phàm mọi việc Dục Tông đều bẩm xin ý kiến mẹ rồi mới làm. Nguyễn Văn Tường bèn đem lễ hậu của Pháp cho để đứt lót câu kết với mẫu hậu. Con mẹ ngu, thằng gian tặc, hai đứa trong ngoài lòng quyền làm điên đảo chính trị trong nước, hãm hại kẻ chính

(1) Từ Dũ Hoàng thái Hậu, vợ vua Thiệu Trị. Bà tên là Phạm Thị Hằng, con gái của một công thần triều Nguyễn, tức là con Phạm Đăng Hưng.

nhân quân tử, có người bị búa rìu hoành giết, có kẻ bị tước truất về làng. Lúc Thuận Kinh thất thủ, Văn Tường thực đã dẫn quân Pháp vào thành. Nguyễn Phúc Thuyết đem quân ra chống cự với địch, sai người đến nói với Tường xin giúp thêm quân, Tường lại đi thông tin cho quân Pháp, và không cấp đạn dược cho Thuyết nữa nên thành mới bị hãm. Pháp lấy được nước, Tường tự cho là có công, mưu cầu được phong vương. Người Pháp ghét hẳn là người phản trắc, sợ để lại có hại về sau, bèn đưa hẳn ra khơi quăng xác xuống biển, rồi đem cái quan tài không bằng sắt về, bắt con cháu Tường bỏ ra hơn 10 vạn lạng vàng để chuộc xác⁽¹⁾, người Pháp giao đến thế là cùng ! Nhưng dân hồ vào nhà bị hồ ăn thịt, kẻ nào mượn oai hồ mà rông càn, sao không noi gương Văn Tường ?

Tiểu nhân cầm quyền nước thì triều đình rỗng không. Lúc Kinh thành mất nước, chiếu Cần vương ban xuống, nhưng người ứng chiếu chết vì việc nước nếu không phải là quan bị giáng chức phải ra ngoài châu quận, thì cũng là những khách giang hồ nhàn tản. Những bậc quân tử không quyền không vị, những bậc hào kiệt trong tay không một tác sắt, một khi nghĩa phần cảm kích, coi cái chết nhẹ như đi về nhà. Trừ miền Sài Gòn bị mất đã lâu, kìm hãm rất ngặt không có cách gì quấy chống lại Pháp, còn các tỉnh ở Nam Bắc hai kỳ cho chí chân rừng góc biển, người Kinh hay người thiểu số, không đâu là không nổi dậy, quyết sống chết với giặc Pháp, lâu thì đến hai mươi năm, ngắn cũng 2, 3 năm, có người quyết chiến với Pháp mà chết, có người bị Pháp nã bắn phải chết, có người bị quân Pháp chiêu dụ không chịu khuất mà chết, có

(1) Thực ra người bị vớt xác xuống biển là Phạm Thận Duật. Còn Nguyễn Văn Tường thì bị đày sang đảo Tahiti và chết ở đây hồi tháng 2-1886 và đến tháng 7-1886, thi hài được đem về quê ở Quảng Trị.

người giả làm quan với Pháp để ngấm kết nghĩa đảng, bị người Pháp phát giác ra mà chết, có người phần nộ quá đầy tâm can, tự tìm cách chết để mà chết. Đáng tiếc anh nhân kiệt sĩ mấy nghìn năm linh khí non sông đã hun đúc nên, gặp phải vận nước không may, như hoa lan bị khói hun, ngọc quý bị lửa đốt, đều hóa làm ngọn sóng giận dữ ở biển Nam mà cuốn đi. Oan uổng thay ! Đau đớn thay ! Nói đến đây, nghĩ đến đây mà cay mũi, mà đau lòng, mà vô bụng kêu lớn ! Muốn nói mà không nỡ nói, muốn không nói lại không nỡ không nói ! Than ôi ! Lúc biển sông yên lặng thì trên miếu đường, bọn dung phu bắt tài ăn no rồi nằm khểnh phè phỡn ; lúc trời đất bụi mù thì nơi tên đạn các tráng sĩ phải bỏ mình mà nuốt hận. Giả sử trong lúc nước chưa mất, cái số nghìn trăm nghĩa quân tráng sĩ kia được ở trên miếu đường, được chia về khắp châu quận, thì nước có thể mất được ư ? Trời tạnh không chịu chạy, đợi đến mưa ướt đầu⁽¹⁾, ấy là tại ai làm thế ! Tại ai làm thế ! Cái số trăm nghìn nghĩa nhân tráng sĩ ở dưới suối vàng kia, có biết chăng ? Không biết chăng ? Tất cả sẽ không vui thấy nước phá vua mất, mà bán được cái tiết trung liệt của riêng mình ! Thương thay ! Đau thay ! Những kẻ có nước có lẽ nào lại khiến người trong nước thiếu về có tiếng trung liệt ư ?

Chương thứ tư

TUONG LAI CỦA VIỆT NAM

Tôi nghe đến đoạn nói này mà ngọt ngạt, ghen nói không thành tiếng, nhưng rồi nóng mặt cau mày quay lại nói với vị nam tử kia rằng : Quả thật, quả thật, nước Việt Nam cuối cùng sẽ mất

(1) Tục ngữ Trung Quốc : *Tinh thiên bất khảng tẩu, trục đài vũ lâm đầu*, tương đương với câu tục ngữ của ta : *Nước đến chân mới nhảy*.

hắn ư ? Giống người ở nước Việt sẽ hóa ra sâu dưới nước, kiến trong lửa ư ? Một trăm triệu giống người da vàng sẽ chìm đắm, biến thành nghìn vạn ức người da trắng cả ư ? Rằng, điều ấy chưa thể biết. Một mình Thân Bao Tư có thể còn được nước Sở, ba họ của nước Sở còn, mà có thể làm mất nước Tần. Nước Việt Nam nếu quả có nhân tâm như vậy, thì cuối cùng mất đứt hay không mất đứt đi, việc chưa thể biết được. Mạnh, yếu, lớn, nhỏ là cái thể xác hữu hình ; mạnh, nhất, thật, đối là cái tinh thần vô hình. Đem tinh thần mà đo với thể xác, càng rèn luyện càng bền, càng đổ nát càng mạnh, lúc đầu không thể thắng được, cuối cùng sẽ tất thắng, chỉ cốt xem ở chỗ người dũng cảm hay không dũng cảm, thành thực hay không thành thực mà thôi. Người Việt Nam nếu quả có một lòng yêu nước, có cái nhiệt thành của ong mật luyện chúa ; vạn tử xông ra báo thù, có cái si dũng của hổ báo giữ con, thì mặc dù đất có thể già cõi, trời có thể hoang vắng, núi có thể cháy trụi, bể có thể cạn khô, mà cái lòng nhiệt thành ấy, cái chí si dũng ấy không một phút tiêu tan, thế tức là tinh thần đã đầy đủ, thì thể xác tự nhiên mạnh lên, hơn mấy thằng quý Pháp thần oán người gian kia, tất không thể nào cùng sống chung được trong khoảnh khắc trong đất nước với 50 triệu người Việt Nam yêu nước đuổi thù này được nữa ! Nếu thế, nước Việt Nam có nhân tâm thì mất thế nào được ?

Vậy xin hỏi rằng nhân tâm Việt Nam ra thế nào ? Xin thưa : điều đó thật khó nói, nếu cứ những sự trạng rành rọt hai năm rõ mười kia thực không có một cái nào là nhân tâm người nước Việt Nam ; nếu cứ cái tình trạng uất ức âm thầm nọ, thực không có một cái nào không phải là nhân tâm nước Việt Nam. Họ đã chẳng từng đem gan ruột báo với ta ư, ta cũng đã chẳng đi tù trong bụng họ mà ra đấy ư ? Như nước Việt Nam là một nước giống người,

không phải là một nước giống thú, ta sẽ đem nhân lý mà suy xét ra, nói để mọi người ta cùng nghe :

Một lớp người là bọn con nhà thế gia, dòng dõi thi thư, toàn gia chịu lộc trời, mấy đời đời ơn vua, hơn trăm năm nay chung đỉnh lương cao, đều là máu mỡ dân Việt Nam ; một vài bọn báo cừu ngựa béo còn ngồi trên đầu cổ nước Việt Nam. Đáng thương thay khi đất lở trời sập, cuộc thế tang thương, thì cột giữa dòng biết tựa vào đâu, những ai sẽ là người chống đỡ mái nhà lớn ? Đương lúc vô sự đã chịu ơn vinh của nước Việt Nam nhiều như thế, đến lúc có biến há lại dễ dàng bỏ mặc nước Việt Nam nhiều họa hoạn thế sao ? Nửa đêm ngấm bóng, lòng tự hỏi lòng, thử hỏi tổ tông cha mẹ sinh trưởng ở đâu mà đến ? Thử hỏi vợ con, ăn mặc do đâu mà có ? Rồi một sớm để mặc cho bọn người khác giống từ đâu đến khua đông khua tây, làm trời làm đất, mình nở nào để như thế được ? Mình không phải là trâu lợn, mình không phải là gỗ đá, làm sao mình lại cam tâm phụng sự người Pháp ? Được phá sản như Trương Tử Phòng⁽¹⁾ là chỉ biết năm đời chịu ơn, tan vốn như Văn Thiên Tường⁽²⁾ không phụ trăm năm nuôi kẻ sĩ. Nói đến gan dạ cổ nhân, tất con em cố gia nước Việt Nam sẽ phẫn chấn nói rằng : họ là người nào, ta là người nào, có làm cũng được như thế !

Lớp người này muốn vì nước Việt Nam mà báo ơn cũ, dứt khoát là cần phải giết hết người Pháp. Nếu nói họ không cần tiêu diệt người Pháp tức là họ quyết không phải là giống người nữa, tất nhiên họ không như thế !

(1) Trương Tử Phòng chịu ơn nước Hàn, theo Lưu Bang đánh Tần, Sở, báo thù cho Hàn.

(2) Văn Thiên Tường chịu ơn nhà Tống, khi Tống mất, ông chống Nguyên, bị bắt giam rồi bị giết.

Có một lớp người như là số người ngoan ngoan với nhà Chu, di dân tôn thờ nhà Tống⁽¹⁾, việc cần vương vốn là nghĩa phải nên làm, thế mà một người mang ngọn giáo thì toàn gia bị chôn vùi. Đánh giặc thì có tội gì ? Thế mà con đi theo lời hịch, cha phải vào lao tù. Người Pháp kia giết cha mẹ anh, sư trưởng anh, bắt chém anh em, vợ con anh, phá đốt sạch nhà cửa anh, thu cướp hết tài sản của anh, có lẽ nào một ngày anh có thể quên được ? Có nào một ngày anh nữa quên đi ? Nhà cửa anh, tài sản anh, anh quên được, ta xin anh quên đi. Ta hỏi cha mẹ, sư trưởng anh nay ở đâu ? Có phải là người Pháp giết chóc hay không ? Hỏi anh em vợ con anh nay ở đâu ? Có phải là người Pháp chém cắt hay không ? Lột lòng được gọi là nam tử, đó là cái tiếng đẹp trên thế gian ; bói mắt để thờ kẻ thù là một vật bẩn thỉu trong vũ trụ. Anh muốn được gọi giống đẹp hay anh sẽ là vật bẩn thỉu ? Nếu anh chỉ cốt ăn cho no, mặc cho ấm, cam tâm cùng ở chung với người Pháp, thì cha mẹ, sư trưởng, anh em, vợ con anh ngậm oan ở dưới đất, anh sẽ lấy gì mà đối đáp lại ? Ta biết anh là giống người Việt Nam, không phải là giống người Pháp ; ta biết anh có huyết tính nam nhi, chứ không phải là tính chó lợn ; ta biết anh sẽ lắng xuống mà suy nghĩ, rồi hăng hái vùng lên, vung tay mà hô lớn rằng : "Kẻ thù ! Kẻ thù ! Ta sẽ phải tiêu diệt hết rồi mới ăn cơm sáng"⁽²⁾.

Lớp người trên này là những người bản thân và gia đình có thâm thù với quân Pháp, dứt khoát là không chịu cùng sống với quân Pháp. Nếu bảo họ chịu cùng chung sống với quân Pháp, tức là bảo họ không phải là giống người nữa, ta không dám nói thế.

(1) Những dân nhớ nhà Thương mà chống lại nhà Chu, không ăn thóc nhà Chu như Bá Di, Thúc Tề ; những di dân tôn thờ nhà Tống chống lại Nguyên như bọn Tạ Diệp Sơn.

(2) Nguyên chữ ở *Tả truyện* : *Diễn diệt thử tộc, nhi hậu triêu thực*.

Còn một lớp người mà tổ tông cha mẹ là dân nước Việt, vợ con, em cháu theo đạo Gia Tô. Cùng đẻ, cùng nuôi, ai là không ăn cơm, đi đứng trên đất nước này ? Lớp ấy, người ấy, cố nhiên cùng đội trời chung, đều là anh ta cả, đều là em ta cả, có hiềm gì đâu, có nghi gì đâu ! Không kể đến ngày trước mắc mưu người Pháp, chỉ nói đến hiện nay, cùng bị vạ của người Pháp. Mấy mươi năm nay, người Pháp nghiêm hình trọng phạt, có một thứ nào rộng rãi cho người theo giáo Gia Tô đâu ; tiền sưu tiền thuế thu nhiều, không bớt một đồng nào cho người Gia Tô ! Con đường làm ơn một trăm năm về trước, nay biến thành thù, hàng mấy mươi vạn sinh linh đi cầu phúc lại chuyển ra bị họa, đủ rõ gan ruột bọn Pháp kia là bất trắc, không phải như nòi giống người Nam ta cùng tin nhau. Cho nên quỹ gởi đi thờ kẻ thù sao bằng đồng tâm để cùng bảo vệ nòi giống ta ? Sau khi chết, lên thiên đường thế nào chưa biết, hiện tại hãy cầu cho hoà bình ; ở ngay đời sống địa ngục trần gian này cũng thật đã đáng thương, sao nữ đứng nhìn lâm than nhường ấy ? Nghĩ kỹ mà xem, dân Gia Tô ta là dân nước Việt Nam, tất nhiên ta không theo nước Pháp, tất nhiên ta không chịu đi giúp người Pháp để làm hại nước Việt Nam. Như thế mới là dân trong Thiên Chúa giáo, như thế mới là dân của đạo Thiên Chúa cứu thế, như thế mới là dân đồng bào nước Việt Nam. Nếu có ai không chịu giết người Pháp, nhắm tâm nhìn người Pháp làm hại người Việt, tức là không phải dân Thiên Chúa giáo, tức là trong đạo Thiên Chúa cứu thế không có thứ đạo lý ấy, hơn nữa trong đồng bào nước Việt Nam không có cái giống người ấy.

Một lớp người này là dân Gia Tô, cần diệt người Pháp để bảo vệ đồng loại mà tôn thờ giáo Chúa. Bằng bảo rằng dân Gia Tô không có tư tưởng diệt Pháp, người nước Việt Nam ta quyết không có cái thuyết ấy.

Một lớp người là hạng lặn lội mưu sinh, ngày đêm kiếm miếng, máu mỡ quanh năm lo cung nạp sưu thuế mà không dư ; suốt ngày chạy vạy đông tây mua muối mà chưa đủ. Vợ con kêu khóc không kịp đoái đến, chỉ lo kẻ lại dịch gõ cửa đòi ra ; cha, thấy có trách mắng cũng không lo ngại, chỉ mãi sợ tuần đinh đến trời bắt. Tình cảnh như thế, còn sống làm sao ? Nhân xác như vậy, khổ mà không chết ngay được ! Ta không phải là cá thịt, những sợ dao thớt khua vang, thời thế không có anh hùng, than tiếc non sông vắng vẻ. Họ há lại không biết :

Dại cũng thác mà khôn cũng thác,

Công đầu tử nhục mãi như ai⁽¹⁾.

Muôn việc đến đâu, một trường liễu mạng, chẳng may mà chết, còn chết được là dũng, chết được khoái, chết được có tiếng tăm ! Cùng với mòn mỏi tiêu ma, hấp hối đợi chết, như chó chết đói, như cá chết cạn, rồi cũng đến chết, nhưng chết vô danh, so hai thứ thật vinh nhục cách nhau gấp mấy vạn lần ? Huống chi lấy cái số nhiều 50 triệu dân, nếu mà thực đồng tâm hiệp lực, kẻ này nắm tay, người kia xòe ngón, người thổi lửa, kẻ chất rom, tất cả đều bước lên cùng tranh đấu với người Pháp, muôn người Việt tất có thể giết được trăm người Pháp, nghìn người Việt tất có thể giết được mười người Pháp, trăm người Việt tất có thể giết được một người Pháp. Bốn, năm nghìn người Pháp chỉ cần bốn, năm vạn người Việt giết đi, thì cái bọn mất lời râu quân kia quyết không thể cùng sống chung với người Việt Nam được. Như thế, phải như thế, người Việt Nam tất không chết, người Việt Nam tất sống mãi. Ta biết rằng tư tưởng cùng khốn của dân Việt Nam đến đây tất thay vùng lên, quyết cùng người Pháp quyết chiến một

(1) Hai câu này nguyên văn bằng chữ Nôm.

phen, không để cho trong nước Việt Nam còn có một người giống bạch chủng râu quần mắt lờ.

Một lớp người này do không chịu được sự hà ngược, cần tiêu diệt người Pháp. Nếu bảo rằng họ không cần tiêu diệt người Pháp, tức là bảo họ không phải là giống người, họ là gỗ đá, quyết nhiên không có lý nào thế.

Lại có một lớp người thực là chân chính giống người, thực là giống người chân chính da vàng, thực là chân chính nam tử nước Việt Nam. Những người này không phải là so ơn nhiều với nước, có thù nhiều với Pháp, mà chỉ biết là giống vàng không chịu để cho giống trắng mỡ xẻ như cá thịt.

Đội trời đạp đất, làm thân đứng giữa vòng trời đất, dời núi lấp biển, tin rằng tự ta có thể chuyển dời.

Lớp người như thế, tất nhiên không thể có nhiều, nhưng nghĩ lại nước Việt Nam mà không có hạng người như thế thì chẳng xấu hổ lắm sao ? Ta rất mong nước Việt Nam có hạng người ấy, ta dám tin nước Việt Nam có hạng người ấy.

Các hạng người trên này, tôi chỉ lấy nhân lý mà bàn, nước Việt Nam không là một nước giống thú, nước Việt Nam là một nước giống người, thì mọi lớp người kia, cái nhân tâm như thế nhất định đều có cả.

Nhưng tôi cũng không tin. Tôi nghe nói nước Việt Nam từ khi người Pháp chiếm, người người đều làm nô lệ cho Pháp. Tôi nghe Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thân hết sức vì người Pháp giết hại người Việt, đi giúp dìu dắt để tàn hại đồng chủng. Nước tôi không như thế, nên anh bảo nước Việt Nam có nhân tâm, tôi cũng không tin. Than ôi ! Hỡi ôi ! Nhân tâm nước Việt Nam chính tôi còn tin ở bọn ấy đấy, chính tôi còn trông mong ở bọn ấy đấy. Đời xưa có con gái lớn trong nhà, nhà bên đông, nhà bên tây đều tranh

nhau lấy. Nhà bên tây đẹp nhưng nghèo, nhà bên đông xấu nhưng giàu, hỏi đứa con gái thích bên nào. Con gái nói : "Nhà đông ăn uống, nhà tây nằm ngủ". Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải sao lại không giống thế ? Chúng ta lại thích làm vợ anh con trai xấu xí ư ? Chẳng qua là cần ăn cơm mà thôi. Nguyễn Thân là con trai đời đời chịu ơn nước Việt Nam, cha làm đến tước Bá của nước Việt Nam. Thân là con nhà danh giá, biết đọc sách, bàn việc người đều trôi chảy xuôi tai. Hoàng Cao Khải đã ứng thí ở Việt Nam, đỗ thi Hương, lúc tuổi trẻ đầu xanh đã có chí lập công danh. Hai người ấy cố nhiên ngày nay là tội tở của Pháp ; nhưng gọi chúng là tội tở Pháp, quyết nhiên chúng không chịu nhận. Sở dĩ đem sức ra làm cho người Pháp, hoặc là vì thời thế thúc bách, mà đi sai đường chưa biết chừng ; hoặc là quanh co nấn ná đợi thời cơ cũng chưa biết chừng. "Một lỡ bước đi, thành sâu vạn cổ. Ngoảnh đầu nhìn lại, việc đã trăm năm"⁽¹⁾. Thử xem những kẻ rất nghèo hèn đê tiện, như đi ở bán hàng, làm thuê cho phường thịt, cũng còn có một điểm lương tâm, còn biết Việt Nam là nước của tổ tông cha mẹ, còn biết Việt Nam là nước đồng bào, không nỡ trông thấy người Pháp phá hoại mòn mỏi đi ; huống chi Thân và Khải kia ? Dù cho mất hết lương tâm, điên cuồng, cũng chưa đến nỗi quên hẳn nước Việt Nam, đem cái phú quý trước mắt mua lấy tiếng xấu sau này, chúng vẫn cứ tự hiềm là thất sách ! Phương chi thái độ người Pháp, hai tên kia há lẽ nào không biết ! Thở chết rồi thì chó săn phải mổ, chim hết thì cung cất đi, từ xưa đến nay đều thế, người Pháp lại càng quá hơn. Cái gương Nguyễn Văn Tường trước kia còn sờ sờ ra đấy ! Thân ôi ! Hai người đều có trí lược, đều biết đọc sách. Có

(1) Nguyên văn là một câu thơ cổ :

*Nhất thất túc thành thiên cổ hận,
Tái hồi đầu thị bách niên thân.*

trí lược thì biết rõ thời cơ, năng đọc sách thì cái quá tất sẽ dừng cảm. Một sớm kia thay đường đổi lối quay giáo trở lại, vì tổ phụ mà báo ơn nước, vì đồng bào mà gửi tính mệnh, hai người ấy thế lực đã lớn, thì vận động tất sẽ được ảnh hưởng nhiều, trước kia gắng sức vì dị chủng hai mươi phần, thì nay nỗ lực vì đồng chủng đương nhiên phải gấp hơn trăm nghìn lần. Gái bạc đầu thất tiết, không bằng mù đi già hoàn lương. Nếu hai người quyết tâm làm như thế, mây mưa che khắp, trời đất chuyển vận, đem cái thế lực của hai người ấy ra mà xoay trở, thì cũng dễ dàng, có lẽ mạch nước Việt Nam sẽ ký thác vào hai người ấy. Những kẻ đóng cửa nằm khàn, tự mệnh là người Việt Nam mà thực không có mảy may bổ ích cho người Việt Nam khi so với hai người kia cách xa nhau như trời vực ? Nếu được như thế, đối với hai người ấy, ta sẽ tôn thờ, ca tụng, đem tượng đồng bia đá mà kỷ niệm.

Nhưng tôi cũng không tin, tôi nghe nói số người Việt Nam đi làm lính cho Pháp, ở phủ huyện nhỏ không dưới mấy trăm người, tỉnh lớn không kém mấy nghìn người, kể tất cả lính tập toàn quốc được 30, 40 vạn. Đem râu mày mặt mũi người Việt Nam mà vai súng lưng đạn cho người Pháp, mặc cho Pháp chỉ huy, xuyt sang đông thì sang đông, xua sang tây thì sang tây, tụ tập vô số người Việt Nam râu biếc răng đen để đi theo sau lưng người Pháp, người Pháp đánh đấm, người Pháp đá đập, suốt ngày ấy qua ngày khác mà không biết chán khổ ; nhân tâm như thế, còn gọi là nhân tâm được ư ? Tôi cũng không tin được.

Đúng vậy. Đây tôi không muốn nói rõ tường tận, xin tạm nói sơ lược. Con chim tu hú ngày làm tổ là để tính cho con chim cà cưỡng đến ở⁽¹⁾ ; nhà giàu ngày dạy bảo con gái, là để phục dịch

(1) Trong *Kinh Thi* nói : *Duy thườn hân sào, duy cưu cưu chi* (Con chim cà cưỡng có tổ, con chim tu hú đến ở), có lẽ nhà soạn sách sắp nhầm chữ.

con trai. Bọn Pháp bó buộc cha mẹ, anh em, làm cùng khổ chết đói họ hàng làng xóm, mà lại xua người ta ra để dùng làm chân tay nanh vuốt. Như thế mà không bị người ta vỗ bắt hay sao ? Thì không có lý nào như thế. Ba, bốn mươi vạn lính tập nước Việt Nam, người Pháp thực đã thao luyện cho, quân giới của nước Pháp thực giao cho lính tập nắm giữ. Cẩm quân giới của người Pháp để theo người Pháp ra chiến trường, lính tập nước Việt Nam có thể gọi là trung với Pháp vậy.

Nhưng cha mẹ anh em lính tập thì ai trói buộc ? Họ hàng làng xóm lính tập thì ai làm khổ đói rét ? Lính tập cố nhiên sẽ rờn rờn nước mắt mà nói ra, phương chi từ khi trong nước đã bàn định, đến nay người Pháp đối đãi với lính rất vô ơn, mỗi ngày kiểm thúc càng chặt thêm, lao dịch lại càng nhiều thêm, lương tháng càng ngày càng bạc bèo. Ngày trước, một lính tập mỗi tháng được 10 đồng hoặc 12 đồng, người nhiều nhất đến 15 đồng, ngày nay lính tập mỗi tháng 8 đồng hoặc 6 đồng, ít nữa là 4, 5 đồng. Khi biên cương hữu sự thì trông như thiên thần, lúc khói lửa không sợ nữa thì lại coi như cỏ rác. Cắt cỏ ngựa là lính tập, xây tường thêm cũng lính tập, ngày trước không thế mà ngày nay như thế, khiêng ván cũng lính tập, kiếm củi nước cũng lính tập, ngày trước không thế, mà ngày nay có như thế. Người Pháp hung ác như thế, người Pháp quỷ quyệt như thế, cố nhiên lính tập cũng đã gờm mắt mà nhìn rồi. Ai là không cha mẹ, anh em ? Ai không họ hàng làng xóm ? Cùng mặt mặt ấy, ai là không huyết tính ? Xéo thịt cha mẹ anh em anh để nuôi béo anh, anh có yêu được không ? Cắt tiết họ hàng làng xóm anh để cho anh uống say, anh có vui được không ? Anh lấy được ở người Pháp chẳng qua một tháng 10 đồng bạc thôi, nhưng da thịt của anh bị bóc hết mà người Pháp lấy bù lại ở làng xóm thân thích anh mỗi tháng gấp đến nghìn vạn, và lại người Pháp còn đòi hỏi trách cứ mãi mãi không thôi. Thương thay !

Đau thay ! Rang sẩy đồng chủng ta, để cung dưỡng dị chủng, mà ta lại vui vẻ làm theo, xếp cùi thối lửa há phải là chân chính sao ? Bảo rằng lính tập trung thành với Pháp, bảo rằng lính tập phản bội Việt Nam, bảo rằng lính tập giúp người Pháp để đánh người Nam, dứt khoát lính tập không khi nào lại như thế. Lính tập, lính tập, há đã thành gan dê ruột lợn hay sao ? Dứt khoát là lính tập tất không phản bội Việt Nam, dứt khoát là lính tập không giúp người Pháp, dứt khoát là lính tập tất phải tiêu diệt người Pháp. Nên có ca rằng :

*Các chú lính tập,
Các chú lính tập,
Chú ở An Nam sinh,
Chú ở An Nam trưởng,
Chú sung chú sướng,
Chú phủ chú phê,
Chú mãn hạn về,
Thuế sưu chú chết !
Họ đương chú la lét,
Thân thích chú xác xơ,
Chú nghĩ lại biết chưa ?
Tây thương yếu gì chú ?
Tây công ơn gì chú ?
Chú con một họ,
Chú của một nhà,
Yếm bà lại buộc cổ bà,
Lạy lạy chú bách bái,
Thiên bái, vạn bái chú⁽¹⁾.*

(1) Bài ca này ở trong sách cũng viết bằng chữ Nôm.

Có riêng gì lính tập đâu ? Thông ngôn của người Pháp, ký lục của người Pháp, cho đến cả bồi bếp của người Pháp, cố nhiên đều là giống người Việt Nam cả, cố nhiên đều cùng một tâm địa lính tập cả. Bọn họ lẽ đâu lại quên được cái nước của tổ tông cha mẹ ? Lẽ đâu lại cam tâm theo người Pháp mà đi tàn hại bầm cá, thái thịt cái nước của tổ tông cha mẹ ! Nguy cho người Pháp ! Nguy cho người Pháp đấy !

CHU THIÊN và CHU ỚNG THẬU dịch

TÂN VIỆT NAM

Lời dẫn :

Thời gian ở Nhật Bản, được chứng kiến và vô vùng ngưỡng mộ thành quả của công cuộc Duy tân, Phan Bội Châu đã hình dung cho dân nước Việt một "Nước Việt Nam mới" độc lập, tự chủ theo đúng mô hình mà ông ao ước. Do đó, đây là một tác phẩm quan trọng cho thấy những chuyển biến lớn theo hướng Duy tân trong tư tưởng yêu nước của chí sĩ Phan Bội Châu. "Nước Việt Nam mới" được Phan Bội Châu hình dung thành một xứ sở với "Thập đại khoái – Mười điều sung sướng lớn" và đó là kết quả của quá trình thực hiện "Lục đại nguyện – Sáu điều mong muốn lớn". Chúng tôi chọn giới thiệu phần sau : "Sáu điều sung sướng lớn".

Tác phẩm nguyên gốc chữ Hán, do gia đình cung cấp ; bản dịch quốc ngữ không rõ tên tác giả, lưu tại Thư viện Khoa học trung ương và Cục Lưu trữ nhà nước.

*

* *

Nếu như người làm ruộng biết gặt hái thu hoạch mùa màng là sướng, thì việc dầm mưa dãi gió, vất vả nhọc nhằn cũng không quan ngại ; người làm nhà biết tụ họp là vui, thì việc chuyển đá dời non, xẻ đường dọn lối cũng không lấy làm phiền phức. Cũng như nước ta mà duy tân được thì sướng lắm ! Sướng lắm ! Người nước ta ai mà không bằng lòng ưng ý, ai mà không nhón gót giương mày ? Nhưng mà mới nghe thì mừng, mừng rồi lại nghi. Vì cách thức để gây dựng nước Việt Nam mới của ta, người nước ta chưa được rõ.

Bội Châu tôi tuy là người tài hèn sức mọn, nhưng cũng là một người con thương mến của nước ta, xin kính cẩn tỏ bày kiến thức thô thiển vụng về của mình để các bậc cha mẹ, chú bác, anh em chọn lấy. Có sáu điều mong lớn (lục đại nguyện) như sau :

1. Xin mọi người trong nước ta đều có ý chí tiến thủ mạo hiểm ;
2. Xin mọi người trong nước ta đều có tinh thần thương mến tin yêu nhau ;
3. Xin mọi người trong nước ta đều có tư tưởng tiến bước lên nền văn minh ;
4. Xin mọi người trong nước ta đều có sự nghiệp thực hành yêu nước ;
5. Xin mọi người trong nước ta đều có sự nghiệp thực hành công đức ;
6. Xin mọi người trong nước ta đều có hy vọng về danh dự, lợi ích.

Tâm trí của người nước ta không phải không linh xảo ; tai mắt, đầu óc người nước ta không phải không thông minh ; tay chân, khí phách người nước ta không phải không hùng tráng ; nhưng tại sao ở trong nước thì tự xưng là vua mà bắt nạt dân, ngoài thì lại chịu

làm tôi của nước khác ? Kể từ Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh cho đến Pháp ngày nay thì việc làm nô lệ đã khá hoàn bị ! Thế là tại làm sao ? Tại vì mọi người không có ý chí mạo hiểm tiến thủ, cho nên tự yên phận ngu hèn, tự vui bề mếm yếu, chỉ biết lấy sự ăn uống, trai gái làm điều kinh bang tế thế tuyệt vời, lấy vườn nhà, xó bếp làm bầu trời cao rộng ! Người khác có ỉa đái lên đầu mình, thì cũng ỳ ra mà nói rằng : "Ta chỉ biết yên phận !". Họ khác có nuốt hết giống ta, thì cũng ngạo nghễ nói rằng : "Ta chỉ đợi thời !" Than ôi ! Trong trường cạnh tranh xâu xé, lòng người dữ như rắn, chim chiến đuổi chim sẻ, con tấy đuổi con cá, có ai là miệng Phật đầu ? Mày không lo tiến thủ thì người ta giết mày. Mày không chịu mạo hiểm thì ai thương mày ? Nước ta đến nay mà còn chưa thể cố gắng vươn lên được hay sao ? Xin đồng bào hãy giương mày mở mắt để rửa thẹn cho núi sông ! Người ta đều là anh hùng cả, sao mình lại chịu kém hèn ? Người ta đều là vương bá cả, sao mình lại chịu làm tôi tớ ? Người nào cũng có tấm lòng ấy thì sẽ độc lập được. Chí tiến thủ càng bền, lòng mạo hiểm càng mạnh, bắt sư tử, bắt cọp bằng tay không, câu cá kinh, cá nghề ngoài biển lớn, nếu sức một người không đủ, thì hiệp sức trăm, ngàn, vạn người mà làm cho nên. Lòng cả nước đều anh hùng, thì người Pháp một ngày cũng không thể ở yên được.. Đó là tiên phong duy tân thứ nhất.

Số dân nước ta cũng đông, đất đai cũng rộng, của cải cũng nhiều, theo con số công sư của người Pháp thì có 25 triệu, nhưng kể toàn số cũng có hơn 50 triệu người. Như vậy thì nhân đinh cũng đông. Diện tích nước ta rộng đến 25 vạn dặm vuông Anh. Năm thứ kim khí, năm giống lúa đều có đủ, đất đai cũng mầu mỡ. Lúa má Nam Kỳ, hàng hóa Bắc Kỳ để nuôi người Trung Hoa, Ấn Độ, Mã Lai, Xiêm La tràn trề no đủ, cho đến ông Tây, bà đầm, chó ngựa, bồi bếp của các ông bảo hộ, mặc sức ăn tiêu xa phí, no say thừa thãi. Như vậy thì số của cải cũng lắm.

Dân cư đông, đất đai rộng, của cải nhiều, dùng làm việc gì cũng được, thế tại sao mà người nước ta phải làm tôi tớ, vật sản nước ta bị hư nát tiêu mòn, đi buôn thì buôn lỗ, làm nông thì nông cùng, làm thợ thì bách công vụng về, có phải trời đất hẹp hòi với ta đâu ? Chẳng qua là vì người nước ta không có tinh thần thương mến tin yêu nhau, xem anh em đồng bào như nước Tân nước Việt, ở với đồng chủng thì như người cừ thù, nhà nào cũng đắp bờ ngăn giậu, cửa nào cũng đào lỗ khoét hang, đưa anh em một đồng tiền, tay nặng quá nắm cân, bạn hữu cách nhau chừng gang tấc mà lòng xa vạn dặm và hình tiếng lại trái nhau, đau ốm không dòm ngó đến nhau, nhà tôi cứ hát xướng mặc cho nhà anh đang than khóc, xóm đông cứ việc no say mặc cho xóm tây đang gặp đói khát. Than ôi ! Đương khi núi sông như tro tàn, nhờ có tay chân giúp đỡ, làm sao lại nở riêng danh, riêng lợi, lừa đức, lừa lòng, ta chừng như tơ còn một mối chưa đứt, nở nào giờ cánh tay đánh nhau. Hoạ đã gần hết cả ba họ, sao còn đánh nhau trong phen, ganh nhau ghét nhau đến thế ? Than ôi ! Thế sức có đồng mới nên, cơ sở có hiệp mới dựng, làm một trò chơi, mời một tiệc vui, có ít cũng chừng vài mươi người, hưởng chi việc lo lợi hàng vạn đời, lập công để lại núi sông, mà chỉ có lòng và sức của một vài người thì làm sao được ? Chi bằng kết đoàn thể, liên tính tình, hợp trí mưu, góp của cải, bỏ hết mọi lòng ganh ghét nhau, chung với nhau một đường sống chết, lấy của ngàn vạn người làm của chung, lấy sức của ngàn vạn người làm sức chung, áo của tôi anh mặc, cơm của tôi anh ăn ; anh có đau tôi đem thuốc cho mà uống, nhà tôi bị tối tăm thì lấy đèn của anh mà thắp sáng, ngàn vạn người chung vai gánh, thì nặng mấy cũng nổi ; ngàn vạn người xúm tay mà đỡ, thì việc gì cũng nên. Người nước ta mà tin yêu nhau như thế, thì trong con mắt ta còn thấy có "ông Tây" nữa không ? Đó là tiên phong duy tân thứ hai.

Rồi đây người nước ta mắt cũng thấy có xe hơi, tàu điện, tai cũng nghe súng Tây pháo Tây, lòng cũng biết có sự học văn Tây, biết kỹ xảo Tây. Nhưng bây giờ con mắt còn như mù, lỗ tai còn như điếc, lòng như mê như dại là bởi làm sao ? Chẳng qua vì không chịu đổi mới, mà chỉ theo cách người trước làm sao thì cứ theo thế mà làm, không chịu suy nghĩ ra cách mới. Các môn như quang học, trọng học, hóa học, lý học, cơ học thì cho là khó khăn, có bất chước thì càng mờ mịt. Người lớn tuổi thì ngày càng mòn mỏi đi không còn mấy, người trẻ tuổi thì vợ con trời huộc, việc xe hơi tàu điện để cả cho người Pháp, còn ta thì làm chó làm ngựa cho người Pháp cũng không sao ! Súng Tây, pháo Tây để cho người Pháp làm, ta làm tên đầy tớ của người Pháp cũng được. Ta không có cái học như người Tây. Các ông tiến sĩ, cử nhân của nước Việt Nam ta không có kỹ xảo như người Tây, mà chỉ là những thầy thông sở Toàn quyền, thầy phán toà Công sứ, kiến thức luận bàn chỉ có thế, thì làm sao lại có thể biết được văn minh là cái gì ? Và chẳng, đồ đạc khéo không phải tự đất nổi lên, cũng như sự nghiệp văn minh, không học hành thì làm sao mà có được ? Người ta có máy móc, mình phải ra sức học mà làm. Người ta biết đổi mới, sao mình lại chịu vụng về cố hủ ? Việc học tập tinh thông nghề nghiệp ở các nước Anh, Nhật, Đức, Mỹ nhanh cũng đến năm năm, ta chớ lấy làm lâu ! Muốn học được nghề nghiệp của các nước, trước hết phải học tiếng nói, chữ viết, một năm, hai năm cho quen tiếng nhuần lười, người có chí không lấy làm khó, mà cốt là muốn lên vũ đài văn minh mà thôi. Muốn theo sự hay sự tốt nước người, thì phải đi khắp các đô thành của nước người, sẽ phải chịu cảnh sống đắt đỏ gạo châu củi quế, tiêu nhiều tiền bạc, nhưng người có chí thì không cho làm tốn, mà cốt là muốn dựng chiến lũy văn minh mà thôi. Người ta đi một tháng mới đến, ta phải gắng sức đi để thấu đích chừng vài tuần. Người ta có tài hay như chân đi được ngàn dặm, ta phải cố đi cho được muôn dặm, trước thì ta lấy

họ làm thấy, sau ta lại sẽ làm thấy cho họ. Nước Nhật Bản bây giờ cũng như nước Việt Nam ngày sau vậy. *Đó là tiên phong duy tân thứ ba.*

Sóng gió lớn thì nước biển thẳm, gió thấy phải kinh, mưa dầm to thì sấm chớp rầm trời, có hồn phải tỉnh. Người nước ta bây giờ nói sự yêu nước, đánh chuông yêu nước, cũng không biết mấy hồi. Nhưng nói mà không làm thì cũng như không nói ; biết mà không làm thì cũng như không biết. Núi sông ta như say mà chết, đã năm mươi năm khóc than rên xiết rồi. Nay còn thân ta đương sống, thì lo gia tăng chí khí, để bay nhảy theo thời. Tôi xin kính chúc đồng bào ta, xin bày tỏ với đồng bào ta rằng, muốn sống còn, nay chỉ có hai điều :

1. Rưới máu tươi mà đánh kẻ gian nô, hãy vùng lên giết sạch lũ chúng.

2. Đem mồ hôi nghĩa mà mua nghiệp tốt, hãy quynh góp tiền của để mưu tính việc lớn.

Tôi đã từng xấu hổ vì không làm được, còn như đồng bào thì ai ai lại không làm được ? Mười ông Nhiếp Chính, trăm ông Kinh Kha thì trong thế giới thù gì cũng báo được. Một ông Tử Phòng⁽¹⁾, hai ông Lỗ Túc⁽²⁾ thì núi sông đều xoay chuyển gánh vác được. *Đó là tiên phong duy tân thứ bốn.*

Xóm chợ làng quê, chỗ nào cũng biết nói công đức ; đàn bà, trẻ con người nào cũng biết nói công đức. Xin hỏi đồng bào ta : đến lúc bấy giờ, thì còn có ai là người không làm nên chuyện được ? Xét đi xét lại, chớ có bên Tây cái máu mà bên Đông cái thuần, chớ

(1) *Nhiếp Chính, Kinh Kha, Tử Phòng* là những thích khách mưu sát Tần Thủy Hoàng.

(2) *Lỗ Túc* : người nước Ngô, khi chưa ra làm quan đã từng đem hết thóc gạo của mình để giúp nước.

có như ngọc châu nước Tần với ngọc bích nước Triệu. Mà phải nên nghĩ rằng : cung nước Sở có mất thì người nước Sở bắt được, không có tí gì là riêng tư. Từ một người cho đến một nước, ai cũng như ai, thì việc gì mà lại không làm được ? Đồng bào ta ơi ! Biết công đức lớn như thế, hãy xin gắng mà làm. Lỗi lầm của anh để cho em chịu, tài nghệ của em xin nhường cho anh làm. Tính mạng đối cho nhau cũng được, hưởng nữa tiền bạc, của cải, vật dụng đều là vật chung như nhau. Nước là nước ta, ta chỉ biết có nước mà thôi. Người nào cũng có lòng lo lắng, người nào cũng chịu khó ra sức, nếu anh đau ốm thì tôi buồn thương như một thể với nhau. Hai người cùng một lối chớ đâu phải hai đường mà phải tính toán ? Lúc bấy giờ sẽ tụ họp được đông đảo con em người nước ta để tranh giành với một nhóm ít người Pháp. Người Pháp còn dám đề đầu cưỡi cổ ta nữa hay không ? Đó là tiên phong duy tân thứ năm.

Nói về đạo đức, thì không ai dám nói vì danh ; nói về anh hùng, thì không ai dám nói vì lợi.

Than ôi ! Danh lợi có can gì đến đạo đức với anh hùng đâu ! Chưa có "thực" thì danh cũng chóng mai một, mà khi đã "hư" thì danh ấy sẽ xấu đến muôn đời. Vì cái lợi trước mắt, nếu một khi thế cuộc đã thay đổi, thì sẽ phải chịu cái hoạ khôn cùng. Nếu mà có danh thực thì muôn đời không ai dám nói gì khác. Như các ông Oa Sinh Ton, Tây Hương Long Thịnh cũng là danh lẫm, nên thành nước Mỹ nêu gương sáng ngời, nên cứ Đông Kinh xây tượng đồng kỷ niệm cao ngất. Lòng vọng tưởng cho có danh của hai người ấy cũng đã là thoả nguyện. Xin người nước ta ai ai cũng cầu danh như thế. Nếu mà lợi là lợi thật thì mình đã được lợi, mà nhân dân cũng nhờ ơn. Như việc mở châu Phi, việc đào kênh Suyê hao tổn không biết bao nhiêu là tiền bạc. Hai việc ấy cũng là cầu lợi. Nhưng mất của hơn mười năm mà mở được một châu lớn, dời dân đến ở, tổn

hơn một trăm triệu đồng mà chuyên được lợi lớn khắp biển Đông biển Tây. Lòng vọng tưởng cho có lợi như thế thật là thoả nguyện. Xin người nước ta ai ai cũng cầu lợi như thế. Nhưng mà danh một ngày với danh muôn đời, danh gì hơn ? Muôn sự chết không từ, ngàn lạng vàng không tiếc để cầu cho được danh, được lợi cũng cứ làm. Vậy thì quyền nước lấy máu xương mà giành, nền văn minh lấy của cải mà mua, người nước ta ai ai cũng vọng tưởng cho có danh lợi, thì làm sao mà nước ta lại không giàu mạnh được ? Đó là *tiên phong duy tân thứ sáu*.

Có sáu điều mong muốn ấy, thì mới có được *mười điều sung sướng*. Thực hiện được sáu điều mong muốn ấy, thì quyền ta ta cầm, khuôn ta ta đúc. Muốn cho đất nước ta mạnh giàu, thì chỉ cần người nước ta một lòng một chí. Như vậy thì việc xoay trời chuyển đất đều làm được hết. Người nước ta lẽ nào cam chịu tụt lùi mà không chịu làm ? Gom chí khí của muôn người xây nên thành vững, góp trí tuệ của muôn người đập bằng sóng biển. Tôi xin cúi đầu chúc nước Việt Nam mới muôn muôn năm. Chúc đồng bào nước Việt mới của ta muôn muôn năm.

Tap chí *Nghiên cứu lịch sử* số 78 (4 - 1965)

NGỤC TRUNG THU

Lời dẫn :

Năm 1913, sau khi bị bắt giam vào nhà ngục Quảng Châu (Trung Quốc), nghĩ mình khó tránh khỏi cái chết, Phan Bội Châu đã viết tác phẩm này, kể lại đoạn đường đời của mình từ năm 17 tuổi. Vì vậy "Ngục trung thư", cũng như "Phan Bội Châu niên biểu",

mang tính chất tự truyện, với nhiều chi tiết, sự kiện xác thực, hữu ích về mặt lịch sử.

Tác phẩm nguyên văn bằng chữ Hán, hoàn thành ngày 25 tháng Chạp năm 1914, và được xuất bản lần đầu tại Trung Quốc cũng trong năm này. "Ngục trung thư" đã được dịch sang tiếng Nhật (khoảng năm 1940), tiếng Anh (1978), còn bản tiếng Việt trích giới thiệu dưới đây là của Đào Trinh Nhất, do Mui Linh xuất bản năm 1937.

Ngoài các lời Tựa, "Ngục trung thư" gồm nhiều mẩu chuyện, như : "Vì sao Long Tế Quang bắt tôi hạ ngục", "Ra đời giữa lúc mất Nam Kỳ đã sáu năm", "Cùng anh em đồng chí tổ chức ra đội sĩ tử Cẩn vương", "Muốn hãm tỉnh thành Nghệ An", "Tôn ông Cường Để lên làm mình chủ", "Ra thăm Hoàng Hoa Thám rồi vô Nam Kỳ", "Lưu Cầu huyết lệ tân thư", "Làm sao mua được khí giới", "Tôi trốn sang Tàu, gặp cụ Nguyễn Thuật và Lưu Vĩnh Phúc ở Quảng Châu", "Gặp Lương Khải Siêu và Khuyển Dưỡng Nghị", "Rút Kỳ ngoại hầu xuất dương", "Hô hào thanh niên sang Nhật cầu học", "Gặp mặt Hoàng Hoa Thám", "Chính phủ lâm thời Tân Việt Nam", "Muốn chở khí giới giúp Hoàng Hoa Thám", "Trần Kỳ Mã và Hồ Hán Dân giúp sức", "Long Tế Quang bắt tôi hạ ngục". Chúng tôi chọn giới thiệu đoạn đầu và cuối của tác phẩm, nhằm giúp bạn đọc có thể hiểu được hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, bản lĩnh và tinh thần lạc quan của con người cũng như nghệ thuật lay động lòng người của ngòi bút Phan Bội Châu.

*

* *

Con chìm sắp chết, tiếng kêu đau thương ; người ta sắp chết, lời nói ngay thẳng. Những lời tôi nói đây có ngay thẳng hay chẳng, tôi đâu có biết. Nhưng chỉ biết là lời nói của một người sắp chết thì có.

Mùa đông năm Quý Sửu (1913) tôi đang ở đậu Dương Thành⁽¹⁾ thì quan Toàn quyền Pháp⁽²⁾ ở Đông Dương sang chơi xin Chính phủ Quảng Đông bắt tôi để giải giao về Chính phủ Pháp xử.

Đô đốc Quảng Đông bấy giờ là Long Tế Quang chịu theo lời xin ấy, trước ngày cuối năm tám bữa, bắt tôi giam cầm trong ngục, và báo cho tôi biết rằng sớm muộn sẽ giải tôi giao trả người Pháp.

Tôi biết sớm chiều gì đây, dầu tôi cũng lìa khỏi cớ, nhưng tôi vẫn lấy làm vui vẻ. Than ôi ! Bao năm bốn tẩu, mưu tính trăm việc mà không nên một việc gì, nghĩ mình tội nặng lỗi nhiều, có vui gì sống nữa mà ham.

Song trước khi chết, không lẽ không thốt ra một vài tiếng kêu đau thương sau chót. Ai biết lòng ta chẳng ? Ai bảo ta có tội chẳng ? Còn một giây phút trước khi ta phải chôn mình dưới đất, ta cũng muốn cạy lời ta nói. Chiếc bóng bơ vơ trời biển, ngọn đèn leo lét gió mưa, ta thấm giọt lệ còn lưu lại mấy chục năm nay, gom góp lịch sử một đời ta, hoà với máu mà viết ra tập sách này. Hỡi ba ngàn muôn đồng bào chi ái chi nhân, dầu ai biết lòng ta chẳng ? Dầu ai buộc tội ta chẳng ? Khi đọc tập sách này, sẽ thấy giọt máu hầu khô, vẫn còn đầm đìa ở trên mặt tờ giấy vậy.

*

* *

... Ban đầu mới bị bắt, tôi vẫn tự nghĩ rằng mình không đến nỗi nào phải chết. Đến lúc thấy cách thức người ta áp giải mình đi dọc đường, nào xiềng tay, nào trói chặt, dẫn vô tới ngục thất. Họ lại giam trong ngục thất chung một chỗ với bọn tù xử tử, bấy giờ tôi

(1) Dương Thành : tức Quảng Châu, lỵ tỉnh Quảng Đông.

(2) Là Anbe Xarô.

mới biết rằng Đồ đốc Long Tế Quang không dãi tôi là hạng tù chính trị, vậy thì ngày giờ tôi chết gần đến nơi mất rồi !

Từ khi xuất dương tới giờ tôi được nếm mùi ở tù lần này là lần thứ nhất. Nhưng Mai quân⁽¹⁾ hơn tôi : lần này ông ta vào ngục là lần thứ ba rồi.

Vào ngục bữa đầu tiên, tôi với Mai quân ở chung một xà lim. Đêm hôm ấy tôi đọc miệng một bài thơ để an ủi Mai quân như vậy :

*Phiêu bồng ngã bối các tha hương,
Tân khổ thiên quân phận ngoại thường.
Tính mạng kỷ hồi tảo tử địa,
Tu mi nam độ nhập linh đường.
Kính nhân sự nghiệp thiên đào chú,
Bất đế phong vân đế chủ trương⁽²⁾.
Giả sử tiền đồ tận di thân,
Anh hùng hào kiệt dã dung thường.*

Đại ý là :

Bơ vơ đất khách bác cùng tôi ;
Riêng bác cay chua nếm đủ mùi.
Tính mạng bao phen gần chết hụt.
Mày râu ba lượt bị giam rồi !
Trời toan đại dụng nên rèn chí,
Chúa giúp thành công tất có hồi.
Nếu phải đường đời bằng phẳng hết,
Anh hùng hào kiệt có hơn ai.

(1) Tức Mai Lão Bạng, một yếu nhân của đảng cách mạng,

(2) Vì Mai quân là người theo đạo Thiên Chúa nên Phan Bội Châu mới viết ý này.

Còn tôi thì tự an ủi mình bằng một bài thơ Nôm như sau :

*Vẫn là hào kiệt vẫn phong lưu
Chạy mỗi chân thì hấy ở tù.
Đã khách không nhà trong bốn biển,
Lại người có tội giữa năm châu.
Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế,
Mở miệng cười tan cuộc báo thù.
Thân nợ vẫn còn, còn sự nghiệp,
Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu.*

Làm xong bài thơ, tôi ngâm nga lớn tiếng rồi cả cười, vang động cả bốn bức vách, hầu như không biết thân mình đang bị nhốt trong ngục.

Qua ngày thứ nhì, người ta nhốt riêng tôi và Mai quân mỗi người ở cách biệt nhau một nơi. Thế là từ hôm nay, tôi là thằng tù bơ vơ trợ trợ ở chốn tha hương khách địa.

Những nỗi khổ nhục ở trong khám, cố nhiên mình chẳng nên xót xa than thở làm gì. Duy có một điều đau đớn là mình phải cách trở anh em, tuyệt hẳn tin tức, mà ở trong ngục chỉ có một mình nói tiếng Việt Nam cho mình nghe thôi, nghĩ luống tự buồn rầu cho thân phận, rồi lại chạnh niềm nhớ tới công việc thất bại, khiến tôi phải đau lòng mà khóc, nước mắt tầm tã như mưa. Thật là lúc cha mẹ đẻ tôi ra đến nay chưa hề lúc nào biết đến mùi đau đớn như bây giờ. Mà từ lúc cha mẹ đẻ tôi ra đến nay chưa hề lúc nào nếm mùi đau đớn như vậy, đầu dây mối nhợ là vì cái chí tôi hoài bão từ 30 năm trước.

Cái chí tôi hoài bão ra thế nào ?

Thì chỉ muốn đổ máu ra mua sự tự do, đánh đổi cái kiếp tôi tớ lấy quyền tự chủ đó thôi.

Ôi ! Cái chí tôi hoài bão như thế, cứ lấy thiên chức quốc dân ta mà nói, có ai dám bảo rằng : không nên. Song ồm cái chí đó mà cố làm thành việc lớn chẳng, thì phải nhờ có bắp thịt cứng ra thế nào, học thức giỏi thế nào, thủ đoạn có tài thao túng ra thế nào, thời thế khéo xoay chuyển thế nào mới được. Đằng này tôi tự hỏi lấy tôi, bất quá như anh mù cỡi con ngựa đui vậy thôi. Bây giờ kết quả thất bại như thế này, chính vì tôi dở mà ra, còn than trách gì nữa !

Tuy vậy, tôi nghĩ trong thế giới chẳng lẽ nào có một con nước hể đã xuống rồi thì không bao giờ nó lại lên, chẳng lẽ nào có một cuộc đời hể đã thành rồi thì không có lúc nào thay đổi ; bởi vậy cái cuộc thất bại của tôi tạo ra ngày nay, biết đâu không phải là cái phước cho quốc dân ta sau này ?

Than ôi ! Dòng dõi Hùng Vương chưa chết hết, chuyện cũ Lê Hoàng còn mới hoài, phàm là quốc dân ta, ai hoài bão chí muốn như ta, tất có ngàn ta muôn ta ức triệu ta nên lấy việc thất bại trước của một ta mà răn mình, để cho được trở nên những người năng y, không đợi tới chín lần đứt tay mới hay thuốc !

Tôi lại nghĩ tôi là một người trong tay không có lấy một tác sắt, trên mặt đất cũng không có lấy một chỗ nào đứng chân, chẳng qua mình chỉ là một thằng tay không chân trắng, sức yếu tài hèn, lại đòi vật lộn với hùm beo có nanh dài vuốt nhọn. Ai biết lòng mình thì than tiếc giùm mình mà nói :

– Gan to !

Ai muốn bắt lỗi mình thì có thể bảo mình :

– Ngu quá !

Tóm lại, trong đời người thật không có ai ngu lạ như tôi. Nếu có phải tính mạng của tôi đến ngày hôm nay là ngày cùng rồi, khi tôi chết, người ta cứ đặt tên hèm cho tôi là Kỳ Ngu thì đúng lắm,

không đổi được chỗ nào khác hơn. Nhưng nếu muôn một mà tôi không chết, thì rồi sau thấy beo cạp há lại không thể đánh được ư? Xin quốc dân ta nên xem gương tôi mà tự răn mình.

Lịch ta ngày 25 tháng Chạp năm Quý Sửu,
Sào Nam tử viết *Ngục trung thư* này ở nhà ngục Quảng Châu
sau khi vào ngục ba ngày

ĐÀO TRINH NHẤT dịch

CHÂN TƯỚNG QUÂN

(Truyện vị tướng quân chân chính Hoàng Hoa Thám)

Vị tướng quân ấy là Hoàng Thám đã chống chọi với kẻ thù ba chục năm trời, Hoa Thịnh Đốn⁽¹⁾ đánh nhau với người Anh chưa đầy mười năm, nhưng khi nói đến chuyện châu Mỹ thì người ta đều khen tài Hoa Thịnh Đốn. Tây Hương⁽²⁾ đánh nhau với người Nga chỉ một trận hải chiến, vậy mà khi qua Nhật Bản, thì ai cũng biết đến tên Tây Hương. Hai người đó nếu sinh ở trên đất nước ta tôi nghĩ cũng khó mà trở thành một vị chân tướng quân được. Phải có hàng vạn hàng ức Hoa Thịnh Đốn, rồi mới có một Hoa Thịnh

(1) *Hoa Thịnh Đốn* (Washington. 1732 - 1799) : tổng tư lệnh trong cuộc chiến tranh chống bọn xâm lược Anh, giành độc lập cho nước Mỹ, năm 1789 được cử làm tổng thống đầu tiên của nước Mỹ.

(2) *Tây Hương Long Thịnh* (1827 - 1887) : người có công đầu trong cuộc Duy tân của Nhật Bản, đã từng giữ chức tham mưu đại đô đốc từ năm đầu Minh Trị đã từng làm đại tướng lục quân, có nhiều công lao trong việc xây dựng nước Nhật hùng cường.

Đồn nổi tiếng. Phải có hàng vạn hàng ức con người như Tây Hương, rồi sau mới có được một Tây Hương nổi tiếng. Châu Mỹ thì tôi chưa biết, còn nước Nhật thì tôi đã từng qua. Nhân dân nước họ coi việc nước như việc nhà, dấn thân vào việc nguy nan chung, thì tựa như người đói đi tìm ăn vậy. Một Tây Hương đó chẳng qua cũng chỉ là một đại biểu cho hàng vạn hàng ức Tây Hương mà thôi. Ở đây, Tây Hương bỗng nhiên trở thành một đại tướng quân đã thắng người Nga, Hoa Thịnh Đốn cũng vậy. Ví thử ông Hoàng Hoa Thám lại sinh ở châu Mỹ hay Nhật Bản, mà trước sau ông hoặc chung quanh ông có hàng vạn hàng ức Hoàng Hoa Thám giúp đỡ, thì cái thành tựu của ông chắc gì đã kém Hoa Thịnh Đốn với Tây Hương. Do đó, tôi không thương là nước ta không có người, mà rất đáng thương là con người sinh ở đất nước ta. Quân thù chẳng phải là đã chiếm cứ hoàn toàn cả một nước đó sao ? Ông Hoàng chẳng qua chỉ là một con người và căn cứ địa của ông chẳng qua cũng chỉ là một ấp nhỏ bé đó sao ? Vậy mà ông đã chống giữ trên chục năm, đánh nhau với giặc trên trăm trận, như thế chẳng phải là bậc anh hùng sao ? Than ôi ! Tội ác của kẻ thù thì ngút trời, thế lực kẻ thù thì gấp hàng trăm lần, thế mà ông Hoàng một mình đã chống chọi được với chúng gần ba chục năm trời. Ông đã tập hợp và rèn luyện những con người tâm thường trở thành một đội ngũ mạnh mẽ và ông đã đường đường là một vị tướng quân tiếng tăm lừng lẫy. Ông thực xứng đáng là chân quốc nhân, xứng đáng là chân tướng quân ! Vì vậy tôi mới viết truyện *Chân tướng quân* này.

Chân tướng quân họ Hoàng tên là Thám. Thời tôi còn nhỏ, tiếng tăm của ông đã vang dội vào tai tôi làm cho tôi bao năm kính mộ và chỉ mong được một phen gặp mặt kẻ anh hùng. Mỗi khi thấy người ở nơi đó tới, tôi đều hỏi thăm tình hình. Nhưng chuyện

nghe lôm bôm mỗi người nói một khác. Vì thế mà tôi lại càng khát khao muốn được một phen gặp gỡ.

Có một năm⁽¹⁾, tôi nhờ người bạn thân đến thăm tướng quân ở nơi đóng quân. Khi bạn tôi trở về nói rõ tình hình, thì lúc bấy giờ tôi mới thực tin quả là có con người đó. Năm sau⁽²⁾ tôi tự đi tới tận nơi, vượt núi treo non tới phía bắc núi Nam Sơn là đại bản doanh của tướng quân. Còn doanh trại ở hai bên tả hữu là do hai đồ đệ tin cậy đóng giữ, một người là Đinh, một người là Huỳnh. Họ là những bộ hạ vào hàng kiện tướng của tướng quân. Ông Huỳnh hỏi mục đích của tôi. Tôi ngỏ ý muốn được gặp tướng quân để thảo luận đại sự trong thiên hạ. Không may gặp khi tướng quân bị cảm sốt, từ chối không thể gặp được. Tướng quân cho con trai lớn là Cả Trọng với năm viên kiện tướng tới gặp tôi ở đồn tả, tức là chỗ doanh trại của ông Cả Huỳnh. Tôi ở đó mười một ngày, cuối cùng tướng quân vẫn từ chối, vì còn ốm không tiếp. Với chút lòng mong gặp từ ngàn dặm xa xôi của tôi, tới đây bỗng thấy bùi ngùi khôn xiết. Vài hôm sau từ biệt ra đi, nghỉ trọ ở một xóm núi cách đồn sáu dặm đường. Đây là nơi mà thuở hàn vi tướng quân đã từng chân trâu và chơi đùa với các bạn nghèo.

Lịch sử của tướng quân, hôm trước ở trong doanh trại tôi đã được người trong trại kể cho nghe, song còn e rằng chưa đúng. Tới đây, tôi lại tìm hỏi kỹ thêm những người trong thôn. Trong thôn này có một cụ lão nông đã ngoài ba mươi tuổi, tính tình rất chất phác, lại biết rất cặn kẽ nhiều chuyện về tướng quân. Cụ có một người con đã từng ở dưới trướng của tướng quân và nay

(1) Tức là năm 1902, Phan Bội Châu đã cù Tân Quýnh ra Bắc, tìm đến Phồn Xương gặp Hoàng Hoa Thám.

(2) Tức là vào tháng tám năm Quý Mão (1903).

đã chết rồi. Tôi hỏi thăm cụ về chuyện gia đình của tướng quân. Cụ đưa tay chỉ dãy núi trước mặt bảo tôi : Đây là chỗ ở cũ của Quan lớn. (Người trong vùng này không bao giờ gọi tên họ của tướng quân, mà chỉ gọi là Quan lớn). Quan lớn người mới sinh ra đã bị mất cha, không biết cha là ai, mẹ thì nghèo khổ, lưu lạc tới nơi đây, nương tựa vào nhà họ Hoàng, vì Quan lớn làm con nuôi họ Hoàng do đó lấy họ là Hoàng. Sáu tuổi mẹ chết, cha nuôi cũng chết, bơ vơ côi cút, đi ở chân trâu, nhà nghèo không có khả năng đi học. Than ôi ! Một vị chân tướng quân mà không biết được một chữ quen !

Tôi nghe cụ kể tới đây lòng bỗng xót xa. Than ôi ! Dòng dõi cao quý phỏng có thiếu gì, ông này là bậc danh nho đương thời, kẻ kia là bậc trâm anh thế phiệt. Song ngày nay, không biết bao nhiêu kẻ đã lúc nhúc quỳ lạy trước quân giặc, xưng hô quân giặc là Trời, là hoàng đế. Mà một vị tướng quân oanh liệt hiên ngang chống lại quân giặc trong mấy mươi năm nổi tiếng anh hùng, lại là một con nhà nghèo khổ côi cút ! Họ tự khoác lác khoe khoang là dòng dõi quý quyền, là tầng lớp học thức, họ có biết trong thế gian này còn có chuyện đáng hổ thẹn không ?

Lúc ấy, tôi gọi đem rượu để uống với cụ. Cụ uống khỏe và nói chuyện rất vui. Cụ nói cho tôi nghe những mẩu chuyện kỳ thú của tướng quân trong thời kỳ thơ ấu. Cụ bảo tôi : Quan lớn, ngài như một vị thiên thần. Hồi còn nhỏ, tính nết hết sức đặc biệt, kỳ lạ, người khỏe mạnh béo tốt, sức mạnh như hổ, khi chơi đùa đánh nhau với trẻ chân trâu thì một mình có thể đánh nổi vài chục đứa. Hễ gây chuyện đánh nhau là bọn trẻ phải chịu thua, không dám chống lại, vì chúng rất sợ. Nhưng Quan lớn ngài rất ôn hòa, được anh em rất yêu mến, anh em trẻ chân trâu cần gì người cũng cung ứng cho. Ngài rất can đảm, tài trí, có thể bắt gà của người ta giữa

ban ngày mà không ai biết. Những nhà nuôi gà ở quanh vùng đều phải khéo đối xử tốt với Quan lớn, nếu không thì cả chuồng gà sẽ bị bắt hết. Bắt được bao nhiêu gà đều đem cả về cho các bạn chăn trâu, rồi tụ họp nhau nấu nướng cùng ăn với nhau rất vui vẻ. Cũng có những nhà nuôi gà không đem nộp cho ngài, nhưng Quan lớn không hề nói một lời. Ngài thường nói : Gà của nhà giàu nuôi là để cung phụng cho bọn anh em chúng tôi, nếu anh em không đòi hỏi, thì tôi lấy mà làm gì. Anh em trẻ chăn trâu thấy vậy lại càng cảm phục, đi đứng chơi bời họ đều theo sự chỉ huy của Quan lớn. Trong đám người tâm thường mà bỗng nhiên có một cảnh tượng của một ông vua mục đồng thì cũng là việc rất kỳ lạ.

Tôi im lặng không biết nói gì. Tôi nghĩ xưa nay các bậc kỳ tài, anh kiệt lúc đầu đều bị phàm tục khinh thường. Thực ra thì tuy là họ chưa bộc lộ tài năng, nhưng tư cách của họ đâu phải như bọn tầm thường. Vệ Thanh⁽¹⁾ là một đứa ở chăn lợn mà sau có tài phá được quân Hồ. Trần Thắng⁽²⁾ chỉ là một bác thợ cày mà sau có công khôi phục nước Sở. Hai người đó nếu được đặt vào nhà phú quý thì sự thành tựu chưa biết đến thế nào. Song vì đó mà tôi cảm giận đạo trời không công bằng. Cái chí khí của Hoàng tướng quân so với người Âu Mỹ thì có thẹn về mặt bình sinh không có học vấn. Ôi ! Như vậy có thể làm trở ngại cho tướng quân được sao ? Ví phỏng Thượng đế cấu tạo ra tướng quân ở một nước văn minh, sản

(1) Vệ Thanh người đời Hán, xuất thân là một kẻ nghèo hèn nhưng có tài trí, được Hán Vũ đế trọng dụng, đã từng làm tướng đánh quân Hung nô (tức là rợ Hồ) được phong là Trường bình hầu.

(2) Trần Thắng người đời Tần, cùng với Ngô Quảng chống lại sự thống trị hà khắc của nhà Tần, đã chiêu mộ nông dân vùng dậy khởi nghĩa, thế lực khá lớn, rồi tự lập làm Sở vương. Về sau bị tướng nhà Tần đánh bại.

sinh tướng quân ra ở một nơi quyền quý, được học ở trường này mấy năm rồi lại vào trường đại học kia mấy năm, giắt lấy mảnh bằng bác sĩ này, bác sĩ nọ, v.v... thì đối với tướng quân cũng dễ như trở bàn tay, phỏng có khó khăn gì. Ở đây thì không được như vậy. Trong tình trạng nước thì còn dã man đen tối, mà cảnh nhà thì phải coi cút lênh đênh, chỉ còn cây trông vào tấm thân xương sắt gân đồng, lấy súng gươm làm kế sinh nhai, mà có thể làm cho người đời biết đến tên Hoàng Thám, thì sao có thể lấy cái lúc bình sinh vô học mà làm giảm giá trị của tướng quân được ? Cụ già nói tới đó. Còn câu chuyện tướng quân khởi binh về sau này thì do tôi lược lặt từ những việc mắt thấy tai nghe mà chép lại, tất cả những người có nhiệt tâm với tướng quân đều nhắc tới, không riêng gì một mình cụ già kể cho.

Bóng quang âm như nước chảy, lăn lữa thúc đẩy con người. Khi tướng quân tuổi đã mười lăm thì vứt bỏ roi trâu, cởi áo tơi đến mộ quân ở một vị thống lĩnh nọ làm một tên lính trơn. Khi gặp địch thì xông lên trước chém được nhiều giặc. Chưa đầy nửa năm đã được thăng lên chức đầu mục. Một năm sau được thăng chức bang tá, có thể tự chỉ huy được một cánh quân ; gặp giặc giao chiến một mình, có thể đảm đương được một mặt phòng ngự. Chủ soái rất yêu tài năng của tướng quân phong làm chức đề đốc. Khi ấy danh tiếng của Hoàng Thám đã vang dậy. Mỗi khi tướng quân ra trận, phần nhiều lấy mưu trí thắng kẻ địch. Tướng quân có thể vào ngay chỗ hiểm trở để dò la tình hình địch, lại biết đánh vào những lúc địch bất ngờ, cho nên có thể lấy ít đánh nhiều. Tướng quân lại có tài bắn không sai một phát nào, quân giặc gặp phải là chạy dài và bảo nhau tránh mũi quân của tướng quân. Than ôi ! Cả nước dầu đã mất, song một dải thượng du vẫn là sào huyệt của nghĩa quân. Giả sử tất cả mọi người chủ soái đều được như tướng

quân, thì quân giặc liệu có yên được chăng ? Ngày nay người ta nhắc tới chuyện châu Âu thì đều tán dương Nã Phá Luân⁽¹⁾ là bậc rất anh hùng. Ông ta chỉ huy đoàn quân tinh nhuệ, võ trang bằng khí giới sắc bén, lại thừa lúc thế nước đương thịnh và sử dụng được số nhân dân đã có trình độ cao. Hy sinh biết bao nhiêu sắt thép quý báu để tạo thành một Nã Phá Luân trăm trận trăm thắng, tôi cho là chưa phải đã là khó khăn. Còn như ở ta thì thế nước đương lúc tan tác, lòng người rã rời, quân thì đều là bọn người ô hợp, tướng thì ít ỏi, khác nào như xưa người kẻ chợ đi đánh giặc. Vả lại, quân giặc, quân nho không bằng một phần vạn của kẻ địch. Giả sử đặt Nã Phá Luân vào tình huống đó, thì so với tướng quân ai dễ hơn ai. Than ôi ! Thời thế tạo anh hùng và anh hùng tạo thời thế. Cái khó cái dễ cách xa nhau một trời một vực, hỏi tôi không cảm thương vị chân tướng quân đã lỡ sinh ra ở nước ta sao được ?

Lúc ấy chưa biết phép dùng binh của phương Tây. Khí giới súng đạn, những vũ khí được đưa ra sử dụng đều cũ kỹ tồi tệ, không mặt nào địch được với của quân giặc. Hơn nữa, các kho quân dụng để dành đã bị quân địch cướp sạch. Nghĩa quân ở các đạo chống nhau với quân địch, chẳng bao lâu đã phải đánh giặc bằng tay không, rồi súng hết đạn không, nghĩa quân các đạo lần lượt bị đối phương tiêu diệt. Các vị đầu mục kẻ thì chết trận, người thì bỏ trốn. Kẻ vô sĩ tham sống thì quay ra đầu hàng giặc như bọn tên Kiều – tên Công. Đã được giặc tha chết, lại ban cho cơ nghiệp tài sản, để cho sống yên ổn. Kẻ khéo làm chó săn chim mồi, làm tôi tớ cho giặc thì bội tình đầy ngục. Huy chương ban cho lũ hàng

(1) Nã Phá Luân (Napoléon, 1769-1821) hoàng đế Pháp, năm 1794 làm tướng xâm lược nước Ý, phá nước Áo, chiếm Ai Cập, uy vọng ngày càng lớn, đến năm 1799 về nước tổ chức chính phủ mới. Năm 1804 xưng đế, sau đánh thua nước Anh, bị đẩy ra đảo Xanh Ê-len.

tướng hầu như khắp cả nước đều cũng thấy. Bởi vì lúc bấy giờ, cơ sở của bọn giặc chưa được vững vàng, lòng người chưa yên định, cho nên chúng phải ra sức vỗ về kẻ chiêu hàng và gia ơn rất hậu. Cúi lơn nhốt gà là nghề quen của bọn dã tâm. Vị chân tướng quân lúc đó đã chống chọi với quân địch hàng năm, sáu năm rồi. Tướng quân có tài cướp trận, thu được rất nhiều súng đạn của quân địch, nhờ đó mà duy trì được, song cũng bị suýt chết không biết bao nhiêu lần. Khi ăn, lúc ngủ, gươm súng vẫn sẵn sàng bên mình, cùng mấy ngàn quân thân tín chia sẻ nỗi buồn ngọt đắng cay. Nào khi ở đóng đội, khi chốn cô thành, khi nơi miệng rắn hang hùm, núi sâu nước độc, có khi nơi rừng đạn ngàn tên, tấm thân của tướng quân trong lúc đó đem độ với sắt đá thì sắt đá cũng không bền vững bằng. Nhìn lại các đồng đảng cũ, hoặc có kẻ đầu hàng giặc ra sức lập công thì đã ngênh ngang quan cả. Hoặc có người bỏ đi nước ngoài thì đã yên thân làm khách bên trời. Còn lại người mà được xưng là nghĩa binh để chống trả với quân giặc thì chỉ sót lại một mình tướng quân. Bấy giờ quân giặc muốn dụ tướng quân đầu hàng. Những người chủ tướng cũ hoặc bạn đồng liêu của tướng quân mà nay đã hàng giặc bèn tranh nhau đưa thư khuyên tướng quân đầu hàng. Trong số bộ ba của tướng quân cũng có kẻ xin tướng quân ra đầu thú giặc. Tướng quân vẫn cương quyết trả lời : "Bác đại trượng phu thà chịu chết chứ không chịu nhục. Đầu tôi chưa rụng thì sao tôi lại chịu cúi đầu theo giặc. Tôi sẽ chết không đầu hàng. Ai còn dám nói đầu hàng, sẽ chém !". Lời nói thật là hùng tráng, ngàn đời sau như còn vang vọng bên tai. Tuy nhiên, Hoàng tướng quân trong lúc này cũng thực là nguy ngập. Khắp nơi đã tan tác, sinh mệnh gửi trước miệng hùm. Thế giặc tung hoành, người trong phe cánh cũng có thể là thù địch. Lúc này tướng quân không thể không dựa vào núi rừng để làm sào huyệt.

Có một hôm, tướng quân bày tiệc đãi các tướng sĩ ở nơi đóng quân, giết trâu nấu rượu ăn uống rất tự do vui vẻ. Rượu vừa được nửa tuần, tướng quân đứng dậy hỏi : "Hôm nay tôi có lời nói với các người : Bấy lâu ai cũng đều yêu mến tôi, cùng cam sống với tôi như tình nghĩa chân tay, không nỡ lòng lìa bỏ. Song thời thế ngày nay không có thể nào cưỡng được. Nay trong số các người, ai có cha mẹ mà không có người nuôi dưỡng, có vợ con mà không chốn tựa nương, muốn hàng giặc thì hàng, muốn đi đâu cứ đi, từ đây tôi từ tạ các người. Có ai vui lòng sống chết với tôi thì Tâm Giang một dải rừng xanh là nhà của tôi đó. Tôi sẽ tới đấy, ai muốn đi thì đáp lời". Lúc đó có độ hơn năm trăm người trong đám tiệc đứng dậy đáp : "Vâng !" Những người không tự nguyện theo thì sau khi tiệc tan đều giải tán. Bộ thuộc của tướng quân từ đây chỉ có hơn năm trăm người, nhưng súng ống đạn dược thì đủ trang bị cho được độ một nửa. Than ôi ! Thế địch lớn lao như thế, thế ta nhỏ bé nhường này, bấy giờ thật là nguy ngập cho tướng quân. Ai có biết đâu là một đốm lửa chưa tàn lại có thể kéo dài được trên hai chục năm nữa ?

Sáng hôm sau tướng quân dẫn bộ thuộc hơn năm trăm người vào khu rừng Tâm Giang, khai phá một khu đất, xây đồn đắp lũy. Sau đó tập hợp thêm nông dân mở đồn điền, đồn đốc bộ thuộc vừa canh tác, vừa bảo vệ, hàng ngày canh phòng cẩn mật, đợi khi giặc tới thì ngăn cản, giặc không tới thì không được đi đánh. Đồn sở chia làm ba nơi. Giữa là đồn của tướng quân cùng với con trai lớn là Cả Trọng đóng ở đó, hai bên đồn tả hữu thì hai người con nuôi chia nhau đi canh giữ. Trước đây tôi đã từng vào đồn, đồn không lấy gì làm hiểm trở lắm, nhưng chung quanh đồn đều có rừng bao bọc, có rất nhiều đồi nhỏ ngổn ngang. Chung quanh mỗi quả núi đều có ruộng sâu. Cây trên núi chỗ rậm chỗ thưa tựa như mắt rừng

lắm chấm và như miệng lỗ châu mai, phục quân để đột kích rất có lợi. Bởi vì ta ở trong có thể nhìn ra xa, rõ được tình hình địch, còn địch ở ngoài thì không thấy được ta. Vì vậy, địa thế rất là tốt. Tướng quân đã mở được đất rồi gọi nơi đó là "Nghĩa Xương đồn"⁽¹⁾. Dân làng chung quanh đều tôn tướng quân là chủ nhân. Độ vài tháng giặc lại tới quấy phá một lần. Có khi tới năm, sáu nghìn tên không một đứa nào thoát⁽²⁾. Do chỗ tướng quân đã có được địa thế hiểm trở mà bộ thuộc lại đều là những người quyết tử chiến đấu thành thạo, bắn rất chính xác, đột kích bất ngờ, có thể lấy một người đánh hàng trăm kẻ địch. Uy danh của tướng quân mỗi ngày một lớn. Quân giặc gọi tướng quân là con hổ họ Hoàng. Nhưng thực chất tướng quân là một đoàn binh ngự địch. Quân giặc không quen rừng núi, nên không dám vào sâu, không dám đóng quân ban đêm ở trong núi. Mỗi chuyến thua thì đều chạy dài, tướng quân lại cho chặn phía sau để cướp khí giới lương thực, do đó mà quân nhu một ngày một thêm phong phú. Quân của tướng quân có khi lại lên ra quấy nhiễu các đồn bốt giặc ở gần đường sắt, bọn ấy rất lấy làm khó chịu. Nếu đường sắt không thông, thì mọi vận chuyển giao thông bằng đường sắt đều bị cắt đứt, cho nên chúng phải bày ra kế treo giải thưởng ám sát tướng quân.

Trước kia, có tên thống lĩnh họ Vương⁽³⁾ thời tướng quân mới vào đầu quân thì ở dưới sự chỉ huy của hần. Khi đã ra hàng giặc rồi thì hần phục vụ cho giặc rất đắc lực. Bọn giặc biết hần là người

(1) Đúng ra là đồn Phồn Xương. Trong truyện này, có một số tên đất gọi sai.

(2) Con số không thực chính xác.

(3) Tức là Đê Thước, sau được giặc phong là Thương Phúc, Phúc đối với cụ Thám không những là một bậc tiền bối, mà còn là cha nuôi của cụ thuở hàn vi nên cụ vẫn kính nể.

quen thuộc của tướng quân, sai hấn vào đồn Nghĩa Xương lấy danh nghĩa là chiêu dụ đầu hàng rồi lừa giết tướng quân. Hấn đã bí mật gài tạc đạn vào giường nằm của tướng quân. Tướng quân không hay biết gì. Nhưng rất may là khi lựu đạn nổ thì tướng quân đã đi ra ngoài, phòng ngủ tan tành mà tướng quân vẫn không bị tổn thương gì. Người thời bấy giờ rất là thần phục tướng quân. Tuy thế, tướng quân rất đại lượng không bắt tội tên họ Vương, chỉ bảo hấn trở về nói với quân giặc rằng : "Tôi cho rằng đã gọi là con người văn minh thì không làm cái kế thâm độc mà nay cũng làm cái trò hèn mạt như vậy... !". Bọn giặc ám sát tướng quân không được, lại bày ra kế hoạch giả hoà để đánh úp.

Nếu quân giặc dốc cả toàn quân để hạ một đồn Nghĩa Xương thì cũng không khó. Nhưng tướng quân đã chiếm giữ được địa thế hiểm yếu, quân giặc muốn vây đánh cũng phải mất hàng năm trở lên, nếu có được, thì cũng chỉ được một cái đồn nhỏ, mà các nơi thì chưa đánh dẹp được xong, không muốn giam hãm quân lính ở cái đồn rừng núi này. Do đó chúng định giờ thủ đoạn gian xảo, dùng mưu trí để lừa gạt tướng quân, muốn dụ cho tướng quân ra khỏi nơi hiểm yếu đánh úp. Trước tiên chúng sai người đưa thư cho tướng quân xin giảng hoà và mời tướng quân đến họp ở dinh thống lĩnh Nhã Nam gần sông Nhã Nam để bàn việc hoà ước. Tướng quân cũng chấp nhận. Đến đúng ngày hẹn, tướng quân đem theo một trăm năm mươi người lính thân tín súng đạn đầy đủ, tự vệ cẩn thận và mời tên thống lĩnh Nhã Nam tới địa điểm cách doanh trại vài dặm để hội nghị. Tên thống lĩnh Nhã Nam biết là tướng quân đã có sự chuẩn bị đối phó nên hấn không dám hành động. Kế hoạch đó lại bị bãi bỏ. Bọn giặc lại tìm kế để đầu độc.

Lần trước hội nghị hoà ước, tuy không thành, nhưng từ đó hai bên thăm hỏi ngày một thêm gần bó. Vì tướng quân cũng rất muốn

tạm đình chiến để dốc sức vào nông nghiệp, cho nên thường giao dịch với tên quan của giặc là Dương Lục. Bọn giặc bèn nảy ra kế hèn hạ thứ ba.

Một hôm tên chủ tướng của giặc đưa tới đồn tướng quân bày tỏ ý kiến giảng hoà như lần trước. Chọn một cái đình làng ở gần trung gian để làm nơi hội nghị, ước hẹn ngày gặp. Quan giặc và tướng quân đều mỗi người một ngựa và mang theo hai người tùy tùng đến hội nghị. Hai bên đều phải gửi người thân tín đến cho nhau để làm con tin, rồi sau mới họp bàn. Tướng quân nhận được thư, trả lời y hẹn. Đúng tới ngày, quan giặc đến trước, rồi tướng quân cũng đến. Khi ngồi vào bàn rồi quan giặc sai bày tiệc cơm Ấu. Tướng quân nghi là có gian kế. Lúc đã vào tiệc, giả vờ làm điệu nhún nhường, xoay chiếc bàn tròn ốc đi một vòng. Món ăn ở trước mặt tướng quân lại xoay về phía trước mặt tên tùy viên. Chưa đầy một phút sau khi bắt đầu ăn, tên tùy viên của giặc đã bị ngã lăn quay. Dao đĩa ngổn ngang, chủ khách đều mất vui, tiệc tan dở bữa, hai bên đều rút vế. Vì bọn giặc đã ngầm sai người bỏ thuốc độc vào bát ăn ở trước mặt tướng quân, nhưng tướng quân đã xoay bàn, cho nên tên tùy viên ăn nhầm phải mà bị chết, tướng quân chẳng hề gì. Người thời bấy giờ lại càng thần phục tướng quân.

Than ôi ! Thuê người ám sát, giả hoà đánh úp, mời hội nghị để đầu độc, kế của giặc gian hiểm đến thế là cùng mà vẫn không giết nổi tướng quân, chỉ có trời phú cho chú sức người không sao làm nổi.

Mưu của giặc đã bị thất bại. Và lại nghĩ rằng toàn quốc đã chiếm đoạt được thì một mảnh đất còn con này cũng chẳng đáng kể gì, nên bọn giặc muốn xếp việc của tướng quân lại không

đếm xỉa tới nữa. Nhưng vì các phủ huyện gần đó thường bị tướng quân đánh phá, nên bọn giặc rất ngán. Lại còn công trình xây dựng đường sắt, bị tướng quân quấy rối luôn, nên không hoàn thành được nhanh chóng, đó cũng là nỗi lo của bọn chúng. Tránh sự nhọc mệt để tìm sự thanh thoi. Không đánh kẻ đã khuất phục. Hai lần trước đề ra việc giảng hoà lừa dối, bỗng nhiên chuyện đùa nay hóa thành chuyện thật.

Một ngày tháng Chạp⁽¹⁾ chủ tướng của bên giặc lại đưa thư tới, xin hai bên đều cho cử đại biểu tới một đồn nọ để hội họp bàn việc hoà ước. Về phía giặc, hứa cắt bốn phủ⁽²⁾ ở gần đồn của tướng quân cho thuộc về phạm vi của tướng quân quản lý, các quyền lợi về nông lâm, tướng quân được quyền sử dụng. Về phía tướng quân thì sẽ chịu trách nhiệm bảo vệ tính mệnh và tài sản cho các thương nhân của giặc và nông dân ở các tỉnh lân cận để đền đáp lại. Bên phía giặc, đối với quân lính của tướng quân có mang tín bài của dinh tướng quân đi đến đâu cũng đều được tự do hành động trừ phi phạm pháp. Tín bài đó do bên giặc cấp, nhưng không được quá một vạn người. Số lương thực của một vạn người đó sẽ do bên giặc cấp phát và cũng xin tướng quân bảo đảm cho một dải đường sắt ở quanh vùng đó để đền đáp lại. Điều ước này sau khi được thi hành, hai bên đều phải đảm bảo giữ gìn hoà bình không được gây hấn trái với hiệp ước, cứ tám năm là hạn kỳ. Hạn hết rồi lại bàn. Bức thư hoà nghị đó đưa tới dinh tướng quân. Tướng quân đã thừa rõ là họ không phải thực lòng. Nhưng hai bên đều có lợi. Bên giặc thì được tướng quân để yên, việc canh nông thương mại được yên vui, mà công trình đường sắt cũng không bị quấy nhiễu. Tướng quân

(1) Tức là tháng 1 năm 1894.

(2) Thực ra là bốn tổng : Nhâ Nam, Mạc Sơn, Yên Lễ và Hữu Thượng.

thì nghỉ việc chiến tranh để dồn sức vào việc đồn điền đang thực hiện được kế sách nuôi thế đợi thời, như thế cũng không phải là không có cái hy vọng tối hậu. Tướng quân bèn họp bộ hạ lại để bàn. Các bộ hạ vì chiến đấu gian khổ đã lâu ngày nên đều nói xin hoà. Sau khi viết thư trả lời tướng giặc, cử đại biểu tới hội nghị, ký kết điều ước nghị định như trên. Từ đó về sau là thời kỳ tạm hoà của phía giặc và tướng quân.

Bên giặc đã ký kết hoà ước với tướng quân, tướng quân cũng không quấy nhiễu bên giặc nữa. Bên giặc cũng có lúc tới thăm hỏi tướng quân, nó giả thường hay qua lại. Mấy ngàn dặm ruộng đồng rừng núi nghiêm nhiên trở thành đất đai của tướng quân. Than ôi ! Để đó thì bị chìm ngập trong biển xanh, riêng tướng quân đóng dinh trên một khoảng đất trong sạch tựa như lông phượng sừng lân. Người ta sùng bái đến như thế nào.

Từ mùa xuân năm ấy đến năm Mậu Thân⁽¹⁾ vừa tám năm là lúc tướng quân nghỉ ngơi, bán đao mua trâu, bán gươm tậu nghé. Tính mệnh vốn gửi ở chiến trường nay chuyển sang làm ruộng để sinh nhai. Thực từ khi tướng quân dấy binh tới nay, nặn biết bao đầu óc, vắt biết bao tâm huyết mới đổi được một ngày có chút tự do. Vì bên giặc đã đem bốn phủ để nhường cho tướng quân, tướng quân được dịp để dồn sức vào việc đồn điền đang làm kế nuôi quân ở trong nông nghiệp. Nông dân dần tới càng ngày càng nhiều. Những người bị khổ sở vì chính quyền bạo ngược đều lấy doanh trại của tướng quân để làm nơi trốn tránh. Vì thế, người rất đông đúc, tiếng gà, tiếng chó rón vang tựa như một cánh tân đào nguyên của những bậc lánh đời vậy.

(1) Tức năm 1908.

Năm nọ, tôi hai lần tới đồn, xem khắp chung quanh đồn, trâu cày từng đôi, chim rừng quyen người, phụ nữ trẻ con nhớn nhỡ, tiếng chày rậm rịch, có cái vẻ vui của những ngày đình đám hội hè, mà không hề có cái tiếng thở than về chính quyền bạo ngược và mãnh hổ hại người. Ở giữa cái nơi gió mưa tanh tưởi, mà tạo lập được một thế giới riêng biệt, thực là một vũ trụ riêng của tướng quân. Thời tuy không lâu, đất tuy không rộng, sức tuy không nhiều, nhưng nếu như thời thế tạo anh hùng, thì biết đâu chẳng phải là chốn phôi thai ra đời Chu đời Hán đó sao ? Tuy nhiên, trong tám năm ấy, tướng quân chưa từng một ngày nào quên chuẩn bị cho chiến sự. Năm nọ tôi từ Nhật Bản về nước, lại tới thăm tướng quân. Trước kia, tôi từng gửi lòng tin vào tướng quân, song chỉ gặp gỡ trong trí tưởng tượng. Tháng mười hai⁽¹⁾ năm ấy mới là lần đầu tiên được tay bắt mặt mừng với tướng quân. Phong cách của tướng quân in mãi vào trong đầu óc tôi. Tướng quân thân hình to lớn, bước đi rắn chắc nhưng mà nhẹ nhàng không có tiếng động. Nằm ngồi đều không rời súng đạn, chỉ nhìn qua cũng biết là một vị hổ tướng. Sau khi tôi về nước lần đó, người bạn của tôi đã đến thăm tướng quân trước tôi, trình bày trước ý muốn của tôi được đến thăm tướng quân. Cho nên bây giờ gặp tôi, tướng quân tiếp chuyện rất vui. Tướng quân bảo tôi :

– Kẻ giặc hoà không phải là thực bụng, thế của tôi bị cô, cũng không thể không hoà. Chậm vài năm nữa hết hạn hoà là chiến sự lại mở màn ngay thôi. Sức tôi có thể giữ được, nhưng nếu không có tiếp viện thì sẽ nguy. Thế lực của chúng như thế mà tôi thì chỉ có một nhóm người để chống nhau với chúng. Chúng thì tiếp tế vô cùng, tôi thì vấy ra là đã hết, ông bảo là chẳng nguy hay sao.

(1) Tức tháng 12 năm 1906.

Nhưng chí tôi rất vững, nếu đánh không thắng thì sẽ bỏ đất này. Tôi dù chết không thể nào làm một tướng quân hàng giặc.

Tôi biết rõ ý của tướng quân, trăm ngàn một lúc rồi trả lời :

– Tôi tuy không có tài, nhưng chút lòng giết kẻ thù đền nợ nước đã chứa chất từ lâu, lia bỏ quê hương, giang hồ đây đó, không phải là không muốn mưu đồ. Song thời thế khó khăn, sách vở không thể làm nên việc, duy chỉ có chút sức có thể làm được, nguyện xin cùng lo toan với tướng quân. Khi tướng quân động binh, tôi nguyện mang hết cả tài hèn để giúp sức.

Than ôi ! Có mặt trời kia, tôi đâu lừa dối tướng quân. Sự việc trái với ý nghĩ. Ngày nay tôi đã phụ lòng tướng quân. Vì khi tôi mới tới, thực ý là muốn mượn tướng quân một khoảng đất để làm nơi dung thân cho các đồng chí của tôi khi bị sẩy chân. Không ngờ thời hạn chiến sự của tướng quân đã gấp, sự tiếp viện của tôi lại chưa thành, bỗng nghe tướng quân nói câu đó, tôi càng thêm phục ý chí của tướng quân mà thương cho đồng chí của tôi không may.

Tôi nghỉ lại ở trong đồn vài ngày, tướng quân dẫn đi xem các doanh trại và tiếp xúc với các tướng tá. Tôi liền đưa ra yêu cầu trình bày với tướng quân, tướng quân vui vẻ nhận lời, cắt một khoảng đất sau đồn để làm chỗ ở cho các đồng chí của tôi. Than ôi ! Chân trời xa cách cuộc thành công chẳng có hẹn ngày. Tướng quân không phụ tôi, tôi đã phụ tướng quân, tôi thực có tội lớn !

Sau khi từ biệt tướng quân, tôi lại trở sang Nhật, còn tướng quân thì sắp tới kỳ khởi chiến. Than ôi ! Ánh gương đã vùi lâu trong vỏ, thịt mỏng vì ngôi rồi đã mọc đầy, ngựa chuồng hí vang nhường đã khản tiếng. Với một người kiên cường hùng dũng như tướng quân đâu chịu ngôi cho trọn tuổi già ở cái đồn này. Song xét về thời thế, trong khoảng vài năm, tướng quân chưa đủ lực lượng để chiến đấu, tướng quân cũng có chủ ý không muốn chiến với,

còn dành sức đợi thời nhằm cơ hội để mưu tính, đó là cái chí của tướng quân. Nhưng như con ngựa thì muốn đua nước, bọn giặc đâu có để yên cho tướng quân một chỗ để nuôi sức, mọi việc xếp đặt đã đầy đủ rồi, chúng bèn tập trung các mũi nhọn chĩa vào tướng quân.

Tháng mười hai, bọn giặc bỗng đem quân đến đánh úp doanh trại. Khi đó tướng quân vẫn chưa chuẩn bị được đầy đủ mọi kế hoạch tác chiến, liền bỏ doanh trại phía trước cho giặc, thu nhặt binh khí rút vào trại giữa làm kế cố thủ phòng ngự. Đêm ấy giặc không dám ngủ ở trại, chỉ cướp lấy những thứ còn lại mang đi ngay. Qua ngày sau, tướng quân chia ra làm ba đạo quân. Đạo quân giữa do tướng quân và người con cả chỉ huy. Hai đồn bên tả và hữu do Cả Huỳnh và người con thứ hai chỉ huy. Dựa vào tình thế hiểm trở để phục kích, nguy trang kín đáo, để làm kế giương cân bẩy hổ. Đến chiều, quả nhiên giặc lại tới, tướng quân mai phục xông ra tiêu diệt, bắt được vài chục tên sĩ quan và giết chết rất nhiều. Trận này tướng quân đoạt được sáu khẩu súng lớn và trên một nghìn hai trăm khẩu súng trường.

Tôi được tướng quân báo tin thắng trận, rất lấy làm lo. Vì cái thế của tướng quân đang bị cô lập, không có sự viện trợ, cho nên thời hạn bị phản kích tàn phá chỉ đến trong thời gian sớm tối mà thôi. Ban tôi giục tôi chuẩn bị khí giới gấp, định mưu khởi hấn ở một nơi nào đó để chi viện cho tướng quân. Tôi liền nhờ ông Ký Sinh trừ tính khoản tiền lớn để chi phí cho việc chuyển khí giới. Nào ngờ đâu khí giới chuyển tới nửa đường thì bạn tôi chết, Kỳ Sinh bị bắt tù. Bao nhiêu mưu đồ của tôi đều trở thành mây khói. Trời ! Thực là tôi đã phụ lòng tướng quân. Nhưng thời thế như vậy biết làm sao được ?

Từ sang xuân về sau, bên giặc ngày càng đem quân xâm phạm doanh trại của tướng quân nhiều hơn. Tướng quân cũng thường ra quân, giữ nơi hiểm yếu, mai phục đón đánh, luôn có những trận thắng lớn. Quân giặc tử vong đến hơn sáu nghìn tên. Như vậy là bên giặc tổn thất với tướng quân cũng khá nặng nề. Nhưng trong lúc đánh nhau liên tiếp như vậy thì cả hai bên đều bị thương vong. Tướng quân bị mất đi một viên đạn là bị thiếu đi một viên, mất một người lính thì hụt mất một người trong quân số. Cầm cự với giặc hai năm, đánh nhau dữ dội trên trăm trận, mà không có lấy một người làm thế hỗ trợ cho tướng quân. Quân giặc đổ dồn cả vào trăm ngàn thế lực để đánh lại cha con tướng quân. Thử hỏi tướng quân có thể chống đến cùng được chăng ? Tôi không thương nước tôi, mà tôi thương cho tướng quân. Giận rằng tướng quân sao không sinh ở Nhật Bản hay ở châu Âu, để cho kẻ anh hùng bách chiến bị bọn nghe nhảm coi là giặc cỏ thì thật là chua xót.

Lịch trình chiến đấu của tướng quân với kẻ địch hồi ấy kể từ tháng mười hai cho đến tháng mười một hai năm sau. Tướng quân rất dũng cảm lại có tài sử dụng địa hình, bắn rất chính xác. Do chiến đấu lâu ngày cho nên các tướng tá đều học được kinh nghiệm của tướng quân. Cho nên trong hai năm đó đụng tới kẻ địch không một lần nào phải thua chạy. Chỉ vì việc chiến tranh phát triển, thì nông nghiệp bỏ bễ, lương thực bị cạn, đạn dược hết dần, các kiện tướng ở dưới trướng lần lượt bị tử trận. Thế của tướng quân càng ngày càng bị cô lập. Thù hạ chỉ còn vài trăm người, thì dù sức có bạt được núi, khí thế có ngất trời, mà thời vận không lợi, thì ngựa ô cũng đành phải chùn bước. Đã đến lúc tướng quân không thể không vào ẩn nấp sâu như thế của một con mãnh hổ nghỉ ngơi. Vì đất đai của tướng quân đã phải bỏ lại cho giặc chiếm và quân giặc cũng không truy tìm tướng quân nữa. Chiến sự

của tướng quân cũng kết thúc từ đây. Song tướng quân vẫn còn. Xót xa thay ! Trời không cho thời cơ, ba phen thất bại đồn Trọng Phủ⁽¹⁾ tới đường cùng. Đất không nơi dụng võ, tài lực thao như Khương Tử⁽²⁾ cũng đánh chết già. Chỉ có một mình tướng quân mà mấy chục năm cầm cự nổi với quân giặc. Ôi ! Thực cũng là con người hào kiệt. Lương hết, đạn hết, chi viện thì không, thế quân cô đơn, không phải trốn tránh khi thua mà bỏ đi khi thắng. Nhắc đến chuyện tướng quân, không ai là không vỗ ngực tiếc thương bậc anh hùng không gặp thời. Bởi vậy, tôi không thương nước tôi mà thương tướng quân lỡ sinh làm người nước tôi. Tuy vậy, nước tôi còn có được người như tướng quân cũng là may lắm. Nhân cớ mà tôi viết chuyện *Chân tướng quân* này.

(Đăng trên *Bình sự tạp chí*, số 41, 42, 43, tháng 9, 10, 11-1917.

CHUÔNG THẤU dịch)

TUỐC THÁI THIÊN SƯ

(Nhà sư ăn rau – Truyện nhà sư yêu nước Trần Thiện Quảng)

Sự việc ly kỳ phi thường hay xuất hiện ở con người ly kỳ phi thường và sản sinh ra ở thời đại phi thường. Vĩ đại thay ! Vĩ đại thay ! Thời đại phi thường chính là mẹ đẻ ra con người phi thường.

(1), (2) Trọng Phủ tức là Quán Trọng ba lần đánh, ba lần chạy, còn Khương Tử tức Khương Thượng tự là Tử Nha cũng tức là Lã Thượng, Lã Vọng hoặc Thái Công Vọng, có tài dùng binh đã từng làm mưu sĩ cho Chu Vũ vương đánh tan quân Trụ vương ở trận Mịc Dã.

Nước ta từ khi có lịch sử tới nay đã trải qua hơn mấy nghìn năm, chưa hề có một người khác giống nào tới chiếm đóng kinh đô rồi ngang nhiên làm thần làm thánh mà chỉ ngày nay mới có : đó là sự phi thường thứ nhất. Chưa hề có một vị vua của một nước nào chịu khoanh tay thờ giặc, trở mặt dày làm thần nô lệ tuy tự xưng là hoàng đế nhưng thực ra là một tên nô lệ, mà chỉ ngày nay mới có : đó là sự phi thường thứ hai. Chưa hề có một số người đông đúc tới hai mươi triệu, có thể cam tâm làm thân trâu ngựa, chịu kiếp tù đầy để tôn thờ kẻ khác cả về ngôn ngữ, chính trị và phong tục, mà chỉ ngày nay mới có : đó là sự phi thường thứ ba. Quái gở thay ! Quái gở thay ! Ba hiện tượng đó là ba hiện tượng rất phi thường. Ngoài ra còn có một bọn người đội mũ khỉ, cầm đuôi cây, bề ngoài là chủ nhân, mà bên trong chính là kẻ tôi tớ. Có bao nhiêu quái trạng khác nữa, chẳng ngày nào là không có. Phi thường thay ! Phi thường thay ! Đó là thời đại nào vậy ?

Anh hùng tạo thời thế và thời thế tạo anh hùng. Gió mây thúc giục, sông núi uất hận, dù muốn nhịn cũng không được, muốn nín cũng không xong. Do đó mới có con người phi thường xuất hiện để đáp ứng thời đại phi thường, mà các cái gọi là sự việc phi thường ấy xuất hiện ùn ùn làm cho người ta mắt rối, lòng mờ, không sao biết nổi... Hôm nay thấy được một người cho là ly kỳ, rồi thấy thêm được người nữa thì lại cho là càng ly kỳ hơn. Hôm nay thấy được một việc cho là ly kỳ, rồi thấy thêm việc nữa thì lại cho là càng ly kỳ hơn. Ly kỳ rồi ly kỳ, cái này kế tiếp cái kia, mà cái thời đại phi thường ấy cũng nhờ có con người và sự việc phi thường đó để tô điểm cho thế giới, nặn đúc ra cần khôn để tạo nên một thời đại rất thú vị. Những con người và sự việc phi thường ly kỳ ấy là cái nhà triển lãm của thời đại phi thường. Ở trong thời đại này không thể không đem hết lòng yêu mến và sức suy nghĩ để dồn cả vào cho con người ly kỳ phi thường. Ở đây tôi xin kể lại

câu chuyện rất ly kỳ của con người ly kỳ để cống hiến cho các nhà du lịch thời nay. Đó là câu chuyện nhà sư ăn rau.

Nhà sư chưa từng nói với ai tên họ của mình và người ta cũng không ai biết tên họ của ông là gì. Chỉ thấy mỗi ngày ông ăn một bữa và bữa ăn thì chỉ ăn rau, không ăn cơm, không ăn mặn, không ăn thịt, cho nên mới gọi là nhà sư ăn rau.

Cuộc thế trăm năm, tự nhiên mà sinh ra con người. Trong mỗi con người đều có hoài bão và hành động, tuy phương châm có khác nhau, nhưng chỉ có ba chủ nghĩa mà thôi : một là yếm thế, hai là cứu thế, ba là xu thế. Bọn người xu thế dựa theo thế tục để sống. Đó là cuộc sống hèn mạt bản thủ, không đáng kể. Bọn người yếm thế thì chỉ biết bo bo giữ mình cho ý chí thanh cao trong sạch, không bỏ ích gì cho đời. Họ cũng chỉ như là những cục thịt thừa trong vũ trụ mà thôi. Điều mà tôi cung kính và sùng bái ở đây là những con người dám xoay chuyển trời đất, dời non lấp biển, ôm ấp trong lòng một ý chí quật cường để mưu đồ sự nghiệp cho đời sau. Công lao đó gần như bậc người tạo thế. Gạt mọi khó khăn, tiến lên phía trước, trải qua muôn ngàn nguy hiểm mà không sờn lòng, ý chí đã muốn thì dốc sức làm cho đến nơi, tinh thần đã hám mộ thì dù phải đổi bằng máu cũng không tiếc. Cái chí khí đó còn hào hùng hơn lớp người chỉ biết phản kích vì thế sự. Con người của nhà sư ăn rau cũng như chiếc máy điện khí trong thời đại điều tàn, như tia sáng mặt trời trong thời đại hắc ám.

Không phải nhà sư sinh ra đã sẵn có tư tưởng cứu thế. Tư tưởng cứu thế của ông đã kinh qua đoạn đời yếm thế mà tiến lên. Trước khi nhà sư chưa đi tu thì cũng từng là người hiếu kính với cha mẹ, hoà thuận với anh em, vui vầy với vợ con và vun thu của cải như tất cả mọi người ở đời. Ai có biết đâu, nửa quãng đời về sau, bỗng nhiên trút lột phong trần phiêu du non nước, gửi mộng hồn cho cõi

Phật ngàn mây rồi trở thành một nhà sư. Bởi vì nửa quãng đời về trước, từ chỗ nhập thế rồi bước vào chỗ yếm thế. Hâm mộ câu nói của Phật tổ : "Trên trời dưới đất chỉ có Đạo của ta là chí tôn". Ở trong giới thiền môn có số người ôm ấp cái khí khái hào hùng đó, tuy gọi là bậc thượng thừa nhưng đã quá xa vời không thấy nữa. Còn bọn người trốn sưu tránh thuế, rách áo đói cơm, mượn cửa Bồ đề để làm chốn kiếm ăn, lấy mình kinh làm nơi ẩn náu, thì lại càng không đáng đếm xỉa. Như nhà sư ăn rau của chúng ta thì thực là có đủ khí khái trác việt, xứng với câu : "Trên trời dưới đất chỉ có Đạo của ta là chí tôn !" đó, mà chính bản thân ông đã thực hành.

Nhà sư sinh ra trong thời loạn lạc. Sinh ra làm con người của thời loạn, kiếp đời ngơ ngác như con nghé sữa, con ngựa non chưa thuần thục, mà dây cương dây ách của quân thù đã quàng lên đầu lên cổ, không sao gỡ ra được. Năm tháng tựa thoi đưa, việc đời tựa nước chảy. Mất thấy những bọn rắn lợn thêm ăn, chó săn nhòm ngó, sài lang hổ báo đầy rẫy chốn đông hoang tự do cắn xé đồng bào ta, mà lòng bỗng nhiên xót xa căm giận. Tự nghĩ rằng cõi nhân gian không phải là nơi để ở cho đến trọn tuổi già, do đó bùi ngùi bước vào con đường yếm thế, cũng do đó mà xa lánh cõi đời và cửa thiền cảnh bụi trở thành quê hương thứ hai của nhà sư vậy.

Cạo tóc đầu, bỏ sự nghiệp, lấy quê hương thứ hai làm nơi trú ngụ cũng có thể tạm xong. Nhưng cái cảnh đắng cay chua xót của quê hương thứ nhất không phải phút chốc đã có thể dập tắt ở trong tư tưởng. Đời là quê hương thứ nhất của con người, chán bỏ đã không thể được, xa lánh cũng chẳng xong cho, thì chỉ bằng cứu lấy nó là hơn cả. Do đó cái ý nghĩ cứu thế bằng đào đất lấp lũng. Tư tưởng cứu thế là phản động lực của giai đoạn yếm thế.

Bầu nhiệt huyết của nhà sư lúc đó tựa như sóng trào, lòng nhân từ như hoa xuân. Ý muốn được cứu thế lúc này, nếu quả như trở

thành một vị Phật thực, thì sẽ có trăm ngàn con mắt, úc vạn cánh tay để có thể đón đuổi bọn giặc quý đã từng giết hại con người đầy xuống mười tám tầng địa ngục để rửa hận thù từ bao đời cho chúng ta, thì sung sướng biết chừng nào. Than ôi ! Phép Phật bao la, có thể làm được như thế hay không thì ta chưa rõ. Nhưng nhà sư quả đã có tấm lòng của Phật rồi.

Lúc bấy giờ nhà sư bỗng nảy ra một ý nghĩ : "Đời là thể phách của ta, mà ta là linh hồn của đời. Hồn và phách nương tựa nhau, nở nào không cứu. Nhưng trông vào thủ đoạn của ta thì quá non kém và pháp lực của ta nữa, thì cũng làm sao mà đối lại với ma chướng ấy được ? Ta nghe nói ở phía Tây có nước cực lạc gọi là Cồ Thiên Trúc tức là nước Ấn Độ ngày nay. Ở đấy có đức Phật là một vị có công đức rất lớn, sẵn lòng cứu độ cho hết thảy mọi người trong thế gian, làm cho mọi người thoát khỏi khổ đau. Quả đúng như vậy thì ta sẽ tới đó. Lúc đó hoặc ta tức là đức Phật, hoặc Phật tức là ta, hạnh phúc sẽ về với thể phách, thể phách cùng linh hồn đều được vinh quang. Lòng ta đã nguyện như vậy, cho dù có chết cũng không thay đổi". Bởi vì với tấm lòng nhiệt thành muốn được gặp Phật bị kích động bởi ý nghĩ muốn cứu đời, cho nên nhà sư đã đem hết tinh thần sức lực của toàn thân dồn cả vào phía trời tây mà tư lòng không biết. Do đó quyết định kế hoạch đi thăm nước Phật.

Tuy nhiên, vấn đề đó không phải là vấn đề có thể giải quyết trong phút chốc. Đường tới nước Phật rất xa, cách nước ta không biết mấy ngàn vạn dặm. Thời gian đi rất lâu, kéo dài không biết bao nhiêu là năm tháng. Lương thực đem đi ăn đường hàng ngày mang đi bao nhiêu cho xuể. Tâm trạng gấp gáp bần khoản của người ra đi nhưng trước mắt đây rầy biết bao nhiêu là khó khăn. Thân tuy không có cánh để bay nhưng đã có ý chí quyết tâm hỗ trợ. Ở đây thể hiện rõ chân tình thân của nhà sư.

Lúc này nhà sư lại nảy ra một ý nghĩ : con người ta bị hệ lụy chỉ vì do cái bụng và cái miệng. Đường đi gian nan chỉ vì cái đói và cái rét. Tệ nạn miệng và bụng gây nên là bởi còn nô lệ vào hạt gạo. Đói và rét gây nên là bởi còn nô lệ vào đồng tiền. Nếu thoát khỏi mọi dây ràng buộc của tiền và gạo thì rửa được kiếp sống nô lệ, như vậy mà không làm được thì sao có thể trở thành Phật ? Nay ta tự phát nguyện, gắng quyết tâm : nhất thiết chất ăn gì bằng gạo đều không ăn, nhất thiết một đồng tiền không đụng đến. Mặc không cần chất tơ, ăn không cần chất gạo. Đồ ăn thức mặc của ta chỉ dùng toàn bằng cây cỏ. Cuộc hành trình vạn dặm, vai mang chân bước, phía trời tây dù xa xôi coi như gang tấc, mặc sức thung dung. Do đó ta cương quyết nhịn cơm, bỏ tiền.

Từ khi quyết chí đi du lịch phương Tây, nhà sư liền nhịn tất cả cơm cháo, có khi thấy đói thì ăn một vài miếng rau quả là được. Có khi mỗi ngày ăn một bữa, hoặc hai ba ngày một bữa. Tất cả mọi thức ăn trong dân gian đều không hề màng tưởng, lảng lảng nhẹ bồng lòng trần. Tất cả mọi người ở gần hoặc ở xa đều lấy làm lạ lùng và đua nhau sùng bái. Hoặc cũng có khi có người cúng tiền nhưng nhà sư không nhận, mà trả lời rằng : "Trong đời tôi không cầu cạnh điều gì, thì chẳng lấy tiền mà làm gì". Tất cả những gì có dính đến chút tiền bạc, nhà sư đều tuyệt đối từ từ. Nhẹ nhàng tay áo, gió đưa không chút bợn lòng.

Cuộc sống bình thường như vậy đã qua được hàng năm. Rồi một buổi sớm, nhà sư tập hợp tất cả những tăng đồ và các thiện nam tín nữ tới và nói : "Ta sẽ đi gặp Phật".

Mọi người hỏi :

- Sư thầy định đến gặp đức Phật ở đâu ?
- Ở nước Phật, nhà sư trả lời.

Mọi người lại hỏi :

– Sư thầy định đến nước Phật hay sao ?

– Đúng như vậy. Nhà sư từ tốn trả lời.

Mọi người bâng khuâng không biết nói gì hơn. Có người đứng lên khuyên ngăn :

– Nếu quả như sư thầy quyết chí ra đi, thì đường từ nước ta tới đó xa xôi hàng vạn dặm, phải trèo qua biết bao nhiêu núi, vượt qua bao nhiêu sông, trải qua biết bao nhiêu sương gió, sư thầy đi như vậy, thì rất là nguy hiểm.

Nhà sư nói :

– Rất nguy hiểm nhưng ta vẫn cứ phải đi, bao giờ mang lại được cái vui vẻ, ta sẽ trở về. Tất cả mọi việc nếu không dần mình vào chốn nguy hiểm thì không thể tới được đường bằng phẳng. Nếu không nếm mùi cực khổ thì không thể tới được nơi cực lạc. Ta đi chuyến này tự biết là rất cực khổ và cũng rất là nguy hiểm, nhưng trong đầu óc ta vẫn thường mang một niềm hy vọng sẽ được gặp Phật và như thế thì cái tâm tư cứu đời của ta trong phút giây sẽ được thực hiện. Như vậy thì có cái cực khổ và cái nguy hiểm nào là đáng sợ ? Ta quyết chí đi.

Mọi người biết là nhà sư đã quyết chí ra đi, không thể nào ngăn cản được, đều nhỏ lệ rờn rờn. Nhà sư thấy mọi người quyến luyến trước cảnh chia phôi thì vội an ủi :

– Các con có ý lưu giữ ta, nhưng lòng ta đã quyết rồi. Nếu ai yêu ta thì sắm sửa cho ta một số hành lý, thế là đủ.

Mọi người lau nước mắt và xin sư thầy cứ nói. Nhà sư nói :

– Bây giờ là mùa gió đông liên tiếp, buồm xuôi thẳng tới phương Tây rất chóng, vậy các con có thể sắm cho ta một chiếc thuyền và hai lá buồm không ?

Mọi người trả lời :

– Có thể được.

– Thuyền đi chưa biết bao nhiêu lâu, những thứ dùng trong khi đi thuyền đều cần phải chuẩn bị, các con có thể giúp cho ta được đầy ắp thuyền rau và quả khô được không ?

Mọi người trả lời :

– Vâng. Được ạ.

– Trời mưa đêm tối, đèn lửa và nước ngọt cũng phải cần, các con có thể lo liệu cho ta được không ?

Mọi người lại trả lời :

– Được ạ.

Hàng ngày nhà sư sống không hề phiền lụy ai điều gì. Nay lại sắp phải cách biệt đi xa hàng ức vạn dặm, chưa biết sống chết ra sao, cho nên mọi người đều hưởng ứng nhiệt liệt, chẳng bao lâu đã đủ đầy mọi thứ mà nhà sư yêu cầu.

Nhà sư chọn giờ ngọ hạ thủy. Buồm giương căng gió, một mình ngồi trong thuyền, nhà sư vái chào từ biệt những người trên bờ, rồi nhàn hướng tây thẳng tiến. Thực là hùng tráng và thú vị biết chừng nào ! Một con thuyền đơn độc lướt trên biển cả, một mình chèo lái, gõ trục căng buồm mượn gió lướt làm thủy thủ, nhờ tạo hóa làm tay lái, gác bỏ ra ngoài mọi sự sống chết, sợ hãi, coi sóng gió, rồng cá như thường, thực là kỳ dị. Tiền thân của đức Như Lai chưa chắc đã có gan được như vậy.

Thuyền đi đã được hơn mười ngày, chờ con gió thổi, khi lênh đênh trên mặt biển, khi sát núi men bờ, bao nhiêu nguy hiểm đều coi như không. Đói thì ăn quả khô, khát thì uống nước trong, cứ thế thẳng tiến về phía tây. Bỗng nhiên gió ngừng thổi, thuyền trôi

đạt vào bến ở bờ biển phía tây nước Xiêm La. Người ở trên bến từ xa trong thấy ngỡ là thuyền bị bão trôi dạt, liền kéo nhau ra cứu. Khi tới nơi thấy một vị Hoà thượng mặc áo cà sa vàng, ngồi chỉnh chệch ở giữa khoang thuyền. Họ chen nhau đến để lễ chào và hỏi thăm người từ đâu tới. Trong số đó có người biết tiếng Việt, biết rằng thuyền vừa mới vượt biển tới. Họ lại càng lấy làm lạ, bèn rước nhà sư ra khỏi thuyền rồi đốt hương vái lạy và kính cẩn tụng câu "Nam vô A Di Đà Phật" liên tiếp không ngắt.

Khấp xa gần truyền tụng. Sự việc đó đến tai vua nước Xiêm. Chính phủ Xiêm La nghi ngờ đây là bọn người làm loạn, giả danh nhà sư, bèn sai mật thám đến dò xét. Mật thám trở về báo tin đúng là có nhà sư kỳ dị. Vua Xiêm cũng đem lễ tới dâng tỏ ý rất là kính trọng rồi sai dân địa phương chọn chùa để rước nhà sư về ở. Nhà sư nghỉ lại ba ngày, đoạn nói với dân địa phương rằng :

– Mục đích của tôi là muốn cứu đời, nên chủ yếu là đi tìm Phật, nếu ý định thay đổi thì e rằng không đạt được mục đích. Tôi cần phải ra đi, xin tạ ơn các vị.

Mọi người đều hỏi là "đi đâu". Nhà sư trả lời là đi sang nước cực lạc ở phương Tây. Trong số tăng đồ này có một người Miến Điện, có một người Tây Tạng xin đi theo để dẫn đường. Nhà sư nói :

– Nếu muốn đi theo thì tôi cũng bằng lòng, còn việc dẫn đường thì không cần thiết. Tôi thấy rằng tới được đấy phải trải qua muôn ngàn gian khổ mệt nhọc, sợ rằng các vị sẽ không chịu nổi. Phàm mọi việc trong thiên hạ, nếu bỏ dở giữa đường, thì chi bằng không đi còn hơn.

Hai người vẫn cố nài nỉ xin đi theo. Rồi cùng nhau khởi hành từ phía tây nước Xiêm La, qua Miến Điện, vượt Tây Tạng vào phía

nam nước Ấn Độ đến Cổ Thiên Trúc tức là miền tây nước Ấn Độ vậy.

Vượt núi băng ngàn, men khe lội suối, đi dần dà chừng hơn một năm, ăn rau rừng, uống nước suối, ngày đi đêm nghỉ : ăn vách đá để tránh gió bão, núp ngàn cây để tránh mưa rào, gặp đường tắc nghẽn không có lối đi thì quay tìm hướng khác, bóng ma trời thấp thoáng, hơi chướng khí của núi đôi bốc lên mù mịt ở trước mắt, tiếng hổ gầm vượn rú, giao phun rắn phì ở bên tai. Con đường đi qua tựa như một câu chuyện rất kinh sợ, hãi hùng mà trong đời chưa từng có. Lúc đầu còn có hai đồ đệ đi theo, nhưng chẳng bao lâu sau chỉ còn trơ một mình nhà sư nữa mà thôi. Hai đồ đệ quả là không thể theo được nữa ! Người trong thiên hạ khi mới nghe thấy việc rất thú vị hùng tráng thì lòng khắp khởi thích thú như không có gì ngăn cấm được, thế nhưng khi phải trải qua ít nhiều va vấp thì bỗng sinh ra mệt mỏi rã rời, rồi ngại khó cầu an, đó là nhân tình vậy. Cho nên hai người đồ đệ kia cũng không đáng trách !

Trong chuyến đi này của nhà sư, mắt thấy tai nghe nhiều sự kỳ quái lạ mà người ta chưa từng thấy. Tiếc rằng trên đường đi không có người phiên dịch, lại không có bút mực. Những việc kỳ quái ở nơi cảnh lạ quê người không thể nào phiên dịch ghi chép để lưu truyền lại được. Cũng có lúc thấy và nghe mà hiểu ngay được, song không sao đủ sức để nhớ cho hết, thật là đáng tiếc.

Nhà sư hăng hái thẳng tiến với một chí khí không gì lay chuyển nổi, thực đáng để cho chúng ta kính phục vô cùng. Có hôm đi qua một phiên quốc, khi tới một khe suối, nước suối đen ngòm không trông thấy đáy. Lúc này vào khoảng giữa trưa, nhà sư vừa từ trên núi đi xuống, bước tới gần khe suối. Mặt suối chỉ rộng chừng vài thước. Có một người sơn tràng quay về phía nhà sư nói tíu tít mấy

câu rồi giơ tay lên vấy nhà sư trở lại. Nhà sư không hiểu ý, định vén quần lội qua suối. Người sơn tràng vội chạy đến ôm giữ lại. Nhà sư ngờ người này là kẻ cướp đường, càng cố giẫy ra, người sơn tràng lại càng giữ chặt hơn không chịu buông thả nhà sư. Nhà sư cứ sấn xuống suối. Người sơn tràng liền trói nhà sư vào gốc cây, rồi đi bắt một con gà rừng buộc chân lại và vứt xuống suối. Một lát sau vớt lên, thì da con gà đã nát tuột và gà đã chết cứng. Người sơn tràng tới bảo cho nhà sư biết rồi lại nói mấy câu tíu tít như trước. Lúc bấy giờ nhà sư mới biết nước suối có chất độc không thể lội qua được, nếu lội thì sẽ chết. Nhà sư liền đứng nghiêm lại với người sơn tràng và ra hiệu xin người này bảo cho cách qua suối.

Người sơn tràng cởi trói cho nhà sư và vẫy mời vào trong nhà đợi đến bảy tám tiếng đồng hồ, vào lúc nửa đêm, khi mặt trăng đã lặn phía sau đỉnh núi, gió nhẹ hiu hiu thổi, người sơn tràng mới dắt nhà sư ra và đi trước dẫn đường, lội qua khe suối không xảy ra chuyện gì. Tự nghĩ, có lẽ ban ngày nước suối đó có nhiều hơi độc, chỉ có đêm khuya khí độc lắng xuống mới có thể đi được. Khi nhàn rồi, nhà sư thường nhắc lại chuyện đó để giúp cho một cuộc vui cười và cũng là một mẩu trong những chuyện muôn ngàn nguy hiểm.

Khi nhà sư đã đến được tận nước Cổ Thiên Trúc, hỏi thăm tới tháp mộ của đức Thích Ca, và tìm dấu vết của cây bồ đề cổ kính, thì đã bất ngất mơ hồ không thể nào nhận ra được nữa. Bên tai chỉ nghe thấy tiếng phong cầm của người Âu Tây và mắt nhìn thấy xe ngựa lâu đài, rất là những sản phẩm của Âu Tây. Than ôi ! Đất nước của Phật ! Than ôi ! Đất nước của Phật ! Đã chìm đắm vào trong tay của người Anh từ bao nhiêu năm nay rồi ! Nguy thay cho châu Á ! Nguy thay cho châu Á ! Để cho bọn người da trắng già

xéo, để cho bọn người dị chủng đoạ đầy ! Bọn đầu trâu mặt ngựa đầy chạt khắp nơi. Ngửa mặt nhìn lên, cúi đầu suy ngẫm, chỉ khiến cho lòng người bùi ngùi cảm khái, không biết làm sao !

Lúc này nhà sư bán khoán như bị mất đi một vật gì, lòng băng khuâng như không có chỗ để gửi gắm. Đức Phật ơi ! Đức Phật ơi ! Phật không tự cứu được nước Phật thì mong cứu được ai ? Sau đó, nhà sư mới sức tỉnh ngộ, nói :

- Ta nhầm rồi ! Đức Phật đã từng nói rằng "Tất cả mọi thứ trên đời đều ở tại lòng mình. Tâm tức là Phật. Tâm đức tốt nhất không gì bằng tình thương yêu. Tình yêu rất chân chính không gì bằng công đức. Công đức rất to lớn không gì bằng tấm lòng yêu nước. Ta có lòng yêu nước thì ta tức là Phật vậy. Khi những con người của nước Phật vì xa cách Phật đã lâu, mỗi ngày càng lạc sâu vào con đường ma chướng, đuổi theo danh lợi dục vọng riêng tây cho mình không biết gì tới nước nữa, nước của mình mà mình không yêu thì Phật cũng không làm sao được. Ôi ! Ta nhầm rồi ! Phật chỉ ở trong lòng, phải quay lại mà tìm ở ngay trong lòng, rồi phát triển cho rộng ra. Một người biết yêu nước tức người ấy đã là Phật ! Mọi người cùng yêu nước tức mọi người đều là Phật. Phật có rất nhiều, nhiều vô tận, hằng hà sa số Phật. Phật tức là các vị anh hùng yêu nước vậy. Thế thì cần gì phải cầu ở đâu nữa. Thôi ta quay về.

Tìm Phật ở nước Phật, đó là quăng đời trở về trước của nhà sư. Tìm Phật ở ngay trong lòng mình, đó là quăng đời trở về sau của sư. Không gặp được vị Cổ Phật, chuyển đi đó tưởng chừng như mất công không, nhưng nếu Phật là của chân lý tự nhiên sinh ra thì chuyển đi đó lại rất là bổ ích. Than ôi ! Sự nghiệp học vấn của người ta thường hay bỏ qua cái gần gũi ở trước mắt, mà đi tìm tòi

ở những non biển xa xôi, không biết bao nhiêu mà kể. Như cái tinh thần mạo hiểm với các trí tuệ giác ngộ của nhà sư thì hai cái đó có thể coi là bất hủ. Nhà sư đã từng thương nước Phật bị chìm đắm, xót người nước Ấn bị suy tàn, đất cực lạc của trời tây hóa thành bãi đóng quân của bọn giặc. Đạo Phật có tội lỗi gì mà bị cực khổ đến như vậy ? Bỗng nảy ra một ý nghĩ : "Ta tức là Phật và tự tìm Phật ở trong ta, chứ không thể đòi hỏi ở đâu khác. Ta yêu nước ta, nước ta nhờ vào ta để tồn tại. Danh dự của thiền môn sẽ không bị sa đoạ, chính là do ở ta. Thôi ta về ! Thôi ta về !". Do từ cái quan niệm đi tìm Phật, rồi tiến lên một bước mà trở thành quan niệm yêu nước.

Xưa nay những Hoa kiều ở Ấn Độ thường rất khen thắng cảnh của núi Phả Thủ. Vì đó là nơi Văn Thủ Quan Âm hóa thân. Mọi người tranh nhau giúp tiền của và khuyên nhà sư tới đó văn cảnh. Nhà sư đồng ý. Phần thì muốn đi thăm cho biết cái cảnh kỳ quan trong vũ trụ, phần thì để nghiên cứu di tích của thiền môn. Đây cũng là nơi đức Phật dừng cảm ra đi mà không trở lại nữa.

Nhà sư bèn theo đường ra khỏi lãnh thổ Ấn Độ, qua Triều Tiên, rồi từ Liêu Đông xuôi thuyền tới Thượng Hải ngược lên Hán Khẩu vào Tứ Xuyên thăm núi Phả Thủ. Rồi lại từ Tứ Xuyên vào Vân Nam mà quay trở về Xiêm La. Cuộc hành trình đi về hết vừa bảy năm tròn.

Ôi ! Thực là kỳ lạ. Đường dài ngàn vạn dặm, trải sáu, bảy năm xông pha, qua bao nhiêu núi cao vực thẳm rất nguy hiểm, nếm biết bao nhiêu hơi độc của núi rừng, một thân đi rồi lại một thân trở về. Cuộc đi lại vô tư đó xuất phát từ tấm lòng cứu đời và cũng lấy việc cứu đời làm kết quả. Không biết trên thế giới có một người nào kỳ lạ như vậy nữa không ?

Năm Mậu Thân tức là năm 1908, những người ở trong hội Duy tân gặp nhà sư ở kinh thành nước Xiêm, trình bày mưu kế tiến hành cách mạng. Nhà sư vui vẻ trả lời :

– Nguyên vọng đó tôi đã sẵn có từ lâu. Tổ quốc bị đắm chìm trên cạn. Đồng bào bị lầm than, thấy những cảnh đau lòng xót ruột như vậy, nữ đầu riêng sống lấy thân mình ! Trước đây vì chưa gặp được bậc anh hùng để chung sức mưu toan cho nên đành nén nỗi đau lòng để chờ đợi. Nay anh em có kế hoạch để diệt giặc, tôi xin tán thành. Cái gì mà sức tôi có thể làm được, thì dù chết cũng không ngại.

Lúc đó các đồng chí đều nói :

– Kế hoạch to lớn lúc này là lương thực. Đó là việc rất cấp thiết, xin nhà sư đảm đương cho một tay.

Nhà sư hăng hái nhận lời, rồi tự mình lo trừ tính mọi khoản. Phàm mọi việc khó khăn xuất phát từ vấn đề kinh tế. Đó là mối lo chung của nhà cách mạng. Việc gì mà xong xuôi thì mọi việc khác cũng sẽ giải quyết được dễ dàng.

Khi ấy vì việc ngấm chớ vũ khí bị lộ, lưới thù giăng bủa khắp nơi, gai góc đầy đường. Việc trở vào nội địa vận động cách mạng là một việc hết sức nguy hiểm. Chỉ vì nhà sư sẵn giàu lòng yêu nước, lại mạnh về tính mạo hiểm, bèn nhận lời trước mọi người rồi lên đường đi ngay. Giày rơm áo vải bí mật theo đường thủy trở về nước. Bởi vì mấy chục năm nay cái chí hoài bão của nhà sư đến đây mới được thực hiện. Tiền đồ xa tít, ngày mai còn nhiều khó khăn. Song tóm lại toàn bộ lịch sử của nhà sư mà nhìn, thì ta có thể mệnh danh được đây là một con người kỳ lạ phi thường. Chắc các bậc thức giả cũng không cho tôi là xu nịnh Phật mà viết thành bài "tán" :

Một mình một thuyền, bơi trên biển cả, ngồi nghiêm trang tụng kinh, thân thể vẫn chu toàn. Đó là việc kỳ dị thứ nhất. Bốn phương trời nam bát ngát, vạn dặm coi như gang tấc, dấn thân vào nơi nước Phật, giác ngộ đạo Phật rồi quay trở về. Đó là việc kỳ dị thứ hai. Là một người đi tu mà vẫn gánh vác việc nước, vào nơi hang hùm miệng sói, dù phải hy sinh cũng không tiếc thân mình. Đó là việc kỳ dị thứ ba. Hạt gạo không ăn, đồng tiền không lấy, nhiệt tâm yêu nước, đem thân đảm nhiệm công việc. Đó là việc kỳ dị thứ tư. Có bốn việc kỳ dị đó nên nhà sư đã trở thành một nhà sư kỳ dị.

Nhà sư có một dạng mạo cổ quái, nói năng chất phác, tiếp đãi người rất ngay thẳng mà trung thành. Mỗi khi bàn đến thời cục, gặp những chuyện đau xót thì không sao cầm được nước mắt. Nhà sư mà có lòng quan tâm đến quốc gia như vậy, còn các bậc vương hầu khanh tướng thì lại không trông thấy gì ! "Trên trời dưới đất riêng đạo của ta là chí tôn" chính là ở trong con người của nhà sư chúng ta. Trong giới thiền môn có được con người như vậy, thì có thể nói được đó là *Đạo Phật*. Trong nước có được con người như vậy, thì có thể nói được đó là *chân nhân*.

Nhà sư người họ Trần, tên tự là Thiện Quảng, quê ở tỉnh mô... năm nay đã bốn mươi chín tuổi⁽¹⁾.

(Đăng trên *Bình sự tạp chí* số 44, tháng 12-1917

CHƯƠNG THẦU dịch)

(1) Về nhà sư yêu nước này, về sau Phan Bội Châu có viết lại một truyện dài kể đầy đủ và chi tiết hơn, đăng trên tuần báo *Mai* số 5 và số 6 tháng tư năm 1936 ở Sài Gòn, dưới dấu đề là *Đường tăng nước Nam : Thiện Quảng thiền sư*. Truyện kể tuy chi tiết hơn, nhưng về tính tư tưởng và tính nghệ thuật không bằng bản chữ Hán, viết năm 1917 này.

TÁI SINH SINH

(Sống lại – Truyện nhà cách mạng Bùi Chính Lộ)

Phía nam hẻo lánh của Tân Đảo, nóng bức gay gắt. Mỗi khi vào tiết cuối hè đầu thu, không ngày nào là ngày mà người ta không phải chiến đấu kịch liệt với những cơn nắng thiêu người. Mặt trận nắng này giải rộng ra đến hàng vạn dặm vuông, nóng hừng hực như lửa, đứng xa nhìn lại không khác gì như lửa của Lục Tốn đốt bảy trăm dặm doanh trại ở Hào Đình. Những bọn phú quý ở lầu mát, ở nhà thủy tạ, có quạt điện, máy hút gió, thì họ có đội quân phòng ngự nắng đầy đủ để đuổi giặc nắng ra ngoài trận tuyến. Những người lao động nghèo khổ thì thường bị giặc nắng đột kích đến nổi phát chết một cách vô cớ thì không biết bao nhiêu mà kể. Hàng ngày, từ bảy giờ sáng cho tới sáu giờ chiều, những người cùng khổ này phải lo sưu chạy thuế ở khắp trên các nẻo phố phường. Những gia đình nghèo làm nghề khuân vác ở xóm bãi, lúc nào cũng mặt đầy than bụi, mình đầm mồ hôi, chân thì luôn luôn giấy nẩy lên như thể khiêu vũ vì nóng bỏng. Giá như người xứ lạnh chợt nhìn thấy họ như vậy thì sẽ kinh hãi, cho đó là quỷ hiện ban ngày. Còn kẻ thù thì đương o bế những ả nàng mặc nửa kín nửa hở có tấm thân nõn nà béo tốt, ngồi đi vắng mát lạnh, uống nước đá điểm nhiên vỗ tay hát vang, quạt điện quay vù vù. Khắp nhà mát rượi, tưởng như không biết bên ngoài là tiết trời vô cùng nóng nực. Thế nhưng câu chuyện *Tái sinh sinh* của tôi cũng chính là viết ra trong lúc này.

Một ngày bắt đầu của tiết tam phục, nắng dữ dội, đã hơn mười giờ đêm rồi mà vẫn còn oi bức, giường chiếu vẫn còn nóng như lửa hơ. Những người lao động vất vả suốt ngày đều ngáp dài muốn

ngủ. Nhưng thế lực của con ma ngủ cuối cùng cũng bị thần nóng xua đuổi. Lòng người khao khát một lúc mát mẻ không bút nào tả xiết. Bỗng nhiên mây mù kín đặc, nền trời đen như mực, không còn một vì sao, gió nổi sấm rền, rồi mưa như trút nước. Uy thế của giấc nóng nực bị gió mưa quét sạch. Vũ trụ nóng bức của mùa hạ đã chuyển thành mát dịu của mùa thu, cái phong vị êm đềm thật là tuyệt.

Lúc ấy đèn đã tắt, các thôn xóm không còn tiếng huyền ảo nữa. Trên các đường phố chỉ còn tiếng gió mưa hoà lẫn với tiếng ngáy vang. Thế nhưng có ai biết đâu là trong quầng trời đất đêm tối mát mẻ ấy, có một chiếc bóng lủi thủi đã từ lòng đất tối tăm chui ra và chạy lẫn trong cánh đồng hoang. Ôi ! Trong đêm gió mưa tăm tối, thui thủi chiếc thân. Đêm nay là đêm gì ? Bóng người hay ma quỷ ? Hãy xin xem sau đây chuyện *Lệ Mai tử*⁽¹⁾, một nhân vật đã từng được chép trong quyển *Khả khí sử* của tôi. Than ôi ! Thương thay !

*Nổi chìm sống thác mười năm,
Phong thư huyết lệ viếng thăm thân tình.*

(1) *Lệ Mai tử* tức là chí sĩ cách mạng Bùi Chính Lộ. Ông người xã Thanh Thủy (nay là Nam Thanh) huyện Nam Đàn, Nghệ An. Ông tham gia hoạt động trong phong trào Đông du của Phan Bội Châu, bị Pháp bắt giam ở nhà lao Vinh năm 1912. Ở nhà lao này lúc đó có nạn dịch tả, tù nhân chết rất nhiều. Bùi Chính Lộ và các đồng chí của ông cũng như hai người học trò "nghĩa bộc" bàn cách để ông giả chết vì dịch tả, đem chôn rồi bố trí kế hoạch đào mả để cứu sống ông (như trong chuyện Phan Bội Châu viết ở đây). Sau đó ông trốn sang Trung Quốc, được Phan Bội Châu giao công tác tiếp tục hoạt động cho Việt Nam Quang Phục hội ở Quảng Đông (Trung Quốc), sau lại được cử về Xiêm hoạt động, không may, ông lại bị bắt ở Băng Cốc. Để giữ bí mật cho đảng, ông đã cắn lưỡi tự tử.

Khảng khái sử ! Khiến cho tôi ngậm ngùi dưới đèn, bàng khuâng trước gió, đôi hàng lệ nhỏ, tâm hồn bỗng nhiên lịm đau, xót thương những chuyện đã qua, không nỡ lòng nhắc lại, nhìn về quê cũ chỉ muốn khóc hoài.

Khảng khái sử ! Từ lâu tôi đã khóc đến chảy máu mắt mà không nói được nên lời. Song Lê Mai tử đã là một người được chép trong tập sách này, thì khi muốn thuật chuyện Lê Mai tử ở trong quyển *Khảng khái sử* này không kể tới đầu tiên.

Tôi sinh ra không may gặp lúc thời thế khó khăn, chút lòng vền vẹn chỉ mong đáp đền cho xã hội trong muôn một. Mười năm bôn tẩu, một việc chưa thành, tám thân bảy thước vẫn còn đây, mà các đồng chí thân thiết của tôi đã khảng khái chết vì nghĩa trước tôi không biết bao nhiêu người rồi. Nếu như mưu đồ của tôi không thành và mang cuộc sống thừa cho đến nay để làm kẻ chết sau các đồng chí của tôi, thì một ngày kia tôi còn mặt mũi nào để gặp các đồng chí ở nơi chín suối nữa !

Đêm thanh vắng, lòng tự nhủ lòng, gạt thẳm giọt lệ. Gắng gỏi để sống ư ? Ruột gan thêm đau khổ. Muốn toan chết đi nhưng còn chút hy vọng chưa tàn. Trời ơi ! Trời ơi ! Tôi biết lấy gì để nói với các đồng chí thân thiết của tôi ? Do đó mà tôi uất hận đau đớn ; do đó mà tôi hậm hực khóc than, mà không biết làm sao ! Tôi chỉ đành lấy nước mắt mài mực, lấy máu thấm pha sơn, lược những sự việc của những người đã chết trước, chép thành quyển sách nhỏ, gồm những truyện ngắn, luôn luôn mang theo bên mình, sớm hôm đốt hương, cúi đầu cầu khẩn, để tỏ chút lòng mãi mãi không quên của tôi để ghi tội lỗi của tôi và gọi cuốn sách này là *Khảng khái sử* mà tên họ của Lê Mai tử – con người vào sống ra chết, vào chết ra sống đó được chép trong quyển sử đó. Trong *Khảng khái sử* của tôi, con người Lê Mai tử tất nhiên là đã chết rồi, song đối với các

đồng chí trong đảng tôi thì Lê Mai tử vẫn chưa chết. Bào rằng chưa chết, nhưng chính là đã chết. Bào rằng đã chết nhưng rút cục lại chưa chết, thì việc thực là Mai tử vẫn chưa chết. Bào rằng đã chết nhưng rút cục lại chưa chết, thì việc thực là ly kỳ. Hành động rất gian khổ, tung tích biến ảo khôn lường, đáng để cho những nhà văn có tài miêu tả, viết ra một cách thú vị.

Sự nghiệp kinh doanh của các đồng chí tôi, nếu không liên lạc vận động thì không thể nào thành công, nhưng liên lạc vận động lại là việc rất khó khăn nguy hiểm. Người gánh vác cái trách nhiệm vô cùng khó khăn gian khổ đó chính là Lê Mai tử. Vì Lê Mai là người có nhiệt thành, có học vấn, có đảm lược lại có cơ mưu và sở trường về khoa ngôn luận, cho nên được mọi người tín nhiệm. Giữ trách nhiệm đó lâu ngày, công việc của đảng ngày một tiến bộ, tiếng tăm lừng lẫy, kẻ thù rất khiếp sợ, chỉ muốn bắt bằng được mới yên lòng.

Người Đường có câu :

*Cô em chèo thuyền nhỏ,
Hái trộm mấy bông sen.
Không biết giấu tung tích,
Để lại dấu bèo in !*

Câu đó tuy nhỏ nhưng có thể đem ví với việc lớn. Vì rằng những việc làm trong thiên hạ tuy rất là bí mật, cũng khó mà tránh để lộ ra những hình tích, dù được che đậy rất khéo léo hàng trăm ngàn lần. Những dấu vết để lại đó, với những người có con mắt suy xét tỉ mỉ, thì thế nào cũng có ngày bị phát hiện. Quả vậy, không bao lâu sau thì Lê Mai tử bị bắt. Thân chết nghiêm nhiên đã đập trên đầu (*Lược bỏ việc bị bắt*).

Khi Lê Mai mới vào ngục thì tuyệt thực muốn tự sát. Học trò và bè bạn phải cố sức can ngăn. Lê Mai cũng tự dần lòng và cho rằng

bạc đại trượng phu là nên chết, nhưng chết uống sao bằng lập công, còn lại một hơi thở thì còn có ngày tác dụng cho các đồng chí mình, gan chuột chân sâu, cuối cùng có đi đến đâu, ta vẫn nghe theo tạo vật ! Thế rồi tấm thân gan đồng xương sắt ấy đã gởi gắm cuộc sống trong ngục tối hàng nửa năm ròng.

Than ôi ! Coi việc tới vạc dầu ngọt như đường, có kẻ cầu mong cũng không thể được. Khi đã gửi mình vào chỗ chết rồi mà giữ cho trọn vẹn được cái chết ? Tôi từng thấy những người quyền quý, con em những nhà giàu có, ăn ngon mặc đẹp, mâm ngọc cơm vàng, đi không dám xéo chân xuống đất, ngồi không dám đặt đít xa nhà, những khi có thể tránh được cái chết nên chết để sống, thì hy sinh tất cả danh dự, đạo đức để lao tới ! Dù cho có hổ nước thù nhà cũng không dám hy sinh tính mệnh. Thế nhưng cuối cùng cái chết cũng không để cho bọn họ chậm trễ được giây phút ! Tại sao có thể tham sống, há chẳng đã rõ lắm sao ? Như Lê Mai tử lấy gió sương ba đào làm kẻ sinh nhai, lấy nhọc mệt đắng cay làm thân thể. Chỉ vì không cam chịu sống cuộc sống an nhàn buông lỏng mình, để xông pha nơi nguy hiểm, muôn dặm chiếc thân, ôm ấp nuôi dưỡng cái chí không bao giờ quên ở nơi gian khổ mà cũng không chết, như thế thì con người ta sao lại phải sợ cái chết ? Kẻ sợ chết thường dễ bị chết, người khinh cái chết thường không chết. Ở đây, tôi xin kể chuyện Lê Mai để các bạn có nhiệt tâm trong thiên hạ cùng nghiên cứu.

Lê Mai tử vào ngục đã được vài tháng. Những người bệnh tật, đói khát, đau đớn, già yếu ở trong ngục kế tiếp nhau chết mòn. Ma mới kêu oan, ma cũ khóc. Tiếng rên rỉ thê lương, cảnh đau thương thảm thiết là những việc hàng ngày diễn ra bên tai trước mắt. Mỗi một thầy ma đưa ra là Lê Mai lại hát vang đưa tiễn và nói : "Các anh nếu có gặp anh bạn ấy, anh bạn nọ của tôi ở dưới đất, thì cho tôi gởi lời hỏi thăm, sớm muộn rồi tôi cũng sẽ gặp mặt". Bởi vì khi

ấy đang bị vỡ lở, các đồng chí của tôi phải lên đoạn đầu đài mỗi ngày một nhiều. Tuy Lê Mai tử nói như vậy, nhưng đã vài tháng nay thân thể vẫn khỏe mạnh như thường.

Vào tiết cuối mùa hè, trời nóng gắt. Bệnh dịch phát dữ dội, cả nội ngoại thành bị bệnh dịch, chết mỗi ngày hàng vài ba trăm người. Tính mạng con người không bao giờ rẻ rúng như lúc này. Bởi vì người ta kháo nhau rằng, những người chết dịch có một loại vi trùng truyền nhiễm. Cho nên những thi thể hoặc phần mộ của những người chết dịch, cho dù là những người rất thân cũng chỉ nhìn rồi lánh xa, không dám đến gần sợ bị lây bệnh.

Bấy giờ trong ngục, bệnh dịch uy hiếp người ta rất dữ. Cả trại giam có hơn một nghìn người, thế mà chưa đầy vài ngày đã chết gần một nửa. Lê Mai tử có hai người nghĩa bộc tuổi vừa mới đang độ lớn khôn, luôn luôn châu chực bên mình không rời, tình nghĩa rất là chân thành. Từ ngày Lê Mai bị tổng ngục, việc đưa cơm nước hàng ngày chưa bao giờ gián đoạn. Tên cai ngục cho rằng, hai người đây tở này tuổi còn bé, nên cũng không ngăn cấm họ vào ra. Bệnh dịch ở trong ngục đã lan tràn. Hai người này rất lo ngại, thường tới cửa ngục thăm hỏi luôn. Lúc này những người ở chung phòng với Lê Mai bị chết dịch chỉ còn vài người. Song vài người đó cũng đã bị bệnh quá nặng không thể dậy được nữa. Lúc đầu cai ngục còn cho lính hầu xuống kiểm tra, nay lính hầu cũng sợ truyền nhiễm, không dám đến gần phạm nhân, chỉ gõ cửa ghé mắt nhìn qua rồi co cẳng rào bước thật nhanh. Cho nên, khi hai người đây tở xin vào thăm, thì tên lính hầu kinh ngạc về sự can đảm của họ và nó nghĩ rằng, nếu Lê Mai chết, thì đem giao cái thầy ma cho hai chàng trẻ tuổi này, như vậy sẽ được rảnh tay, nên hán đồng ý để cho hai người vào thăm. Hai người đây tở vừa bước vào đã thấy nơi này lạnh lẽo nặng nề hơi ma. Gõ cửa liếc nhìn thấy

im bất không có tiếng người. Họ rất bối rối, chỉ sợ ôn thần đã đem Lệ Mai đi mất rồi, vội gọi :

– Ông Lệ Mai ơi !

Trong quăng đen tối có tiếng trả lời bằng một giọng rất rần rỏi, đúng là tiếng của Lệ Mai.

– Tôi rất mong gặp các anh để rồi chết.

Hai người ngạc nhiên nói :

– Sao thầy vội chết thế ! Giọng nói và tinh thần của thầy vẫn còn khỏe lắm.

– Không ! Không ! Tôi muốn chết để thoát thân thôi.

Một người đầy tớ nói :

– Con đã biết ý thầy rồi, chỉ là giả cách chết. Không chết mà làm ra chết, lấy cái hình thế để tìm lối thoát. Kế đó cũng thực là tài nhưng lỡ bọn chúng sai người kiểm tra thì sao ?

– Điều đó không lo. Mấy hôm nay người chết như rạ, chúng nó tuyệt nhiên không hỏi han gì tới. Có đưa nào đến kiểm nghiệm thì chẳng qua cũng chỉ là tên lính canh ngục ngu xuẩn, sợ ôn thần như hùm beo, chỉ hơi có mùi tanh là đã xua chúng nó chạy xa hàng mười dặm đường thì còn lo gì !

Một người đầy tớ khác nói :

– Nhưng khi thấy báo tử, chúng sai đưa đi chôn gấp, chôn cũng đủ làm cho chết thật thì sao ?

Lệ Mai tử nói :

– Tôi đã có kế hoạch. – Bèn ghé tai nói nhỏ :

– Nay tôi cần có mấy việc : Một là thuốc xổ, nếu không có thứ đó thì không thể giả làm mắc bệnh thổ tả được. Và lại, thuốc cũng

cần phải cho thực mạnh, nếu không thì không giống hệt như đi tả thực sự. Hai là thuê người khâm liệm mai táng, nếu chọn thuê được hai người say rượu thì tốt nhất. Vì rằng, người say thì sự việc mơ hồ, dù ta có đóng giả họ cũng không nhận ra được. Ba là việc trang bị một chiếc áo quan giả. Mặt áo quan làm bằng gỗ mỏng, dùi ngấm hai lỗ nhỏ rồi đút nút gỗ, khi lấp đất chôn thì rút nút gỗ ra. Hai đầu áo quan dùi thêm hai lỗ tròn có thể cắm ống tre rỗng đốt, đầu ống chếch lên cho hơi nhô lên phía trên mặt đất một chút để dẫn không khí. Ba việc đó sắp đặt được đầy đủ thì tôi có thể chết được. Bây giờ có phải là mười giờ sáng không ? Các anh ra lo liệu gấp đi, tám giờ sáng mai lại vào đây, ta có thể chuẩn bị tiến hành.

Hai người đây tớ nói :

– Nên dùng thứ thuốc gì ?

Lệ Mai cũng biết được chút ít dược lý, bèn bảo với họ :

– Chỉ cần hai loại thuốc là đủ : sinh đại hoàng một lượng. Ba đậu ba đồng cân. Khi súc thuốc này đã ngấm thì chứng thổ tả thực cũng không bằng.

Hai người nói :

– Sợ rằng thuốc làm chết thật thì sao ?

Ông nói :

– Tạng phủ của tôi có thể chống chọi được với các thứ độc. Không có thứ gì mà không chiến thắng. Các thứ thuốc này làm sao khiến tôi chết được. Chỉ cần thổ và tả thật nhiều, càng nhiều càng tốt. Việc làm giả vờ mà giống như thật là rất hay. Còn một điều cần dặn thêm các anh, nhưng ngày mai đem thuốc vào tôi sẽ nói. Các anh về ngay để lo liệu gấp. Kẻo khi binh lính của ôn thân đã quay về thì kế đó không còn tác dụng nữa.

Hai người đẩy tờ từ biệt đi ra, rũ nhau về nhà trọ sắp sẵn mọi việc theo như lời dặn của Lê Mai, nhưng lòng vẫn thấp thỏm không yên. Phần vì sợ thuốc độc quá mạnh mà chuyện vờ hóa ra chuyện thật. Phần thì sợ khí đất ẩm ướt xông lên cũng đủ làm cho chết người. Phần thì sợ việc làm lỡ mà bị hờ, bị lộ sẽ gây tai họa không sao cứu được. Trong ba việc đó, nếu chỉ một việc có thể xảy ra, thì chính mình là đứa học trò giết thầy. Nhưng suy đi nghĩ lại kỹ, nhân cơ hội này tìm kế thoát thân, thì thật không có kế nào hay hơn nữa. Ta chỉ cần thận trọng trong khi hành sự thì sẽ đem lại thành công. Ôn thân kia ! Dịch sứ kia ! Chúng nó có thể là thiên binh để đưa thầy ta ra khỏi nơi nguy hiểm chăng ? Nghĩ tới đó hai người lại mừng rơn.

Sớm hôm sau, khi trời sắp sáng, từ mặt biển dâng lên một vành mặt trời đỏ rực, mới hơn sáu giờ mà ánh mặt trời đã tràn đến chín mươi chín đỉnh dãy núi phía nam. Ánh thái dương đốt cháy hừng hực như thể muốn thiêu cháy cả Hoan thành. Ma dịch và thần nắng thi nhau ra oai. Nhân dân chung quanh thành sợ nắng và tránh ôn dịch, cho nên người qua lại thưa thớt. Chỉ có một dải thành phía bắc là thấy chết dịch vắt ngổn ngang, tựa như một làng ma quỷ giữa ban ngày. Thế mà hai cậu nhỏ với hình dung tiêu tụy, dáng dấp vôi vàng vẫn không nề hà cảnh nắng nực oi bức, cứ xuyên qua phía đông để đi tới phía tây thành và xin tên lính coi ngục cho vào thăm Lê Mai tử. Lê thường khi vào thăm tù, thì các đồ vật mang theo đều phải được kiểm tra. Tên lính gác thấy hai người có ít thuốc trong tay áo thì vận hỏi. Họ trả lời là thuốc để chữa bệnh dịch. Tên lính gác cũng không ngờ vực bèn vẫy tay cho vào.

Sau khi hai người đi rồi, Lê Mai tử ở trong ngục chỉ ngóng mong bóng nắng di chuyển cho thực nhanh để xem mưu kế có thành công chăng. Trạng thái bồn khoăn với tinh thần nhẩn nại

trong khoảng thời gian hai mươi bốn tiếng đồng hồ lúc này thấy lâu hơn cả hai năm. Khi đã thấy hai người học trò vào. Lệ Mai mừng lắm, vội móc thuốc ra nhai ngấu nghiến. Sau đó quay lại hỏi :

– Áo quan đã xong chưa ?

– Thưa đã.

– Đã thuê phu chôn chưa ?

– Thuê rồi ạ.

– Thế thì các anh đi ra. Nhưng đừng đi xa cửa ngục, phải để cho tên lính ngục thỉnh thoảng vẫn trông thấy các anh. Khoảng chừng hai tiếng đồng hồ nữa thì tôi sinh ra mưa thối, hình sắc sẽ rất mệt mỏi. Bữa cơm chiều, người đem cơm sẽ gọi tôi, tôi không lên tiếng trả lời, nó sẽ ngỡ là tôi đã chết, tên lính coi ngục sẽ đem đèn đến để kiểm tra. Từ đằng xa nó đã nhìn thấy cứt dái và các thứ nôn mửa ra bừa bãi. Lúc đó tôi lại cố nín hơi làm như về đã chết, thì nó sẽ gọi các anh lại, bắt đến gần để trông tôi. Vì rằng, trong tuần này tôi đã rút được kinh nghiệm là, những người chết dịch, chúng nó chỉ kiểm tra qua quýt. Khi các anh vào đây thì cứ kêu toáng lên "Chết ! Chết ! Chết rồi !" thì nó sẽ báo tử với tên quản ngục. Tên quản ngục sẽ theo thường lệ cho mai táng gấp. Khi đó các anh hãy xin cho tự mai táng lấy, không để phiền chúng nó, chúng nó sẽ ừ ngay. Bởi vì tù nhân bị chết dịch, thì tiền mai táng lấy vào quỹ công, nay số tiền mai táng lại được vào túi chúng nó, mà các anh lại tự gánh lấy việc khó nhọc, thì chúng nó rất vừa lòng. Như vậy thì kế hoạch của ta sẽ xuôi được. Nhưng khi "thầy" tôi chưa cho vào áo quan thì các anh lấy chiếu bọc cho kín, đừng để cho phu chôn trông thấy mặt tôi. Trước đó cần đưa rượu và đồ nhắm để họ đánh chén cho say chệnh choáng, đó là việc thiết yếu. Thôi bây giờ các anh đi ra đi, tôi chết đây.

Hai người đẩy tờ vàng lờ đi ra, đứng chực ở ngoài cửa để chờ tin tức. Sau ba giờ chiều, quả nhiên tên lính ngục gọi hai người tới, bắt đến xem Lệ Mai, thì thân thể Lệ Mai đã cứng đờ. Hai người đẩy tờ khóc rống lên. Tên quản ngục sai chôn cất ngay. Hai người làm đúng theo kế hoạch của Lệ Mai, không ai biết là giả cả. Năm giờ chiều đem chôn ở nghĩa địa công cộng phía bắc. Hai người đẩy tờ thắp hương, đốt giấy tiền, theo tục lệ lạy khóc ở trước mộ, rồi chôn một thẻ gỗ cao hơn ba thước. Mặt thẻ đề "Mộ Lệ Mai tử, nhà chí sĩ Nam Hải". Lúc đó là chiều ngày mười bốn tháng bảy âm lịch.

Vàng trăng của hôm Tết Trung nguyên vươn lên soi sáng cả phần mộ. Dưới ánh trăng, đàn quạ kêu riu rít ở trên cây bên cạnh mộ tự như hát lời chào mừng người trong mộ địa. Hai người thiếu niên đang đứng dưới ánh trăng sáng, đưa mắt liếc nhìn chung quanh, thấy người đi đưa đám vẫn còn nuốm nượp hai bên đường. Hai người đẩy tờ nghĩ rằng, nếu cứ đứng sững ở đây mãi, ngay trước phần mộ như thế này, thì sẽ làm cho những người chung quanh sợ hãi, tưởng là ma quỷ hiện hình, đành phải đi tới ngôi ở dưới bóng cây cổ thụ cách phần mộ vài trăm bước. Nỗi lòng của hai người lúc này vừa đắng cay vừa lo lắng như muốn quay cuồng, tay chân bối rối, nghĩ rằng trăng thì sáng, đêm chưa khuya, chưa dám mở nắp mộ. Phần thì lo những người đi đưa đám trông thấy ; phần thì sợ bọn cảnh binh đi tuần phát hiện ; phần lại sợ nếu để chậm vài ba tiếng động hồ nữa thì có thể làm cho thấy mình bị chết. Nghĩ tới đó, hai người lòng bối rối như tơ vò. Có biết đâu là trong vài ba tiếng động hồ đó của Lệ Mai tử ở trong mộ địa lại là những giờ phút rất sung sướng, hồn mộng rất thoải mái mà không tự biết mình đang nằm trong áo quan ! Bởi vì, từ khi bị bỏ vào trong ngục tối, hàng ngày giam hãm giữa hôi hám người chết nồng nặc xông lên, mong hít lấy một chút không khí trong lành cũng

không sao được. Trong hai năm trời sống kiếp sống dở người dở ma đã không còn có một chút sinh thú nào. Ngày nay là một chiếc thây đưa ra đồng hoang, lại được ở dưới ánh tà dương với cơn gió chiều dịu dàng, kết lại tình xưa với ánh sáng và không khí, quét rửa hết cả cái hơi ô ứ, nhờn nhờn trong khoảng trời rộng mênh mông, tinh thần và thể xác đều khoan khoái, cho nên giấc ngủ lại càng ngon lành. Mãi đến hơn mười hai giờ đêm, giấc điệp vẫn còn mơ màng, tự mình riêng hưởng cái thú say sưa mà không thể nào mô tả lại cho người tỉnh truyền cảm được, so sánh được với mình trong lúc này.

Bấy giờ hai người đầy tớ đã chờ đợi lâu đến bảy tiếng đồng hồ. Đêm đã gần khuya, bóng dáng của ôn thần đã hơi vắng, những tiếng gào khóc bên các mộ đã dần dần im bật. Hai người mới bảo nhau : "Có thể cho thấy ta ra được rồi đó". Nói chưa dứt lời thì nghe tiếng chân lịch bạch xuôi theo làn gió nhẹ vắng tới. Hai người đều sợ chưa dám hành động. Đương lúc hồi hộp lo lắng, thì có một cảnh tượng rất may mắn tự trên trời đưa tới, tựa hồ như có sự anh linh của non sông tiên tổ, từ những chỗ u minh đã bí mật đến giúp cho thành công. Đó là cơn mưa gió tự nhiên nổi lên, trăng sao đều lặn cả. Bốn bề không một bóng người, chỉ có hai người ở đây đương lặng lẽ với bảy ma trong nghĩa địa mà thôi. Lúc này, mây che phủ kín khắp thành, sóng biển gào rít xa xa, gió thổi cát bay rồi mưa như trút nước. Trời tối đến nỗi đứng cách nhau vài thước cũng không nhìn thấy. Hai người đầy tớ mừng rỡ. Thừa lúc ánh chớp, họ vội vàng rảo bước tới nghĩa địa tìm đúng dấu bia, đào lên. Bởi vì khi lấp mộ cũng lấp rất qua loa với chú ý để đào dỡ cho dễ, lại vì đất cát gặp nước mưa rào xối vào, cho nên vừa mới đào đã thấy nắp quan tài. Hai người nóng ruột, đã rút ngay ống tre ra, gọi vội vã.

– Thấy ! Thấy ơi !

Trong quan tài vẫn im lặng. Họ lại gọi :

– Thầy ơi ! Thầy ơi ! Chúng con đây mà !

Vẫn lặng lẽ. Hai người sợ hãi, vội mở nắp quan, vô vào thấy rồi lay. Sờ thấy mạch vẫn chạy, cơ thể vẫn nóng, không hề gì. Họ lại lay tiếp, thì thầy nói :

– Ô ! Anh đấy à ! Vòng đông đã hừng sáng rồi ư ? Ông đấy đã đến rồi à ?

Vì còn đương nói mê, thì hai người đẩy tở đã đỡ ra khỏi mộ, Lê Mai mới vực tỉnh. Vừa mới ở nơi tâm tối ra, tinh thần khỏe mạnh khác thường. Hai người bèn cởi bỏ chiếu tù và tấm áo che thân, nhờ nước mưa làm chậu nước tắm, gội rửa sạch những cấu ghét từ mấy năm đã bám vào da dẻ. Lê Mai tử tử trong mộ bước ra không khác gì khi chúa Giê Su phục sinh vậy.

Than ôi ! Một chút sống thừa trước sống kinh miêng hổ, tính mệnh của Lê Mai tử trước đây không một ngày nào không gói vào nơi gian nan nguy hiểm, hưởng hồ khi vui thân vào nơi ngục tối ở lẫn với ma quỷ, ngày không thấy mặt trời, đêm không thấy mặt trăng sau chừng ấy năm tháng, mà nay trong khoảnh khắc thoát khỏi địa ngục, lìa khỏi mộ, lòng những vui sướng không bút nào tả xiết.

Sấm gió đã dứt, gà trong thôn đã sắp gáy, ba thầy trò cùng bàn luận sách lược sau đây. Lê Mai bảo hai đồ đệ :

– Hai anh có tấm lòng nhiệt thành rất cao, tôi không nỡ làm phiền các anh quá. Nhưng bây giờ còn phải phiền các anh vài việc. Xong đó thì không còn việc gì khác nữa.

Lê Mai đưa tay trái cầm tay một người học trò nói :

– Chiều nay anh về đem tin tôi đã chết loan báo cho tất cả bè bạn thân thích, để cho tất cả những người quen biết tôi, đều tin

rằng tôi vẫn ở trong mả. Tiếng tâm sẽ chìm hết, tôi sẽ có kế để tẩu thoát. Đi ngay đi, đừng để chậm.

Đoạn đưa tay phải cầm tay người học trò kia và dặn :

– Anh đi ngay tới báo cho ông *mổ*... để chuẩn bị chỗ cho tôi tới. Sau một tuần nữa khi tôi tới chỗ ông ta, sẽ không đến nỗi bị vấp vấp gì. Ông ấy là người bạn hào hiệp trong đảng tôi, là người trầm tĩnh sâu sắc và có cơ mưu. Ngoài ông ấy ra thì không nên nói với ai là tôi còn sống. Sớm mai anh nên đi ngay đi.

Lệ Mai tử lại nói tiếp với hai người :

– Từ nay về sau, các anh đừng thăm hỏi tôi nữa. Nếu các anh cứ thăm tôi thì có kẻ sẽ theo hút mà tìm tới, công việc sẽ bị vỡ lở. Các anh chỉ nên rất giữ bí mật và thường lui tới thăm mộ tôi, lễ vật hương vàng làm đúng nghi thức tựa như không biết gì đó là ngôi mộ không thì đó tức là ơn lớn cho tôi. Hai người hiểu ý trả lời :

– Xin tuân theo lời dạy bảo của thầy, không dám sai.

Lệ Mai nói :

– Bây giờ chúng ta mỗi người đi một việc, để chậm, trời sáng rõ sẽ bị lộ.

Ba người cùng đắp lại ngôi mộ. Lệ Mai cũng tự tay đắp vào nắm mồ giả của mình mấy nắm đất rồi từ biệt nhau. Trước khi chia tay, hai người hỏi :

– Vậy bây giờ thầy sẽ đi đâu ?

Lệ Mai trả lời :

– Tôi tự có chủ ý của mình. Từ đây cách nhà ông *mổ*... độ vài dặm. Ông ta là thầy học của tôi. Nay thầy đã xuất dương rồi, nhưng còn có cô ở nhà. Cô vốn là người nghĩa dũng, vả lại trong nhà cô không có người thường tục, nay tôi sẽ đến đó tạm lánh độ

một tuần để trù tính kế hoạch. Vì rằng bây giờ tôi không dám đi giữa ban ngày, nên chưa có thể đến ngay nhà ông *mổ*... được.

Kế hoạch xong xuôi, mỗi người đi một ngả. Lúc này gió đã lặng, mây đã tan, mặt trăng đã từ trong đám mây đen hé sáng dần. Mưa hơi còn lất phất, đường đi lầy lội ngập tới ống chân. Lê Mai bèn giắt hai tẩu lá chuối bên đường để che mưa và thay cho áo. Đầu trần thân trụi một mình lủi thủi giữa đồng hoang, bóng ma trời đom đóm lấp lờ quanh mình tựa như một đoàn quân hộ tống. Bạn đọc cũng đã biết cái quang cảnh đó, vì tôi đã viết rõ trên trang đầu cuốn sách này rồi.

Ba giờ sáng hôm ấy thì Lê Mai tới nhà ông *mổ*... Những người ăn ở trong nhà còn đương ngủ say. Tiếng mõ cầm canh ở các thôn xóm xa gần vẫn còn lác đác. Ngọn đèn trên nhà chập chờn chiếu hắt ra bức phen tre. Gặp lúc bà Phi Âu (tức là bà vợ ông *mổ*) dậy sớm, đương ngồi ở dưới đèn sửa soạn áo mưa cho người đi làm vườn. Bỗng nghe thấy tiếng gõ cửa, trước còn gõ khẽ, sau gõ mạnh hơn như có ý vội vàng khẩn cấp, lại như có vẻ báo tin mừng, lắng nghe kỹ nghe ngợ như tiếng người quen. Lúc đầu bà Phi Âu còn hơi sững sốt. Vì nhà ông là nơi thường lưu trú của các bạn lưu vong trốn tránh, vào lúc quá nửa đêm về sáng mà lại có người gõ cửa thì dù là những người giữ cổng cũng hiểu được ý của chủ. Tiếng gõ cổng ấy, trừ phi bọn quan lại bắn thủ ra, thì chưa hề có ai đến gây sự xấu bao giờ. Vì rằng những nhà của người hiệp sĩ thì hầu như không một cái gì không mang tính chấp hào hiệp, đó là một tập quán. Bà Phi Âu thấp nển đi ra, vừa tới cửa thì gió thổi tắt, không nhận rõ mặt người. Bà gọi vội :

– Xin quý khách cho biết họ tên !

Người ngoài cửa đáp lời :

– Tôi, tên *mổ*.

Bà đi nhanh ra mở cửa. Lệ Mai bước vào. Bà Phi Âu nửa mừng nửa sợ, bà liền nói :

– Anh Lệ Mai ! Làm sao mà anh tới được đây ? Gần đây tôi nghe nói trong ngục bị nạn dịch tả chết chồng chất, tôi sợ là đảng ta đã mất một tay rường cột rồi ! Làm sao mà tới được đây thế anh Lệ Mai ? Bà Phi Âu vừa nói vừa bước tới phía cuối giường lấy quần áo mới trao cho Lệ Mai mặc rồi sai giết gà dọn rượu để làm chén tẩy trần. Kế đó nhắc tới chuyện thoát khỏi nguy hiểm cùng là ý nghĩa của việc đến đây và bàn với nhau sách lược sau này, hai bên trò chuyện rất là vui vẻ.

Lệ Mai lại nói :

– Bây giờ tôi muốn tới chỗ ông *mỗ*...Tôi đã cho người thông báo dự định mọi việc. Người đi đường vừa đi vừa về cũng phải mất tới mười ngày, tôi được tin sẽ đi ngay.

Bà Phi Âu nói :

– Tới chỗ ông *mỗ* rất hay, nhưng hiện giờ bọn trình sát rả khắp nơi như yêu ma quỷ quái hoành hành giữa ban ngày. Chỉ một chữ "đảng" cũng đủ để bị tiêu diệt cả tộc họ và bị giết oan thân. Anh lại là người đảm đương vai trò trọng trách của đảng, không biết bao nhiêu người quen tên biết mặt anh. Mà đi đến chỗ ông *mỗ*... cũng phải sáu, bảy ngày đường. Anh đi một mình nếu chẳng may xảy ra chuyện gì thì lấy ai giúp đỡ. Tôi đương muốn có một người cùng đi với anh. Đại phạm là mưu tính việc gì cũng không nên quá vội, nhỡ sơ ý sẩy chân thì mọi việc hỏng hết. Anh hãy đợi đã. Nói tới đó, bà bước vào nhà trong, gọi thư đồng đem giấy bút ra viết một bức thư ngắn sơ qua vài dòng, rồi sai đi bỏ vào thùng bưu điện, xong trở ra nói :

– Đợi khi nào người bên Thanh Đảo tới rồi anh hãy đi.

Sau đó bà đi sắp xếp lại căn buồng, sửa soạn giường chiếu, đèn xanh một ngọn, quyển vàng mấy pho, ngoài song trúc rủ, bên giường để kều, nửa gian mây nước, cảnh thú thanh tao tựa như có cái hương vị đặc biệt của chốn đào nguyên, khác nào như dành riêng cho Lê Mai tử, con người đã từng mấy phen trôi nổi sống sót thoát khỏi nơi tù tội để tạm lánh mình trong thời gian trên mười ngày. Trong thời gian hơn mười ngày ấy, nào có đáng là bao, nhưng đối với Lê Mai tử thì có cảm giác như là quá ư nhân rồi không tài nào chịu nổi. Ôi ! Đã hiến thân cho xã hội, vì nước bôn ba, thì dù chỉ một hơi thở cũng không muốn nghỉ ngơi để ngồi hưởng lạc. Tất cả những người có nhiệt huyết đều như thế cả, hướng hồ một con người có tấm lòng nhiệt thành vì đảng như Lê Mai tử. Rồi bụi trần cuộn cuộn lại theo ngọn gió thu.

Sau đêm mộng một tháng tám âm lịch, sao sáng đầy trời, gió thổi ngàn cây rung động, sương phủ kín rừng, Lê Mai đang ngồi tựa ghế trong sân, lắng nghe tiếng nhạn bay về tựa như người đảng viên đương ở nước ngoài ngồi ngóng đợi tin vui từ muôn dặm quan sơn đưa lại. Ngó nhìn trời đất núi sông, dạ nóng bồi hồi, lẩm bẩm tự nói một mình. Chợt nghe có tiếng gõ cửa và tiếng gọi : "Am ơi, Anh Am ơi !" từ phía ngoài đưa tới. (Am là tên của một gia đồng). Nữ sĩ Phi Âu đã sai gia đồng ra thăm dò nhưng lòng vẫn còn lo ngại. Nếu phải là có khách xấu đến thì tìm cách đuổi khéo để cho Lê Mai kịp thoát thân. Nhưng khi đã nhận ra khách thân rồi, thì bà vui mừng quỳnh cả lên. Vì khách đây không phải là ai khác, một người là ông *mổ*, một nữa là Bạch Liên, người nữ đảng viên, cũng tức là những người mà mấy hôm trước đó bà Phi Âu viết thư mời tới. Rồi họ cùng dắt nhau vào phòng của Lê Mai. Cảnh gặp gỡ của mọi người thật vui sướng biết chừng nào. Xa cách nhau bao năm, tưởng như đã chết, tay nắm chặt tay, mà còn ngờ như là đang ở

trong giấc mộng. Lúc này, Lệ Mai ngậy người ra không nói được một lời.

Ngồi được một lát, tinh thần đã hơi ổn định. Lương Sơn nói :

– Tôi được tin anh chậm mất sáu ngày. Vì khi cậu học trò tới thì vừa đúng lúc tôi phải đi công tác đảng, nếu không tôi đã được gặp anh trước mấy ngày rồi.

Lệ Mai muốn biết ngay tình hình công tác đảng gần đây, vội hỏi Lương Sơn.

Lương Sơn nói :

– Phái quá khích ở trong đảng ta đã bị thất bại nhiều phen, nhưng tất nhiên số người tiến bộ thêm cũng không ít. Tên tỉnh trưởng giặc ở tỉnh *mở* đã bị lựu đạn ném chết. Hai tên đại tá của giặc ở thành nọ cũng đã bị giết chết. Điều đáng hận là mình muốn bắt hổ mà lại chỉ bẫy được sói. Tên giặc đầu sỏ ấy còn tốt số đấy. Thật là con người không sao đo được với trời !

Nữ sĩ Bạch Liên nói :

– Anh Lệ Mai chưa chết, đảng ta hãy còn được một viên kiện tướng, đó là việc đáng mừng. Thôi mọi việc khác hãy tạm xếp lại, kế hoạch hiện nay là nên kíp lo liệu cho anh Lệ Mai đi, ở đây gần tỉnh thành, lẫn trốn lâu không tiện.

Phi Âu nói :

– Tôi cũng cho là Lệ Mai không thể ở đây lâu được. Song còn lo đường đi đây rầy trở ngại, sợ dễ bị va vấp. Tắm thân đã thoát chết trong muôn một ấy không lẽ lại để sa vào vòng nguy hiểm của bọn giặc. Hôm kia tôi đã gửi thư cho Bạch Liên nhờ chuyên lo cho việc đó, chẳng hay cô Liên có lưu ý không !

Nữ sĩ Bạch Liên chưa kịp trả lời thì Lương quân đã nói chen vào :

– Hai người một lòng việc khó cũng xong, chính tôi nghĩ như vậy, tôi thực không muốn để cho Lệ Mai đi một mình, cho nên tôi mời Bạch Liên cùng đến đón đây. Tôi đã chuẩn bị được một chiếc thuyền chèo và các thứ hành lý tôi cũng đã sắp đặt đầy đủ, thuyền hiện đang đỗ ở bến để đợi đón anh. Bây giờ xin mời cả hai người xuống thuyền và giương buồm đi ngay cho. Còn tôi thì đi đường bộ về nhà trước chuẩn bị đón tiếp. Vì thuyền đi ngược nước nên sẽ đến nơi chậm hơn đi bộ chừng vài ngày. Dọc đường nếu bọn thuế quan đi tuần ven sông có hỏi thì chỉ trả lời là thuyền buôn chèo và chỉ nạp thuế chèo rồi là xong. Cô Liên là người đã từng qua lại quen việc, có thể làm được chu đáo, không có gì đáng phải lo ngại.

Phi Âu rất tán thành ý kiến đó. Ngay đêm hôm ấy, đưa hai người xuống thuyền, Lương Sơn cũng đứng dậy từ biệt. Cỏ xanh lớp lớp, núi biếc trùng trùng, bóng non sắc nước lại làm rộn lòng kẻ chinh phu.

Sông dài sóng xô biêng biếc, núi cao mây phủ xanh rờn. Bờ bên kia là nơi giáp giới giữa hai huyện Cao và huyện Liễu. Giữa lòng sông một chiếc thuyền ngược dòng ngoi lên, tiếng chèo khua bì bộp, đèn ở trong thuyền lấp lóe. Trong khoang thuyền hai người tựa cửa sổ nói chuyện. Đó là nữ sĩ Bạch Liên và Lệ Mai.

Lệ Mai nói :

– Từ khi tôi vào ngục, đối với hành động của các bạn trong đảng tựa như người ngoài cuộc, ân hận vô cùng. Bây giờ chị hãy kể cho tôi nghe những việc tôi chưa biết.

Bạch Liên trả lời :

- Từ khi anh bị tù, đảng ta xảy ra nhiều việc khủng khiếp, khiến cho mọi người đều đau lòng khóc không nên tiếng. Chưa nói đau xa, ngay như bọn chị em nữ đảng viên chúng tôi gặp phải, cũng đủ để chép thành một pho lệ sử. Vợ đồng chí Văn Sơn suýt chết ở trong tù. Các đồng chí khác cũng nối tiếp nhau bị bắt. Tôi đây khỏi chết, nhưng cũng đã nhiều lần kể sát cái chết. Duy con người bị tai hoạ thâm nhất, đau đớn nhất, thì đó chính là Âu Văn phu nhân. Âu Văn là một nữ đảng viên rất có đạo đức. Bà là người đã từng ngược xuôi Nam Bắc, rèn luyện mình trong chốn gian nan cũng như anh đã từng biết đấy. Tháng chạp năm ngoái, bà bị bọn giặc bắt tống ngục. Tên quản ngục tra tấn rất dã man, bắt khai báo các đồng chí và các kế mưu của đảng, nhưng trước sau bà không chịu nói một câu nào. Tra tấn, xét hỏi mấy lần, dùng đủ mọi thứ hình phạt đau đớn, da thịt nát nhừ, khổ sở không thể nào tưởng được. Bà đánh lừa bọn giặc và nói :

- Người trong đảng và mọi việc của đảng, tôi đều biết hết. Muốn lấy cung thì không thể trong chốc lát mà tôi nói ra đây đủ. Bây giờ tôi đang đau lắm, miệng không thể nói ra được. Xin cho tôi được đến một căn phòng yên tĩnh để nghỉ ngơi một đêm, rồi đem đến cho tôi giấy bút, tôi sẽ ghi cho những gì tôi nhớ được, tôi sẽ ghi hết cho mọi sự việc, để các người xem, khỏi phải tra tấn gì cho mệt, mà tôi cũng đỡ đau đớn. Các người có bằng lòng cho tôi được như vậy không ? Nếu không thì tôi sẽ chết dưới kim kẹp của các người, thì các người cũng chẳng có lợi gì !

Bọn tay sai của giặc tin là thật, bèn sai nhốt bà vào một căn phòng yên tĩnh, cởi bỏ cả gông xiềng cho bà, đưa giấy bút tới, rồi

khóa chặt cửa lại và để một tên lính canh giữ. Bà vờ làm ra vẻ vui mừng cảm ơn tên cai ngục và nói :

– Sáng sớm mai thì tôi sẽ viết xong lời cung và đưa trình để các ông đem đổi lấy một số huân chương.

Đêm đã khuya. Bà ngoi chung quanh không một bóng người. Cửa phòng khóa kín. Tên lính gác cũng đã ngủ say. Bà bèn trải giấy ra dưới đèn, cầm tay hoà máu tươi chấm bút viết rất nhanh, lời lẽ thao thao đến vài ngàn chữ, nhất là những lời kể tội ác vô nhân đạo của giặc và những việc làm xấu xa hèn mạt khác của giặc. Viết xong, dán lên góc tường. Rồi bà lại cắn lưỡi lấy máu để luôn ba bài thơ tuyệt mệnh ở bên chỗ ngồi. Xong đập đầu vào tường chết.

Trời đã sáng. Tên lính gác mở cửa vào xem, thấy vậy vội chạy đi báo cho bọn giặc biết. Bọn giặc rất tức tối, sai đem thi thể bà và những giấy tờ bà viết đốt hết. Duy còn những lời thơ đề trên tường thì lúc đó bọn chúng không biết. Mọi người cũng không ai dỡ xóa đi. Những lời thơ đỏ tím còn trên tường này nghiêm nhiên trở thành tấm bia nhỏ lệ. Những lời thơ đó tôi đã đọc và còn nhớ như sau :

Bài thứ nhất :

*Lạnh lùng cảnh ngục lúc quyền sinh,
Biển rộng đồng không mình biết mình...
Chết với non sông em tốt số,
Chạnh lòng tử hủ lũ trâm anh !*

Bài thứ hai :

*Suối vàng gạt lệ gặp bà Trưng,
Máu thấm hồn quyền khóc thảm thương.*

*Lạy Phật : thân này còn hóa kiếp,
Tay xin nghìn cánh, cánh nghìn thương⁽¹⁾*

Bài thứ ba :

*Huyết lệ đầu khan, giận chữa sồn,
Chiều hôm té tái nước sông Hương ;
Đảng ta khi quét xong quân giặc,
Trước nắm mồ em đốt bó nhang⁽²⁾*

Bạch Liên đọc tới đó nghẹn ngào nói không thành tiếng nữa. Lê Mai vội đứng dậy gõ mạn thuyền hát rằng :

*Núi cheo leo muôn trượng chừ sông Lan Thương bọc quanh,
Thành chon von cao ngất chừ dòng Nhị Hoàng lượn vành ;
Non nước muôn đời không phải mòn chừ là nước của cha mẹ
ta sinh.*

*Mẹ ta nấu nước mắt để làm lương chừ cha ta trộn máu để
làm canh.*

*Máu và nước mắt là tính mệnh của chúng ta chừ lòng ta xiết
bao thương tình ;*

Nhìn Trung nguyên kia rực rỡ chừ gương tiền liệt còn lưu danh.

Hỏi người hiền sao không ra tay chừ nữ trốn tránh mà làm thính.

Múa ngọn gió ta xông lên chừ trời ở trên mà tổ tiên bên mình.

*Đòn ba đào làm trống trận chừ và sấm sét làm tiếng súng
tung hoành.*

(1) Một truyện thần thoại kể sự tích Phật Thích Ca đánh nhau với một con quỷ rất khốc đã nửa ngày mà vẫn chưa thắng, Đức Phật khẩn thiết xin với thần Bà La Môn rồi rùng mình một cái, hóa thân ra có nghìn cánh tay, mỗi cánh tay có một nghìn ngọn thương, và quỷ sứ thua chạy (Chú thích của Đặng Thai Mai).

(2) Ba bài thơ này do Đặng Thai Mai dịch và đã in trong *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX (1900-1925)*, NXB Văn hóa, H., 1961, tr.297.

Giết hết giặc rồi ta ăn mừng chừ đem dâng cha mẹ ta niềm vinh quang.

Lòng trung trinh của ta như sắt đá chừ ta đâu quản chi bại thành.

Lệ Mai hát xong, Bạch Liên cũng gạt lệ đáp lời. Gió thu vỗ nước, bờ xa vắng tiếng sóng gào tựa như hoạ lại. Điệu ca của hai người càng thêm hùng tráng. Đêm thu lạnh lẽ, tiếng ca ngân trong trẻo, khiến cho áng mây kia như muốn buông xuống và dòng nước này như muốn ngừng trôi. Than ôi ! Bản trường ca thay cho tiếng khóc, khúc đàn gập bạn tri âm. Thực ra, từ khi Lệ Mai bị vào ngục tối tối nay chưa đêm nào được như đêm này.

Thuyền đi đến địa giới huyện Phú Sơn thì đêm đã gần tàn. Trời đông hửng sáng, khối sớm nhẹ bay, thành huyện trông gần trước mặt. Bạch Liên chỉ tay vào đó và nói với Lệ Mai :

– Hôm nay tôi trông thấy nó mà vẫn ghê rợn, anh có biết việc đó không ?

Lệ Mai nói :

– Tên giặc nào làm cho chị sợ hãi đến thế ?

Bạch Liên nói :

– Chao ôi ! Lúc đó là một đoạn lịch sử khó khăn nhất đời tôi. Anh ở trong ngục làm sao mà biết được ? Từ khi anh vào ngục thì bao nhiêu việc đảng và người đảng đều giao cả cho tôi. Tôi lặn lội ở vùng sông Lam, qua lại bí mật. Tên trùm mật thám là Cao Miêu biết là tôi có khác ý. Nhưng nó yêu tôi, muốn lấy tôi làm lẽ. Than ôi ! Giặc chưa diệt hết, sao vội nghĩ đến việc nhà ? Nguyên vọng của tôi ồm ập từ lâu. Nếu như tôi không có cái chí hướng đó, thì tôi vốn là con nhà khuê các, cha tôi là một người học thức tiếng tăm một thời, tôi là con gái lớn đời nào lại đi làm lẽ tên chó săn

ngu xuẩn mà nó dám mơ tưởng hảo huyền. Nó đã biết là của nhiều, nói ngọt không thể lay được lòng tôi, bèn tìm cách mượn uy thế của tên tay sai giặc đoạ nạt tôi, rồi xui tên quan huyện nghị cho tôi là người của đảng phái nổi loạn để bắt tôi và hạ ngục, sau đó ngầm sai người đến ngỏ ý với tôi là nếu chịu lấy nó, thì nó sẽ chạy cho ra tù. Nó lại nói kín với tên quan huyện đừng hành hạ tôi, sợ tôi chết ở trong ngục. Tôi vào tù đã vài tháng nhưng chí tôi trước sau vẫn không thay đổi. Nó bèn bảo tên quan huyện hành hạ tôi, và khuyên tôi phải hàng phục nó để được thoát nạn ! Than ôi ! Biển có thể cạn, đá có thể mòn, đầu tôi có thể tan, nhưng thân tôi quyết không thể sa vào vòng của giặc, chí tôi đã quyết như vậy. Nó mới làm chó săn cho giặc được vài ba năm, có công nên được giặc yêu, nó lại càng lên mặt tợn. Nó thường bảo rằng : Một đứa con gái yếu đuối chỉ xéo cho một cái là nát như có khó gì. Nhưng nó có biết đâu sự thực lại trái ngược không như nó nghĩ. Nó đã dùng đủ ngón để trấn áp nhưng không có kết quả, xấu hổ quá hóa bực tức, liền thực hành thủ đoạn rất độc ác, bắt tên quan huyện tra tấn nhục hình, buộc tôi phải nhận là người trọng yếu của đảng phái nổi loạn. May mà tôi có chút can đảm, tra tấn mấy lần tôi đều giả cách kêu khóc. Cuối cùng, tôi vẫn không chịu nhận án. Và khi tôi vào đảng tuyệt không có gì là bằng chứng ! Tên mật thám chỉ mới nghe hơi, chưa có cơ để giết tôi, đành cho tôi vào ngục giam kín, đợi khi điều tra thành án rồi sẽ chém.

Bạch Liên nói tới đó thì máu giận sôi lên như muốn ngất. Lệ Mai bèn lấy một chén nước trà nguội cho uống, một chốc mới tỉnh, rồi anh hỏi tiếp :

– Chị thực là thảm thê, về sau làm sao mà lại thoát được chốn nguy hiểm đó.

Bạch Liên nói :

– Tôi còn sống được tới bây giờ là chuyện hơi lạ và cũng rất lý thú. Anh thử xem, tên tay sai giặc đã giam hãm tôi, tôi là người ở trong vòng xiềng xích, tự cho là khó mà thoát được, chỉ có việc chờ ngày chết mà thôi. Không bao lâu gặp ngày Tết Nguyên đán, tên quan huyện ra công đường để nhận lễ mừng năm mới của dân chúng. Phụ lão và con em ở các làng kéo đến lũ lượt. Chợt có một người mặt đen râu rậm, trạc tuổi ngoài ba mươi, có hai cậu nhỏ theo sau mang một mâm quả tươi và rượu, lại kèm thêm hai cái thủ lợn và mấy con cá to đi thẳng vào công đường. Lúc vừa tới thềm thì thấy tên quan huyện đang với tay lấy chén ở trên bàn rồi vuốt râu rót rượu uống, nhìn những người ở dưới thềm cười khanh khách có vẻ rất hả hê. Người lớn kia đem rượu đến dâng quan, đến sát ngay chỗ nó ngồi, chệt ngay cổ họng nó rồi rút ở trong áo ra một con dao năm lưỡi đe nó. Tên quan huyện sắc mặt xám xanh, môi mấp máy muốn kêu. Người dâng rượu mới ghé vào tai nói nhỏ :

– Đứng ! Đứng ! Hề kêu thì chết ! Mày không biết tao là tên mỗ, kiện tướng của đảng Cách mạng hay sao ? Chúng mày là một lũ chuột lúc nhúc không đáng làm bản lưỡi dao của tao, và lại mày cũng là người cùng một giống với tao, tao không muốn hại mày. Nữ sĩ Bạch Liên là em gái nuôi của tao, tại sao mày bắt tù ? Bây giờ mày phải thả ra ngay, và cô ta ở trong huyện hạt của mày, mày phải hết sức bảo vệ cho cô ta nghe chưa ?

Tên quan huyện "Dạ ! Dạ ! Xin vâng", tiếng nói rất khê. Những người ở dưới thềm cúi đầu không dám ngẩng lên và cũng không nghe rõ nói những gì. Người đó lại gạn hỏi tên quan huyện :

– Tha em tao ra rồi mà lại có sự nguy hiểm nữa thì mày bảo sao ?

Tên quan huyện nói :

– Tôi xin đem tính mạng cả gia đình tôi để bảo đảm.

– Tao không thể tin mày được, mày phải viết giấy bảo đảm đưa tao.

Tên quan huyện lấy ngay giấy ra viết rồi đóng dấu. Người dâng rượu kia giắt giấy vào bụng rồi kéo tên quan huyện đến nhà giam thăm tôi. Tên quan huyện bảo tôi :

– Bây giờ tôi thả cô ra để cho cô theo anh cô về. Nhưng từ nay cô phải nên cẩn thận để phòng kẻ khác. Nếu ở trong phạm vi thế lực của tôi thì tôi bảo đảm được, không ngại.

Tôi nhìn người đó thì ra chính là Nguyên Thái, lãnh tụ của phái quá khích trong đảng ta. Nhưng không biết vì sao bỗng nhiên Nguyên Thái tới đây. Tôi vừa mừng vừa ngạc nhiên. Nguyên Thái dặt tay tôi ra khỏi ngục, quay lại cảm ơn tên quan huyện. Tên quan huyện cũng chấp tay đáp lễ. Nguyên Thái cùng tôi ra khỏi cổng huyện, vừa đi vừa nói cho tôi nghe chuyện trận đột kích như trên. Tôi ngửa mặt cười vang tưởng như không nhận ra đường đi. Cách cổng huyện chừng hơn nửa dặm, Nguyên Thái bảo tôi :

– Tôi còn phải tới chỗ hẹn gặp một anh em. Thôi cô đi đi ! Từ nay trả lại tự do cho cô, cô phải cẩn thận kẻo rơi vào tay giặc. Phái hoà bình của đảng ta rất cần tới cô, mong cô chú ý giữ mình.

Nói xong vụt đi ngay. Tôi đưa anh đến vài chục bước đã mất hút. Như thế đấy anh Lê Mai ạ, Nguyên Thái anh dũng hào hiệp không ai bằng, anh ta thường hay diễn những trò chơi như vậy. Sau này trong quyển lịch sử của đảng ta phải dành cho anh ấy vài hồi. Vì việc tỏ lòng trung nghĩa với đảng chẳng phải riêng gì một mình mình được ghi chép. Từ đây về sau câu chuyện giữa hai người đều

thuộc về sách lược của đảng, chúng tôi có nghĩa vụ phải giữ bí mật cho nên tạm dừng ở đây.

Thuyền đi dần dần hơn một tuần lễ thì đến chân núi Kim Sơn. Vách đá lởm chởm, ngàn cây xanh um, trong đó có vài chục gian nhà ở rất đông vui, có cái cảnh riêng biệt của vùng lau lách. Đây đã là nhà của Lương Sơn.

Khi có tin Lê Mai chết, chính phủ giặc đã tuyên bố danh sách phạm nhân đã chết có đủ cả họ tên. Người trong đảng tôi thường loan truyền rộng câu chuyện đau thương của những người bị chết trong tù. Và lúc này mật thám rất nhiều, tin báo rất nhạy, nên Lương Sơn và Bạch Liên càng phải giữ tung tích hơn. Ngay người trong đảng tới lúc bấy giờ cũng phải mất vài tháng mới biết rõ là Lê Mai còn sống. Mùa hạ năm nọ, tôi vâng mệnh đảng đi Hương Cảng để làm trụ sở. Chợt nghe tin dữ về Lê Mai, xót thương đến nỗi không muốn sống nữa. Than ôi ! Các đồng chí tâm phúc của tôi ở trong và ngoài nước kế tiếp nhau hy sinh, tôi một mình thui thủi thì còn sống nữa mà làm gì. Liền đem bản *Quốc hồn lục* chép tên họ của Lê Mai vào đó. Lúc đêm hôm thanh vắng đốt hương cầu khẩn. Trời ơi ! Trong tâm não tôi lúc này chỉ biết có Lê Mai đã chết mất rồi mà thôi.

Một buổi sáng tôi vừa mới dậy mở quyển *Quốc hồn lục* đặt trên án thì nghe tiếng còi xuống máy rú tu tu. Tôi nhìn ra thì là thuyền buôn của nước nọ vừa cập bến. Hơn nửa tiếng đồng hồ sau thì có hai người đẩy cửa vào nhà và gọi vội :

– Ông ơi ! Ông ơi !

Tôi chợt nhớ lại, lòng chợt kinh hoàng mừng giận băng khuâng. Mộng chăng ? Ma quỷ chăng ? Oan hồn của bạn tôi không quản ngại xa ngàn dặm mà hiện ra giữa ban ngày ở đây chăng ? Tôi ngây người ra không nói được câu nào. Một lúc lâu tinh thần đã ổn

định, nhìn kĩ lại thì đúng là Lệ Mai tử và người bạn tôi tên là *Mỗ*. Lúc đó chưa ăn sáng nhưng cũng chẳng nghĩ gọi mang thức ăn, mà chỉ luôn miệng bàn chuyện trong nước và nghe kể chuyện ly kỳ đã chết mà lại sống của Lệ Mai. Các bạn ở chung quanh bảo tôi : "Đây cũng là tin sung sướng rất mới của đảng ta. Anh hơi khá Hán văn nên kịp thời ghi ngay để cho đời sau xem". Tôi liền gọi ông là Tái sinh sinh rồi căn cứ vào chuyện kể ghi khái quát như đây. Xong lại vẽ bút viết tiếp. Nhưng vì tâm thần đã mệt mỏi, bèn tựa ghế chợp mắt.

Trong giấc mơ thấy hai cánh tay lằng lằng bay theo ngọn gió đi đến một nơi thành xây bằng ngọc trắng, cửa khuyết làm bằng thủy tinh, lâu đài thì dát bằng vàng, cung điện khảm lưu ly, nhìn ra thì không phải là những thứ ở nhân gian có thể có được. Tôi hỏi người gác cửa :

– Đây là nơi nào ?

Người gác cửa trả lời :

– Đây là Kinh thành của vua nước Diêm La.

Lúc ấy tôi cạy mình có đủ can đảm, vội nói với anh ta giới thiệu tôi với Diêm Vương.

Người gác cửa có vẻ ái ngại bảo tôi :

– Gần đây phạm nhân ở dương thế bỗng tăng vọt đưa đến đây mỗi ngày có hơn trăm người. Phần lớn là những người phạm tội rất nặng, quan toà không dám xử án. Hôm nay mở phiên đình thẩm mời ngài ngự định đoạt. Ông không phải là quan bồi thẩm sợ rằng khó xin yết kiến được, hãy đợi để tôi vào tâu khéo may ra có thể. Nhưng ông là ai ? Tên họ là gì ?

– Tôi là khách giang hồ, họ tên mất cả, nhưng tự xưng là "Người biết khóc".

Người gác cửa cười sảng sặc không thôi, song không từ chối rồi vỗ vai tôi nói :

– Hãy ở đây ! Tôi sẽ trở lại bảo ông rõ.

Người này vào giây lát, quay trở ra gọi tôi bảo :

– Ông thật là tốt số ! Tôi đem lời của ông tâu đức vua. Đức vua nói nếu là khách giang hồ thì phải để cho vào gặp vua ngay. Vì là khách giang hồ thì có thể biết được mọi nỗi u ẩn của dân gian, được nói chuyện một lúc cũng là việc hay. Nhà vua đã cho rồi, mời ông vào ! Đi theo đường này. Những chỗ thêm ghép bằng đá ngũ sắc là lối vào cung điện. Đến đó rồi sẽ có người dẫn lối cho ông, tôi không phải đưa nữa.

Tôi vái người lính hầu rồi vào. Đi được vài chục bước, có người đội mũ hồng, mặc áo chu chấp tay đứng ở bên đường nói :

– Có phải ông là "Người biết khóc" không ?

Tôi đáp :

– Phải.

Người đó dẫn tôi đến cung điện. Khi thấy nhà vua, tôi theo lễ vái ba vái. Nhà vua đứng dậy đáp lễ rồi mời ngồi. Nhà vua hỏi tôi chuyện đời sống ở dân gian và mọi chuyện chính trị rất cặn kẽ. Tôi trình bày hết thấy. Nhà vua nghe lâu có vẻ hơi mệt mỏi nhưng thần sắc thảnh thơi có thể hiện đôi chút kinh ngạc. Tôi đáp xong đứng dậy xin đi ra.

Nhà vua nói :

– Khanh hãy ngồi chơi. Hôm nay có cuộc đình thẩm, khanh là người ở dương thế tới, có thể làm khách bàng thính. Tôi nhờ khanh làm vai trò điện báo, tuyên cáo ở nhân gian để cho biết luật pháp của âm ty rất công bằng. Khanh có thích điều đó không ?

Tôi nói :

– Sẽ nhờ nhiều tờ báo để công bố khắp thế giới.

Tôi lại ngồi xuống. Một lát sau thấy ở dưới sân đã bước ra đến vài chục người, xiêm áo rõ ràng, ngọc đeo rủng rinh, đứng xếp hàng hướng về nhà vua lễ ba lễ. Làm lễ xong chia ngồi hai bên tả hữu. Khi đó tiếng chuông tự động ở trên điện đã gõ mười tiếng. Rồi một phút sau có hai người đội mũ đen mặc áo đen, tiến vào sân, đi sau là một lũ phạm nhân xếp thành nhiều loại, loại thì mất ong, có loại mặt chó sói, có loại mũi điều hâu, có loại mõm lợn, có loại đầu chó... chúng đứng cách chỗ tôi ngồi hơi xa nên trông không rõ lắm. Nhìn cho kỹ thì có lẽ loại thuộc giống da màu chiếm số nhiều hơn, mà trong số da vàng thì hình như những người mặc áo cut tay trái, áo lót ngắn phía sau, mặc váy tròn đi dép vuông lại chiếm nhiều nhất, còn loại mặc đồ Tây đồ Tàu thì ít. Ngoài số ấy ra, tôi không nhìn được rõ lắm các loại kia, cũng vì tính tình vốn quê lậu không quen nhìn lâu các loại phạm nhân đó, nhưng chắc bọn kia cũng là giống chồn cáo cùng một gò một đồng ấy thôi. Lúc bấy giờ tôi muốn xem kết quả cuộc thẩm án. Bỗng trong giây phút, người áo đen cầm sổ danh sách phạm nhân trình lên. Nhà vua xem qua rồi sai tuyên đọc tên tội nhân. Tức thời trước thềm điện có tiếng tâu sang sảng :

"Những tên *mổ, mổ, mổ*... làm công bộc cho quốc dân, đáng lẽ phải giữ gìn đất nước, giúp dựng dân quyền, thế mà cậy thế quan làm càn làm bậy. Đây chính là những tên giặc của dân.

Những tên *mổ, mổ, mổ*... làm nhiệm vụ bảo vệ quốc dân, đáng lẽ phải nghiêm chỉnh tuân theo kỷ luật quân đội, nâng đỡ dân sinh, lại lạm dụng quân quyền che giấu bọn gian phi. Đây chính là bọn người tàn bạo.

Những tên *mỗ, mỗ, mỗ...* làm chủ não cho quốc dân, đáng lẽ phải mở rộng dân trí, bồi dưỡng tân cơ, lại đồ mưu tư lợi, ngoan cố giữ mãi tập tục xấu xa, làm hao mòn dân trí, ngăn chặn tân cơ. Đây chính là bọn thổ phỉ.

Những tên *mỗ, mỗ, mỗ...* làm người hầu thiết cho quốc dân, đáng lẽ phải mở rộng công lý, ức chế quyền riêng, vậy mà lại thích được vinh hiển, xu phụ bọn quyền thế, mượn tay cường quyền, áp bức dân khí. Đây chính là bọn gian ác"...

Ngoài ra tội án còn nhiều và đều có thể nói là những tội phạm rất nặng, nhưng vì trí nhớ tôi kém, cho nên các thứ tội danh ấy thoảng qua óc nên đã quên hết.

Khi tuyên tấu xong, ở trên cung điện có tiếng hỏi lớn :

– Các tên tội phạm phải bị những tội như vậy có còn oan không thì cho biện bạch kháng cáo.

Dưới thềm điện, gió đen mây thâm lặng ngắt không một tiếng động. Biết rõ là những tên tội phạm đó có tội rõ ràng, không còn kêu khiếu vào đâu được nữa. Lúc này chỉ còn chiếu theo tội trạng mà gia hình phạt. Nhà vua liền sai các quan thẩm phán chỉ định cách xử tội cho xứng đáng. Bỗng trong đám đông đang ngồi có người đứng dậy tâu :

– Các loại phạm nhân đó tội rất nặng không thể lại cho đâu thai làm người. Xin chiếu theo luật luân hồi chuyển làm kiếp súc vật, cho các hồn phạm đó sang châu Âu chịu ba đời làm chó.

Nhà vua vỗ án máng lớn :

– Vạch án như vậy là không được. Người không nghe nói là ở châu Âu người ta rất quý chó hay sao, các loại hồn phạm tội đó mà được ba đời làm chó châu Âu thì chẳng hạnh phúc quá hay sao ?

Trong đám đông lại có người đứng ra nói :

– Xin cho phát vãng làm kiếp voi ở Xiêm La ba trăm năm.

Nhà vua lại càng nghiêm sắc mặt quát lớn :

– Các người ăn hối lộ của phạm nhân phải không ? Nước Xiêm La người ta rất yêu giống voi, đến ngay như quốc kỳ mà người ta còn thêu voi làm huy hiệu, các người chưa nghe thấy hay sao ? Các hôn phạm tội ấy mà được đi làm voi ở Xiêm La ba trăm năm thì chính là được thưởng đó. Phải luận cho chúng thứ tội hình khác !

Lúc đó các quan thẩm phán đều lấy làm khó nghĩ. Sau nửa tiếng đồng hồ, có người đứng dậy tâu :

– Xin cho các phạm hôn đó đày sang Ấn Độ bắt phạt làm kiếp lợn đời đời.

Nhà vua có vẻ hơi nguôi, thông thả phán truyền :

– Như vậy sợ chưa xứng. Ấn Độ người ta theo đạo Hồi không dám giết lợn, họ cho rằng lợn là hồn phách của tổ tiên nhập vào, cho nên họ nuôi lợn chỉ sợ không đầy đủ. Các hôn ấy lại đời đời làm lợn Ấn Độ thì chưa khỏi là quá ưu đãi. Các người thử nghĩ, những tên tội phạm này phạm những tội rất nặng ở trên thế gian. Nếu không buộc chúng chịu những cảnh rất thê thảm cực khổ thì làm sao trừng trị được kẻ ác.

Các quan thẩm phán đều nhìn nhau không thể nói được một lời.

Tôi ngồi lâu đã mỏi, chợt nghe nhà vua truyền phán trong đầu óc đã bị kích thích quá lắm không thể nhịn được liền đứng dậy xin với nhà vua :

– Kề bất nịnh trộm có một ý kiến xin đóng góp có được không a ?

Nhà vua nói :

– Được ! Được !

Tôi nói :

– Vừa nghe Đại vương truyền phán rằng những hôn phạm tội ấy phải xử bằng những tội rất thảm thê cực khổ để đền bù, tôi thiết nghĩ rằng, ở nhân gian mà rất thê thảm cực khổ thì không gì hơn làm dân một nước không có chính trị, không có giáo dục, giết hại cướp bóc lẫn nhau. Xin dày hôn tội phạm ấy đi làm dân của nước tôi thì rất là đúng. Vì các người bị phạm như những tội của các phạm hôn đó mà nay được báo đền bằng những sự rất thê thảm cực khổ như thế này sẽ thành thường lệ, cứ xin chiếu theo phép mà làm.

Nhà vua vỗ tay cười vang :

– Khanh nói rất phải, trong chốc lát ta chưa nghĩ ra !

Liền hạ lệnh các phán quan chiếu tội xử trí và đặt thành thường lệ. Về sau nếu có những kẻ phạm tội như trên thì theo lệ ấy mà trừng trị.

Tới lúc này, bão tố bỗng nổi lên, nước biển chồm lên như ngọn núi, muôn tiếng sóng gào thét ầm ầm, màu sắc vàng xanh loang loáng. Tôi chợt giật mình tỉnh giấc ghi đại lược sự việc vừa qua.

Đăng trên *Bình sự tạp chí* số 55, 56, 57

tháng 10, 11, 12 năm 1918

CHƯƠNG THÂU dịch

VIỆT NAM NGHĨA LIỆT SỬ

Lời dẫn :

Tác phẩm này được viết từ khoảng 1916 - 1918, xuất bản lần đầu năm 1918 tại Trung Quốc, do nhiều người chấp bút, như Đặng Đoàn Bằng, Phan Bội Châu (lấy bút danh Phan Thị Hán)... Sách viết bằng chữ Hán, ghi lại cuộc đời và hành trạng của 50 nhân vật hoạt động chống Pháp đầu thế kỷ XX.

Dưới đây xin giới thiệu trọn vẹn phần viết về một trong những yếu nhân của phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX và do chính Phan Bội Châu tác thuật.

*

* *

TRẦN QUÝ CÁP

Cái tai vạ mà người Việt ta chịu dưới hình chính dã man của người Pháp, khắp cổ kim Đông Tây chưa hề có. Người nước ta đầu giữ mồm giữ miệng cho lắm cũng vẫn sợ có ngày bị rơi đầu chặt cổ, hướng chỉ những kẻ đêm ngày lo tính việc để xướng dân quyền, khai thông dân trí. Lòng thiệt là khổ, khí thiệt là hùng mà hoàn cảnh thiệt là nguy !

Ông Trần Quý Cáp là giáp khoa tiến sĩ, người Quảng Nam. Trong thế giới gà lợn mà sinh ra phượng lân, thiệt là một sự lạ ! Ông thuở bé cha chết sớm, thờ mẹ rất hiếu. Sở dĩ đi thi đỗ tiến sĩ là để chiều lòng mẹ.

Nhà nghèo mà ham bố thí, thường tiếp khách không mồi. Thường ông trầm mặc ít nói, nhưng khi có việc muốn nói thì nói ra

manh mẽ, khiến người nghe không chán tai. Sau khi đã đậu rồi thì bỏ hẳn lối văn cử nghiệp, toàn đọc sách Âu châu đã dịch ra Hán văn. Được các quyển sách *Dân ước*⁽¹⁾ của Lư Thoa và *Pháp ý*⁽²⁾ của Mạnh Đức, thì ông ham mê quên ăn quên ngủ ; cái đầu óc cử nghiệp rửa sạch không còn và trở lại công kích những người học lối cử nghiệp. Có người con thầy học họ Lê hỏi rằng : "Anh không phải là do cử nghiệp mà ra hay sao, sao lại mâu thuẫn với mình như thế ?". Ông trả lời : "Tôi cũng lấy làm lạ. Đầu não tôi không hiểu từ bao giờ đã bị tân học chiếm lĩnh, nên không còn chỗ để cho nhà bát cổ sinh hoạt nữa, biết sao bây giờ ?". Trước ông là bạn thân của hai ông Phan. Từ khi Phan Châu Trinh đi Nhật về luôn mồm khen ngợi dân trí Nhật Bản và bài *Khuyến du học* văn của Phan Bội Châu lại truyền bá khắp nước ; ông phấn khởi nói : "Người ta chỉ sợ không có chí độc lập, nếu có hà tất phải đi Đông". Thế rồi đi khắp thôn quê thành thị, mưa nắng không nài, để nói chuyện với dân chúng. Lúc nói thì kể chuyện từ Đông sang Tây, từ nhỏ đến lớn, vạch rõ các tập tục hủ lậu của nước ta, ngu hèn yếu đuối của dân ta và tỏ lòng đau xót. Ông nói như hát như khóc, như cười như mắng. Xét về kết luận là công kích cựu học, khuyến khích tân tộc, khai thông dân trí để xướng dân quyền, chỉ mấy việc ấy thôi, lúc đầu ông diễn giải, nhân dân ta ít vui lòng nghe, có lúc họ cho ông Bất Nhị đã phát điên (Bất Nhị là tên làng ông). Nhưng ông là một ngôi sao trong học giới có danh vọng lúc bấy giờ, một người quân tử thành thực thuần túy, nên càng được quần chúng tín ngưỡng. Ông đã chuyên làm việc diễn giảng nên nhân dân ta cũng hoan nghênh ông. Vì thế các cuộc nói chuyện càng lâu càng đông người nghe. Ông lại càng nỗ lực làm việc. Có lúc

(1) *Contrat Social* (Khế ước xã hội) của Rút-xô.

(2) *Esprit des lois* (Tinh thần luật pháp) của Mông-téc-xkiơ.

đang giữa mưa, chân không lút bùn, có lúc dưới trời nắng hơp người nói chuyện, miệng nói thao thao bất tuyệt, mồ hôi đầm đìa mà vẫn không dừng quạt nữa. Nhờ ông diễn giảng nhiều nên các danh từ "dân quyền", "công lý" rộng khắp dân gian, người Pháp rất là căm ghét. chúng cho mật thám lẫn lộn trong quần chúng để nghe ông nói những gì rồi tìm cơ buộc tội. Nhưng ông không nói gì phạm đến chính phủ cả, cho nên Pháp không thể buộc tội vào đâu được. Vừa lúc đó có tên đại mật thám ghét ông mà nói với người Pháp : "Không giết người này, vài năm nữa, nhân dân Nam Ngãi không thể trị được nữa !". Người Pháp vẫn sẵn muốn giết ông, nhưng không có cơ gì. Nghe lời tên mật thám kia thì rất mừng mà nói rằng : "Nay hãy đổi hẩn đi nơi xa để hẩn không làm gì được, rồi hãy tìm cơ mà giết đi. Tôi cho anh cùng ở với hẩn, khéo dò xét hẩn, thì tính mạng hẩn chỉ nay mai là xong đời". Mùa xuân tháng hai năm Mậu Thân, Pháp điều động ông làm giáo thụ phủ Ninh Hoà tỉnh Khánh Hoà. Tiếng là bỏ đi làm quan, sự thực là để đuổi đi mà thôi. Còn tên mật thám nọ thì vì người Pháp cho đi mật thám ông nên được bổ làm Bố chánh Khánh Hoà. Lúc đó ông có bà mẹ hơn tám mươi tuổi. Ông lấy cơ mẹ già từ chối không đi làm quan, nhưng người Pháp buộc ông phải đi, không được từ chối. Đến mùa hè ông phải đi đến chỗ nhận việc. Tên mật thám kia đã đến Diên Khánh trước ông bốn tháng. Tên mật thám kia lấy cơ bạn bè đồng hương hàng ngày ân cần đi lại thăm hỏi. Ông là người ngay thẳng không để ý, cũng lấy thiện ý đối xử lại mà thôi. Vừa lúc vụ chống sưu Quảng Nam bùng nổ. Sau mười ngày ông tiếp được thư nhà. Xưa nay ông vẫn để tâm đến dân khí. Được tin ấy ông rất lấy làm mừng. Ông mới lấy bút phê vào sau thư bảy chữ như thế này : "Dân ta làm thế sướng, sướng, sướng"⁽¹⁾.

(1) Nguyên văn : *Ngô dân thứ cử khoái, khoái, khoái.*

Lúc đó ông cũng quên là tên chó săn nọ đang ngồi một bên. Tên chó săn được thấy mấy chữ phê ở thư, liền mang bức thư về tức thì đánh điện cho quan thầy Pháp của hắn rằng : "Xui giục dân Quảng Nam làm loạn là Trần Quý Cáp ; còn có những lời loạn nghịch phê vào thư ở đây, xin chém đi". Người Pháp phúc lại điện văn : "Xui dân làm loạn, mưu đồ loạn nghịch, nên xử tử hình". Thế là tháng năm ngày năm, năm Mậu Thân ông bị chém ở chợ Diên Khánh. Lúc giết ông, tên quan lại làm việc này đã căn cứ vào bảy chữ phê ở thư mà tuyên bố tội trạng. Trước đó tên coi ngục rất kính trọng ông, nói với ông rằng : "Tôi vì phải thi hành mệnh lệnh, thấy ông bị nguy thế này, lòng tôi như dao cắt. Nếu ông cần bảo làm gì tôi xin ra sức". Ông nói : "Được thế này là chí muốn của tôi, có phàn nàn gì đâu. Chỉ xin lấy áo lễ cho tôi, đặt hương án ở trước để tôi làm lễ từ biệt các đồng bào, các đồng chí". Người giám ngục theo lời. Vài giờ sau thì lễ phục và hương án đã đem đến. Ông ăn mặc khăn áo chỉnh tề, đốt hương trên án. Bình thời mặt ông thường đỏ, mà nay sắc đỏ thêm tươi, vẻ sáng toả ra bốn phía, so với lúc thi đỗ, nhan sắc không giống nhau ai cũng lấy làm lạ. Ông hỏi giám ngục rằng : "Đã đến giờ chưa ?". Giám ngục bảo : "Còn 5 phút nữa". Ông đến trước án trông về phía bắc, lạy năm lạy và nói : "Quý Cáp bất tài, không giúp được một tay cho nước cho vua, đồng bào lâm than, chưa biết đến bao giờ, mà tôi đã thoát khổ, tôi rất có tội, xin lấy chết tạ tội". Lại lạy bốn lạy mà nói : "Các đồng chí cố gắng, dân trí mở mang dần, dân khí có lúc dùng được. Mong các đồng chí kiên chí giữ mình, góp sức suy nghĩ, đừng vội vã, đừng yếu ớt, làm cho được việc, đừng bắt chước chết sớm như tôi. Tội tôi to lắm, xin lỗi các đồng chí". Ngoảnh lại tên coi chém và nói : "Việc tôi hết rồi". Tên coi chém chưa trả lời thì ông lại nói : "Chưa, chưa, tôi còn có mẹ già, lẽ nào lại không tạ tội". Lại

trở lại hương án lay bốn lay nữa mà nói : "Tôi lấy chết tạ mẹ già tôi." Nói xong giờ cổ chịu chém. Lúc đó ông bốn mươi bảy tuổi.

Lúc ông hoạt động thường nói với người ta rằng : "Khai dân trí có ba cách : học hiệu là hơn cả. Thứ đến báo chí, sau là diễn thuyết. Ngày nay gọi là dạy, chỉ là trường học trâu ngựa mà thôi. Báo chí thì do người Pháp quản lý, chúng còn ngu dân không hy vọng gì. Chỉ còn diễn thuyết mà thôi. Có cái lưỡi tôi đi thì thôi. Nếu không thì lưỡi tôi là quyền của tôi, tôi quyết làm chí tôi, không thể lấy đầu tôi mà đổi lưỡi tôi được". Đến nay quả nhiên đã vì lưỡi mà mất đầu, than ôi !

Thơ điếu

*Ma sa lệ nhơn khán Đông Cầu,
Phong vũ niên lai dục quyển Âu.
Quốc chủng hương vinh hoàn tự bá,
Thiệt phong đáo tử bất tăng nhu.
Hùng hồn nghĩ bả cường quyển đảo,
Bích huyết phiên nhơn chính nghị lưu.
Nam vọng giang sơn tà chiếu ngoại,
Thương tâm thất tự cánh thiên thu.*

Dịch :

Đưa tay gạt lệ ngó Đông Cầu,
Mưa gió năm chày cuốn đất Âu.
Giống nước muốn tươi gieo mới được,
Lưỡi gươm gặp lúc có mềm đầu.
Hồn thiêng đánh ngã cường quyền xuống,
Máu nóng vì chung chính nghĩa trào.
Non nước trời Nam nhìn bóng xế,
Đau lòng bảy chữ hóa ngàn thu.

TRÙNG QUANG TÂM SỬ

(Những trang sử lòng về trại Trùng Quang)

Lời dẫn :

Tác phẩm được viết trong khoảng 1905-1914, và đăng tải nhiều kỳ trên tờ "Bình sự tạp chí" ở Hàng Châu (Trung Quốc), từ tháng 1 năm 1921 đến tháng 4 năm 1925.

Lấy bối cảnh là thời Hậu Trần, Phan Bội Châu dựng lại cuộc khởi nghĩa chống Minh của Trần Quý Khoáng (?-1413), dấy lên ở Nghệ An. Câu chuyện xoay quanh hoạt động của nghĩa quân tham gia hội Trùng Quang từ khi mới tụ nghĩa, và kết thúc bằng việc giải phóng toàn bộ Nghệ An, vua Trùng Quang lên ngôi.

Truyện gồm 20 chương, với ngót 20 nhân vật, vừa mang tính lịch sử vừa đậm chất luận đề. Phần trích dưới đây là những tiết đoạn mở đầu của tác phẩm.

*

* *

Dậy ! Dậy ! Dậy ! Hỡi quốc dân ta ! Hỡi đồng bào ta ! Dậy mà nghe tôi kể chuyện đời xưa. Chuyện đời xưa mà tôi sắp kể đây, không phải chuyện Âu, chuyện Mỹ, chuyện Trung Hoa, Nhật Bản, chuyện Ấn Độ, Xiêm La, mà chính là chuyện của tổ tiên ta vậy. Ôi ! Chuyện tổ tiên ta, có quan hệ với ta, mật thiết biết là chừng nào ! Đồng bào ta chắc ai cũng muốn nghe. Thôi, anh nông dân hãy dừng cày, anh thợ hãy nghỉ đục, bác lái buôn hãy xếp hàng, nhà nho hãy buông sách, tạm bớt chút thì giờ quý báu để nghe tôi kể xong câu chuyện. Chắc đồng bào ta nghe mà không chán. Sao vậy ? Vì người ta, một khi nghe người kể chuyện tổ tiên, thì ai là

người không vui lòng lắng tai nghe ? Ấy là lương tâm chung của loài người. Nếu không vậy, thì hình người mà tính thú. Há lẽ con Rồng cháu Tiên như đồng bào ta mà lại thế ư ?

Tôi may được buổi nhàn hạ này, đem những điều bình sinh đã học tập được, dốc hết ra đây, để cống hiến đồng bào.

Nước ta, về cuối đời nhà Trần, vì họ Nhượng Hồ làm bậy, giặc Ngô xâm chiếm đất nước ta hơn mười năm. Đất đai và nhân dân tự do của chúng ta, phần lớn bị dị tộc giày xéo. Buổi ấy, cha con, anh em của tổ tiên ta bị khốn khổ trong nhà ngục, sống kiếp trâu ngựa, tôi đòi. Những nỗi đau đớn, khổ nhục đã trải qua, còn có phần bằng mười tình cảnh chúng ta ngày nay nữa kia.

Nhưng tổ tiên ta đã nuôi chí, chứa giận, giết giặc, rửa hờn, đuổi hết giặc Ngô, lấy lại quyền chủ nhân đất nước vốn có từ xưa, để lại cho con cháu chúng ta. Về sau đến năm Hàm Nghi nguyên niên triều nhà Nguyễn thì lại mất.

Đến nay, đọc bài *Bình Ngô đại cáo*, xem sử sách nhà Lê, còn cảm thấy cây cỏ đều thiêng, non sông mở mặt. Ôi, sao mà thịnh vậy ! Công lao của tổ tiên chúng ta rực rỡ biết dường nào, oanh liệt biết dường nào !

Hỏi ai làm được như thế ?

Thì ai mà chẳng nói rằng, đây là vua Thái tổ Cao Hoàng đế nhà Lê, là Lê Lợi vậy.

Chúng tôi nghe rằng : Chủ quyền sở hữu của một nước, đi rồi lại về, mất rồi lại được, không phải là một người mà làm nổi.

Nhưng Lê Lợi là một vị anh hùng nổi tiếng lừng lẫy hơn đời đấy thôi. Nếu không có ức triệu anh hùng vô danh khác lôi kéo để thúc đẩy, giúp đỡ cho, thì vị anh hùng lỗi lạc đó cũng không thể thành công được.

Đọc lại câu chuyện *Bình Ngô phục quốc* ngày xưa, ta thấy tổ tiên chúng ta sinh vào thời ấy, không một ai không anh hùng.

Thế thì nòi giống anh hùng, hậu thân anh hùng, chính là chúng ta. Chúng ta quên làm sao được ?

Hỡi quốc dân ta ! Hỡi đồng bào ta ! Dậy ! Dậy ! Dậy ! Dậy mà nghe tôi kể chuyện đời xưa.

Tiết thứ nhất

BỎ NHÀ CỨU BẠN

Mặt trời sáng sớm mới nhô trên mặt biển, sương mai còn đọng giọt xuống cây rừng. Trời về mùa đông, gió rét như cắt. Ở ngoài tỉnh thành Nghệ An, dọc theo sông Cẩm, đi ra phía Bắc, có một người gánh hai thùng nước mắm, dọc đường vừa đi vừa rao, tiếng sang sảng như chuông đồng, dội xa hơn mười dặm.

Nghe tiếng rao, ai cũng biết đấy là một người rất anh hùng hiện đang làm nghề rất nhỏ mọn.

Ôi ! Người ấy là ai ? Chính là ông Xí. Thơ có câu : "Cương Quốc hùng tâm sơn hữu kiếm"⁽¹⁾ là ca tụng người ấy vậy. Vì ông Xí về sau giúp vua Lê, có công lớn, được phong chức "Cương Quốc công".

Lúc Xí còn bé, cha ra cày ruộng, Xí cũng đuổi trâu theo sau. Mặt trời đứng trưa, Xí giục cha về, nhưng cha vẫn cày không nghỉ. Xí nói :

(1) Có bài thơ cổ, trong đó có câu : *Cương Quốc hùng tâm sơn hữu kiếm* ; nghĩa là : Hùng tâm của Cương Quốc núi có gươm (Nguyễn Xí được phong là Cương Quốc công và tại làng Thượng Xá, quê Nguyễn Xí có núi Gươm).

– Cha có về thì về, chớ ở lại, nắng thiêu chết mất.

Cha nói :

– Tao chưa thấy ai chết nắng bao giờ. Tao chỉ thấy không đủ lúa nộp thuế thì chết với pháp luật mà thôi. Con không biết sao ? Quân Ngô đòi thuế, cày cuốc bằng mười thế này còn chưa đủ. Cha suốt ngày làm lụng trên thửa ruộng bé này, thế mà vẫn chưa biết sống ra sao ? Con này ! Năm ngoái nhà ta gặt được bao nhiêu thóc, đem ra chợ bán hết mà vẫn còn thiếu nộp thuế. Cha dù có bị nắng chết ở đây, còn sướng hơn.

Xí nói :

– Xem ở đâu có ruộng quân Ngô không đánh thuế, thì cha con ta đến đấy cày vậy.

Cha nói :

– Ở nước Ngô, hoặc giả còn có. Chớ tất cả ruộng của nước Việt Nam chúng ta, thì quân Ngô đều đánh thuế nặng cả. Con không muốn cày thì chỉ có chết thôi. Thế nhưng mà chết còn sướng, chớ thuế nộp không đủ thì phải chịu đủ thứ hình phạt khổ sở, mà vẫn không chết được.

Xí nói :

– Thảm quá ! Thảm quá ! Con thể nhất định phải giết giặc ấy, để cứu nông dân chúng ta.

Cha vội vàng bịt lấy miệng con và nói rằng :

– Chết ! Chết ! Con chớ nói nhảm, nhỡ quân giặc nghe được, tất chúng sẽ ghép vào tội "mưu phản" mà trị cả cha nữa cơ đấy !

Xí nói :

– Can gì, con là đứa bé bảy tám tuổi thì làm gì mà nên loạn, có nói cũng chả hề gì.

Cha nói :

– Con không thấy à ? Chúng chẳng thường bêu đầu trẻ con lên cành cây, để cho cú diều quạ ác moi óc, rồi chúng vỗ tay reo cười làm vui đấy là gì ? Than ôi, những quân đồ mưu diệt chủng người ta, thì giết được ai là nó giết, lớn bé kể gì.

Lúc ấy, Xí mặt đỏ bừng, tóc đứng ngược, hét lớn lên rằng :
"Thế giết hết quân giặc ấy !".

Người cha nghe mà lo sợ, liền mở cày, dắt Xí về, răn Xí rằng :

– Con chớ có nói như vậy nữa. Nếu quân giặc nghe được thì nó giết cả họ nhà ta đấy.

Xí nói :

– Cha sao nhất thế ! Nếu rằng chúng ta đều trắng, thì có kém gì quân Ngô. Há lẽ rằng đen thì không phải loài người hay sao ? Quân Ngô tàn ác bất nhân quá lắm, con thế giết hết chúng mới thôi.

Từ đấy giờ đi, cha Xí bắt Xí đi học, khuyên đọc sách để cho nhuần tính lại. Nhưng Xí đối với việc học thường hay chảnh mắng. Những lúc nghỉ học, hay dẫn các trẻ cùng trường ra làm trò đánh giặc đùa chơi. Thường nói với lũ trẻ rằng :

– Ngày sau, tao sẽ làm tướng đánh giặc Ngô.

Mấy đứa trẻ mạnh bạo đều nói rằng :

– Ai không làm tôi tớ giặc Ngô, mới là thầy chúng tao.

Rồi dần dần chúng đều bỏ học. Xí tập nghề võ. Lũ trẻ đua nhau bắt chước. Thế là Xí vì giỏi võ mà nổi tiếng với chúng bạn. Khi tuổi đã lớn, lại càng hào hiệp, ham làm việc nghĩa.

Buổi ấy, pháp luật quân Ngô rất là tàn ác. Người Việt Nam, con trai cũng như con gái, hễ đến 16 tuổi, là quân Ngô cấp cho mỗi

người một cái thẻ gọi là "đảm bảo trạng". Những người lĩnh thẻ phải nộp mỗi người từ 2 quan đến 6 quan, tùy theo từng hạng. Những người có gia thất rồi thì phải nộp gấp bội lên. Cũng giống như thẻ sưu đầu người chúng ta ngày nay vậy. Nếu không có giấy ấy thì bị quan khép ngay vào tội làm giặc, bắt bỏ tù.

Xí có người bạn tên là chú Cự, bỏ côi từ nhỏ, lại rất nghèo. Đến tuổi rồi mà không có giấy "đảm bảo trạng", quan bắt bỏ tù. Bị tội lính ngục hành hạ, Cự không chịu nổi, sắp chết.

Xí nghe biết thế, đương đêm dẫn mấy anh em đến phá ngục, cứu chú Cự ra, trốn vào trong núi. Giặc Ngô ra lệnh bắt Xí rất gắt. Trong lệnh có nói rằng :

– Nếu ai thu giấu Xí trong nhà, bắt được sẽ giết cả họ.

Nhưng lúc ấy dân nước ta chán ghét chính sách độc ác của quân Ngô, đều cho Xí làm là phải, nên vui lòng ẩn nặc. Giặc Ngô chả làm sao mà bắt được Xí. Xí ở trong núi lâu ngày, rất thân thiện với bọn hào kiệt lục lâm, họ đều suy tôn Xí. Chỉ đánh giặc của Xí lại càng phấn khởi thêm.

Tiết thứ hai

VÌ NGAO VỚI GIÀY PHẢI Ở TÙ

Trong bọn hào kiệt có ông Kiên, thân tài thấp nhỏ, hai mắt sáng như sao Mai, tài cao học rộng, đảm lược nhiều. Hành động của bọn hào kiệt đều do ông ấy chỉ vẽ.

Xí cùng bàn cử sự.

Kiên nói rằng :

– Tính việc lớn, phải lấy nhân tâm làm vốn, lấy dân khí làm cơ giới. Chưa biết dân khí ra sao, hăng đợi chờ nóng.

Qua vài năm sau, giặc Ngô càng hung ác đến cực độ. Quốc dân chúng ta bị bạo lực đè ép, tính mệnh rẻ rúng như cỏ rác chó lợn, chưa có hồi nào khổ như hồi này.

Một hôm viên Thừa tuyên sứ Nghệ An cho người treo một đôi giày trước cửa chợ, bảo rằng :

– Thừa tuyên sứ là đại biểu cho Ngô hoàng, đôi giày này là đại biểu cho Thừa tuyên sứ. Ở dưới đôi giày của người được Ngô hoàng cử làm đại biểu, nếu người Nam nào không làm lễ ba quỳ chín khấu thì bỏ tù về tội làm giặc.

Trong mấy tháng, người Nam đi qua cửa chợ, ngày kể biết bao nhiêu, mà bị bỏ tù về tội ấy chỉ có ba người là : anh Tinh, anh Lục và anh Phấn.

Kiên thở dài bảo Xí rằng :

– Dân khí Nghệ An chưa dùng được.

Than ôi ! Tinh Nghệ An hồi ấy, phần nửa còn là mừng mọi, dân trí ngu ngốc, sợ cường quyền như thánh thần, so với bây giờ, cũng chẳng khác gì. Kiên và Xí buồn nản thất vọng, cũng là phải lắm.

Thừa tuyên sứ giặc Ngô đã bỏ tù ba người, rồi bảo ngục lại rằng :

– Ta sờ dī treo đôi giày ấy, là để dò xem lòng trung thân của người An Nam như thế nào ? Nay ba thằng dám ngạo với đôi giày, tức là ngạo với ta rồi đấy, phải nghiêm trị, nghiêm trị.

Ba người bèn bị bỏ tù khổ sai. Đã lâu rồi mà chưa được tha. Kiên nghe được chuyện ba người, rất lấy làm khen ngợi, bảo Xí rằng :

– Quỳ lạy dưới giày, lúc nhúc đẩy đường, dân ta đáng thương mà cũng đáng thẹn. Hiên ngang như ba chàng kia, nếu ta không có cách gì để bảo toàn được thì hạt giống tự do sẽ tiêu diệt hết.

Vừa gặp ngày lễ thọ của Thừa tuyên sứ, tất cả quan dân toàn thành đều làm lễ đại khánh. Bọn sai dịch đều được nghỉ phép, để tỏ vui mừng. Vì vậy mà cửa ngục chỉ một người canh mà thôi.

Kiên giả làm người thăm phạm nhân, đến năn nỉ với tên ngục tốt⁽¹⁾, đem mâm rượu rất hậu, tự rót rượu bung đến mời uống. Tên ngục tốt không ngờ là giả dối, uống đến say như. Vừa chập tối, Kiên phá cửa vào, mang trộm ba người chạy trốn. Đến khi ngục tốt tỉnh rượu, tìm Tinh, Lực, Phấn thì đã xa chạy cao bay, không biết vân mòng đâu nữa.

Ở nước ta, 500 năm trước đây, thuật chụp ảnh chưa có, nhân tâm còn chất phác, nghề mật thám hãy đơn sơ. Nếu như ngày nay, dưới con mắt của lũ chó săn, e cũng chả có đường trốn thoát. Vào địa vị ba người đó, kẻ cũng khó thay.

Tiết thứ ba

HÀO KIỆT ĂN THỂ

Tinh, Lực và Phấn ra khỏi nhà tù, thì liền tới gặp Kiên và Xí. Hai ông này càng thêm vững lòng, bèn hẹn với các hào kiệt mở cuộc đại hội ở trên núi Cát Ngan, để lo việc khởi nghĩa.

Hôm đó vào khoảng 16, 17 tháng tám, mảnh trăng thu vàng vạc giữa giờ, sân sáng như ban ngày. Vừa lúc chim rừng về tổ, vượn núi múa lượn, bóng cây lẫn bóng người, tha thướt trước gió. Mổ bò

(1) *Ngục tốt* : lính coi ngục.

bày rượu, miệng uống, tay gấp, thì nhau tỏ bày can đảm, rất là vui vẻ.

Xí đứng dậy nói rằng :

– Hò hết ở chốn lục lâm, chẳng qua là công việc tạm thời của chúng mình thôi. Chớ bây giờ đồng bào đương bị dị tộc giày xéo, dân chúng lâm than, thì mục đích cuối cùng của kẻ đại trượng phu là làm cách mạng. Ai tán thành thì xin giơ một ngón tay lên.

Lúc ấy mọi người đều đồng thanh nói "tán thành", rồi đều giơ tay lên hết.

Kiên đứng dậy nói rằng :

– Thưa các bạn, xin ăn thề. Mọi người đều nói : Phải, và đều đứng dậy. Kiên chỉ tay lên trời mà thề rằng :

– Tất cả những người trong hội này, nếu đứa nào cam tâm làm tôi tớ giặc, về hòa với giặc Ngô, hãm hại đồng bào lương thiện, trời tru, đất diệt, tuyệt hết giống nòi ! Từ hôm nay trở đi, chúng ta ở đây là anh em chí thân chí mật với nhau. Một lòng một đức, hèn giết hết giặc Ngô mới thôi. Dẫu chết, lòng này không đổi. Ai trái với lời thề này, trời tru, đất diệt, tuyệt hết giống nòi.

Tất cả anh em đều hô to lên rằng : "phải", và mọi người lặp lại lời thề một lần nữa.

Người lớn tuổi nhất trong buổi họp này là ông Khoáng, đứng lên đồng dạc nói rằng :

– Thề đã xong, xin làm sổ ghi tên.

Kiên nói :

– Chớ. Phàm đảng cách mạng, thì chỉ nên nhớ trong lòng, không nên chép ra giấy, vì viết ra như vậy không lợi cho các đồng chí. Vả tên họ chúng ta cũng cùng với Tổ quốc chúng ta mà còn

mất. Nước Việt Nam chúng ta đương còn thì không cần biên tên họ chúng ta làm gì. Chúng ta gọi nhau cứ nhớ trong bụng, đó là danh sách vĩnh viễn, không phai mờ được, hà tất phải dùng giấy mực.

Mọi người đều cho là rất phải. Lần lượt bắt tay nhau, chỉ vào từng người gọi tên. Gọi đến tên ai thì người ấy thưa : Có ! Tổng cộng 49 người.

Đoạn mọi người lại ngồi xuống. Xí nói với mọi người rằng :

– Chúng ta muốn được làm người có nước, còn đợi ngày sau. Nay tam lầy sơn trại này làm nước tự do lâm thời. Những điều tuyên bố ở đây tức là phép nước.

Mọi người đồng ý.

Kiên nói :

– Anh em chúng ta ai phụ trách công việc gì đều do công chúng ủy nhiệm. Ai không xứng chức, làm hỏng việc, thì mọi người trong anh em đều có quyền trách phạt.

Mọi người đều nói :

– Phải.

Khi ấy, Xí rất vui vẻ hăng hái, giơ cánh tay lên nói rằng :

– Buổi họp tối nay của chúng ta, không có một ngọn đèn, may mảnh trăng sáng trên trời còn là của chúng ta. Quyền lợi cố hữu của chúng ta từ xưa, giặc Ngô không thể cướp được, chỉ còn chừng ấy. Anh em chúng ta hãy cố gắng, từ nay về sau, càng phải cố gắng, từ trong tay giặc Ngô, thu hồi quyền lợi của nhân dân nước ta, tròn vẹn như vầng trăng sáng kia !

Mọi người đều hô to :

– Cố gắng ! Cố gắng !

Rượu ngà ngà say. Bóng trăng đã xế. Xa xa tiếng kèn của tiểu phu, tiếng sáo của mục đồng theo gió thu văng lại.

Xí đứng lên nói rằng :

– Việc chúng ta muốn bàn còn nhiều, đêm nay chưa thể xong được, mà bọn tiểu mục cũng đã sắp đi qua. Thôi, đến tối mai chúng ta sẽ lại họp ở đây.

Mọi người đều đồng ý. Bất tay ra về, đều nói : "Tối mai ! Tối mai !".

Tiết thứ tư

TỎ MẶT ANH THU

Chập tối, chim bay về tổ, cành lá la đà, ngọn đèn to lớn kia đã lơ lửng trên bầu trời, toả ánh trắng sáng xuống mặt sân sơn trại. Chốc lát, các bạn đồng chí đều lục tục đến họp.

Mãi đến gần nửa đêm, điểm danh thì các hội viên đều có mặt, chỉ thiếu anh Phấn. Mọi người chờ có hơn tiếng đồng hồ, thì ở ngoài cửa trại nghe có tiếng chân thành thịch, bỗng thấy bóng hai người hiện ra, đi trước là một chàng thanh niên vạm vỡ, theo sau là một cô gái đẹp, trạc chừng 18, 19 tuổi, lưng thưng bước vào. Mọi người ngơ ngác nhìn nhau, trông kĩ lại thì ra anh Phấn.

Thấy thế ông Khoáng giận lắm, la rằng :

– Anh em chờ chú đã mỏi cả mắt, nay chú lại kèm thêm cô ả này đến nữa à ! Chú phải biết cuộc hội họp của anh em hôm nay là quan trọng như thế nào chứ ?

Phấn chưa kịp đáp thì Kiên đã xen vào nói rằng :

– Xin các ông hãy bình tĩnh. Phấn nó thà chịu tù tội quyết không quỳ lạy dưới giày giặc Ngô, chắc không phải hạng mê sắc để đến hỏng việc đâu. Hãy xin hỏi cô này là ai, vì sao mà đến đây đã.

Mọi người đều bực lắm, kẻ cười, kẻ mắng, kẻ mỉa mai, xôn xao cả hội trường, làm cho chim rừng hoảng sợ, bay kêu lung tung. Tiếng người, tiếng chim huyền ảo không phân biệt rõ. Chỉ Kiên và Xí không nói gì và mời cô kia ngồi. Kiên nói rằng :

– Cô đừng trách anh em chúng tôi lỗ mắng. Vì buổi hội họp của bọn chúng tôi đêm nay rất là quan trọng, không thể cho một người khách lạ nào nghe được, huống gì cô lại là con gái. Nhưng Phấn là một người sắt đá. Người mà anh ấy đã tin, thì chúng tôi cũng đều tin. Nay xin cô cho biết qua lai lịch của cô, và ý định tới đây, để cho mọi người khỏi nghi ngờ, ấy là điều anh em chúng tôi rất muốn nghe.

Cô thiếu nữ tức đỏ mặt, nói rằng :

– Tôi vẫn tưởng trong đời này, không có ai là người đáng làm bạn. Nghe nói các ông đây đều là anh hùng, tôi cho rằng con mắt hẳn không kém, nên tôi mới đánh bạo đến đây. Nay đã vậy, thì tôi xin chết ở đây. Đàn người lúc nhúc kia, đều là tôi tớ của chó Ngô, tôi còn biết sống với ai nữa. Liền đập đầu vào đá.

Xí vội đứng dậy cứu, thì máu trên đầu đã chảy lai láng nhưng may chưa hề gì.

Khi ấy mọi người đều hết giận ; cuộc họp rất là nghiêm trang. Cô gái lặng lẽ, không nói nửa lời. Mọi người đều giục Phấn nói.

Phấn nói :

– Tôi đâu có nói, anh em chưa chắc đã tin. Tâm sự của cô, cứ để cô tự nói ra thì hơn. Nhưng theo ý riêng của tôi, thì hai chữ anh

hùng không phải chỉ để dành riêng cho bọn trai chúng ta. Anh em chớ vội lấy con mắt hạt đậu mà xem người vậy.

Kiên và Xí đứng dậy xin lỗi cô và xin cô trả lời.

Cô nói :

– Khi tôi mới gặp anh Phấn, thì anh Phấn cũng như các ông ngày nay. Việc đòi nhận lời bừa thì khó giữ lời, mà trước quá dễ dãi thì sau ắt nhiều khó khăn. Các ông làm việc, không khinh suất để cho người ngoài biết, cái đó tôi rất phục. Nhưng lịch sử và tâm sự của tôi thì chỉ một mình tôi tự biết, nếu có nói ra đây, các ông cũng khó mà tin được. Thôi xin các ông cứ hỏi anh Phấn.

Khi ấy mọi người đều xúm lại tranh nhau hỏi Phấn.

Phấn nói :

– Hôm nay tôi đưa cô lại đây, là đem lại cho anh em thêm một kiện tướng. Nguyên khi tôi mới ở tù ra được vài ngày, hai anh Kiên, Xí gọi tôi ở nhà một bác phường săn làng Mạc Điền. Lúc ấy tôi là một tên tù vượt ngục, nên không dám đi ra nhiều, thường thường chỉ đóng cửa ngồi một mình. Một hôm bỗng có người con gái ăn mày gõ cửa. Tôi trông người ấy mắt sáng, mày ngài, nét mặt lộ rõ khí phách phi thường. Tuy vậy nhìn kỹ thì dung nhan buồn rầu. Duy cái dáng buồn thảm vẫn không che được cái vẻ linh lợi, hoạt bát. Tôi thầm lấy làm lạ nên không dám đối đãi như với người ăn xin thường. Tôi gọi vào, lấy ghế mời ngồi. Người ấy ngồi tự nhiên, không có vẻ rụt rè. Khi ấy tinh thần tôi rất là luống cuống. Không giấu gì các bạn, sinh bình ở trong óc tôi chỉ chứa có hình ảnh anh hùng và đàn bà đẹp mà thôi. Nay thấy người như hoa như ngọc thế này lại ngấm có cái tinh thần lăm liết như sương, rực rỡ như mặt trời thế kia, thì làm sao mà khiến tôi chẳng rung động được. Tôi mới dần dà hỏi cô :

– Cô muốn xin gì ?

– Cái tôi định xin rất là quý, nhưng ngay bây giờ thì khó nói với anh quá.

– Tiền phải không ?

– Không.

– Lúa gạo phải không ?

– Không.

– Quần áo phải không ?

– Không.

Tôi cười và nói rằng :

– Cô đi xin, mà những thứ tôi vừa hỏi, những thứ cần cho người xin cả, thì cô đều không cần ! Vậy tôi biết lấy gì cho cô bây giờ ?

Cô ngồi ngẩn người ra như gỗ hồi lâu. Tôi chỉ lẳng lặng ngồi chờ nghe câu trả lời trên môi người ngọc. Dáng điệu cô lại rất trang nghiêm, không phải dễ dàng lả lơi, tôi càng sốt ruột, nhưng cũng không dám hỏi lại. Hồi lâu, cô bỗng buột miệng nói :

– Tôi nói thật với anh. Cái tôi muốn xin, trong nhà anh không có.

Tôi hỏi ngay :

– Cái gì ?

– Cái đầu Thừa tuyên sứ giặc Ngô.

Tôi hết hồn. Lạ quá ! Lạ quá ! Câu nói này, sao lại phát ra được ở miệng một người nữ lưu ? Nhưng sự vật trong trời đất biết bao nhiêu điều lạ. Tôi ngẫm nghĩ là cần phải nghiên cứu kỹ nữa.

Tôi nói nhỏ rằng :

– Câu nói của cô làm tôi mất cả hồn vía. May trong nhà này không có ai, nếu vách có tai thì tôi với cô sẽ chết cả họ.

Cô ấy nói :

– Tôi đây xem chết như chơi, nên mới vậy. Sao anh lại lấy chết mà dọa tôi ?

Lúc ấy tôi không trả lời được, tự nghĩ rằng chắc câu chuyện còn có nhiều thú vị, thì hăng từ từ chờ xem. Bèn sắp xếp một chiếc giường riêng, mời cô nằm nghỉ. Dọn cơm tối mời ăn. Dần dà tôi mới hỏi rằng :

– Sao cô biết tôi ? Và biết tôi là người thế nào ?

Cô nói :

– Tôi làm sao biết được anh ? Chính đôi giày của giặc Ngô treo ở cổng chợ đã giới thiệu anh với tôi. Tôi là con gái ông Tam, chủ tiệm rượu ở thành Nghệ An. Thừa tuyên sứ nước Ngô thường đến uống rượu ở nhà tôi, thấy tôi có chút nhan sắc, liền bắt cha tôi dâng tôi cho nó làm thị tỳ. Nó bảo thế lực người Ngô hơn thế lực người Nam thì nó muốn gì là phải như ý. Gươm giáo của chúng là thánh là thần. Tuy vậy, nói thì dễ, chứ sự thật có phải dễ như nó tưởng đâu. Cha tôi tuy là người buôn, nhưng rất hiểu đại nghĩa chủng tộc. Con gái của người thị dân lương thiện há chịu làm tỳ thiếp cho giặc Ngô sao ? Thừa tuyên sứ đã nhiều lần đến hỏi, nhưng cha tôi nhất định không chịu. Nó bèn lấy tội rượu lậu vu cho cha tôi, rồi bắt ông cùm bỏ tù, bảo có đưa con gái đến dâng thì tha cho, nhưng cha tôi biết bụng tôi, liền thắt cổ chết trong lao để ngăn lòng tôi.

"Than ôi ! Cha tôi muốn cho con gái được làm một người dân tự do, nên mới liều mình như thế. Thật là đau đớn. Tôi khi ấy rất

buồn nản, chỉ muốn chết ngay cho xong. Nhưng lại nghĩ, thù cha chưa trả, thì dầu có chết cũng uổng mà thôi. Nên tôi định giết được thằng giặc Ngô thì chết mới nhắm mắt. Nhưng tự xét, tấm thân yếu đuối, một mình vô võ, làm sao mà giết chúng nó bằng võ lực được. Đêm ngày lo nghĩ, chưa có kế gì. Mà dã tâm của giặc Ngô thì vẫn chưa chán. Nó vẫn cho người ép tôi, quyết bắt tôi làm tù thiếp thì nó mới vừa lòng. Vì thế tôi mới bỏ nhà, ăn mặc rách rưới, giả làm ăn mày đi khắp tỉnh, chỉ mong tìm được người "đồng cừu", thì thù cha tôi mới rửa được. Nhưng khắp tỉnh này đầy những tụi chó săn chim mồi ; ngoài ra, thật là vắng vẻ không có một ai. Phong trần lặn lội, biết tìm đâu cho thấy anh hùng !

Năm ngoái, sau khi giặc Ngô hạ cái "lệnh lay giày", tôi rất mừng thầm là sẽ có lối tìm người. Than ôi ! Giặc Ngô làm nhục người Nam ta đến thế là cùng, mà người Nam ta hèn hạ đến thế cũng là hết chỗ nói ! Địa vị chủ nhà với trâu ngựa, còn biết nói sao ? Nếu cả nước An Nam này không có một người trai vĩ đại nào nữa, thì nền độc lập của non sông còn mong gì có ngày về ? Nếu có mà không xuất hiện hồi này, thì còn đợi hồi nào nữa !

Chẳng bao lâu, nghe có ba người bị tội "ngạo hải", mà anh là một. Từ đó, tôi chuyên làm người trinh thám dò la anh. Ngày đêm khẩn trời, nghĩ rằng nếu thần ngục có thiêng, thì tất không vui dập giống tự do của chúng ta. Các anh vào tù, tôi cũng bôi bác cho mặt mày dơ bẩn, ăn mặc rách rưới, lẩn quất trước cửa ngục luôn luôn, thỉnh thoảng đến xin trước cửa nhà tù một vài đồng tiền. Phẩm cách đã dẽ tiện, mặt mũi lại nhem nhuốc, ai còn để ý. Các anh ở tù một ngày, là tôi cũng ăn mày trước cửa ngục một ngày, chỉ khao khát muốn biết kết quả của các anh. Tôi nghĩ rằng, các anh còn đó, thì thân tôi tức là thân các anh.

Đêm hôm lễ đại khánh, có một chàng trai thấp nhỏ mạnh khỏe, cùng ngục tốt uống rượu, nhân lúc say mà cướp anh đi. Từ đó, tôi luôn luôn theo sát anh, chỉ mong anh lần này đi được trót lọt. Nhưng lại nghĩ trong lúc anh đang lo thoát nạn, việc không nên để người ngoài biết, thì tôi lại không muốn làm cho anh sợ, nên đành xa anh một đoạn đường. Khi vào làng này, thì mất dấu anh, nhưng chắc là anh vẫn ở đây. Sao tôi lại biết được thế ? Vì tôi thấy anh chàng thấp nhỏ hôm trước vẫn thường đi lại ở đây luôn. Tôi chắc rằng anh cũng còn nấp nấu đầu gần đây thôi, nên tôi cứ ăn mày miết ở làng này. Quả nhiên, trước đây vài hôm tôi trông thấy anh ở trước cửa nhà người phường sản này. Mũi dùi của Mao Toại⁽¹⁾ lâu nay vẫn muốn thoát ra ngoài. Tôi muốn gõ cửa, nhưng lại hiểm hình thù bản thủ, phải tắm rửa chút đã, mới dám ra mắt. Hôm nay anh ở nhà một mình, tôi mới lấy bộ mặt đứa gái ăn mày ; đến thử mắt anh. Tôi nói thật với anh, cái tôi muốn xin ở anh, trừ cái đầu chó Ngó ra, không gì khác nữa, Anh có ừ không ? !".

Tôi ngần ngừ chưa kịp trả lời. Trong não tôi lúc này hiện ra một tâm trạng muốn tin mà cũng muốn ngờ, có lưỡi không nói ra được, có bút không vẽ ra được. Nghĩ rằng nếu người này quả là thật, mà chốc lát mất đi, thì mình thực là đồ tồi. Nếu không thế, đây chỉ là quân quỷ quái tình ranh, đến đánh lừa mình, mà mình mắc phải, thì thật lại quá ngu. Nhưng tôi xét kỹ lại, quyết không phải người thường. Song muốn trọng lời ừ của mình, nên chưa thể hứa ngay. Trước phải điều tra cái thảm kịch cô ta vừa nói đó có đúng không đã. Ấy là vấn đề thứ nhất mà tôi phải làm. Tôi suy tính xong, bèn trả lời rằng :

(1) *Mao Toại* : người thời Chiến Quốc đã nói với Bình Nguyên Quân rằng người anh hùng cũng như cái dùi nhọn để trong túi, thế nào rồi cũng đâm thủng túi mà thoát ra. Ở đây ý nói : muốn thổ lộ ý chí anh hùng.

– Lời cô vừa nói, tôi rất cảm phục, nhưng trước khi ừ, cho tôi nghĩ kĩ chút đã. Vì kẻ đại trượng phu đã hứa với ai một lời rồi, thì đầu óc tính mệnh đều không tiếc nữa. Đâu dám dễ dàng mở miệng. Nay mời cô ở đây, tôi sẽ có ngày phơi gan bày ruột, để đáp lại nghĩa của cô.

Cô ấy nói :

– Phải lắm.

Hôm sau, tôi từ giã cô ta, nói để đi săn xa, ít hôm mới về. Nhưng kỳ thực tôi lên về tỉnh để điều tra cận trạng cha con cô con gái quán rượu như thế nào. Người ta bảo tôi rằng :

– Rất đáng thương cho nhà ấy. cha thất cổ chết ở ngục, con gái đi mất tích, nhà cửa hoang phế, tai vạ mới phát độ năm sáu tháng nay thôi.

Tôi hỏi ai gây ra chuyện ấy.

Người ta đáp :

– Người gieo vạ cho nhà này là Thừa tuyên sứ, mà cô con gái là cái mầm tai vạ. Cô kia nếu chịu làm thị tỳ cho quan Ngõ, thì chẳng những không phải vạ mà lại còn được nhiều phúc phận không ngờ nữa. Ông Tam thì chết rồi, chẳng nói làm gì, chỉ thương cô con gái, đẹp mà khôn, bây giờ không biết đi đâu. Mà Thừa tuyên sứ thì vẫn cho người đi lùng. Con bé thiệt là người thiếu phúc.

Tôi hỏi cô ấy tên gì.

Người ta mắng tôi rằng :

– Khắp cả tỉnh này ai chả biết tên cô Chí. Chú sao ngớ ngẩn vậy ?

Tôi nói :

– Tôi cả đời ít đi lên tỉnh, nên tiếng tâm lòng lấy của cô ấy hôm nay tôi mới được nghe lần đầu.

Tôi đã biết được sự thực, nghĩ lại lời nói của cô, nên bao nhiêu lòng ngờ vực trước, nay biến thành lòng kính mến cả. Tôi nghĩ một cô gái xinh đẹp, mà lổi lạc đến thế, thời câu chuyện Bà Trung, Bà Triệu quyết cũng không phải nhà làm sử vẽ vời thêm thắt ra đâu.

Tôi vội vàng về nhà ngụ thì trời đã xám tối. Cô ấy đón vào.

Tôi nói :

– Cùng ở đã mấy hôm mà chưa biết tên cô, cô tên là gì nhỉ ?

Cô đáp :

– Tôi thường có tật điên, hay mắng người ta, nên người ta quen gọi là cô Chí Điên. Cô Chí chính là tên thật của tôi.

Tôi mừng lắm. Mời cô ngồi lên, rồi sụp xuống làm lễ hai lạy, xin kết làm chị nuôi. Tôi bảo chị rằng :

– Đồng bào ta, nhân dân ta, ai là không thù ghét giặc Ngô. Chúng nó giày xéo lên quyền tự do của đồng bào chúng ta, như bánh xe lăn trên bùn. Những hoa tươi rực rỡ, tiền nhân ta để lại cho chúng ta, thì tay chúng bẻ, những quả đẹp ngon lành, tiền nhân ta dành lại cho chúng ta, thì miệng chúng ăn. Những của tinh hoa quý báu chúng đều cướp làm của chúng. Còn nhân dân chúng ta, thì chỉ làm bò kéo xe chở phân, dọn rác cho chúng mà thôi. Điều đáng căm thù ở trên thế gian này, còn gì hơn thế nữa. Chị nói thù nhà, hãy còn nghĩa hẹp. Lúc đã rửa được, thì đồng thời sẽ rửa hết cả, xin chị chớ lo. Nếu biết giữ được cái trời đã phú cho, tất trời sẽ giúp. Thời đã đến rồi.

Đó là việc tối qua. Tôi thấy đêm đã khuya, vội đi hội nghị. Tôi bèn nói :

– Thôi chị đi nghỉ, tôi có việc phải đi ngay. Tôi khoác áo ra đi, ngoảnh bảo chị tôi gài cửa tắt đèn, hẹn đến sáng sớm sẽ về.

Đến sáng tôi về, vừa đến cửa, thấy cửa không đóng, đèn sáng lliu liu, rọi ra ngoài cửa. Khi vào nhà, thấy chị tôi ngồi trên giường, buồn thiu không nói một tiếng. Tôi lại hỏi rằng :

– Chị dậy làm gì vậy ?

Chị tôi nói :

– Chưa hề ngủ, làm gì có dậy ?

Tôi hỏi lý do, chị tôi nói :

– Các anh có kế hoạch lớn như thế, mà bỏ tôi ra ngoài, tôi không phải người sao ? Cái lòng thương nước giữ nòi có phải là độc quyền của nam giới đâu ?

Tôi rất lạ lùng thưa rằng :

– Có gì đâu ?

Chị tôi nói :

– Anh thiệt là dối người quá lắm. Mấy bữa nay, tôi thấy thần sắc anh, biết anh thế nào cũng có việc gì. Tôi hôm qua, thấy anh vội vội vàng vàng đi ra, tôi đoán thế nào cũng có cuộc đại hội, nên lúc anh ra, tôi liền lên đi theo. Những câu các anh chỉ trời vạch đất nói ở trong trại, đều văng vẳng bên tai tôi. Lúc ấy tôi ngồi núp lắng nghe ngoài trại, như người gác cho các anh. Tôi không muốn vội vàng nhờ chuyện các anh, nên nín không dám nói. Khi hội sắp tan, tôi lên về trước. Bóng tôi và hình anh xa nhau cũng chẳng là bao, anh có biết không ? Cả một trang nhật ký ở trong bụng tôi còn có thể giở ra cho anh đọc.

Tôi nghe đến đấy, không thể không phơi bày gan phổi được. Những việc đảng ta định làm, tôi đều đã cho chị biết. Cuộc họp đêm nay, lúc đầu tôi tính đi một mình, cố ý trì trệ, đợi chị tôi ngủ, rồi mới ra đi, nhưng chị tôi đòi đi theo. Chị tôi nói rằng :

– Nếu các anh đều là anh hùng, thì hẳn không bỏ tôi. Nếu cho tôi là đồ đàn bà mà gạt ra, thì tôi cũng xin cảm ơn các anh. Tôi cứ tự làm theo chí tôi thôi, thế không làm nhờ việc các anh.

Phần nói đến đấy Tinh và Lục đều đứng dậy, vỗ tay kêu lớn rằng :

– Xin mời vào đảng ! Xin mời vào đảng ! Chúng ta kết giao chỉ cốt phần hồn, không cần sắc tướng. Nếu ai tán thành đánh giặc tức là anh em rất yêu rất kính của chúng ta. Xin anh em nhất trí.

Mọi người đều đồng thanh nói :

– Nhất trí ! Nhất trí ! Nhất trí ! Đứng dậy bắt tay cô kia, xin mời vào đảng và tạ lỗi vừa rồi.

Cô Chí đáp tạ rằng :

– Anh em trước đây nhao nhao phản kháng, bây giờ vui cười. Nếu trước không có hoài nghi, thì sau cả tin là giả.

Khi ấy, anh em dự hội tất cả có 50 người, lại ngồi bàn nốt những công việc đêm trước còn chưa bàn xong.

Tiết thứ năm

NUỐC CŨ MỆNH MỚI

Kiên nói :

– Chúng ta bất luận thế nào, cốt lấy quang phục Tổ quốc làm mục đích duy nhất. Thời kỳ đầu sẽ là thời kỳ vận động, sau đó là

thời kỳ tiến hành, cuối cùng là thời kỳ kiến thiết. Thời kỳ cuối này là sau khi quang phục thành công. Khi đó sẽ có người kế chúng ta lo liệu. Chúng ta chỉ đem hết sức lo toan làm hai thời kỳ trên, xin anh em chỉ giáo cho.

Tinh nói :

– Chúng ta đồng tâm đồng đức, trách nhiệm phải rõ rệt. Hễ làm việc có mưu mới có lương, có lương mới chiến đấu được. Ai làm mưu chủ ? Xin anh em cử.

Mọi người đều nói :

-- Ông Kiên.

– Ai làm chiến chủ ? Xin anh em cử.

Mọi người đều nói :

– Ông Xí.

– Vậy thì về lương hướng ai làm chủ ?

Mọi người đều cử :

– Ông Khoáng.

Khoáng nói :

– Việc này rất quan trọng, vận mệnh đảng ta hoàn toàn nhờ vào đó. Một mình tôi không đảm đương. Xin cho ông Kiên cùng phụ trách và anh Phấn giúp đỡ. Sức tôi được đến đâu, tôi xin làm đến đấy.

Mọi người đều nói :

– Phải !

Kiên nói :

– Các anh quá yêu, ủy cho tôi làm mưu chủ, nhưng tài chí tôi có chỗ thiếu thốn, thì xin anh em luôn luôn chỉ vẽ cho, đừng chia ranh giới. Phải biết rằng 50 anh em chúng ta như một người vậy.

Mọi người đều nói :

– Rất phải !

Xí nói :

– Tôi chả giỏi gì, tôi chỉ là một người vũ phu có sức khỏe, phàm gặp những việc nước lửa tên đạn, tôi xin đi trước mọi người để báo đáp anh em. Anh em bảo đi đâu là tôi đi ngay. Mọi người đều nói :

– Hay lắm.

Kiên nói :

– Bây giờ trước tiên cần phải sắp xếp ngay hai việc :

1. Địa điểm nhóm họp.
2. Các món kinh phí để khởi sự.

Khoáng nói :

– Tôi có sơn trại vài mươi gian, sơn diện vài nghìn mẫu. Tiên nhân tôi mấy đời làm hùng trưởng ở đấy. Chỗ ấy tai mắt chó săn chim mồi của giặc Ngô không đến được, tôi xin dâng cho đảng để làm chỗ đứng chân tạm thời. Những lúa thóc còn lại, nếu nay đem bán, cũng còn được vài vạn quan tiền, một nửa làm sở phí khởi sự, một nửa làm lương cũng được nửa năm. Còn như mở mang thêm nữa, thì tùy sức anh em.

Mọi người đều vỗ tay nói :

– Hay lắm ! Hay lắm !

Kiên nói :

– Chúng ta chỉ biết hết nghĩa vụ đối với Tổ quốc, giống nòi, ngoài ra không có gì gọi là danh vị cả. Nhưng đã kết một đoàn thể, tất phải có người tổng đại biểu mới được. Khoảng đời đời làm thổ hào, lại dòng dõi nhà vua, mọi người đều trông ngóng vào, xin cử ông Khoảng làm trại chủ, gặp có sự cần phải giao thiệp, hay mệnh lệnh gì, trại chủ đương lấy.

Mọi người đều nói :

– Rất tán thành ! Rất tán thành !

Kiên lại nói :

– Điều cần phải có nữa là quân lính và khí giới. Những làng chài ở hai bên bờ sông Lam, khổ về thuế nặng của giặc Ngô, phần nhiều không vui theo. Những phường săn ở mé núi, nhiều người có sức mạnh. Nay nếu được người có đảm thức và nói giỏi đi khắp mấy nơi ấy, xét chọn những người gan và mạnh nhất, rủ theo nhập trại, đem về huấn luyện, vài năm sau sẽ thành quân. Ai làm được việc ấy cho ?

Mọi người đều nói :

– Tinh !

Tinh bằng lòng.

Kiên nói :

– Bây giờ sự trừ khí giới mới bắt đầu, những giáo mác của phường săn thường dùng, ta hãy dùng tạm cũng được, nhưng đảng ta cần phải tiến bước lên, phi khí giới đầy đủ thì không thể nói chuyện đánh nhau với quân Ngô được. Có mấy làng kia, nhiều thợ rèn giỏi nhất tỉnh, và Đông Thành có nhiều mỏ sắt rất tốt. Nay cần có một người mật đến hai làng Trung Lương và Văn Chàng mời

một ít thợ rèn, nếu họ không muốn đi thì bắt cóc chừng hơn chục người, cũng đủ thợ để rèn binh khí. Còn sắt, nếu thiếu, thì sẽ cho người đi Đông Thành mua. Kế ấy sẽ liệu sau, nhưng ai phụ trách cho việc này ?

Chưa ai trả lời thì Xí nói :

– Tôi xin phụ trách việc này, nhưng xin Lục đi với nữa.

Lục trả lời :

– Được.

Kiên nói :

– Việc chúng ta phải làm còn nhiều, thời chưa đến, chưa thể tuyên bố được. Đến ngày mai, xin đến họp tại trại ông Khoáng, làm lễ khai trại, làm lễ xong, chia nhau đi, ai làm việc nấy.

Mọi người đều đồng ý. Bèn tan hội.

Phía cực tây huyện Thanh Chương, giáp nước Lào, nhìn xuống là sông Lam, dựa vào vách núi Giăng Màn, trong chỗ rừng sâu xanh thẳm, có vài trăm khoảng sơn điền. Bốn mùa có khe nước chảy, phân tán thành câu cừ. Ở trên có nhà trại, lớn nhỏ hơn trăm gian. Đây là trại của ông Khoáng. Đất ấy trước là một thôn của người Lào. Tiên thế ông Khoáng hiển đạt ở thời Trần, nhà Trần mất, đem cả bộ thuộc hơn vài mươi người dời xuống phía Nam châu Hoan, đuổi người Lào chiếm lấy đất. Vì quân nhà Minh đuổi bắt riết, nên ông Khoáng cũng trốn đến ở chỗ ấy. Các hào kiệt lục lâm thường nhờ làm chỗ trốn tránh. Ông Khoáng là người trưởng giả, trung hậu, nên người xa gần bất kỳ Mùong hay Chơ, đều ham đi lại giao thiệp. Thường lấy thóc gạo đổi lâm sản, rồi chở lâm sản xuống chợ bán lấy tiền, hàng năm thu được rất nhiều, cho nên trong trại súc tích cũng đầy đủ. Ông Khoáng thường nghĩ đến quốc sĩ, nuôi chí lớn, cho nên những người hảo hán đến thường

được tiếp đãi rất hậu. Các thổ hào đều gọi ông Khoáng là ông Cả. Khi Kiên và Xí muốn mở hội nghị bí mật, trước hết đến mời ông Khoáng, ông rất mừng, đến ngay. Bèn cử ông làm trại chủ. Miếng đất khô ráo này trở thành một nước độc lập nhỏ vậy. Vì vậy nên đặt tên là trại "Trùng Quang".

TRẦN LÊ HỮU dịch

PHAN BỘI CHÂU NIÊN BIỂU

Lời dẫn :

Thời gian 15 năm bị an trí tại Huế, tuy không còn là thủ lĩnh của phong trào cách mạng nữa, nhưng uy vọng của Phan Bội Châu vẫn cực kỳ to lớn. Hơn nữa với tư cách chứng nhân của phong trào cách mạng những năm đầu thế kỷ XX, bài học cuộc đời của nhà chí sĩ mang những giá trị lớn về nhiều mặt. "Phan Bội Châu niên biểu" do đó đã được Phan Bội Châu biên chép lại sau nhiều khổ nguyện của bạn hữu, đồng bào.

Tác phẩm viết bằng chữ Hán, và theo Huỳnh Thúc Kháng, được hoàn thành vào năm 1929. Từ đó đến nay đã được dịch ra nhiều thứ tiếng : Việt (với nhiều tên gọi và phiên bản khác nhau : "Tự phán" (Tự phê bình) ; "Sào Nam niên biểu", "Phan Bội Châu niên biểu"), tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nhật ...

Như tên gọi tác phẩm, Phan Bội Châu dùng lối niên biểu truyền thống để ghi chép lại cuộc đời mình thành 3 thời kỳ. Ngoài lời "Tựa" và "Lời tự phán" chúng tôi chọn mỗi thời kỳ những chi tiết hoặc sự kiện đặc biệt để giới thiệu dưới đây.

Tạ : Tôi từ ngoài biển, bị bắt sống đem về⁽¹⁾ trói thân vào nhà pha Hoà Lò, may nhờ quốc dân quá thương yêu, hãy còn chút thân sống gửi được cùng với thân bằng đồng chí, là những kẻ đã hình rời bóng cách vài mươi năm trời, bỗng chốc tay bắt mặt mừng, kẻ tình duyên cũ ! Có kẻ thương tôi, có kẻ yêu tôi, có kẻ trách vọng tôi, thầy muốn biết đầu đuôi lịch sử của tôi.

Than ôi ! Lịch sử của tôi mà làm gì ! Chỉ là một bộ lịch sử hoàn toàn thất bại ! Chân trời góc bể gần ba mươi năm ; cắt đầu vì tội lây, hoạ trần quận quốc ; vào ngục vì phe phái, độc trôi đồng bào⁽²⁾. Thường nửa đêm vỗ ngực, quẹt mắt trông trời ; hơn hai mươi năm, sa đà, trông râu mày hổ thẹn. Khát tuyền⁽³⁾ những anh hùng vô danh là ai đó, đầu nhin đối mà trông cơm cháo chưa thấy thống thiết bằng.

Tưởng xưa nay những thời đại đánh tân cách cổ⁽⁴⁾ vừa đụng nhau, quẹt bụi chống đồng, nuốt cay ngậm đắng, từng có người nào không thất bại mà thành công đâu ?

Tỷ như những nước Pháp Lan Tây⁽⁵⁾ dựng nên nước cộng hoà dân chủ, trải ba bốn lần cách mệnh mà chưa xong, là một cái chứng nghiệm rõ ràng lắm. Anh em chúng ta nên xem ở cái gương thất bại đó, gấp lo cách cải lương, sẽ mở mang một lối thành công

(1) Phan Bội Châu bị bắt tại ga Bắc Thượng Hải (Trung Quốc) ngày 30 tháng 6 năm 1925.

(2) *Độc trôi đồng bào* : sự ác độc/tai hại (do tác giả gây ra) nhiều đến nỗi làm trôi ngập/làm liên lụy nhiều người.

(3) *Khát tuyền* : khao khát được biết rõ ràng.

(4) *Đánh tân cách cổ* : thay cũ đổi mới.

(5) Phiên âm chữ "France" có nghĩa là nước Pháp.

sau. Nghĩ hết đường lui tới, ở trong muôn cái chết mà tìm ra một đường sống ; ở sau chín lần gãy cánh mà định bài thuốc hay ! Cơ sự tất hết sức bí mật thời không sợ giấu dấu hờ đuôi ; tâm đức tất in nhau chữ đồng, sẽ lo công lấy máu rửa máu. Sách Tây có câu rằng : "Không lấy máu người rửa máu người thời không cải tạo được xã hội". Thất bại tức là mẹ đẻ thành công, câu nói đó thật đúng vậy.

Thế thời lịch sử Phan Bội Châu há không phải là cái xe trước cho người hậu khởi hay sao ?

Đội ơn các thân bằng thương quá, dốc suất đến ba bốn lần bảo rằng : "Người phải gấp khi người chưa chết, viết cho xong bản sử của người". Vậy nên cung kính phụng mệnh mà thảo tập sử này, đề là : *PHAN BỘI CHÂU NIÊN BIỂU*.

Lời tự phán : Lịch sử tôi, quả tình chỉ là lịch sử của một cuộc thất bại từ đầu chí cuối. Sở dĩ đi đến thất bại, cố nhiên cũng vì bản thân tôi có nhiều khuyết điểm. Tuy vậy, thử hỏi mình có gì là có thể tự hào hay không, thì cũng không dám bảo là hoàn toàn không. Trước khi đi thẳng vào câu chuyện, xin nêu mấy điểm chính như sau :

Một là quá tự tin, cho rằng trong thiên hạ này không có việc gì là việc không thể làm được. Ấy là cái lỗi không biết sức, không biết đức của mình.

Hai là quá thật thà, quá thẳng thắn trong khi đối đãi với người. Cho rằng trong thiên hạ không một người nào là người không đáng tin. Ấy là thiếu cơ mưu quyền thuật, thiếu cảnh giác.

Ba là trong khi xét người, trong khi trừ tính công việc chỉ chú ý đến toàn bộ, đến đại thể. Trong khi làm việc, có những nét tinh vi,

những tiết mục nhỏ vẫn quá phóng túng, không biết nhận xét đến nơi đến chốn, để đến nỗi lắm lúc chỉ vì xem thường những điều rất nhỏ nhen mà làm hỏng cả việc lớn. Ấy là lỗi sơ suất không cẩn thận.

Trên đây là ba cái tật lớn nhất. Còn bao nhiêu tật khác chỉ xin để ý sửa chữa, không cần kể cho tường tận.

Một là có gan mạo hiểm dám làm. Ấy là tinh thần "dầu có hàng nghìn vạn kẻ thù trước mắt cũng quyết tâm đi tới", nhất là lúc còn trẻ.

Hai là trong khi giao thiệp, nếu nghe được một câu nói hay, thấy được một điều gì tốt là suốt đời không quên, nhất là những lời nói thật tình, những câu phê bình gay gắt, thì tôi lại càng vui lòng tiếp thụ.

Ba là suốt đời trong khi trừ tính công việc chỉ nghĩ đến mục đích lo sao cho có thể quyết thắng trong năm phút cuối cùng⁽¹⁾. Còn như thủ đoạn, phương châm thì dầu phải thay đổi cũng chẳng ngần ngại.

Ba điểm trên đây, tôi vẫn thường dặn lòng rằng : đây là những ưu điểm còn con đáng được ghi chép. Những người chung quanh tôi, người yêu mình cũng như người ghét mình, đều thừa nhận cho rằng đúng với sự thật. Dưới đây xin theo thể thức ghi chép niên biểu, chia đại lược ra làm ba thời kỳ.

Thời kỳ thứ nhất là từ lúc còn bé đến tuổi thanh niên. Tuy chẳng có gì là đáng chép, nhưng nó cũng là nguồn gốc của thân thế, nên không nỡ quên.

(1) Câu nói nổi tiếng của Napoléon đệ Nhất : "Vạn mạng một chiến dịch là quyết định trong năm phút đồng hồ cuối cùng".

Thời kỳ thứ hai là thời kỳ tráng niên, thời kỳ tôi còn bí mật liên lạc với các chí sĩ⁽¹⁾ và tu dưỡng, suy nghĩ trong âm thầm trước lúc xuất dương. Những hành động của tôi trong thời kỳ này sẽ ghi chép tường tận.

Thời kỳ thứ ba là từ ngày xuất dương về sau.

*
* *

Tôi lúc trẻ đã biết đọc sách, sớm hiểu nghĩa lớn, vốn không có chí muốn làm người trong một làng ; thường hay đọc câu thơ :

*Mỗi phạn bất vong duy trúc bạch,
Lập thân tôi hạ thị văn chương*⁽²⁾.

Nhưng mà náu gan nín chí, sáu lần đi thi mới được một lần ghi tên vào sổ con hát. Lúc tôi đậu đầu Hương giải làm một bài văn tự hạ⁽³⁾ có câu rằng : "Bất như ý thường bất cử sự, sâu sinh liêm ngoại Tây phong ; hỗn thiết xuy ư tam bách nhân quý tử môn triều Nam Khoách"⁽⁴⁾.

(1) Nguyên văn dùng chữ "hào kiệt".

(2) Hai câu thơ này của Viên Mai, một thi sĩ Trung Hoa đầu đời Thanh. Ý nói : cứ đến bữa cơm là ngồi nghĩ đến chuyện làm sao cho có công (với dân với nước) ; còn như muốn lập thân thì văn chương là thấp hèn nhất.

(3) *Tự hạ* : Tự chúc mừng.

(4) Đại ý : Nghĩ đến việc đời mười điều có đến tám chín điều bực bội ; con buồn theo ngọn gió Tây (âm chỉ người Pháp) trước rèm thối tới. Chúc lấy chút công danh giữa ba trăm người khác, e chàng Nam Khoách cũng chết thẹn ngay trước cửa.

Nam Khoách : xưa Tuyên Vương nước Tề thích nghe thổi sáo và lựa ba trăm người vào cung nuôi cho ăn no mặc tốt, cả ngày chỉ thổi sáo. Nam Khoách không biết thổi sáo, nhưng cũng lộn sòng vào sổ ba trăm người đó. Sau Tuyên Vương chết, vua con nối dõi, yêu cầu mỗi người thổi cho nghe một bài. Thế là chàng Nam Khoách bỏ đi.

Bạn cũ của tôi là Thái Sơn tiên sinh⁽¹⁾ thường thích đọc câu ấy. Xem đó thời cũng biết tôi vẫn bị bạc tục danh lắm⁽²⁾. Bạn chết⁽³⁾ của tôi, mà là người đặc ý ở trong một đời tôi thì có hai người. Ông Đặng Thái Thân là người Hải Côn⁽⁴⁾ nay thường gọi bằng Ngư Hải tiên sinh. Ông Nguyễn Hàm là người Quảng Nam nay thường gọi bằng Tiểu La tiên sinh. Vì nhân duyên văn tự mà tôi được gặp ông Đặng. Còn tôi và ông Nguyễn được gặp nhau là vì ông Nguyễn là đảng sót của đảng Cần vương. Nhân khác nhau mà quả đồng, thanh khí chiêu lai cũng quá khéo rồi đó.

Lúc đầu tôi ngộ hẹp dạy học trò⁽⁵⁾ trước sau người hỏi chữ có hơn hai trăm người. Mỗi khi giảng sách dạy bài, thường nhắc đi nhắc lại những việc nhân nhân chí sĩ đời xưa. Tự trung lịch sử của Hoàng Phan Thái tiên sinh, của Phan Đình Phùng tiên sinh càng vui miệng nói luôn, mong có người cảm động. Nhưng duy ông Ngư Hải lĩnh hội rất sâu. Hễ tôi có làm những bài văn giận đời ghét tục với những công việc tạp nạp bạn chiêu vong văn bí mật không cho ai biết đến, nhưng ông Ngư Hải tất dự trừ cả. Tôi với ông làm bạn văn tự gần hai mươi năm, làm bạn cách mạng lại mười một năm. Ông tuy thất bại cuối cùng, nhưng mà sát thân thành nhân, chẳng nhờ vào tay giặc, tôi làm phụ với ông nhiều lắm rồi.

(1) Đặng Nguyên Cần sau là Đốc học Nghệ An.

(2) Khinh bị danh vọng thế tục.

(3) Bạn sống chết.

(4) Làng Hải Côn thuộc huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

(5) Ý nói dạy học một trường nhỏ trong làng quê.

... Năm 31 tuổi là năm Đinh Hợi (1897) thuộc Thành Thái bát niên, tôi vì can án "hoài hiệp văn tự nhập trường"⁽¹⁾ chiếu theo luật phải "chung thân bất đắc ứng thi"⁽²⁾. Nhân vì đó mới chơi rộng Bắc Kỳ, lại chạy vào kinh Huế, làm thầy dạy học ở nhà ông họ Võ. Ông cụ là lệnh nghiêm ông Võ Bá Hạp⁽³⁾. Lúc dạy học trò có rỗi thời lấy nghề văn chương kiết thức⁽⁴⁾ với các danh nhân. Quốc Tử Giám tế tửu là cụ Khiếu Năng Tĩnh rất khí trọng tôi. Thái Sơn Đặng Nguyên Cẩn tiên sinh đang ở sử quán cũng mãi đến lúc bấy giờ mới kết nghĩa vàng đá. Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền tiên sinh đọc bài phú *Bái thạch vi huynh* của tôi, trong bài có câu : "Tam sinh điển hải chi tư, vị vong tương bá ; Nhất phiến bồ thiên chi lục, hựu thị phùng quân"⁽⁵⁾ thì tán thưởng tôi hung lắm. Tiên sinh có tàng trữ những văn chương của ông Kỳ Am Nguyễn Lộ Trạch xưa nay chưa cho ai xem, bây giờ mới đưa cho tôi xem. Tôi được đọc bài *Thiên hạ đại thế luận* của ông Kỳ Am mà nhân đó tự tưởng mới mẫm mẫm nơi tôi. Tiên sinh lại cho tôi mượn mấy pho sách như *Trung Đông chiến kỷ*, *Phổ Pháp chiến kỷ* cùng pho *Đinh hoàn chi lược*. Tôi vì xem những pho sách ấy mới hiểu qua được

(1) Mang sách vào trường thi. Theo Tôn Quang Phiệt thì ông cử Trần Văn Lương đã để sách vào tráp của cụ Phan để phòng khi quên thì có sách tra cứu. Khi vào thi, lính canh cổng khám và phát hiện được thì cụ mới biết, do đó mà bị án trên.

(2) Suốt đời không được đi thi.

(3) Ông Võ Bá Hạp sau đậu cử nhân, tham gia phong trào và bị tù ở Côn Đảo, ra tù về Huế và mất tại đó.

(4) Kết giao.

(5) Tạm dịch : Ba sinh lớp bể những ghi lòng, giúp công nhờ bác. Một tấm vá trời thêm gắng sức, mong gặp người thân.

thời cạnh tranh ở trong hoàn hải, thăm trạng vì quốc vong, hoạ sâu vì chủng diệt, càng kích thích ở trong óc sâu lắm. Tiên sinh lại vì tôi mà kể những việc nghĩa dũng của ông Tăng Bạt Hổ cho tôi nghe, tôi chôn sâu con người ấy vào lòng và cái tư tưởng phá cũ sổ lồng đến lúc đó mới mạnh động⁽¹⁾.

*
* *

Qua vài ngày sau, làm một bức thư tự giới thiệu mình với Lương Nhậm Công⁽²⁾. Trong thư có câu rằng : "Lạc địa nhất thánh khóc, tức dĩ tương tri ; độc thư thập niên nhân, toại thành thông gia"⁽³⁾. Lương được thư, cảm động lắm, tự động ra mời tôi vào, những lời thù ứng, dùng tiếng Quảng Đông, phần nhiều tôi nói mà ông Tăng dịch, còn những lời thuộc về tâm sự thì thấy đều dùng bút thoại, nhưng ông Lương muốn cho hết lời bèn hẹn ngày sau sẽ tái hội.

Qua ngày sau, ông Lương có hẹn hai người dân đảng Tàu cùng lưu học ở Nhật Bản, tới hội đàm với chúng tôi. Bút đàm có đến 3 tiếng đồng hồ, chép mấy câu rất có ý tứ thâm thiết như sau này :

1- Quý quốc không phải lo không có ngày độc lập, mà chỉ lo quốc dân không đủ độc lập.

2- Kế hoạch lo cho đến quang phục, yếu kiện⁽⁴⁾ chỉ có ba điều :

(1) Ý nói bắt đầu có mầm mống.

(2) Lương Khải Siêu.

(3) Nghĩa là : Lọt lòng một tiếng khóc, tức đã là tương tri ; độc sách trong mười năm, thành ra tình nghĩa thông gia.

(4) *Yếu kiện* : chủ yếu, mấu chốt.

- a. Có thực lực ở trong quý quốc.
- b. Nhờ sức viện trợ của Lương Quảng.
- c. Nhờ Nhật Bản viện trợ bằng thanh thế.

Nhưng nếu ở trong quý quốc không có thực lực thời hai điều ở dưới đó, thấy không phải là hạnh phúc của quý quốc.

Ông Lương viết đến đó, lại có phụ chú rằng : "Thực lực của quý quốc là : dân trí, dân khí và nhân tài, Lương Quảng chỉ giúp cho quân thường⁽¹⁾ với khí giới. Nhật Bản chỉ giúp cho trên đường ngoại giao. Hễ khi nước mình có độc lập rồi, tất phải yêu cầu liệt cường thừa nhận, mà nhờ Nhật Bản là cường quốc ở Á châu, có thể thừa nhận trước hết là được".

Lúc ấy tôi nói đến câu viện nước Nhật Bản, ông Lương nói rằng : "Mưu ấy sợ không tốt, quân Nhật đã một lần vào nước, quyết không lý gì đuổi nó ra được ! Thế là muốn tồn được nước mình, mà thiệt là làm cho chóng mất mà thôi ! Quý quốc chớ lo không có cơ hội độc lập, mà chỉ lo không có nhân tài, hay chụp được cơ hội. Hễ đến ngày Đức – Pháp chiến tranh với nhau tức là một cơ hội tốt cho quý quốc độc lập đó vậy".

Lại cách vài ngày sau, tôi tới nhà ông Lương, xin ông giới thiệu tôi đến nhà chính trị nước Nhật Bản, bởi vì muốn đạt cái mục đích câu viện. Ông mới hẹn với tôi đến trung tuần tháng năm đem tôi đi yết kiến Đại Ôi bá tước. Bá tước từng hai phen làm Thủ tướng, trước là công thần Duy tân, mà hiện nay là đầu đảng Tiến bộ nước Nhật Bản, rất có thế lực ở trong Chúng nghị viện. Đến ngày ấy, tôi tới nhà ông. Ông nói với tôi rằng : "Muốn gặp Đại Ôi bá tước, trước phải gặp mặt Khuyển Dưỡng Nghị tử tước. Người ấy trước là

(1) *Quân thường* : lương thực cho quân đội.

Văn bộ đại thần⁽¹⁾ mà hiện nay là Tổng lý cho Tiến bộ đảng, là một tướng mạnh của Đại Ôi bá tước vậy".

Ở trong Dân đảng nước Nhật Bản, hai người này rất có thế lực. Tức ngày ấy, ông Lương cập hai người tôi đến Đông Kinh, trước vào chào Khuyển Dưỡng Nghị, lại nhân ông Khuyển Dưỡng Nghị đem yết kiến Đại Ôi bá tước. Lúc bắt đầu xấp mặt nhau, tân chủ⁽²⁾ hoan hợp rất mực, lần đầu nói đến việc cầu viện. Khuyển Dưỡng Nghị hỏi tôi rằng : "Việc các ngài đi cầu viện đây cũng có ý chỉ kẻ tôn trưởng trong nước không ? Như ở nước quân chủ, thì tất phải có một người trong Hoàng hệ, các người đã tính đến việc đó chưa ?".

Tôi thưa rằng : "Vẫn có nghĩ rồi". Mới đem tờ thông hành của Kỳ Ngoại hầu Cường Để xin ở Khâm sứ, và lấy trong túi ra bức ảnh của Đông cung cho các người xem.

Ông Khuyển Dưỡng Nghị nói rằng : "Nên đưa người này ra khỏi nước, e không lại sụp vào tay người Pháp".

Tôi nói rằng : "Phải, chúng tôi đã tính đến việc đó".

Lúc bấy giờ ba người : Đại Ôi, Khuyển Dưỡng Nghị, Lương Công bàn bạc với nhau, ước ba phút đồng hồ, nói với tôi rằng : "Lấy Dân đảng Nhật Bản giúp cho các ngài thì được, nếu lấy binh lực giúp cho các ngài, thì nay là thì giờ chưa tới nơi. Hiện tình thế chiến tranh ở đời bây giờ chẳng phải vấn đề riêng ở Pháp với Nhật, mà là vấn đề Âu-Á đua hơn thua nhau. Nhật Bản muốn giúp cho quý quốc, thì tất phải tuyên chiến với Pháp. Nhật-Pháp tuyên chiến thì chiến cơ⁽³⁾ động cả hoàn cầu, lấy sức Nhật Bản ngày nay mà

(1) Bộ trưởng Bộ Giáo dục.

(2) Tân chủ : khách và chủ.

(3) Ý nói chiến tranh bùng nổ, lan rộng.

tranh với toàn Âu châu, thiệt chưa đủ sức, các ngài có thể ăn nhẫn được mà chờ cơ hội ngày sau không ?".

Tôi trả lời rằng : "Chúng tôi nếu ăn nhẫn được thì cần gì đi khóc ở Tân đình".

Đại Ôi nói : "Ngày nay nếu các ngài tới đây, chúng tôi mới đầu hết biết người Việt Nam, Ấn Độ, Ba Lan, Ai Cập, Phi Luật Tân, cũng đều là mất nước, nhưng không ai tù bịt⁽¹⁾ đến như thế ! Các ngài bây giờ nếu cố động được nhân sĩ trong nước, phần nhiều bỏ nước ra ngoài, khiến cho lỗ tai con mắt mới mẻ một lần, vô luận đến nước nào, làm công việc gì, đều có thể thay được không khí hô hấp, tinh thần không mắc lấy cái khổ chết ngột, đó là một việc khẩn cấp nhất ở trong đường cứu vong vậy".

Khuyến Dưỡng Nghị lại hỏi tôi rằng : "Các ngài đã từng tổ chức một đảng Cách mệnh nào hay chưa ?". Trong bụng tôi lúc đó then xấu muốn chết, tự nghĩ trong nước thực chưa có đảng cách mệnh chân chính hoàn toàn nhưng miễn cưỡng mà trả lời rằng : "Tổ chức thì vẫn có, nhưng vì ở dưới cường quyền áp chế, không lấy gì phát triển được, nên đảng tuy có mà cũng như không".

Đại Ôi nói rằng : "Các ngài đem được đảng nhân các ngài ra đây, nước Nhật Bản thu dụng được hết, hay là các ngài bây giờ ung ở Nhật Bản, chúng tôi sẽ vì các ngài sắp đặt chỗ ở, lấy một cách ngoại tân ưu đãi các ngài, sinh kế cũng không phải lo gì, chuộng nghĩa hiệp, trọng ái quốc, là tính đặc biệt của người Nhật Bản".

Khi Đại Ôi nói mấy câu ấy, trên sắc mặt tỏ ra ý tự hào, mà tôi thì lấy làm then, trả lời rằng : "Chúng tôi lặn lội sóng gió muốn

(1) Ý nói tù túng, khổ đau.

dậm bễ mà đến đây gấp muốn được một kế hoạch thoát chết câu sống cho dân tôi, nước tôi, nếu chỉ thân chúng tôi được khoát hoạt, mà nước tôi, dân tôi còn ở trong tay thù giặc, chúng tôi nữ đành quên được, thì các ông còn kính trọng lấy người ấy làm gì ?".

Khi đó ông Lương ngồi bên tôi, lấy bút viết 5 chữ "thử nhân đại khả kính" đem cho Đại Ôi, Khuyển Dưỡng Nghị xem. Chốc thì bà phu nhân ông Khuyển Dưỡng Nghị cũng ra khoản tiếp. Bà đem cái quạt trong tay cầm, xin tôi đề chữ, tôi đề rằng : "Tứ phương phong động duy nãi chi hưu"⁽¹⁾.

Ở trong khoảng ngồi đó có ông Bá Nguyên Văn Thái Lang⁽²⁾, là nghị viên ở Nhật Bản chúng viện, ông xem hết những tờ giấy bút đàm của tôi với ba người thì nói với tôi rằng : "Tôi ngày nay, thấy các người tưởng tượng như đọc cổ hào kiệt truyện trong tiểu thuyết. Bởi vì người Việt Nam đến đất Phù Tang này, mà có tiếp xúc với sĩ phu nước tôi, thực ông là người lần thứ nhất".

Tôi nghĩ đến đó, khiến cho trong lòng đau đớn không biết chừng nào ! Nghĩ vì cố sao mà nước ta xưa nay không ai lo xa, mà cái mưu của người Pháp ở bể mình, sao cùng công cực xảo đến như thế ! Tiệc hội đàm này từ chính trưa đến chập tối mới tan, ngày ấy chính là ngày thứ nhất mà tôi tiếp xúc với người Nhật Bản. Đoạn rồi về Hoành Tân, cách vài ngày ông Lương lại mời tôi đến nhà ông, vì tôi tính giùm cho những kế hoạch đồ tợn, lấy bút đàm vấn đáp với nhau rất kỹ, chép đại lược ra sau này :

(1) Câu trong *Kinh Thư*, lời Đế Thuấn bảo bảy tôi Cao Dao, đại ý : "Làm cho ân đức nhà vua lan khắp bốn phương như luồng gió thổi, đấy là công tốt của anh".

(2) Bản dịch của Phạm Trọng Diễm và Tôn Quang Phiệt phiên âm nhầm là Bách Hậu Văn Thái Lang.

"Nước Trung Quốc với quý quốc, cứ theo quan hệ ở trên địa dư lịch sử, nhân chủng hơn 2000 năm, mật thiết có lẽ hơn anh em : anh đứng dùm em chết mà không cứu, há có lẽ đâu ? Tức tối mấy ông ở triều đình, chỉ biết ăn thịt mà thôi, tôi lấy làm đau đớn. Tôi đã vì ông đàn kiệt tâm lực, hiện thời chỉ có hai kế hoạch là có thể cống hiến cho ông được :

1. Hết sức dùng văn tự đau đớn thống thiết và hăng dữ, mô tả cho hết tình trạng bệnh quý quốc, mưu mô hiểm độc, diệt chủng, diệt quốc của người Pháp, tuyên bố cho người thế giới biết, hoạ may kêu dậy được dư luận của thế giới, làm môi giới ngoại giao cho các ngài, đó là một kế hoạch rồi vậy.

2. Ông có thể bây giờ trở về nước, hay là đưa văn thư gửi về trong nước, cổ động những hạng người thanh niên xuất dương cầu học, mượn đó làm cái nền tảng hưng dân khí, khai dân trí, lại là một kế hoạch nữa vậy.

Từ hai kế hoạch ấy, thì chỉ nằm gai nếm đắng, chứa giận chờ thời, một mai nước tôi mạnh hùng, tất phải đối ngoại tuyên chiến, mà tiếng súng phát lần thứ nhất, tất nhiên là đối với Pháp, bởi vì quý quốc liền tiếp với đất nước tôi, mà hai ngọn đường sắt Việt Nam tiếp Quảng Tây, Việt Nam tiếp Vân Nam, thiệt là cái hoạ tâm phúc cho nước chúng tôi. Những hạng chí sĩ nhân nhân, không chốc phút nào quên việc ấy, các ngài hãy chờ xem..."

Tôi được nghe bấy nhiêu lời, trong óc tôi, trong con mắt tôi bấy giờ mới tỉnh táo được nhiều lắm ! Rất phàn nàn những tư tưởng trước kia và những việc kinh dinh như trước, thấy là hoang đường mạnh lãng⁽¹⁾, không tỳ gì đáng khen. Từ biệt về nhà trú, mới bắt đầu khởi thảo pho *Việt Nam vong quốc sử* đem tới ông Lương xem và nhờ ông xuất bản cho. Ông ừ ngay, chỉ một tuần lễ mà sách in

(1) *Mạnh lãng* : lòng bông.

xong, tôi tới nhà ông Lương xin từ biệt về nước. Lúc đó là hạ tuần tháng sáu năm Ất Tỵ (1905). Tôi lưu ông Tăng ở lại Hoàn Tân, tôi thì gặp với ông Đặng Tử Kính mang 50 bản *Việt Nam vong quốc sử* lên về nước.

*

* *

Hạ tuần tháng hai (năm 1906), cụ Tây Hồ⁽¹⁾ ở Hương Cảng, nghe tôi qua Quảng Đông cũng qua ngay và thăm ông Lưu⁽²⁾, ông Nguyễn⁽³⁾. Cụ mang áo cụt giầy rách, đầu tóc bồm xồm, trông như hạng lao động nước ta. Bởi vì cụ thay lối bằng một tên đầu bếp ở trong tàu, mà cũng nhờ thủ đoạn ông Lý Tuệ đó vậy.

Cụ vào nhà ông Lưu, thấy chúng tôi chưa chào đã cười. Tôi bật dậy bắt tay cụ, vui không thể nói được, chốc lát rồi đem bài *Khuyến tư trợ du học* cho cụ xem, cụ khen hay lắm. Khi xem đến *Duy tân hội chương trình* thì lặng thinh không trả lời, mà chỉ nói rằng : "Tôi rất muốn qua Nhật Bản một lần, rồi về nước mà thôi".

Thương tâm nhân biệt hữu hoài bão⁽⁴⁾ e ý tứ cụ từ lúc đó đã có. Tôi với cụ riu rít nhau ở Quảng Đông hơn mười ngày, hàng khi bàn đến việc nước thì hết sức bới móc những tội ác của dân tộc độc phu⁽⁵⁾, mà khi nói đến "kim triều quân chúa hoạ quốc ương dân"⁽⁶⁾ càng tỏ ý nghiêng răng rách mắt, hình như nghĩ rằng "Quân chúa không trừ xong cũng chẳng phải là hạnh phúc".

(1) Túc Phan Châu Trinh.

(2) Lưu Vĩnh Phúc.

(3) Nguyễn Thiện Thuật

(4) Ý nói trong lòng đã có một chí hướng khác.

(5) Nghĩa là kẻ tham lam bạo ngược, kẻ thù của dân.

(6) Triều đình quân chủ ngày nay gây tai ương cho nước cho dân.

... Thương tuần tháng tư, tôi đưa học sinh lên Đông Kinh vào học, ba người vào Chấn Võ, chuyên môn việc học binh, một người vào Đồng Văn thì học về Trung học. Hối tôi lên Đông Kinh, cụ Tây Hồ cùng đi với tôi. Cụ với tôi cùng thăm các học đường và khảo sát những công việc chính trị giáo dục của Nhật Bản. Cụ bảo tôi rằng :

"Trình độ quốc dân Nhật như thế, mà trình độ quốc dân ta thì như thế, không nò lệ làm sao được ! Được bấy nhiêu học sinh vào nhà học Nhật Bản là sự nghiệp rất lớn của ông đó. Từ nay nên lưu Đông yên nghỉ"⁽¹⁾, hết sức chăm chỉ ở việc làm sách và bắt tất nói chuyện bài Pháp làm gì, chỉ nên để xương dân quyền. Dân đã biết có quyền thì việc khác đều có thể tính làm được".

Từ đó luôn mười ngày, tôi với cụ tráo trở bàn bạc⁽²⁾, ý kiến rất trái nhau. Cụ thì muốn đánh đổ quân chủ, mà cốt vun trồng nền tảng dân quyền, dựa vào Pháp mà đánh đổ quân chủ. Còn ý tôi thì trước muốn đánh đổ người Pháp, chờ nước mình độc lập rồi, mới bàn đến việc gì khác. Vì thế mà đương lúc đánh với Pháp, phải lợi dụng quân chủ. Chính kiến của hai người rất phản đối nhau. Bởi vì cụ với tôi thì vẫn cùng một mục đích, còn thủ đoạn thì lại khác nhau xa. Cụ thì muốn đi theo lối dựa Pháp đánh đổ vua, tôi ưng đi theo lối bài Pháp phục Việt, sở dĩ mâu thuẫn với nhau là vì thế.

Tuy nhiên, chính kiến vẫn trái nhau, mà ý khí lại rất ưa nhau, cụ với tôi kể gối chung giường, ước non một tháng thì cụ muốn về nước.

... Năm người đã vào nhà học rồi, chỉ có mấy người thiếu niên chưa được vào học thì ở lại Bính Ngộ học chuyên tập chữ Nhật và tiếng Nhật, còn tôi thì đưa cụ Tây Hồ về Hương Cảng. Lần ấy là lần tiễn biệt cuối cùng. Cụ nói với tôi rằng : "Ông nên hết sức thận

(1) Ý nói : lưu lại Nhật Bản mà nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng.

(2) *Tráo trở bàn bạc* : bàn đi bàn lại.

trọng. Quốc dân hy vọng chỉ nơi mình ông, Kỳ Ngoại Hầu không cần gì đâu"⁽¹⁾.

*

* *

(1) Trong *thi từ tòng thoại* (Nhà xuất bản Nam Cường, Sài Gòn, năm 1951), Huỳnh Thúc Kháng kể lại cuộc đối thoại giữa Thống đốc Nam Kỳ (đích thân ra Côn Đảo chuẩn bị thực thi lệnh ân xá của Chính phủ Pháp với Phan Châu Trinh) và Phan Châu Trinh, như sau :

– Ông có quen biết Phan Bội Châu ?

– Chính là anh em bạn.

– Vậy thì cũng là đảng phái bài Pháp chứ gì ?

– Phan Bội Châu hiệu Sào Nam là một tay hào kiệt ái quốc của nước Nam, trong nước không ai không biết tiếng. Ngày tôi ở kinh đô Huế, thường qua lại luôn, đến nghị luận việc nước thì ý kiến giữa tôi với Sào Nam hai bên không đồng mà lại trái nhau hẳn.

– Trái nhau thế nào ?

– Phan quan niệm hẳn rằng người Pháp quyết không thiết lòng khai hóa cho người Nam, nên nói việc khai hóa trước phải đánh đổ chính phủ Pháp, không cây thế lực một nước mạnh ngoài thì tự người Nam không làm gì được. Hiện nay nước mạnh duy nhất Nhật Bản là nước đồng văn đồng chủng nên cầu viện với Nhật Bản...

Tôi bác cái thuyết trên của Sào quân đi, lấy lẽ rằng người nước Nam chui núp dưới chính thể chuyên chế đã trên ngàn năm, chưa có tư cách quốc dân độc lập, đâu có cây sức nước ngoài, chỉ diễn cái trò "đổi chủ mà lấy đây tới lần thứ hai" không có ích gì. Và lại, nước Pháp là một nước làm tiền đạo văn minh cả hoàn cầu, nay hiện bảo hộ nước ta, mình nhân đó mà học theo, chuyên dụng tâm khai trí trị sinh, các việc thực dụng, dân trí đã mở, trình độ ngày một cao, tức là cái nền độc lập ngày sau ở đây. Còn theo chính kiến "cây sức nước ngoài" thì có quanh co khúc chiết, mình không tự lập, ai cũng là kẻ cừ thù của mình, Triều Tiên, Đài Loan, cái gương rõ ràng, người Nhật chắc gì hơn Pháp.

Sào quân không nghe, cũng không nhận là phải, phũ áo ra đi làm theo ý kiến mình.

– Vậy thì ông sang Nhật Bản là ý gì ?

Bây giờ kể đến nguyên ủy *Pháp – Việt đề huê luận văn*. Việc này tuy chủ động là do Lê với Phan⁽¹⁾, mà cũng thực là cái tội của tôi vậy.

Nguyên tháng giêng năm Mậu Ngọ, Lê đã ở trong ra hội tôi ở Hàng Châu, thì bốn chữ "Pháp – Việt đề huê" mới lần thứ nhất lọt vào tai tôi. Họ nói với tôi rằng : "Chính sách của Toàn quyền Xarô với những Toàn quyền cũ khác sai nhau nhiều. Xarô là người đảng Xã hội, mà chủ nghĩa xã hội với chính sách thực dân của nước Pháp mâu thuẫn với nhau nhiều lắm". Lê lại kể những chính tích nhiều món của Xarô, như mới lập nhiều học đường trai gái, đặt ra

- Chính kiến của tôi trái với chính kiến của Sào quân. Sào quân sang Nhật có chỗ đứng chân, bèn phát biểu chính kiến của mình, làm sách, làm báo gửi về trong nước, người nước Nam phần khổ với ngược chính của quan lại, gia dĩ xâu cao thuế nặng, không biết kêu van vào đâu. Đương giữa lúc người đau cần thuốc, co lâu muốn đuổi, được sách cổ động của Sào quân cổ súy, gãi nhâm chỗ ngứa, cả nước đều hưởng ứng, một kẻ xướng muốn ngàn người hoạ, cái chính kiến "tự lực khai hóa" của tôi, bị phong trào Đông học che át, không xuất đầu ra được, không ai thêm nghe ; thực sự trăm phần thiếu thốn mà cái tiếng trống kêu dội sẽ gây ra mối nguy hiểm cho tương lai của quốc dân, không thể tránh được. Bất đắc dĩ tôi mới băng ngàn vượt biển thẳng sang Nhật Bản, thuật rõ tình hình thù thảo và cảnh tượng nguy hiểm trong nước cho Sào quân nghe, khuyên Sào quân chăm lo đào tạo bổn thiếu niên du học mà gác tư tưởng hành vi "bạo động" đời thời hội khác. Nhưng Sào quân nhất vị cố chấp, lấy lẽ rằng : một nước êm đềm trong giấc ngủ như người bệnh gần chết, nếu không giống trống to, trượng cõ kèn, thổi kèn, gõ mõ, làm như giống sấm thì không sao đánh thức giấc ngủ kia được...

Tôi ở Nhật vài tháng, cùng Sào quân biện cãi nhiều lần, rút cục Sào quân không nghe, tôi bèn từ về, ấy là khoảng tháng 5, 6 năm 1906...".

(1) Tức Sở Cuồng Lê Du và Phan Bá Ngọc.

Bắc Kỳ tân luật, lại cho người ta được kết xã, lập hội, như *ích trí tấn đức hội*⁽¹⁾...

Lúc đầu tôi vẫn không tin lời Lê nói, nhưng lại nghĩ, nếu thật như lời họ nói thì tương kế tựu kế e cũng có chỗ hay. Tôi mới mưu với Bá Ngọc, lúc đó ở bên tả hữu với tôi, kẻ người cộng sự đã nhiều năm, từng mạo hiểm làm một vài thứ, thật không ai hơn Bá Ngọc. Lúc này ông Lê ra, thì với Phan lại rất thân thiết gần bó, chân ý họ làm sao, tôi chưa biết rõ. Phan nói với tôi rằng : "Muốn thành đại sự, tất cũng phải có âm mưu, bây giờ tiên sinh chỉ nên làm một bài lý luận chuyên nói việc Pháp – Việt đề huề là hai bên có ích cả. Người Pháp được thư ấy, tất nhiên bớt nghi đảng ta. Ta nhân đó khiến người vào trong dò xét tình trạng người Pháp và mật tin của người trong nước, cũng có thể thông được với người ngoài. Theo như lời ông Lê nói cũng là đắc sách lắm đó".

Tôi tin lời nói hai người mới làm một bài văn dài, đề rằng *Pháp-Việt đề huề luận*⁽²⁾, Độc Tỉnh Tử soạn. Cuối bài có viết năm chữ "Phan Bá Ngọc phụng thư". Đoạn rồi Lê cầm bài văn ấy về trong nước. Sau 4, 5 tháng mà người con yêu của cụ Phan Đình Phùng, thật đã quay ra làm tôi trung cho nhà nước Pháp, "Dụng gián chi nan"⁽³⁾, lời Tôn Tử có nói dối ta đâu !

ĐẶNG THAI MAI dịch

(1) Hội Khai Trí Tiến Đức.

(2) Bài này có đăng trên *Nam phong* (phần chữ Hán), bản dịch quốc ngữ do Tân dân in tại Hà Nội năm 1926.

(3) Nghĩa là dùng gián điệp thật khó.

QUAN NIỆM CỦA TÔI ĐỐI VỚI VĂN CHƯƠNG

Đông phương, ngày 28 tháng 10 năm 1931

Thường đọc câu thơ Tuỳ Viên

Mỗi phạn bất vong duy trúc bạch

Lập thân tối hạ thị văn chương

Dịch ý :

Công ở non sông thiêng tác dạ

Thân nhờ bút mực quá hèn trai.

Lại thường đọc câu thơ Minh nhân :

Văn chương thiên cổ sự,

Đắc thất thốn tâm tư.

Dịch ý :

Văn chương việc nghìn đời,

Hay dở chỉ lòng biết.

Xem hai câu ấy thì bảo văn chương là một việc có giá trị hay không ? Vấn đề ấy thực khó giải quyết. Chúng ta muốn bàn đến tương lai phải xét ở dĩ vãng. Chúng ta muốn phán đoán đời người nay phải trông gương người đời xưa. Kìa như Dương Hùng ở đời Tây Hán, làm nên sách *Thôi huyền*, sách *Pháp ngôn* chẳng phải là một nhà văn chương hay sao ? Mà chỉ vì làm quan đại phu cho Vương Mãng, ba chữ "Mãng đại phu" khiến cho Dương Hùng thành ra một người ty bị mà sách vở Dương Hùng làm ra rất ít người xem đến.

Thái Mào ở đời Đông Hán in soạn hết cả cừu kinh, làm nên văn bia ở trước nhà thái học chẳng phải là một nhà văn hay sao ? Mà chỉ vì thất thân với Đồng Trác danh như tiết nhục đến nỗi đời sau không ai nhắc tới !

Hai người ấy vẫn là văn chương mà làm sao giá trị rõ đến thế ? Thế thì câu "Lập thân tối hạ thị văn chương" của Tuỳ Viên chẳng đúng lắm hay sao ?

Nói trái lại, thánh như đức Khổng Tử chẳng những người đương thời tín ngưỡng mà thôi mà cho đến lúc bây giờ, người các nước châu Âu còn nhiều kẻ dốc lòng hâm mộ, mà xét đến sự nghiệp ngài, chỉ có sáu bộ kinh. Sáu bộ kinh có cái gì đâu chỉ là văn chương mà thôi. Hiền như thầy Mạnh Kha, chẳng những người đời ấy phải khuynh phục cho tới bây giờ, người các nước đông tây vẫn còn vô số người nhắc nhở thầy mà tìm cho đến sự nghiệp thầy thì có bản thiên sách, bản thiên sách ấy có gì đâu, cũng chỉ có bảy thiên văn chương mà thôi. Xem như thế thì "văn chương thiên cổ sự" của Minh nhân chẳng đúng lắm sao ?

Cân nhắc cả hai phương diện như trên kia thì bảo văn chương là một giống không giá trị hay bảo văn chương là một giống có giá trị ? Vấn đề ấy làm sao giải quyết cho xong ?

Tôi xin mượn nhà *Tả truyện* làm thầy biện hộ : *Tả truyện* có câu nói rằng : "Thái thượng lập đức, kỳ thứ lập công, hậu kỳ thứ lập ngôn" (Dịch nghĩa : Người ở đời, cao nhất thứ hạng là người lập nên đạo đức ; lại thứ nữa là lập nên công nghiệp lớn ; lại thứ xuống nữa thì hạng người lập ngôn). Ba hạng người ấy rất là hạng người có ích cho loài người. Phải nhận cho là có giá trị. Lập đức là một hạng người gây dựng nên một nền đạo đức. Tỷ như đức Phật Thích Ca, đức Thánh Giê Su, mỗi người có lập thành một khuôn

đạo đức, mà giữa bản thân của các người ấy vẫn cũng đáng làm một cái gương đạo đức trong đời. Đức Thích Ca thì cốt ở cái chủ nghĩa Phật với chúng sinh bằng một lớp "Phật sinh bình đẳng". Đức Giê Su thì cốt cái chủ nghĩa yêu nước như yêu mình "ái nhân như kỷ" thật rõ ràng là một người lập đức ; mà ở trong loài người, không ai ưu việt hơn được.

Còn thứ nữa thì là hạng người lập công. Lập công là như thế nào ? Đụng gặp ở trong đời ấy, có đại tai đại nạn mà nhờ người ấy cứu vớt xong, có đại lợi đại phúc, mà vì người ấy gây dựng nên. Tức như nước Tàu nhờ có vua Hạ Vũ mà trừ được hoạ hồng thủy, nước Tây nhờ có ông Kha Luân Bố mà phát hiện ra được Mỹ châu ; nước ta nhờ có Quang Trung mà đuổi được giặc Mãn Thanh. Những người ấy chính là hạng người lập công, so với người lập đức vẫn không in nhau, mà cũng là hạng người có công lớn với đời và người ta cũng nhận cho là có giá trị nặng lắm.

Còn thứ xuống nữa là hạng người này : kể về phần đức, chỉ là thông thường, kể về phần công không có công gì trác việt, nhưng mà tấm lòng đau đời xót tặc, đôi tay chữa cháy vớt chìm chẳng khác gì lập đức lập công đâu. Nhưng hoặc vì thời thế gay go, hoặc vì chủ nghĩa trái tặc, hoặc vì năng lực còn kém, hoặc vì địa vị còn thua, mà không thể làm được những việc như các người nói trên kia, vạn bất đắc dĩ mới phải mượn ba tác lược làm bộ máy xoay đời, cấy một ngòi lông làm khuôn lò nấu tặc, mà các nhà lập ngôn mới nảy ra Khổng Tử vì sao có *Lục kinh* ? Mạnh Kha kia vì sao có *Thất thiên* ?

Nói cho đúng thì sự nghiệp cũng chỉ có mấy câu nói mà thôi. Mấy câu nói ấy khi nín ở trong lòng thì bảo rằng tâm, khi phát ra miệng thì bảo rằng ngôn, ngôn không thể hết được thì viết ra làm chữ, đã viết ra làm chữ thì mới thành văn chương, văn chương chỉ

là ngôn, mà ngôn lại gốc ở nơi tâm, vì trong lòng có nghĩ ra đường nào thì miệng với bút mới phun nhả ra đường ấy.

Kinh Dịch có câu : "Xuất kỳ ngôn thiện, tắc thiên lý chi ngoại vi chi", nghĩa là : thở ra một câu nói mà tốt lành thì tức khắc người ta ở ngoài nghìn dặm ứng theo ngay, thở ra một lời nói mà không lành ngoài nghìn dặm chống cự lại ngay.

Vấn có thể thật. Chỉ một lời nói mà ảnh hưởng rất xa, hướng gì lời nói đã thành ra văn chương thì có lẽ nào tuyệt vô ảnh hưởng. Nền người đời xưa đã có câu nói rằng : "Văn chương quan thế đạo thịnh suy", nghĩa là : văn chương rất có quan hệ với đường đời, đời mà thịnh thì thường có văn chương hay, mà có văn chương hay thì đường đời mới thịnh, nếu trái thế thì văn chương dở mà đường đời suy và văn chương càng dở. Văn chương ảnh hưởng xa lớn đến như thế, bảo văn chương là một giống không giá trị có lẽ nào ?...

Người đời xưa đem quyền lập ngôn kể cân ngang với lập đức lập công mà gọi rằng "tam bất hủ" há phải lời nói dối phỉnh lừa ta đâu. Nghĩ cho hết các lẽ như trên đã nói thì bảo văn chương là tuyệt đối có giá trị cũng chưa chắc là nhà tri ngôn. Nói cho đúng, văn chương sở dĩ có giá trị không chỉ tại ở nơi văn chương mà hơn nữa phân ở nơi người làm văn chương có giá trị thì văn chương đó thành ra văn chương của Khổng Mạnh. Người làm văn chương mà không có giá trị thì văn chương đó thành ra văn chương của Dương Hùng, Thái Mão. Giá trị vẫn ở văn chương hay, tất nhiên ở nơi văn chương đó là người có giá trị.

Chúng ta xin đem cặp mắt xem văn chương mà đặt luôn cả cặp mắt xem nhân cách thì câu nói "văn chương thiên cổ sự, đặc thất thôn tâm tư" chẳng đậm đà thâm thiết lắm sao ?

Bà con ta ở đời bây giờ hạng người rất cao thì không thêm nói văn chương, hạng người rất thấp thì không biết cái gì là văn chương. Đau đớn thay ! Chua xót thay !

Trời đen như mực, đất sục như bùn, tân thế giới xa lắc xa lơ, còn ai phát hiện ? Hoa hồng thủy tràn xuôi tràn ngược, hiếm kẻ tự tình ! Thấp hương mà trông đức Thích Ca, thấy đâu là Phật ? Cúi đầu mà xin ra ơn Chúa, ai chữa cho tôi ? Công đã không biết, mà đức lại như hình vô vị.

Chúng ta chẳng nói tới văn chương còn nói gì ? Nếu không thêm nói văn chương thì xin hỏi, ngoài việc văn chương thì có gì là chúng ta làm được ? Lại như một hạng người không biết văn chương là cái gì, thì tôi không muốn bàn nói tới. Lập miệng thân cho thạo, anh võ là mình, nuôi xác thịt cho no, ngựa trâu thầy kẻ. Nếu chỉ hạng người như thế mà ta còn nói văn chương với họ làm gì, nhưng há có lẽ đâu hai mươi lăm triệu đồng bào tai thông mắt sáng, hơn bốn nghìn năm Tổ quốc sông lớn nguồn xa mà không có người biết nghe văn chương ư ? Vậy nên chúng ta phải cố học cho ra nghề văn chương.

ĐẶNG THAI MAI dịch

LỐI THI TỪ MỚI⁽¹⁾

Thể thi từ cũng in như một thứ đồ trần thiết, đồ trần thiết đã lâu ngày, thì dầu đẹp đẽ tốt tươi, mà người ta ngó ra cũng sinh chán

(1) Phan Bội Châu viết bài này trong không khí thơ mới xuất hiện liên tục trên văn đàn sau năm 1932.

mắt. Thể thi từ mà nghe qua quen tai, thấy qua chán mắt, thì dẫu có hay đến đâu, cũng chẳng làm sao cho được công chúng hoan nghênh. Thể thi từ nước ta, từ xưa tới nay chỉ có ba thức :

Một là, thức theo Đường luật, là ngũ ngôn hoặc thất ngôn, năm chữ hoặc bảy chữ thành một câu thi, lại có âm luật bằng trắc xen nhau.

Một thức nữa là thể "thượng lục hạ bát" như văn truyện *Thủy Kiều*, hoặc là "thất thất lục bát" như bài *Thu dạ lữ hoài ngâm* mà người ta thường hay đọc.

Lại có một thức nữa là thể phú, câu dài câu vắn xen nhau, mà phải có vắn có đối, như bài *Tế tiền quân tướng sĩ* với bài *Tân cung oán*, v.v.

Như ba thức kia, kể thể thơ luật Đường, thì học nhại theo người ta lâu ngày cũng chán. Thể thượng lục hạ bát với thể thất thất lục bát thì cơm gạo tẻ mãi ngó cũng buồn miệng. Thể văn bài phú như bài văn tế cụ Tây Hồ và bài phú ông Táo thì chẳng phải giống như thường bày ra ở trước mắt người ta, mà làm những thứ văn ấy thì tốn công phu quá.

Gần đây, thấy có nhà cũng xướng ra điệu thi mới đăng ở các báo chí, nhưng ý tôi xem văn còn nhiều câu phải đẽo gọt dụng công, và toàn thiên vẫn chưa được quán thông nhất khí. Bây giờ muốn cầu cho sáng lập cái thể thi từ mới, vừa người ta thích nghe dễ hiểu, vừa thành ra một thể tài tự nhiên, chẳng phải Đường luật ngũ thất ngôn, cũng chẳng phải thượng lục hạ bát, thất thất lục bát, cũng chẳng phải bài văn, bài phú mà thành một thể thi từ mới.

Tôi xin viết trước phỏng mấy bài thơ như sau này⁽¹⁾ để cống hiến với đồng bào, sẽ để đồng bào khuyên số⁽²⁾, ai khuyên tôi cũng cảm ơn, ai số tôi cũng cảm ơn lắm.

(1) Chẳng hạn bài : Uống rượu dưới trăng :

Dưới trăng ngồi một mình
Một be, một chén, một ông Kénh.
Bà con anh em không ai ở chung quanh,
Thấp thoáng nghe hơi gió lung lay ở trên cành,
Tưởng là có khách tới, tẻ ra khách vắng tanh.
Ngước mặt lên trời thấy có mặt trăng
Uống hơi có trăng, có thích rượu hay chăng ?
Có làm thành, chẳng nói chẳng rằng,
Ngó như hình tím tím cười nhau răng.
Thối thôi có trăng, có không thích hơi men,
Mời có xem tôi uống, tôi chẳng khuyên có thêm, quá phiền.
Ngó lại thấy bóng gọi bóng vui,
Bóng theo miệng mình hớp một hơi
Đồng tâm, đồng chí bóng ơi.
Ta say, mày say, chẳng bao giờ rời.
Chốc lại trông trăng, trăng mỉm cười.
Mình với trăng với bóng thành ba người.
Chén đầy chén vui, chén đầy rồi lại chén vui.
Mình dậy múa, bóng theo hoài
Mình ngồi hát, trăng nghe chơi.
Ba ngàn thế giới tọc,
Chín vạn phủ giao khơi.
Ông cứ be cứ chén, mặc sức lả lơi, tha hồ thành thói.
Ai khen, ai chê, ai chửi, ai vãi, ai mặc ai !

Bài này cũng chủ đề, và dùng cùng một motif với *Đêm trăng hỏi bóng*, nhưng đã được viết theo tinh thần "canh cái lối viết", và mang một giọng điệu khác.

(2) *Khuyên* : dẫu tròn, tức khen ; *số* : vạch thẳng, tỏ ý chê.

KÊNH VÀ CÀNG

Lời dẫn :

Những năm 30-40 của thế kỷ XX, thời gian bị giam lỏng ở Huế, ngòi bút Phan Bội Châu đã có nhiều thay đổi, cả trong thơ và văn xuôi, tuy không thể nhập vào trào lưu văn chương mới. Truyện ngắn "Kênh và Càng" đăng trên Tân văn tuần báo, ngày 26 tháng 1 năm 1935 là một dấu hiệu như vậy. Tác giả dùng lối viết trào lộng, nhưng ngụ ý, gián tiếp phơi bày tình trạng bức bối vì bị kiểm soát, mất tự do trong vòng vây của chính quyền thực dân.

*

* *

Kênh và Càng đã làm bạn với nhau hơn mười năm, nửa chừng bị duyên có gì... mà kẻ tây người nam lâu ngày không gặp mặt.

Tình cờ một ngày kia, gặp nhau ở xứ Bông Lông biệt cử tương phùng, hai người vui chuyện lắm.

Kênh hỏi Càng :

– Bấy lâu anh làm những việc gì ?

Lúc đó, Càng ta đang cầm cái ống điều cày nơi tay, quẹt diêm châm thuốc Lào, hút một hơi, phì khói ra xong, gác cầm vào miệng điều cày thủng thẳng nói rằng :

– Tôi chỉ làm có ba việc, nhưng đều là việc rất to lớn, mà lại phải rất bí mật, có lẽ bây giờ chưa nói được với anh.

Kênh nói :

– Tôi vẫn biết chuyện anh đã làm tất cũng to lớn và bí mật thiệt. Nhưng tôi với anh là bạn tâm phúc đã hơn mười năm, không lẽ anh giấu tôi.

Càng :

– Đành rằng anh là bạn tâm phúc của tôi, nhưng cách biệt đã mấy năm trời, chắc đâu anh ngày nay cũng là anh ngày xưa đang, nếu tôi nói với anh mà rui anh tiết lộ cái việc của tôi ra chẳng nguy cho tôi lắm sao ?

Kềnh :

– À ! Hay là anh tính làm việc cách mạng sao ?

Càng :

– Chết chưa anh ! Việc cách mạng là việc rất nguy hiểm, ai dại gì mà làm !

Kềnh :

– Thế thì anh làm những việc gì ?

Càng :

– Việc tôi làm, thật không nên để cho người ngoài biết, tôi nể anh lắm, nên tôi phải nói với, nhưng anh phải giữ hết sức bí mật cho tôi nghe !

Kềnh :

– Vâng, tôi xin y lời anh, anh nói mau cho tôi rõ ba việc là những việc gì.

Càng :

– Ăn, ngủ, ỉa.

Kềnh nghe qua, vỗ tay cười lớn và nói :

– À ! Hèn chi người xưa có câu rằng : "Hào kiệt chí sĩ, sở kiến lược đồng". Tôi cũng chỉ làm ba việc đó như anh mà tôi cũng hết sức bí mật không dám cho người ngoài biết.

Càng :

– Ủa, té ra anh cũng chỉ làm ba việc đó sao ? Nhưng tôi hỏi anh, anh làm ba việc đó mà có thiệt lấy làm đắc ý không ?

Kênh nghe đến đó, nhú mồm nhân mặt mà nói rằng :

– Tôi nghĩ chỉ làm ba việc đó đáng sung sướng thiệt, vậy mà nào ngờ nó còn làm mình cực khổ nữa anh ạ.

Càng :

– Ba việc đó sướng chết, còn cực khổ nỗi gì mà anh than phiền, kỳ không ?

Kênh :

– Không biết bên anh ra thế nào, chứ bên tôi thời cực khổ lắm.

Càng :

– Cực khổ làm sao ?

Kênh :

– Anh coi ! Khi tôi ăn thời khổ vì những bầy ruồi xanh vây quanh quất, khi nó đậu vào đầu, khi nó đậu vào chén, có bao giờ nó cho tôi ăn được ngon đâu ! Đến khi tôi ngủ thì những muỗi với rệp lại lục đục, lò mò từ đầu tới hết, bao giờ nó cho ngủ được yên đâu. Khó chịu nhất là khi tôi ỉa, thì ba con chó chầu chực, khi nào trong ruột tôi lòi ra vật gì thì nó giành nhau, như thế chẳng mấy khi mà tôi được tự do, như thế chẳng phải là cực khổ hay sao ?

Càng :

– Vậy có lẽ anh vùng hơn tôi đó mà. Tôi hỏi anh dùng thức Nam hay thức Tây ?

Kênh :

– Tôi chỉ có thức Nam thôi chứ, tôi làm gì có thức Tây !

Càng :

– Thế thì phải rồi, chết cho anh dùng thức Nam đó. Nếu anh ăn thời lên hàng cơm Tây, ngủ thời vào buồng ngủ Tây, ỉa thời ỉa cứt Tây, e sướng như trời.

Kênh :

– Tôi tưởng anh nói làm sao, chứ như thức anh làm như vậy thời tôi lạy anh !

LỊCH SỬ CON VÁ

Năm Giáp Tuất (1934), ngày 21 tháng 5 con chó nhà tôi nuôi tên là Vá nhân mắc bệnh đầu ung từ biệt tôi về với nước chó.

Tôi thương nó. Tôi đắp mộ táng cho nó. Mộ cao rộng một thước tây, ở gần phía dưới chân sinh huyết của tôi. Ở trên mộ tôi trồng một cái bia cao ước một thước ta. Lòng bia khắc năm chữ rằng : "Nghĩa dũng cầu chi trùng" và có chừa chữ quốc ngữ "con Vá" ở dưới chữ "cầu".

Tôi làm xong có khách tới chơi. Khách rầy tôi rằng : Một con chó chết mà ông làm gì lắm việc thế ? Đã đắp mộ lại dựng bia khắc chữ, chẳng phải là quá đa sự hay sao? Hay là ông xem chó cũng như người ? Nếu quả thế tôi phải tuyệt giao với ông mới được.

Tôi nói rằng: Thưa bác, xin bác hãy im cho tôi kể. Trên trời dưới đất, ở giữa khoảng trời đất là vạn vật. Theo về bề ngoài, người với chó vẫn khác nhau xa. Nhưng theo về nguyên tắc sinh lý thì người với chó có gì phân biệt. Mà sở dĩ phân biệt là chính ở nơi tinh thần. Nếu tinh thần mà mất hết tri giác, thì người chẳng phải chó là gì ? Bác không tin lời tôi nói tôi xin kể lịch sử con Vá của tôi cho bác nghe. Xung quanh tứ bề nhà tôi rất là bọn kẻ trộm cừ : từng một phen ông bạn tôi là Lê Huân tới thăm tôi bị bọn trộm rước mất cây dù (ô) và một bộ áo lương, thậm chí trong nhà tôi có cái gì ban ngày của tôi thì ban đêm là của bọn trộm. Tôi vì thế mà phải kiếm một tên tớ giữ nhà.

Hết sức khẩn cầu đa phương chiêu trí, may mà có ông bạn tôi ở Bao Vinh đưa con Vá đến nhà tôi. Khi Vá mới vào nhà tôi, nó mới ra đời được ba tháng. Tôi xem tướng mạo nó hơi thâm trầm, lại có hơi dũng cảm. Tôi nuôi nó mới được có hai tháng, tôi đi đâu nó cũng đi theo không rời.

Một ngày kia tôi đi chơi núi Ngự Bình, vừa tới chân núi, gặp một bầy dê hơn mười con, ở trong đó có con dê xồm râu dài lắm, sừng nhọn mà cong, thấy con Vá, nó thả uy dê ra chồm lại húc Vá. Tôi lo cho Vá lắm, chỉ trông cho nó tránh mau. Chẳng dè cái tính hung hăng liều chết của Vá lại thành ra tôi liệu bất cập, nó cúi đầu sát đất ủi vào bụng dê, cắn con này xong qua cắn con nọ. Dê cũng xúm nhau húc nó, nhưng chỉ húc đụng sau đít, mà miệng Vá thời lấy bụng dê làm mục đích địa. Phấn đấu ước một giờ lâu, bầy dê đã không đủ sức áp phục được Vá, mà Vá cũng thực lực hao tổn đã nhiều.

Tôi sợ Vá bị khốn với dê, tôi kéo Vá lui; mà chủ dê cũng sợ dê có nhiều con bị chết với Vá, mới gấp lừa dê về. Tôi với Vá dắt nhau khải hoàn về nhà.

Sau khi "đình chiến" Vá mệt lắm, trọn ngày ấy cơm nước không vào miệng. Đó là một việc dưng cảm của nó. Cái dưng cảm ấy tuy cũng đáng khen, nhưng cũng nhiều khi mắc lấy cái họa "bất lượng lực".

Thưa bác, thử xem xung quanh nhà tôi ở lảng giếng phía bắc là nhà Mỗ, ở lảng giếng phía nam là nhà Mỗ. Những nhà ấy sang trọng chỉ nuôi toàn chó tây béo tốt hùng dũng. Một hôm đoàn chó ấy vào cửa nhà tôi. Con Vá hồng hộc chạy ra cắn. Thế cô sức mỏng, Vá kinh địch một hồi lâu, rốt cuộc bị thương hai mắt. Vì thế cặp mắt nó mù, tuy nó mới thọ được bảy năm. Bác ạ, cái khí dưng cảm của Vá thiệt thái quá, ta phải trách nó thiếu phần nhẫn nại, nhưng không thể không khen nó được.

Như trên kia đã kể là đại lược chữ "dưng" ở trong lòng bia, có thể lấy một vài việc lạ thường mà suy xét ra được hết.

Xưa ông Lưu Tú đời Hán nói : "Kiến tiểu địch tắc khiếp, kiến đại địch tắc dưng". Tôi phàn nàn cho con Vá của tôi, chưa bao giờ

kiến đại địch mà nó đã vội dùng hết cái sức mạnh của nó, đến nỗi đôi mắt nó mù.

Còn như về phần "nghĩa" của con Vá thì càng khiến cho tôi phải đặc biệt thương nhớ nó quá. Nó ở với tôi suốt tám năm hơn, trong miệng nó cắn người lạ có hơn trăm người, mà nó ghét thứ nhất là những người thỉnh linh vào buồng tôi nằm.

Đêm nó cũng gác ở trong buồng tôi, chẳng khác gì một tên vệ binh của Tào Tháo. Ban đêm đã thế ban ngày cũng vậy. Có một ngày kia, giữa buổi trưa tôi không nằm trong buồng, hai tên trò bé, đứa mười tuổi đứa chín tuổi, lén vào buồng lên giường tôi nằm thẳng hai chân xuống. Bỗng Vá thấy được, liền lấy miệng kéo chân bọn ấy ra. Vì thế mà tiếng dữ của nó càng ngày càng đồn khắp mọi nơi.

Lại có một lần nữa con nhà ông đốc học nọ ở cạnh ngõ nhà tôi, nhân có việc qua nhà tôi, với con ở tôi đua nhau đánh vật. Vá đâm nhào ra, đè con ở kia cắn luôn năm sáu miếng. Vì thế mà những trọc trèm nuôi muông đều để ý tới Vá.

Một ngày kia nó đưa ông bạn tôi là cố Chấu ra ga, giữa đường bị người ta thiết mưu⁽¹⁾ bắt nó, giam nó ở nhà họ từ bảy giờ mai đến tám giờ đêm mới thấy Vá chạy về thở ào ào, nằm thim thóp như hình đau mỗi lăm. Tôi lại thăm nó, thấy bên cổ nó còn có sợi dây buộc tròn, chắc là bọn bắt nhơn kia đã trói nó riết đau lắm.

Vá ơi ? Mày có nghĩa thật !

Người ta bắt mày là muốn nuôi mày. Chắc mỗi như mày biết bao thứ ngon. Sao mày bấu riu gì nhà ta chỉ có ba hột cơm hút rơi, ba miếng canh rau lạnh, và cứ ở theo ta lấy được, mạo hiểm quên chết, cho trọn chủ tớ với ta. Ta thật không thể nào quên được Vá.

(1) *Thiết mưu* : lập mưu.

Lại có một phen nữa tôi đi lên vườn trên Nam Giao, nó theo tôi, tôi đuổi nó về. Đột nhiên mất nó đến bốn ngày. Ai dè tảng sáng ngày thứ năm sắc trời còn lờ mờ, người trong nhà ngủ chưa dậy, thỉnh thoảng nghe tiếng Vá hít dưới chân tôi, tôi dậm quàng ngồi dậy, vỗ đầu nó, thấy nó tiểu tụy lạ thường, chắc là ba bốn ngày nó không ăn một hột cơm nào. Người xưa có câu : "Chó Nghiêu không ăn cơm Chích" e cũng có lẽ. Tôi vì thế mà càng đặc biệt thương yêu nó. Chẳng những thế, từ năm kia tôi nuôi một mụ ở, mụ này tuổi ngoài bốn mươi mà tính tham lam cũng phi thường. Có một đêm, mụ rình buổi tôi ngủ say, biết được bao giấy ở trong mình tôi, rình lén vào buồng, thò tay vào trong áo tôi vừa lần được bao giấy ra, thì Vá ở dưới giường làm một tiếng "hộc" rất to, chụp vào chân mụ, mụ phải vứt bao giấy chạy mau; tôi thọt dậy, thời bao giấy tôi đã chạy xuống chân giường. Tới sáng ngày mai, tôi không rầy rà gì mụ, vì thật tôi cũng không biết sự mụ đã vào buồng, nhưng mụ xin tôi cho mụ về. Đó thật là oai linh của Vá vậy.

Lại một ngày kia, nhà tôi có một tên học trò là Truy, nó mới mười bảy tuổi, tính sơ suất quá, đêm treo áo mũ ở ngoài nhà khách, đúng lúc ông trộm vào thăm đêm "chủ nghĩa lược đoạt" mang cả mũ áo toan đi mất. Chẳng dè Vá "phản đối" chủ nghĩa ấy, vừa sủa vừa theo, khiến ông trộm phải kinh hoàng thất thố, quăng cả mũ áo lại, giở gậy trong tay ra, toan dọa hăm Vá, nhưng Vá có chịu thôi đâu, cắn ngay lấy gậy, ông trộm phải bỏ gậy đi luôn. Cái lão giặc lược đoạt kia bị một phen thất bại lớn,... cũng nhờ thủ đoạn của Vá đó vậy.

Trong lịch sử Vá có nhiều chuyện như thế kể không hết. Duy có một việc này thì ở trong chủng tộc chó e con Vá là "độc nhất vô nhị", là nó hề thấy đồ ăn ở ngoài đường hay chỗ nào mà không phải trong tay chủ nhà nó cho ăn, thời nó nhất định không chịu ăn. Chó nhà tôi nuôi đồng thời có ba con, hai con trúng bả chết, duy con Vá chẳng bao giờ mắc bả. Mấy ông trộm ở xung quanh cứ hết sức bả nó, bả mãi bả hoài, mà không bả được nó, vậy nên Vá mới

sống được đến ngày nay. Tên tớ giữ nhà như con Vá mà nó chết trước tôi, tôi không thương nhớ nó sao dạng ?

Giá như người làm tôi dân một nước, vừa dưng vừa nghĩa, vừa khôn thầy đều hết sức giữ nước, cũng in như con Vá giữ nhà, thì từ xưa đến nay làm gì có vong quốc sử nữa ! Tôi nghĩ đến mà tôi phải đập mả dựng bia cho nó, khách còn bảo là đa sự mà trách tôi nữa ru ? Ôi khách chưa nghĩ đó mà !

Nhân tiện tôi xin kể một chuyện xưa ở Tàu cho bác nghe.

Xưa nước Tàu tức là nước Trung Hoa bây giờ, cuối triều Bắc Tống, vì tránh giặc Kim mà phải thiên đô về Hàng Châu, tức tỉnh Chiết Giang bây giờ gọi hiệu nước là Nam Tống. Triều vua Nam Tống gần hai trăm năm thiết quốc đô ở Hàng Châu, làng tắm nhà vua ở đó. Cuối nhà Nam Tống bị giặc Mông Cổ đào đổ xuống sông, duy có mộ ông Lâm Bô ở trên núi Cô Sơn thì không việc gì. Núi Cô là một xứ phong cảnh tốt nhất ở Hàng Châu, xung quanh bọc lấy Tây Hồ, ở trên đỉnh núi có một cái đình tên là "Phóng hạc đình" ở cạnh đình có một cái mộ, có bia đề năm chữ "Lâm tử sĩ chi mộ" tức mộ ông Lâm Bô đó vậy. Ở dưới mộ ông có mộ con hạc có bia đề hai chữ "hạc phân", đó là mộ con hạc của ông Lâm Bô nuôi vậy. Giặc Mông Cổ tuy hung dữ đào hết mộ mả của vua Tống, nhưng đến mộ ông Lâm Bô và mộ con hạc của ông Lâm Bô thời triều Mông Cổ lại sức cho phủ huyện bảo tồn. Nên xưa kia ký giả tăng một lúc chơi Tây Hồ, Cô Sơn, viếng ông Lâm và mả con hạc còn y nguyên như cũ. Nói đến đó phải nhắc qua lịch sử ông Lâm ở triều Tống Chân Tôn, văn chương đạo đức trội nhất trong một đời, nhưng không chịu làm quen với gian thần. Vua Tống trưng triệu ông nhiều lần, ông thủy chung không tới ! Tỉnh thân là Phạm Trọng Yêm phải thân hành đến nhà để khuyên ông, nhưng ông cũng không nghe. Vua Tống quá kính trọng ông cho ông cái

tên hiệu là "Hòa Tĩnh xử sĩ". Ông không vợ không con, làm nhà ở trên Cô Sơn tứ bề trồng cây mai, lại nuôi một con hạc. Ai hỏi đến vợ con, thì ông trả lời rằng: Cây mai đó là vợ, còn hạc là con. Hễ khi ông ta đi khỏi, thì dặn cho người học trò, ngộ có khách tới thăm thì thả con hạc ra làm tin cho ông biết. Vì có chuyện đặc biệt như thế nên người đời sau kỷ niệm ông, đặt ra cái đình phóng hạc... mà đến khi con hạc chết, người ta cũng xây mộ cho con hạc. Hạc phân với Lâm mộ, tới bây giờ còn chiếm một danh thắng ở Hàng Châu, mà những lăng tẩm của nhà vua Nam Tống thì chẳng còn một dấu tích gì. Bên kia mộ ông Nhạc Phi, bên này mộ bà Thu Cẩn, song song với mộ ông Lâm, mộ con hạc chới rọi ngàn thu tới bây giờ. Vậy thì bảo con hạc quý như người e cũng có lẽ, huống gì nghĩa dũng như con Vá nhà tôi thì ai còn bảo nó là chó nữa dư !

Tôi nói đến đó, khách dậy ra về, tôi quay lại viết bài ký này⁽¹⁾.

(Tuần báo *Trung Kỳ*, số 14, ngày 15-4-1936)

MẤY LỜI VĨNH QUYẾT

Phan Bội Châu, một tên dân Việt Nam, trước lúc gần chết mà chưa tắt hơi, kính có mấy lời rất thành thực từ biệt cùng anh em đồng bào.

(1) Tẩm bia mộ cụ Phan dựng cho con Vá dịch như sau :

"Vì có dũng nên liều chết phấn đấu, vì có nghĩa nên trung thành với chủ, nói thì dễ, làm thì thật khó, người còn vậy, huống gì chó."

"Ôi ! Con Vá này đủ hai đức đó, há như ai kia mặt người lòng thú ; nghĩ thế mà đau, nên dựng bia mộ chó !"

Trước kia không kể, kể từ năm 1906, khiến cho người nước kẻ ở người đi, kẻ còn người mất và bị lụy rất nhiều, toàn là tội ác về tay tôi gây nên. Mà may đến giờ, anh em đồng bào đã không ai trách tội tôi, mà lại quá thương yêu tôi, tôi thực là hổ thẹn với đồng bào ta và cảm ơn vô cùng. Trải mười lăm năm nay nằm co trong túp lều ở Bến Ngự cùng chiếc đò trên sông Hương, đoạn đời sống thừa của tôi, không việc gì đáng nói và đồng bào đã rõ thừa. Bây giờ đã đến lúc lâm biệt, xin có lời từ biệt.

Bội Châu từ xưa tới nay, đối với đồng bào đã không chút gì là công, mà lại tội ác quá nặng. Bây giờ tôi chết, thiệt là một tên dân trốn nợ và vô nợ, đồng bào có thứ lượng cho tôi thì xác tôi tuy chết mà tinh thần tôi vẫn cảm ơn đồng bào luôn luôn.

... "Người ta đến gần chết, lời nói hản lành". Nay tôi đã đến lúc "gần chết" đó, xin có mấy lời gan phỉ tỏ lời hy vọng cuối cùng với đồng bào:

Đồng bào Việt Nam ta có trên hai mươi triệu, bấy nhiêu đầu óc, bấy nhiêu tai mắt, bấy nhiêu chân tay, nếu biết thân yêu nhau, đồng lòng hợp sức làm cái bốn phận quốc dân đối với Tổ quốc... Không thể, trên mặt địa cầu sau này sẽ không có hình bóng dân tộc Việt Nam nữa, thì Bội Châu này có trốn nợ, vô nợ cũng may mà được chết trước anh em, tôi lấy làm một điều hạnh phúc.

Mấy lời trên, tôi xin từ biệt và cảm ơn đồng bào.

Kính

Phan bội Châu quyết biệt.

(Báo *Tiếng dân*, ngày 31-10-1940)

THƯ GỬI LÝ THUY⁽¹⁾

Gửi cháu yêu của tôi,

Hôm trước thấy anh Lâm⁽²⁾, anh Hồ⁽³⁾ gửi lại thư của cháu, trong đó có nói chuyện ông Hy Mã⁽⁴⁾. Dẫu là nói về sự thật, nhưng vẫn có ý tứ lắm. Và lại, lời ăn nói thật là có kiến thức. Thế mới biết cháu học vấn hơn nhiều, không phải như hai mươi năm trở về trước. Nhớ lại, khi trước tôi đến nhà cháu, uống rượu ngâm thơ, thì anh em cháu mới hơn mười tuổi cả. Lúc bấy giờ, tôi cũng chẳng ngờ rằng rồi ra cháu giỏi đến thế này. Bây giờ tôi bì với cháu thì xấu hổ nhiều lắm.

Tiếp được của cháu hai phong thư, sự thương sự mừng đều có. Thương là thương cho mình tôi, mà mừng là mừng cho cả nước. Bây giờ gặp cháu thì thấy sau này có người kế khởi rồi. Đường tối mà thành ra sáng ! Chỉ có điều tôi đã già rồi, sợ không được thấy

(1) Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc, phái viên của cục Phương Nam, bộ Phương Đông của Quốc tế Cộng sản từ Matxcova về Quảng Đông (Trung Quốc) hoạt động bên cạnh phái đoàn Cố vấn Liên Xô Bôrôđin (giúp chính phủ Tôn Trung Sơn tại Quảng Châu). Người đã tìm cách liên lạc với các nhà cách mạng Việt Nam và đã tiếp xúc được với Phan Bội Châu qua "phái viên" của Cụ là Hồ Tùng Mậu (lúc đó lấy tên là Quốc Đông). Từ đó, trong vòng vài ba tháng (từ tháng 11-1924 đến tháng 3-1925), hai người đã có dịp gặp nhau để trao đổi nhiều ý kiến, kể cả "đường lối cứu nước". Hoạt động của cụ Phan và Lý Thụy (tức Nguyễn Ái Quốc) tuy bí mật nhưng mật thám của Pháp đã thu lượm được một số thông tin liên quan. Bức thư này nằm trong tập hồ sơ mật thám tịch thu được tại nhà ở của Hồ Tùng Mậu tại Quảng Đông ngày 31 tháng 1 năm 1929.

(2) Tức Lâm Đức Thụ (Nguyễn Công Viên hoặc Hoàng Chấn Đông).

(3) Tức Hồ Tùng Mậu (Quốc Đông).

(4) Tức Phan Châu Trinh.

nữ, như thế làm sao mà không thương lòng được ? Một đời tôi tân khổ, thui thủi một mình, nay được cháu giúp vào, có nhiều người theo, lấy lại được nước nhà ắt là không khó, như thế thì sao mà không mừng được ?

Tôi rất muốn về Quảng Đông một lượt để gặp cháu, nhưng không biết cháu ở Quảng Đông lâu hay chóng. Bụng tôi còn có nhiều việc muốn nói với cháu, nhưng không gặp mặt thì nói không hết được. Nếu như không hiểm tôi già yếu thì thường viết thư cho tôi, thì hay.

Lại còn, tôi bỏ nước đi lúc bấy giờ đã gần 40 tuổi (39 tuổi đến Nhật Bản). Vả lại, không hay học hành gì được, cho nên bây giờ tri thức tôi vẫn cũ vậy. Cháu là người học rộng, hiểu biết nhiều, hơn tôi không biết bao nhiêu. Sự khôn ngoan và cách làm ăn, nhất định là tôi không sao mà lường trước được. Không biết cháu có thể cho tôi biết một vài việc không ? Tôi lấy làm mong mỏi hết sức. Xin đừng tiếc tôi. Nếu như không có cách "làm ăn" thì lại như câu nói rằng : "Chỉ làm người khách ở nước khác, kêu không hôn nước cũ thôi", không giống ông Hy Mã, thì lại giống tôi mà thôi.

Thư viết không hết ý. Xin nghĩ lại mà xét cho.

Chúc cháu bình yên.

Ngày 21 tháng giêng năm Ất Sửu (tức 13 tháng ba năm 1925)

Chỗ tôi ở đã có Quốc Đông biết, không phải nói rõ.

Thư này nhờ Quốc Đông chuyển giúp.

Bác

Ký tên : Thứ Cự⁽¹⁾

(1) *Thứ Cự* : một biệt hiệu của Phan Bội Châu, giống như các tên hiệu khác, như Sào Nam, Mễ, Trương Văn Dục, Phan Thị Hán...

THƯ GỬI PHAN CHÂU TRINH

Kính gửi Hy Mã⁽¹⁾ huynh ông,

Trông về đông thì không thể giẫm lấy bóng Phù Tang ; ngóng về nam thì không thể gọi dậy hồn Hồng Lạc. Chiếc thân lẻo đẻo, bốn bề mịt mù. Chính giữa lúc nghẹn ngào, uất ức, sống dở, chết dở ấy thì bọn con em trong nước ra cho biết ý kiến của huynh ông trong khi đàm đạo với các chú bác bên nhà... Thiệt đã gột sạch thối mắc trong đầu óc cũ và thâu hút được hết mọi luồng sóng của phương Tây mới vậy. Tinh thần tôi, lúc này, thiệt đã bay bổng đến tận chốn chân trời, khác nào chú sâu đo⁽²⁾, vừa mới rút co mình nó lại mà chốc lát duỗi ra như đợt cầu vồng muôn trượng. Ôi ! Ai làm cho tôi không cánh mà bay, không sừng mà húc mạnh mẽ như thế này ?

Ấy chính là cái luồng điện trong óc của bạn Hy Mã, nó vừa thúc giục tôi, xô đẩy tôi vậy. Chỉ vì rằng : hai mươi năm trời nay, tôi bị đắm chìm trong lớp sóng nô lệ, trên mặt biển như nhuộm, rồi say sưa với cái thuyết quân thần của bọn hủ nho, nào có biết gì là Mạnh Đức Tư Cưu, là Lưu Thoa đâu ! Nay nghe huynh ông răn sức, đem thuyết dân chủ để cổ động người nước ta... Lời nói vĩ đại làm sao ! Tấm lòng tốt đẹp làm sao ! Cái quái vật mà hàng ngàn năm nay người mình chưa hề nghe thấy, giờ đây (huynh ông) hăng hái nêu lên, thiệt cũng là những lời lẽ cực kỳ sung sướng của một người hết sức phóng khoáng. Tuy thế mặc dù, quốc dân ta ngày

(1) *Hy Mã* : tức Phan Châu Trinh.

(2) *Sâu đo co mình* : *Kinh Dịch* (Hệ từ) có câu : "Xích quái chi xuất, dĩ cầu thân dã", nghĩa là : con sâu đo, sờ dĩ co mình nó lại là cốt để rồi duỗi ra.

nay còn đang măng sữa, khác nào còn ở giai đoạn phôi thai. Răng đứa trẻ con chưa chắc mà đã đứt xương bắt nhai ; chân đi chưa vững mà lấy roi vọt khua bắt chạy, làm thế mà nó không học, không què thì thiệt là vô lý ! Tình độ quốc dân ta còn kém hẳn người Âu. Minh mảy đã đui què, tàn tật lại thêm đói rét lắm than, hằng ngày lo ăn lo mặc đã không xuể rồi. Muốn kêu to mà thúc họ dậy thì phải chờ cho đến ngày họ chường hẳn với các chính sách ác bạc mà luyện tiếc chế độ ngày xưa, rồi nhân lúc đó cho họ thấy cái hy vọng có thể nhân cơ hội này lập chút công danh, vùn vụt nổi lên như gió thổi, đập dồn vang dậy như sấm vang, cả nước đồng lòng thì may ra mới mong được việc. Bây giờ vội vã đề xướng một học thuyết không đầu không đuôi, đưa người đến giữa ngã ba, ngã bảy, tiếng đó la lên, rồi đây sẽ được mấy người tác thành ? Thế rồi những kẻ tài năng có thể gánh vác công việc, trí khôn có thể tập hợp anh em, sẽ do sự bất đồng ý kiến đó mà mâu thuẫn cùng nhau. Kẻ thù bên ngoài chưa diệt được mà trong nội bộ đảng đã chia rẽ... Dân không còn nữa mà chủ với ai ? Khi đó thì dầu huynh ông có bầu máu nóng đến mấy đi nữa, rồi chả biết rưởi vào đâu nữa đâu ! Giờ đây nghe mấy lời tôi nói đó, chắc là huynh ông sẽ mắng ngay rằng : Đồ hèn nhát ! Đồ hèn nhát ! Nhưng nào tôi có phải là người cam lòng làm nô lệ đâu ! Chẳng qua vì rằng ngày nay nếu không bảo tồn lấy một nhà để làm nô lệ cho họ... thì ắt hẳn là sẽ đem cả nước đi làm nô lệ cho người giống khác mà thôi ! Đại để lý luận và thực hành bao giờ cũng phải cân nhắc kỹ lưỡng. Ngày nay là lúc thực hành. Nếu có thể thực hiện được phương châm cứu quốc của chúng ta thì hẳn gác những câu nói cho sướng miệng lại ít lúc đã, cũng không hề chi mà. Rồi đây, mười mười lăm năm nữa, huynh ông sẽ đưa cái thuyết đó ra, thì

người đầu tiên đứng cạnh huynh ông để mà vỗ tay hoan hô sẽ là tôi vậy. Huynh ông nghĩ xem : mặt tôi có thể đi làm tôi đòi, làm chó săn đâu !

Còn điều nữa, trước đây tôi đã đi qua quý tỉnh, những người tôi đã được cùng nói chuyện đều là người tốt cả. Nhưng nói đến tài cơ ứng biến, phân tích phán đoán việc đời, thì theo ý tôi không ai bằng Tiểu La⁽¹⁾ hết. Tuy ông ta có vẻ mặt cao đạo, khí sắc lắm lúc nghênh ngang, tính lại hiếu thắng, đó là những khuyết điểm của ông ta... Nhưng cũng như Triệu Xa chịu nhường Hứa Lịch, Hàn Tín cúi đầu lạy Lý Tả Xa... Thiết tưởng đồng bào cũng nên vì nước quên mình...⁽²⁾

(1) Túc Nguyễn Hàm.

(2) Nguyên văn chép ở cuối tập *Phan Bội Châu niên biểu* bị thiếu.

III – KỊCH

TUÔNG TRUNG NỮ VƯƠNG

Lời dẫn :

Tác phẩm được sáng tác tại đất Xiêm (Thái Lan), năm 1911, và được phổ biến rộng rãi những năm 1914-1918 trở đi. Đầu tiên Phan Bội Châu viết theo thể truyện, sau đó chuyển sang lối viết tuồng (kịch) cho dễ phổ cập trong cộng đồng những người Việt Nam ái quốc đang phải lưu lạc tại Xiêm khi đó.

Với mục đích chính trị rõ ràng, nên tuy chọn đề tài có bối cảnh lịch sử thời Bắc thuộc gần 2000 năm trước nhưng qua "Tuông Trưng nữ vương", cũng như tiểu thuyết "Trùng Quang tâm sử" với bối cảnh nhà Hậu Trần và một số tác phẩm khác, độc giả rất dễ dàng nhận ra bóng dáng hoàn cảnh lịch sử đương thời và ngụ ý của tác giả.

Tác phẩm có 5 hồi. Chúng tôi chọn giới thiệu hai hồi cuối, diễn tả cao trào xung đột Trưng Trắc, Trưng Nhị với thái thú Tô Định.

CẢNH I – DINH TÔ ĐỊNH

THẨM TỬ (nói) :

Tôi là thám tử, vâng lệnh ra tuần thám biên man⁽¹⁾, nghe chị em Trưng Trắc khởi binh, viên chính tướng hiệu Thi Song nguyệt⁽²⁾. Nên tôi về bẩm cho quan được biết, để cho người thương xác⁽³⁾ làm sao.

TÔ ĐỊNH (nói) :

Ta nghe nói mà giận cho bọn quân thoa đã làm nên xốc lỗi⁽⁴⁾ (cười lớn). Như chống nó là một tên có tội, ta phải dùng nghiêm hình để cảnh tha nhân⁽⁵⁾. Như nó thiệt là một đứa chích ảnh cô thân⁽⁶⁾, dám quả quyết ngang trời dọc đất. (Hát nam) :

Quả quyết ngang trời dọc đất,

Phường nữ lưu⁽⁷⁾ mà rất phi thường.

Vì chẳng có số giàu sang,

Giá này dầu đúc nhà vàng cũng nên !

Nào quân hầu ! Kíp đòi Tô Long, Tô Hồ đến đây ông bảo.

(1) *Biên man* : dân ngoài biên thủy.

(2) *Song nguyệt* : chữ "bằng" (hai chữ "nguyệt").

(3) *Thương xác* : bàn bạc liệu tính kĩ lưỡng.

(4) *Xốc lỗi* : xốc nổi, táo bạo.

(5) Trưng trị nghiêm ngặt để răn người khác.

(6) *Chích ảnh cô thân* : một thân một bóng cô đơn, chỉ người quả phụ.

(7) *Nữ lưu* : giới phụ nữ.

LONG và HỒ (*va nói*) :

Cúi đầu dưới trướng : ngẩng mặt bên màn. Nay Long, Hồ hai con, tới hầu phụ mệnh⁽¹⁾.

TÔ ĐỊNH (*nói*) :

Nay chị em Trưng Trắc, sai Thi Bàng khắc nhật cử binh⁽²⁾. Cha xem chừng ngoài vệ trong dinh, liệu binh sự vẫn ít người đặc mệnh⁽³⁾. Rày hai con phải thay cha quyền bính, ra biên cương đồng đốc binh cơ⁽⁴⁾, việc lâm nhung⁽⁵⁾ liệu địch⁽⁶⁾ một kỳ. hai con phải nghĩ cho cẩn thận.

LONG và HỒ (*nói*) :

Trên nghiêm phụ định kế trướng duy⁽⁷⁾, dưới các con quyết ra tay trăm loạn⁽⁸⁾.

(*Hát nam*) :

Chúng con quyết ra tay trăm loạn,

Một phen cho tỉnh nạn yên dân.

(1) *Phụ mệnh* : lệnh cha.

(2) *Khắc nhật cử binh* : định ngày tiến quân.

(3) *Đặc mệnh* : mệnh lệnh đặc biệt, nhận mệnh lệnh riêng.

(4) *Đồng đốc binh cơ* : cầm quân, chỉ huy mọi việc trong quân.

(5) *Lâm nhung* : giữ việc quân.

(6) *Liệu địch* : xem xét tình thế giặc.

(7) *Trướng duy* : nằm trong màn nghĩ kế.

(8) *Trăm loạn* : dẹp loạn.

*Chi những đồ thanh giáo ngoại thân⁽¹⁾,
Luống phiền khốn tái⁽²⁾ lao quân⁽³⁾ canh phòng.*

TÔ ĐỊNH (cười to nói) :

Như hai con thiết là :

(Hát bắc) :

Phụ bất di ưu do tử hiếu

Quân vô tha lự hữu thân lương⁽⁴⁾

Như hai con thiết là : Thiếu niên anh tuấn, đảm lược xuất nhân⁽⁵⁾ ; song dụng binh chỉ yếu xuất quỷ nhập thần⁽⁶⁾ ; hai con chớ cậy mình mà khinh địch.

LONG và HỔ (nói) :

Xin nghiêm phụ hồi dinh yên quý thể. Việc biên cương phó mặc hài nhi, tới Châu Phong bắt mấy lũ nhà Thi, về nạp trước đàn trì⁽⁷⁾ lấy thưởng.

TÔ ĐỊNH (nói) :

Quyền đặc mệnh giao hai con đó, để cha về tư đệ nghỉ ngơi.

(1) Thanh giáo ngoại thân : những người tôi và người dân ở xa khu vực văn hóa của thiên triều.

(2) Khốn tái : cửa ải.

(3) Lao quân : làm khó nhọc binh sĩ.

(4) Cha không phải lo lắng vì con hiếu thảo. Vua không phải lo việc khác vì có bầy tôi trung.

(5) Đảm lược xuất nhân : can đảm mưu lược hơn người.

(6) Dụng binh cốt ở chỗ bất ngờ xuất nhập.

(7) Đàn trì : thêm sơn đó, nơi vua chúa ở.

(Tô Định vào)

LONG và HỔ (xướng danh) :

Tướng môn xuất tướng, chính Long và Hổ là ta, tài thông minh
vốn sẵn từ nhà, nghề thao lược dám rằng xuất chúng.

(Hát nam) :

Thao lược dám rằng xuất chúng,

Quyết vịn mây cuối sóng như chơi.

Anh hùng đứng giữa trần ai⁽¹⁾

Chẳng kinh sấm sét nữa loài kiến ong !

Nào chư quân ! Chọn hai nghìn dũng lược, sắp một đội tiên
phong, kéo thẳng tới Châu Phong, bắt chị em Trưng thị⁽²⁾.

(*Quân sĩ reo hò vang dậy. Long, Hổ kéo quân đi*).

CẢNH II – THÀNH PHONG CHÂU

THI BẰNG (nói) :

Nào tướng sĩ !

QUÂN SĨ (nói) :

Da...

THI BẰNG (nói) :

Nay Tô Định sai Tô Long, Tô Hổ, đề binh trực đảo⁽³⁾ Long
thành. Truyền quân sĩ lưỡng dinh, xuất thành mai phục.

(1) *Trần ai* : chỉ cõi đời.

(2) *Trưng thị* : họ Trưng.

(3) *Trực đảo* : đánh phá.

LONG và HỒ (va nói) :

Nào Thi Bằng, mi là một thằng huyền huyết⁽¹⁾. Tội án mi đang ở tay ta, dám cả gan cổ động phong ba⁽²⁾, dụ dân Việt làm đường phiến loạn.

(Hát khách) :

Tao nói thiệt :

Hạ mã tiên hàng sinh hữu lộ,
Hoành đao cảm cự tử vô cô⁽³⁾.

THI BẰNG (nói) : Cha con mi là một quân ác tặc ; sang Nam choa (chúng tao) tung độc⁽⁴⁾ đã lâu. Tội ác mi ta thể quyết bêu đầu, để báo thù cho quốc dân mới thoả.

Chúng mi đừng cậy nhiều binh mã, dám những câu mực hạ vô nhân⁽⁵⁾.

(Hát khách) :

Tao nói thiệt :

Mực hạ dĩ vô cường định sắc,
Trận tiền lưu tứ vụ nhân thanh⁽⁶⁾.

(1) Huyền huyết : mang tội chém chết.

(2) Cổ động phong ba : gây nên sóng gió.

(3) Xuống ngựa đầu hàng trước đi thì còn có con đường sống.

. Cảm ngang gươm dám chống cự chết chẳng ai thương.

(4) Tung độc : làm điều ác.

(5) Mực hạ vô nhân : dưới mắt mình không còn có người nào nữa. Ý nói khinh người.

(6) Dưới con mắt không có kẻ địch nào mạnh cả ;

Ở nơi trận tiền chớ có hoảng giọng khinh người !

Nào chư quân ! Khai thành môn nghinh địch, phát súng hiệu, chỉ huy binh, cử trận thế tung hoành, vật hứa tha nhân độn tẩu⁽¹⁾.

(Giáp chiến, Long và Hổ chết).

CẢNH III – DINH TÔ ĐỊNH

QUAN CẤP BÁO :

Cấp báo, cấp báo ! Chí nguy, chí nguy !

Nhị Tô đà trận thượng vong thì, tôi phải kíp trở về bẩm tướng công được biết.

TÔ ĐỊNH *(nói)* :

Ta nghe nói mà ruột đau chín khúc, những thương con lệ chảy hai hàng.

Ô hô ! Anh hùng nguyên vô lệ,

Ái tử tâm nan vong⁽²⁾.

(Nam thán) :

Tâm nan vong trăm đường héo dạ,

Cái thù này ta phải đền xong.

Sấm ran nổi trận dùng dùng,

Non sông hổ mặt anh hùng căm gan !

(1) *Vật hứa tha nhân độn tẩu* : đừng để cho kẻ kia chạy trốn.

(2) *Anh hùng vốn không có nước mắt,
Nhưng thương con lòng khó quên.*

(Nói) :

Nào chư quân ! Hội lưỡng dinh binh mã, phân lưỡng đồ tiến thủ.
Quyết trận này thắng tới Châu Phong, thể quyết hãn cày sâu
cuốc lỗ.

Nào chư quân ! Tao nói thiệt.

(Hát bắc) :

Thống ngã hài nhi

Đồng tượng kim hình nan tái mịch,

Sát tha thù tặc

Tám bì thực nhục thủy cam tâm⁽¹⁾

(Tô Định kéo quân đi).

CẢNH IV – THÀNH PHONG CHÂU

THI BĂNG (nói) :

Chư quân ! Nay Tô Định đem quân sang phục thù tuyết sỉ, ta
xem chừng quân thế hội phân, ta phải kíp phân binh, thừa tặc lại
tiệt kích⁽²⁾.

(1) Đau xót con ta,

Tượng đồng người vàng khôn tìm lại,

Giết quân thù kia,

Nằm du ăn thịt mới cam tâm.

(2) Thừa tặc lại tiệt kích : chờ giặc đến chặn đánh.

TÔ ĐỊNH (ra nói) :

Nào Thi Bằng ! Mi là một thằng miệng còn hơi sữa, dám cả gan khuấy nước chọc trời, làm hại ta đứt ruột vì người, thôi xuống ngựa nạp đầu cho mỗ.

Tao nói thiệt cho mi biết :

(Hát bắc) :

*Đại hải mang mang, tinh vệ hưu dinh hàm hận thạch ;
Trường đồ dăng dăng, đường lang bát sùy cảm đương xu⁽¹⁾*

THI BẰNG (nói) :

Nào Tô Định ! Mi cậy binh cường tướng dũng, toan sang đây tuyết sỉ phục thù. Ta quyết bêu đầu, bắt dung nhiều lão tặc⁽²⁾.

Tao nói thiệt :

(Hát bắc) :

*Ngô nhân thượng tại, thế binh Đông Hải chi ba,
Bắc tặc tất tru, đại thổ Nam nhân chi khí⁽³⁾.*

(1) *Bể rộng mênh mông tinh vệ thôi đừng mang đá giận ;*

Đường dài dằng dặc, châu đầu dám sánh cùng xe !

Tinh vệ : chim tinh vệ. Ngày xưa con gái Viêm đế ra chơi bể Đông bị chết đuối, hóa thành chim tinh vệ ngày ngày ngậm đá từ núi Tây Lĩnh đến lấp bể.

(2) *Bắt dung nhiều lão tặc* : không tha tên giặc già.

(3) *Thân ta còn sống thế quyết san bằng sóng Đông Hải.*

Giặc Bắc nhất định phải tiêu diệt, và phải nhả miếng mồi người Nam ra.

(Nói) :

Hạ lệnh truyền tướng sĩ, trực áp đảo trận tiền⁽¹⁾.

(Đại chiến, Thi Bằng chết).

TÔ ĐỊNH (nói) :

Khốn nạn ! Phò mã thiếu niên khích khí, một phen đắc chí không biết giữ thân, luống phien ta một ngọn gươm thần, thiên chém nó mà không sượng dạ. Nào tướng sĩ, ban sư nghị thưởng⁽²⁾, rồi ta sẽ cử binh.

(Giải tán quân sĩ tạm nghỉ).

CẢNH V – ĐẠI BẢN DOANH TRUNG TRẮC

QUAN CẤP BÁO (nói) :

Cấp báo, cấp báo ! Chí nguy, chí nguy !

Quan Thống chinh⁽³⁾ đà trận thượng vong thi, Tô lão tặc đang hãm Phong thành trong tử thế⁽⁴⁾.

TRUNG TRẮC (than) :

Ta nghe nói mà máu sôi sùng sục, ruột héo dầu dầu. Ôi lệnh diệt⁽⁵⁾ con ơi ! Xuân xanh chưa mấy tuổi đầu, vì thù nặng để thân

(1) *Trực áp đảo trận tiền* : xông thẳng vào trận tiền.

(2) *Nghị thưởng* : ban chuyện thưởng công cho quân lính.

(3) *Thống chinh* : coi việc chiến đấu, chỉ huy chiến đấu.

(4) *Tử thế* : thế nguy hiểm, thế chết.

(5) *Lệnh diệt* : cháu. Tiếng thím gọi cháu.

khinh tựa lá ! Ôi trời đất ơi ! Ôi giang sơn Tổ quốc ơi ! Đất cũ thu về hơn một nửa, ai ngờ cơ sự đến ra ri ? Âm dương đâu bỗng rẽ đôi đường ! Đau đớn thay ! Tức tối thay ! Trời ơi, công lý đi đâu mất ! Ôi lương nhân ơi ! Người hỡi tiềm linh⁽¹⁾ có thấu chăng ? Tô Định kia ! Tô Định kia ! Gớm cho mi cực tham tàn, tao thể quyết ăn gan uống tiết.

(Hát nam) :

Thế quyết ăn gan uống tiết,

Một phen này cho mi biết mặt ta.

Ba thu gánh vác sơn hà,

Một là báo phục⁽²⁾. Hai là bá vương⁽³⁾.

Nào quân hầu đòi Trung Nhị ra đây bà bảo.

(Trung Nhị ra).

TRUNG TRẮC (nói) :

Em, em ơi ! Nay Thi Bằng tuần tử⁽⁴⁾, lấy ai ra đồng đốc binh quyền ? Dạ chị rầy chín khúc rồi ren, thôi, muôn việc có lẽ nhất triều mà tận phế⁽⁵⁾. Ôi cháu ơi ! Tàn tặc ơi tàn tặc !

(Bắc than) :

Ký hữu giang sơn nghĩ hữu tổ,

Khởi vô thời vận khởi vô thiên.

(1) *Tiềm linh* : linh hồn người đã khuất.

(2) *Báo phục* : báo thù phục quốc.

(3) *Bá vương* : tranh bá đồ vương, ý nói giành lấy quyền vị.

Hai câu này lấy trong *Đại Nam quốc sử diễn ca*.

(4) *Tuần tử* : chết.

(5) *Nhất triều tận phế* : một chiều bỏ hết, hư hỏng hết.

*Khởi vô thiên, thiên hồ tự tủy⁽¹⁾,
Ngó non sông thêm rầu rĩ cho người.
Công trình kẻ biết mấy mươi,
Rưới chan giọt lệ cho người thác oan !*

TRUNG NHỊ (nói) :

Có việc gì mà chị làm đến thế ! Việc binh gia thắng bại cũng là thường. Có việc chi mà chị đã vội vàng, làm như thế cho quân tình giải thể⁽²⁾. Dem công phu ra xây trời lấp bể, há phải làm chơi. Không Thi Bằng ta cũng phải kiếm người, trong chín quận há không ai tài tướng ?

Thời không được làm thường tình nhi nữ, phải kíp ra thu xếp việc binh cơ.

LIÊN HOÀN(rà nói) :

Tôi nghe bà làm bối rối, tôi phải ra bẩm tấu một đôi lời. Sự được thua đành bởi lòng trời, công gây dựng há chờ ai thay gánh ?

Quân thế vững cốt nhờ tướng mạnh, nội thế cường⁽³⁾ ngoài ai dám thừa hư⁽⁴⁾ ? Tôi xem như bây giờ là cơ hội khả thừa⁽⁵⁾, bà làm thế tôi sợ rồi sai việc.

(1) Đã có giang sơn nên có tổ (tiên).

Há không thời vận há không trời.

Há không trời trời say như tỉnh.

(2) Quân tình giải thể : quân lính nao núng, tan vỡ.

(3) Nội thế cường : sức bên trong vững vàng mạnh mẽ.

(4) Thừa hư : lợi dụng chỗ yếu.

(5) Khả thừa : có thể nhân đó, thừa thế.

Như Trung Nhị thực là người tướng lược, nghề cung đao há nhượng bậc tài tình ; bà trao quyền đồng đốc đại binh, tôi xem thế dân tình thêm thiếp phục. Bà há phải lưỡng lự chỉ cho thêm nhọc, để nhân tâm kinh động sao nên ?

TRƯNG TRẮC (nói) :

Đương cơn tức tối, trong dạ bồi hồi, ta nói thế mà thôi, há phải rằng ta nguôi chí ? Cứ như lời con thừa là phải ! Kíp truyền tướng sĩ, hội dinh trung nghe lệnh chỉ đặc sai⁽¹⁾ !

CÁC TƯỚNG (ra nói) :

Chúng tôi khâm lệnh thừa chỉ, ứng hậu dinh trung.

TRƯNG TRẮC (nói) :

Nào chư tướng ! Nay quân thống chinh tuần tiết, ta đặc sai Trung Nhị đồng binh⁽²⁾. Nay tướng sĩ lưỡng dinh, sự như hà thương xác⁽³⁾.

CÁC TƯỚNG (nói) :

Dạ, nay tuân lệnh muội, thay quyền Nguyên soái⁽⁴⁾ ý nhân tâm suy đãi⁽⁵⁾ càng thêm xin ngọc ấn cấp ban, để chỉ huy tướng sĩ.

(1) *Lệnh chỉ đặc sai* : mệnh lệnh quan trọng đặc biệt.

(2) *Đồng binh* : xem chú thích Cảnh I. Hồi thứ tư.

(3) *Sự như hà thương xác* : sự việc ra sao hãy bàn bạc kỹ.

(4) *Nguyên soái* : một chức cao cấp trong quân đội.

(5) *Suy đãi* : tôn kính khâm phục.

TRUNG TRẮC (nói) :

Nhị em ơi ! Nay chị giao tiết việt⁽¹⁾ cho em ; em phải ra cầm lấy binh quyền ; sự như hà chị phó mặc em, để được tiện nghi hành sự⁽²⁾.

TRUNG NHỊ (nói) :

Tướng sĩ ! nay ta chúc phong Nguyên soái quyền đồng đại binh ; tảo vãn⁽³⁾ đây ta sẽ khởi trình⁽⁴⁾ khuy tặc thế⁽⁵⁾ thừa cơ tiến tiêu.

CẢNH VI – DINH TÔ ĐỊNH

CẢNH SÁT (ra nói) :

Tôi là cảnh sát, vâng lệnh ra thám sát tặc hình. Nay Trung Trắc sai Trung Nhị để binh, tảo vãn chỉ Hà thành⁽⁶⁾ tiến tiêu ; xin bẩm cho quan lớn rõ, tùy lượng cả trừ mưu !

(1) *Tiết việt* : cờ hiệu và gươm hiệu lệnh.

(2) *Tiện nghi hành sự* : tùy tiện mà làm việc.

(3) *Tảo vãn* : sớm tối.

(4) *Khởi trình* : bắt đầu lên đường.

(5) *Khuy tặc thế* : dò xem thế giặc mạnh yếu.

(6) *Hà thành* : thành Hà Nội (hồi ấy dinh Thái thú đóng ở Liên Lâu, Hải Dương chứ có đóng ở Hà thành đâu, mà tiếng Hà thành hồi ấy làm gì đã có !).

TÔ ĐÌNH (nói) :

Quái sát tha ! Quái sát tha⁽¹⁾ ! Trung tử Trung muội⁽²⁾ ; gớm cho mi phận như ruồi muỗi, dám cả gan chống với long lân⁽³⁾ ! Ôi chà chà ! Nữ tướng gớm thay chọc mặt trời mà không sợ nóng ! Nào tướng sĩ ! Kíp hội tại dinh trung nghe lời phán chỉ !

TƯỚNG SĨ (ra nói) :

Chúng tôi vâng lệnh tuyên triệu, kíp ứng hậu công dinh !

TÔ ĐÌNH (nói) :

Nay Thi Bằng đã táng thân vô địa, mà Trung Trắc còn dám hồ thị⁽⁴⁾ Phong Châu, ta kíp phải trừ mưu, để phân quân tiến tiêu !

Nào tướng sĩ ! Truyền các dinh các vệ, tuyển dũng tướng năm nghìn, kéo thẳng tới Chu Diên, để thừa cơ tiết kích.

(Nam hành) :

Thẳng tới Chu Diên tiết kích,

Quyết tải trừ mấy lũ thiên kiêu⁽⁵⁾

Ba quân chỉ ngọn cờ điều⁽⁶⁾

Đạo ra Phúc Lộc đạo vào Chu Diên.

(1) *Quái sát tha* : Ghê gớm cho quân kia ! Đáng ghét cho quân kia !

(2) *Trung tử Trung muội* : Trung chị, Trung em – tức là Trung Trắc, Trung Nhị.

(3) *Long lân* : hai loại thú khỏe, dữ. *Long* : con rồng. *Lân* : con kì lân.

(4) *Hồ thị* : nhìn một cách tham tàn.

(5) *Thiên kiêu* : tụi giặc trời kiêu ngạo.

(6) *Cờ điều* : cờ hồng, cờ đỏ.

CẢNH VII – THÀNH PHONG CHÂU

TÔ ĐỊNH (nói) :

Truyền tướng sĩ phân binh hạ trại, dời giấc sang quyết toả tiền phong !

TRUNG NHỊ (đứng trong thành) :

Nay Tô Định đem quân sang cự chiến, truyền chư quân đội ngũ chỉnh tề, phân lương đạo thừa cơ giáp kích.

(Hát tấu mã) :

*Nhất mã đơn đao áp trận tiền,
Long xà quyên địa khởi vân yên⁽¹⁾*

TÔ ĐỊNH (nói) :

Này Trung Nhị ! Chị em mi phận như ruồi muỗi, dám cả gan chống với thiên binh. Tao nói thiệt :

(Hát bắc) :

*Hổ lực hùng oai, trả nhữ đầu huyển ngô lợi kiếm⁽²⁾,
Thương hại cho chị em mi :
Kiểu tu nhược chất, hữu hà can cảm cự thiên binh⁽³⁾,
Hạ lệnh truyền chư quân, bất dung nhiều chữ mệnh !*

TRUNG NHỊ (nói) :

Nào Tô lão tặc, mi dám cậy nhiều quân mà nói những điều khinh bỉ, tao nói cho mi biết.

(1) Một ngựa một gươm xông thẳng vào trận tiền.

Như rồng rắn cuốn đất tung mây mù.

(2) Sức hổ, oai hùng, ta sẽ chém đầu người treo dưới kiếm sắc.

(3) Thân mềm phận yếu có gan đâu mà dám chống với quân trời.

(Hát bắc) :

Mã thượng thân phong, sinh kiếm đao sát tha, cừu tặc⁽¹⁾.

Mi thử giao phong⁽²⁾ một hội !

Thủ trung bảo kiếm, trăm nhũ đầu tuyết ngũ dân oan⁽³⁾.

(Nói) :

Nào tướng hiệu ba quân ! Cấp cấp tiến lai giáp kích !

(Đại chiến, Tô Định thua chạy).

TRUNG NHỊ (nói) :

Ta mới ra oai đó, mà Tô Định đã chạy dài, truyền quân sĩ trong ngoài, hãy hồi dinh báo tiếp⁽⁴⁾.

TRUNG TRẮC (nói) :

Trung Nhị em ơi ! Ngày nay thế giặc tuy thua, ngày mai hẳn tái cử⁽⁵⁾. Em phải phục binh yếu xứ⁽⁶⁾, đợi nó sang lương lộ giáp công⁽⁷⁾. Chi đề binh trực hướng trận trung⁽⁸⁾, kẻ tội ác cho nhân tâm cảm kích.

Truyền quân sĩ tận phục⁽⁹⁾.

(1) Trên ngựa múa gươm thần, phóng đao sắc giết quân thù kia.

(2) *Giao phong* : đánh nhau bằng gươm, giáp lá cà.

(3) Bảo kiếm trong tay, chém đầu người rửa oan cho dân ta.

(4) *Báo tiếp* : báo tin chiến thắng.

(5) *Tái cử* : lại ra quân.

(6) *Yếu xứ* : nơi hiểm yếu.

(7) *Lương lộ giáp công* : hai đường cùng đánh lại.

(8) *Đề binh trực hướng trận trung* : đem quân thẳng vào trước trận.

(9) *Tận phục* : ăn nấp hết.

TÔ ĐỊNH (gọi Tô Nương ra bảo) :

Bởi vì ta khinh địch, cho nên mới thua công. Con phải đi cùng bố, ra lo việc đồng nhung, hội tướng tá khu binh⁽¹⁾ tiến tiêu.

(Tô Định, Tô Nương và tướng tá ra).

TÔ ĐỊNH (nói) :

Nào tướng hiệu, cấp cấp khu binh lai tiết chiến.

TÔ ĐỊNH và TÔ NUƠNG (hát tẩu mã) :

Điện xiết phong phi đằng ký mã,

Hùng hoàn hổ hám tráng quân thanh⁽²⁾.

(*Quán của bà Trưng đứng dậy, tiếng hò reo ầm trời, Trưng Trắc và Trưng Nhị đứng trước trận nói*).

TRUNG TRẮC (nói) :

Này Tô Định ! Mi là một thằng tham bạo, mấy lâu nay đắc chí hoành hành, thế ta phải ra binh để vì dân trừ hại. Quan Hàn lâm⁽³⁾ phụng chỉ đem hịch văn⁽⁴⁾ kể tội cho nó nghe.

(*Quan Hàn lâm đứng trên mặt thành đọc hịch văn*)

(*Hịch văn rằng*) :

Mặt mù trời đất, thảm thương dân gặp buổi quai khuê⁽⁵⁾ đổi biển bể dâu, tức tối kẻ đương tay hung ác.

(1) *Khu binh* : đưa quân đi đánh.

(2) *Sét vang, gió giục rền vó ngựa.*

Ầm ầm sát khí tiếng quân reo.

(3) *Hàn lâm* : một chức quan văn lo việc giấy tờ chiếu chỉ sắc phong trong triều đình.

(4) *Hịch văn* : bài hịch.

(5) *Quai khuê* : nghiêng ngả, trái trời.

Bể tuyền sóng giận, núi đắp thành sầu ; chúng mi là một thằng Bắc tặc, sang cứ Nam Giao, chưa máu tham kinh hồ⁽¹⁾ đã quen, thừa khí thế tỳ hưu càng mạnh.

Mấy nghìn năm nước tổ, cam bề nội thuộc ; kiếp gia nô⁽²⁾ bao xiết kể lâm than. Năm mươi triệu thương sinh⁽³⁾, mang tiếng ngoại thân⁽⁴⁾, vẫn cúi mặt đành thân trâu ngựa.

Ghê gớm nổi đá dần trên trứng, biết bao giờ cháu đấu cùng voi. Phường anh hùng đau ruột những chưa nguôi, kẻ lê thứ⁽⁵⁾ căm gan mà chịu cực. Đến bây giờ mi sang trấn thủ giữ đất An Nam. Lòng tham, dâm so với trước gấp mười, tội ác độc kể như nay biết mấy ! Lục khắp non xanh bể thẳm, nào kỳ trân, nào trọng bảo ; xách túi tham vơ vét biết bao vừa. Dựa cùng xóm chợ làng quê, nào gái đẹp, nào của ngon ; giăng lưới dọc bờn chài sao cho chán.

Gia dĩ⁽⁶⁾, trong nước lắm tuồng chó lợn ; khéo thay công rắn cắn gà nhà ; lạ chi đời lắm thứ một sâu xui giục rước voi giày mả tổ. Để cho mi lòng điều mật ác, tham gồm là tham ; nọc rắn miệng hùm, độc ghê là độc !

Gươm chuyên chế kẻ đưa vai sẵn, lẽ công bình ai dám rĩ hơi. Súng cường quyền nhừ trước mặt trơ, đường nhân đạo thấy đều mất vía.

(1) *Kinh hồ* : kinh là con cá kinh dữ tợn. Kinh hồ có nghĩa là dữ tợn.

(2) *Gia nô* : đũa ở.

(3) *Thương sinh* : chỉ nhân dân.

(4) *Ngoại thân* : không phải thân dân.

(5) *Lê thứ* : chỉ quần chúng nhân dân.

(6) *Gia dĩ* : thêm vào đó.

Có kẻ mày râu chải chuốt, chẳng qua là lợn cũi chim lồng, nhiều người xiêm áo bảnh bao, quen thói những mặt tôi mũi tớ !

Thế ta phải xấn cánh quân thoa, ra tay cân quắc, chua cay bao nài, cửa các phòng khuê, bỏ liễu quân chi dầm mưa dãi nắng.

Gươm ba thước rạch ngang cơn gió bụi ; võ tay ra gánh vác lấy non sông. Xe một vùng rong giữa cuộc gai chông ; thổ tiếng gọi cứu vớt cùng chủng tộc.

Bốn phương mây hợp⁽¹⁾, tám cõi sấm ran⁽²⁾, bể oán sóng vùi gập cơn tố đến ; sông thù nước tức, gập lúc dề tan. Ác độc mi trời đất cũng ghê nanh, nước Đông hải rửa sao cho sạch ?⁽³⁾. Tội ác mi âm dương cùng để dạ, tre Nam Sơn viết chẳng hay cùng⁽⁴⁾.

Ta kể lược mấy điều, mi lắng tai nghe cho xiết :

Điều thứ nhất : tàn bạo giết kẻ trung lương⁽⁵⁾.

Điều thứ hai : dâm dục hiếp phường phụ nữ.

Điều thứ ba : tham nhũng thu hết trên châu.

Điều thứ tư : ngược đãi những người lương thiện.

Điều thứ năm : lấy cường quyền áp chế lẽ công bình.

Điều thứ sáu : đánh thuế hết nơi quan thị⁽⁶⁾.

(1) *Bốn phương mây hợp* : ý nói anh hùng bốn phương kéo về ứng nghĩa.

(2) *Tám cõi sấm ran* : tiếng tăm của cuộc khởi nghĩa vang xa ra tám cõi.

(3), (4) Hai câu này nguyên là một câu chữ Hán trong sách xưa. Cụ Phan dịch từ câu : Quyết Đông hải chỉ ba lưu ác nan tận. Khánh Nam Sơn chi trúc thư tại vô cùng.

(5) *Trung lương* : người ngay thẳng, có lòng vì nước vì dân.

(6) *Quan thị* : cửa chợ.

Điều thứ bảy : cấm các quan tân⁽¹⁾ không cho buôn bán.

Điều thứ tám : bắt các địa phương cống nộp thổ nghị⁽²⁾.

Điều thứ chín : dung kẻ thừa hành làm hại trong dân.

Điều thứ mười : bắt con gái chôn sống làm ma giữ cửa.

Ấy mười điều ác cực, nhân dân ai cũng căm gan ; trải năm sáu năm tròn, non nước đâu đâu đều ghét mặt.

Nay giữ cờ nghĩa ngang trời, quân dấy chặt đất, cho mi biết mặt con gái An Nam⁽³⁾ ; coi đó giữ hôn quân Ngô⁽⁴⁾ bên Bắc. Lẽ loạn⁽⁵⁾ rồi ắt là trị⁽⁶⁾ đến, vang một tiếng trong ngoài sấm dậy, chỉ non Nam thể chẳng đội trời chung.

Thế bĩ⁽⁷⁾ rồi hẳn có thái lai⁽⁸⁾ ; vậy ba quân sau trước mây ùn, trông cõi Bắc quyết thu về đất cũ.

Nào Tô lão tặc, biết tội mi chăng ?

(1) *Quan tân* : cửa sông, bến đò.

(2) *Thổ nghị* : tính chất bầm khí của từng vùng. Ở đây có nghĩa là sản vật đặc biệt từng địa phương.

(3) *An Nam* : tên nước ta về đời Lý Anh Tông.

(4) *Ngô* : nhà Đông Ngô đời Tam Quốc. Người Việt Nam ta ngày xưa thường dùng chữ Ngô để chỉ nước Trung Hoa, người Trung Hoa.

(5), (6) *Loạn* : lúc rối ren loạn lạc. *Trị* : thái bình thịnh trị, tức là lúc bốn phương yên lặng, trong nước nhân dân làm ăn yên ổn, việc chính trị vững vàng. Loạn và trị luôn đối lập nhau, hết loạn đến trị, hết trị đến loạn.

(7) *Thế bĩ* : lúc mặt vận, gặp điều rủi ro chẳng lành.

(8) *Thái lai* : thái bình yên ổn.

TRUNG TRẮC (nói) :

Tội ác như thế là ắt hẳn quỷ thần trời đất cũng không dung, sai ta ra thu phục Nam, Trung, để tảo trừ Bắc khấu⁽¹⁾. Nào chư quân ! Vật hứa tha nhân độn tẩu⁽²⁾, yếu cấp sinh cầm⁽³⁾ !

TÔ ĐỊNH (*ngỏảnh bảo Tô Nương*) :

Ôi con ôi ! Thần Long thất thế ; vô xứ tàng thân⁽⁴⁾ ! Cùng đường phải bước gian truân ; thời cuộc đời nhất triệu hũ⁽⁵⁾.

TÔ NUƠNG (nói) :

Ôi phụ thân ôi ! Cơ sự đến thế này khôn đường tránh khỏi, con xin liều mình chống chọi, cha phải cải trang may thoát khỏi trùng vi⁽⁶⁾.

Ôi phụ thân ôi !

Bốn bề đạn phát tên bay,

Từ sinh liêu giữa trận này với thân !

Ôi phụ thân ôi !

TRUNG NHỊ (nói) :

Nào chư quân ! Cử bát môn trận thế⁽⁷⁾ an bài⁽⁸⁾ hay tam quân canh phòng nghiêm mật.

(1) Bắc khấu : bọn giặc phương Bắc.

(2) Đùng để cho kẻ kia chạy trốn.

(3) Cầm phải mau mau bắt sống lấy.

(4) Không có chỗ giấu thân.

(5) Nhất triệu hũ : một chốc mà hết.

(6) Trùng vi : vòng vây.

(7) Bát môn trận thế : một thế trận sắp làm tám cửa (theo binh thư binh pháp ngày xưa).

(8) An bài : dàn ra, bày ra.

TÔ NUỜNG (nói) :

Ôi phụ thân ôi ! Thà liều một mình con, xin cha kíp trở sinh môn tiếm hồi⁽¹⁾ ! Ôi phụ thân ôi !

(Tô Nương xông vào giúp chiến. Tô Định chạy thoát, Tô Nương bị tử trận. Từ Phú và Trần Quý ra hàng)

TỪ PHÚ và TRẦN QUÝ (ra nói) :

Nay Tô Định đã chạy về Bắc quốc, sơn hà thu lại nước Nam ta. Chúng tôi cùng dân nước dân nhà, nhờ lượng bể thương cho một phận.

TRUNG TRẮC (nói) :

Như các anh đều theo đị loại mà tàn hại dân ta ; tôi tớ người mà phụ bạc với người. Tội các anh đã thấu đến đất trời, người muốn thứ mà trời sao muốn thứ. Thôi chẳng chém các anh làm chi nữa, cho đơ ngọn gươm thần. Cho các anh ra lạy tạ quốc dân, quốc dân tha thì ta cho sống.

TRẦN QUÝ và TỪ PHÚ (nói với nhau) : Thôi thế sự đến đường này là cực ! Sống càng thêm hổ thẹn với giang sơn. Lượng khoan dung tuy chẳng sát hàng⁽²⁾, còn mặt mũi nào đối với quốc dân nữa ? Sống cũng rứa chết cũng rứa, chẳng thà là khuất mặt cho xong.

(1) *Sinh môn* : cửa tháo thân, cửa thoát chết. *Tiếm hồi* : trốn về.

(2) *Sát hàng* : chém người đã đầu hàng.

CẢNH I – ĐẠI BẢN DOANH TRUNG TRẮC

TRUNG TRẮC (nói) :

Nào tướng sĩ ! Nay đã tẩy thanh Bắc khấu⁽¹⁾ hoàn ngã Nam bang⁽²⁾, chín quận rày đã thu lại bản chương gánh thù sỉ nhẹ nhàng như ai cất. Còn một nỗi tình riêng chứa chất, nỗi u buồn chưa dứt dây oan. Thế phải lo mở cuộc trai đàn⁽³⁾, nhờ Phật pháp siêu sinh tịnh độ⁽⁴⁾.

Nào hê nhỏ ra đây bà bảo.

Hê (nói) :

Dạ lady bà ! Ngày kia con khinh hai bà không làm chi được cho nên con lánh trước giữ thân, kéo chẳng may lỡ bước sa chân, thời hay hóa dở. Ai ngờ hai bà làm ra đường thật, thẳng cha Tô Định chày dài, tôi làm cách bắt cá hai tay, tôi chẳng đi mang tiếng.

TRUNG TRẮC (nói) :

Con cứ ra bà bảo, không việc gì. Như các con ai sá kể chi, mà con phải sợ.

Hê (ca hát) :

*Cây cao gió đánh thì thùng,
Ai về bên ấy nhấn cùng bà con.
Nước nước, non non, non non, nước nước,
Chữ quyền, chữ tước, ai nỏ mon men.*

(1) Tẩy thanh Bắc khấu : quét sạch giặc Bắc (chỉ quân nhà Hán).

(2) Hoàn ngã Nam bang : thu lại nước Nam ta.

(3) Trai đàn : lập đàn cúng vong hồn người chết.

(4) Nhờ phép Phật làm cho hồn người chết được mát mẻ siêu thoát.

*Đồng bạc đồng tiền, ai không lóc lém⁽¹⁾
Chui lòn khắp chốn, vì nó mà thôi
Chạy vạy khắp nơi, vì nó mà thế.
Khinh cha khinh mẹ, vì đó mà ra,
Quên nước quên nhà, vì đó mà đến...
Cha chị hể rón rén, cũng vì đó mà lo,
Mẹ chị hể cay có, cũng vì đó mà rồi.
Nói chi thì nói, đây cứ mặc đây,
Thấy sung sướng thấy, tớ sung sướng tớ.
Dạ lạy bà, bà đòi con ra có việc gì ?*

TRUNG TRẮC (nói) :

Nay bà có làm lễ siêu độ⁽²⁾ cho ông, con phải đi mời cho bà một ông sư, vài chú tiểu nghe con !

Hề (nói) :

Dạ dạ ! Con tưởng bà sai con đi đánh giặc ở đâu, thì con định tìm cách chối mau, nỏ (chẳng) dập bệnh này thì cũng sinh tật khác. Hay chi việc ấy, thì con chạy rất mau ! Lạy bà con xin đi.

CẢNH II – CẢNH ĐÀN TRƯỜNG

HOÀ THUỖNG (tung kinh) :

*Từ ngày cắt tóc đi tu
Tung kinh độc lập ở chùa Duy tân.
Một niềm khẩn vái ân cần,
Tu cho ích quốc lợi dân mới là.*

(1) *Lóc lém* : thèm thuồng, ao ước một cách khát khao.

(2) *Lễ siêu độ* : lễ cầu hồn cho người chết được giải hết mọi điều oan trái gọi là lễ siêu độ (siêu sinh tình độ – danh từ nhà Phật).

*Tu cho mở trí dân ta,
Tu cho độ được nước ta phú cường.
Lòng thành đốt một nén hương,
Nam mô Phật tổ Hồng Bàng chứng minh⁽¹⁾ !*

(Xướng danh) :

Tôi là hoà thượng, dựa cửa thiền môn⁽²⁾. Thiên hạ ai ai mắc lấy tai oan, phục Phật pháp siêu sinh tịnh độ. Oán hà thiên bích lăng⁽³⁾ ; khổ hải vạn trùng ba⁽⁴⁾, dục miên nô tỳ kiếp⁽⁵⁾, tu niệm Phật Di Đà⁽⁶⁾. Nam mô⁽⁷⁾ A Di Đà Phật.

(Thiết đàn làm lễ).

Nam mô Bồ Tát

Chí hách chí linh⁽⁸⁾.

Tịnh độ siêu sinh⁽⁹⁾.

Thiên oan vạn nghiệt⁽¹⁰⁾.

Nam mô A Di Đà Phật.

(Lễ tất).

(1) Bài này trích từ bài *Cất tóc đi tu* – Văn thơ Đông Kinh nghĩa thực (1907).

(2) *Thiền môn* : cửa nhà Phật.

(3) *Oán hà thiên bích lăng* : nghìn lớp sóng oán giận cửa sông.

(4) *Khổ hải vạn trùng ba* : vạn lớp sóng khổ ải của bể.

(5) *Dục miên nô tỳ kiếp* : muốn được khỏi kiếp nô tỳ.

(6) *Tu niệm Phật Di Đà* : cầu đức Phật Di Đà.

(7) *Nam mô* : tiếng gửi, xin gửi lòng tin vào (đức Phật).

(8) *Chí hách chí linh* : rất hiển hách, rất linh thiêng.

(9) *Tịnh độ siêu sinh* : cầu cho thoát khỏi cảnh trần tục để lên đất Phật.

(10) *Thiên oan vạn nghiệt* : nghìn điều oan trái, vạn điều cay nghiệt.

CẢNH III – ĐẠI BẢN DOANH TRUNG TRẮC

TRUNG TRẮC (nói) :

Nay thiên hạ đã yên chăm tịch⁽¹⁾, việc triều cương⁽²⁾ ta phải định quyền hành.

TUỐNG SĨ (nói) :

Dạ bẩm lệnh bà ! Dân tộc thoát vòng tai ách, gia thù quốc sỉ rửa sạch là cam. Xin chính vi hiệu⁽³⁾ dĩ phủ Nam Bắc nhân tâm⁽⁴⁾, để lo việc thủ thành mới phải.

TRUNG TRẮC (nói) :

Vì nợ nước thù chồng là nặng, phải đem mình ra gánh vác sơn hà ; nhờ quý thân chiếu giám⁽⁵⁾ không xa, trong một hội tặc đồ bốn bắc.

Nghĩ như phận tôi là phường cân quốc, dám đâu đương chức cả ngôi cao.

TUỐNG SĨ (nói) :

Nam Giao mấy cõi, thu lại cửa nhà, cũng nhờ chị em bà, để làm gương cho hậu đại.

Nhân tâm quy⁽⁶⁾, tức thiên mệnh tại⁽⁷⁾. Ngự ngôi rồng⁽⁸⁾ há lẽ nhường ai ?

(1) Yên chăm tịch : ý nói yên giấc ngủ.

(2) Triều cương : kỷ cương triều đình.

(3) Chính vi hiệu : xưng vương, lên làm vua.

(4) Phủ Nam Bắc nhân tâm : phủ dụ, an ủi lòng dân Nam Bắc.

(5) Chiếu giám : chứng giám.

(6) Nhân tâm quy : lòng người theo về.

(7) Thiên mệnh tại : đúng lệnh trời.

(8) Ngự ngôi rồng : lên ngôi vua.

TRUNG TRẮC (nói) :

Tướng sĩ đã nói thế, nên tôi phải vâng lời ! Truyền tướng quân thiết lập trai đàn, lễ thiên địa quỷ thần, để cho trăm⁽¹⁾ dâng đàn bái mệnh⁽²⁾.

(Trung Trắc ngồi vào ngai vàng. Tướng sĩ đồng chúc : vạn tuế !)

TRUNG TRẮC (nói) :

Nay giờ tứ hải đồng xuân⁽³⁾, Cửu Chân nhất thất⁽⁴⁾, thật là trên nhờ tổ đức, dưới đội ơn dân. Như trăm nay, đem bạc kinh bố quần thoa⁽⁵⁾, mà dám đương phần tư cốn phủ⁽⁶⁾, thật là không phải cùng tướng sĩ, cùng nhân dân lắm đó.

Nay giờ quốc dân suy đái⁽⁷⁾, tướng sĩ hàm tôn⁽⁸⁾, thế trăm khó từ nan, phải đảm đương dân chủ⁽⁹⁾. Trăm nghĩ lại ba năm nay chiến trường gian khổ, gió bụi lắm than : kẻ liễu mình không nghĩ đến thân oan ; người bỏ xác để theo phần nghĩa khí. Bây giờ, kẻ còn lại thấy trò vinh hiển, kẻ khuất đi bụi cát dập vùi, nghĩ đến phen chín khúc bồi hồi, dầu chung đỉnh ăn ngôi sao có thoả ? Và

(1) Trăm : tiếng xưng của vua, như chữ "ta".

(2) Dâng đàn bái mệnh : lên đàn nhận sứ mệnh.

(3) Tứ hải đồng xuân : bốn bể yên vui, sống trong cảnh mùa xuân.

(4) Cửu Chân nhất thất : nhân dân cả quận Cửu Chân như một nhà.

(5) Kinh bố quần thoa : thoa bằng gai, quần bằng vải. Ý nói người đàn bà mặc áo quần sơ sài đơn giản.

(6) Tư cốn phủ : ý nói nhờ ơn cớm áo của vua.

(7) Suy đái : suy tôn, ái ái. Ý nói tôn trọng, kính phục, kính mến.

(8) Hàm tôn : đều tôn lên.

(9) Dân chủ : chủ của dân, khác với nghĩa dân làm chủ ngày nay.

lại như phường dụng võ, công thành bại trận⁽¹⁾, đem quân công⁽²⁾ bao thưởng ấy là thưởng. Kể vô danh mà giữ lấy can trường, biết tiếc nước, biết thương dân là mấy có ? Trẫm trước phải tin người liệt phụ⁽³⁾, để làm gương cho người thế soi chung. Thị vệ ! Kíp đòi cố nhà dò ở sông Bạch Đằng tới ứng hậu nghe lời trẫm phán !

CỐ HOE BÀ (ra nói) :

Cúi đầu trăm lay, ngẩng chúc muôn năm. Tôi chống dò ở bến Thanh Lâm⁽⁴⁾ vâng lệnh chỉ đến hầu tử các.

TRUNG TRẮC (nói) :

Hỡi cố bà ! Cố có lòng thương dân thương nước, giận lũ Hán quan. Vì cháu ta mà giúp buổi gian nan, vàng trăm lạng gọi là trả nghĩa. Chúc cố về quê cho mạnh khỏe, để làm gương cho trai trẻ biết noi.

CỐ HOE BÀ (nói) :

Dạ ! Phụng mệnh.

(Lui ra)

CỐ ÔNG (nói) :

Ghe góm ! Tao nghe đòi mà hồn lên ngọn cơn (cây) bà ạ ! May, may ra mần răng (lầm sao) ? Có bà chớ cứ như tao cả thì giờ hay phải tội bà hề ?

(Hai cố vào).

(1) Công thành bại trận : ý nói thắng lợi, thắng trận.

(2) Quân công : đây là một hình thức thưởng công cho quân đội.

(3) Liệt phụ : cũng như liệt nữ.

(4) Thanh Lâm : tên đất.

TRUNG TRẮC (nói) :

Thi Bằng là một người niên thiếu, đem thân ra rong ruổi chốn nhùng trường⁽¹⁾, gian nan hai mươi mấy nhương sanh, thu phục bốn mươi thành trở lại. Khi chẳng may trời làm thiệt hại, đứt trẫm chân tay⁽²⁾, nghĩ lại càng trăm nỗi đắng cay, thế cùng phải cắn răng mà chịu. Nay trăm truy tặng Bình Bắc⁽³⁾ thượng tướng. Bảo chúng⁽⁴⁾ quân công, giao triều đình các hộ lương công⁽⁵⁾ tạc bia đá tượng đồng kỷ niệm.

Còn chư tướng lâm nguy tỵ hiểm⁽⁶⁾, chốn nhùng trường nếm mật nằm gai, trăm ban cho tước lộc hữu sai⁽⁷⁾, đều thiếp hạp thánh triều vũ lộ⁽⁸⁾.

Nam sơn Lê Tư Thụ⁽⁹⁾ luận công phong Tả tướng chương dinh, Nam sơn Mai Tất Thành⁽¹⁰⁾ thăng thụ Quân trung đô úy.

(1) *Nhung trường* : chỉ nơi chiến địa.

(2) *Đứt trẫm chân tay* : chặt tay chân của trẫm.

(3) *Bình Bắc* : trừ giặc Bắc (*giặc Bắc* : quan quân nhà Hán).

(4) *Bảo chúng* : gìn giữ giống nòi.

(5) *Lương công* : thợ giỏi, thợ khéo.

(6) *Tỵ hiểm* : đã gặp phải hiểm nghèo.

(7) *Hữu sai* : có khác nhau, thứ bậc trên dưới.

(8) *Vũ lộ* : mưa móc. Ôn vua ví như mưa móc rưới đều xuống cây cỏ ;
Thánh triều vũ lộ : ơn của triều đình, ơn của vua.

(9), (10) Tên những người này không thấy trong lịch sử.

Còn Liên Hoàn là một tên thị nữ⁽¹⁾ cũng từng phen thành toán miếu đường⁽²⁾ trầm kén trong văn võ lưỡng ban, để trạch phối⁽³⁾ cho đáng đôi đáng lứa.

Còn quân sĩ trận vong⁽⁴⁾ mấy đứa, đòi thân nhân ban tống tuất⁽⁵⁾ cho phu⁽⁶⁾.

VĂN VÕ (đồng chúc) :

Sơn ngôn⁽⁷⁾ vạn tuế ! Sơn ngôn vạn vạn tuế ! Cúi đầu dưới ngọc bệ, xin cúi tạ thiên ân⁽⁸⁾ !

(Trống đổ hồi ! Bãi trào).

CHƯƠNG THẦU phiên âm

(1) *Thị nữ* : con gái hầu của vua chúa.

(2) *Thành toán miếu đường* : một câu trong *Tôn tử binh pháp*. Có nghĩa là tính toán mưu cơ nơi miếu đường ; trừ tính chiến lược chiến thuật trước khi cất quân đi đánh. Ở đây có nghĩa là đã góp phần trong công cuộc đánh giặc, gây dựng nên cơ đồ.

(3) *Trạch phối* : gả bán, chọn gả. Xây dựng cho nên vợ nên chồng.

(4) *Trận vong* : bỏ mình trong chiến tranh.

(5) *Tống tuất* : tiền cấp để an ủi các gia đình có chiến sĩ bị hi sinh trong khi chiến đấu.

(6) *Cho phu* : cho chồng.

(7) *Sơn ngôn* : cũng như sơn hô, tung hô. Tiếng hô to để chúc tụng.

(8) *Thiên ân* : ơn trời. Ôn của vua, cũng có thể xem là ơn trời vì vua là thiên tử.

MỤC LỤC

<i>Lời giới thiệu</i>	5
Phan Bội Châu (1867 – 1940)	7
Đường văn của nhà cách mạng Phan Bội Châu	9

THƠ, VĂN VẦN

Bái thạch vi huynh phú	21
Chơi xuân	26
Xuất dương lưu biệt	27
Hải ngoại huyết thư	28
Ái quốc	52
Ái chủng	54
Ái quần	56
Văn tế Phan Châu Trinh	58
Bài ca chúc tết thanh niên	64
Đêm trăng hồi bóng	65
Đêm ngồi một mình	68
Đêm mưa thương người bán bánh rao	69
Tạ ơn người cho lịch năm mới	70
Câu đối tự văn trước khi chết	71
Từ giã bạn bè lần cuối	71

VĂN XUÔI

Sùng bái giai nhân	73
Việt Nam quốc sử khảo	94
Việt Nam vong quốc sử	115
Tàn Việt Nam	134
Ngục trung thư	141
Chân tướng quân	147
Tước thái thiên sư	165
Tái sinh sinh	180
Việt Nam nghĩa liệt sử	213
Trùng Quang tâm sử	218
Phan Bội Châu niên biểu	243
Quan niệm của tôi đối với văn chương	261
Lối thi từ mới	265
Kênh và Càng	268
Lịch sử con Vá	271
Mấy lời vĩnh quyết	276
Thư gửi Lý Thụy	278
Thư gửi Phan Châu Trinh	280

KỊCH

Tuồng Trưng Nữ vương	283
----------------------	-----

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc NGÔ TRẦN ÁI

Phó Tổng giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Biên tập :

PHẠM VĂN TRỌNG

Vẽ bìa :

VĂN SÁNG

Sửa bản in :

PHẠM VĂN TRỌNG

Chế bản :

CÔNG TY CP THIẾT KẾ VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC

PHAN BỘI CHÂU - TÁC PHẨM CHỌN LỌC

Mã số: 8V710H9 - CPH

In 3.000 bản (QĐ 26), khổ 14,3 x 20,3cm. In tại Công ty Cổ phần In và Bao bì Đồng Tháp: 212 Lê Lợi - Phường 3 - Thị xã Sađéc - Tỉnh Đồng Tháp. Số in: 03. Số xuất bản: 90-2009/CXB/87-82/GD. In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2009.



VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

PHAN BỘI CHÂU

TÁC PHẨM CHỌN LỌC



Phan bội châu tp chọn lọc (ts)



0502100000022

32,500



Giá: 32.500đ